

Ngộ Đạo Đất Trời



Ông Tư bị ung thư và biết chắc không thể sống lâu hơn sáu tháng. Ông bình tĩnh chờ cái chết, và vui vẻ sống những ngày ngắn ngủi còn lại, mà không bị ai, không sợ hãi. Ông muốn sau khi chết, gia đình làm đám tang theo ý riêng của ông. Bà vợ nghe dặn dò cách thức làm đám tang kỳ dị, thì nói giọng buồn, với đôi mắt cầu khẩn:

- Em nghe nói ngày xưa ở Huế, người đàn bà đầu tiên đi xe đạp, bị cả thành phố phỉ nhổ, xem như là Me Tây, như kẻ phá hoại phong hóa nơi đất thần kinh. Cho đến khi chiếc xe gắn máy hiệu "Velo solex" ra đời, người đàn bà đầu tiên sử dụng, cũng bị xem như là thứ côn đồ, cao bồi du đảng, chẳng ai dám giao du thân mật. Đến như bà Thu, vốn là một công chúa, dù là con của vị phé đế, là người đàn bà có xe hơi, và lái xe hơi đầu tiên ở Huế, cũng bị thiên hạ nghi ngờ oan ức đến cái đức hạnh của bà, mà suốt đời không kiếm được một tấm chồng. Thế mà bây giờ, anh bảo em làm đám tang khác thiên hạ, không giống ai, thì chịu sao nổi lời tiếu đàm của bà con, họ hàng!

Ông Tư cười, nhìn vợ và nói :

- Cái gì cũng phải có khởi đầu, có người làm trước, về sau thiên hạ thấy hay mà làm theo. Không ai khởi đầu cả, thì làm sao có tiền lệ để mà bắt chước? Thời trước nếu không có cô, bà nào dám tiên phong leo lên xe đạp, thì bây

giờ đàn bà đi bộ cho rã căng ra. Ngày nay, còn có ai xì xầm khi thấy các cô, các bà đi xe đạp, xe gắn máy và lái xe hơi đâu?

- Sao anh bắt em phải làm cái việc khác đời, cho tội cho nghiệp em. Em đâu phải là hạng người thừa gan dạ, để có thể phớt lờ dư luận, khen chê của thế gian ?

Ông Tư trả lời với giọng rất bình tĩnh:

- Chỉ là ước mong nhỏ nhoi cuối cuộc đời của anh, mà em cũng không giúp anh được sao? Ai có nói gì, thì em cứ bảo đó là ý nguyện của anh trước khi chết. Mà có lẽ, mọi người đều biết anh muốn như vậy, em khỏi cần giải thích cho ai. Em không làm theo ý nguyện, anh chết không nhắm mắt, làm sao linh hồn siêu thoát? Như thế, em không sợ anh về quấy phá em mãi sao?

Nghe đến đây, thì bà Hoa tái mặt. Bà vốn sợ ma, sợ người chết, sợ bóng tối, sợ sự thiêng liêng. Bây giờ ông chồng còn sống, bà có thể lấn áp, bắt nạt ông được, chứ sau khi ông chết rồi, thì bà phải chịu thua, phải sợ ông. Ông Tư biết tính vợ, nên đem ma quỷ ra mà dọa trước, may ra sau khi ông chết, thì bà chịu theo lời ước nguyện của ông.

Nếu có ai biết ông Tư đang cận kề cái chết mà ái ngại cho ông, thì ông cười vui mà an ủi họ - chứ không phải là họ an ủi ông - rằng, nếu tin theo đạo Chúa, thì khi chết được về thiên đàng, ngồi dưới chân Chúa, sung sướng thế sao mà ai cũng sợ chết? Nếu theo đạo Phật, thì khi chết cũng sẽ về Tây Phương Cực Lạc, vĩnh cửu an bình, thì mừng vui chứ sao lại bi ai? Và nếu nói theo đức Đạt Lai Lạt Ma, thì cái xác thân ở trần gian, có thể ví như bộ áo quần ta mang, khi nó đã sờn cũ, xấu xí, rách rưới mục nát rồi, thì nên bỏ đi, mà mang bộ áo quần khác, đại ý nói đi đầu thai kiếp khác, mang thân xác mới hơn. Ông Tư nói với bạn rằng, thân xác ông bây giờ như cái quần đã

mục mông, rách đáy, không còn che được cái muốn che, thì phải bỏ đi, không xài nữa là hơn. Bởi vậy, ông bình tĩnh đón chờ cái chết cận kề. Khi biết ông bị ung thư sắp chết, thì phút đầu tiên, ông lặng người đi. Nhưng rất mau sau đó, ông nghĩ ra rằng bây giờ chỉ còn hai con đường để lựa chọn. Một là rầu rĩ bi ai, than thân trách phận, oán thán trời đất, làm cho những ngày ngắn ngủi còn lại trở thành u ám, khổ sở, muộn phiền. Hai là bình tĩnh chấp nhận điều không thể tránh được với thái độ tích cực, lạc quan, vui vẻ. Làm cho những ngày còn lại thành tươi vui, tốt đẹp và ý nghĩa hơn. Khi ra đi sẽ không có chút tiếc thương vương bận. Ông chọn con đường sau, nên không buồn bã, không hoang mang, không bi ai. Ông thấy cuộc đời bỗng đáng yêu hơn, đẹp hơn. Ông mở lòng vui vẻ đón nhận từng thời khắc, từng ngày còn lại. Mỗi sáng dậy, ông ca hát nhạc vui, và nói chuyện khôi hài cùng vợ con. Ông cố làm đẹp lòng mọi người, vì ông nghĩ rằng, sau khi nhắm mắt nằm xuống, thì dù có muốn tử tế với những người thân thương, cũng không còn làm được nữa. Ban đầu, vợ con, gia đình, ai cũng ái ngại, nên cư xử tế nhị, dè dặt, gượng nhẹ với ông. Về sau, thấy thái độ bình tĩnh của ông, mọi người quên đi chuyện ông sắp xa lìa cõi đời này, mà cư xử với ông không khác gì người bình thường. Đôi khi bị vợ gắt gỏng, bị con giận hờn, bị bạn bè to tiếng, ông không buồn giận, mà cảm thấy tức cười, và thấy thương họ hơn.

Ông Tư dặn thêm vợ rằng đừng đăng báo, không đăng cáo phó gì cả. Đừng làm rộn, bận trí bà con gần xa, buộc họ phải thăm viếng. Không nên để phiền ai phúng điếu chia buồn. Ông đưa tờ báo cho bà, và nói:

- Em nhìn vào mấy cái cáo phó này đây, đọc thấy buồn cười : Chúng tôi đau đón báo tin cho thân bằng quyến thuộc: Ông Nguyễn Văn Mỗ đã được Chúa gọi về vào ngày , tháng, năm, hưởng thọ 82 tuổi... Được Chúa gọi thì phải

vui mừng, sung sướng, chứ sao lại đau đớn báo tin ? Về với Chúa là khổ lắm sao? Có đi tù cải tạo đâu mà đau buồn? Đáng ra phải cáo phó bằng câu :

"Chúng tôi hoan hỉ báo tin cùng thân bằng quyến thuộc rằng, Ông Nguyễn văn Mỗ đã được Chúa gọi về vào ngày, tháng, năm,..". Và đây, một cáo phó khác, cũng "khóc báo" với thân bằng quyến thuộc là thân nhân chúng tôi đã về cõi Phật. Về cõi ma vương quỷ sứ mới khóc báo, chứ về cõi Phật, sướng quá, mà khóc cái nỗi gì?

Bà Hoa nhăn mặt nói :

- Anh đừng chi li bắt bẻ từng câu từng chữ . Đó là một lối nói thôi. Vì có ai biết chắc đi về đâu mà dám vui, buồn. Nhưng cứ cho là về thiên đàng, cực lạc, về với Chúa Phật, cho người sống an lòng. Không lẽ báo tin ông nội tôi được quỷ sứ rước đi rồi. Dù sống có gian ác đến đâu, khi chết cũng có quyền hy vọng về nơi lạc phúc, bình an.

Ông Tư lắc đầu nói tiếp :

- Em có thấy ông cụ Trương nằm liệt giường hai năm, không cử động được, như bị hành hình, cả nhà lao đao lận đận chăm sóc. Hai vợ chồng bác Thu con cụ, vì khổ nhọc quá, gây gổ nhau, gia đình suýt tan vỡ. Khi cụ mất, cả nhà thờ phào sung sướng cho cụ, và cho mọi người trong gia đình. Thế mà khi cáo phó, cũng đau đớn báo tin. Bà con bạn bè đăng báo chia buồn, cũng là vô cùng thương tiếc, vô cùng đau đớn. Tang gia mừng, mà bà con lại chia buồn. Bà con muốn cụ nằm đó mãi, để khổ thân cụ, khổ con cháu cụ lâu dài hơn nữa hay sao? Hay là họ không phải khổ cực chăm sóc cụ, không phải đau lòng khi thấy cụ nằm liệt ra đó, nên cụ chết họ buồn đau? Bởi thế, khi anh chết, anh không muốn cáo phó, không muốn ai phân ưu chia buồn. Chết cũng là một tiến trình của tự nhiên của trời đất, thì có chi mà phân ưu, chia buồn. Có ai sống mãi được?

Bà Hoa không đồng ý, nói lớn:

- Mất mát nào mà không đau buồn? Dù biết chắc rằng, ông cụ Trương chết là thoát được khổ đau đang hành hạ. Nhưng khi cụ mất, cả nhà cũng buồn vì mất cụ, mà vui vì cất đi được gánh nặng, bớt được mối thương tâm khi thấy người thân yêu của mình khổ cực nằm đó.

- Thế thì khi cụ mất, chắc hẳn cả nhà vui nhiều hơn buồn, mừng nhiều hơn tiếc. Không ai dám nói mừng khi thấy thân nhân mình chết, vì sợ thiên hạ hiểu lầm, tiểu đàm. Thế thì đừng giả dối, nói là đau đớn, tiếc thương, mất mát. Mất cái gì mới ngại, chứ mất cái khổ đau hành hạ, thì cầu cho mất sớm, mất đi càng nhiều càng mau, càng tốt. Anh nghe nói người Lào có quan niệm rất hay về lẽ sống sự chết. Khi trong gia đình có người chết, họ không bao giờ khóc lóc rầu rĩ, mà bình tĩnh an nhiên, chắc rằng họ đã thấm nhuần cái lẽ thâm sâu của Phật giáo, biết chết là giải thoát, rũ sạch nợ đời.

Bà Hoa hỏi:

- Hay là đời sống dân họ đau khổ lắm than quá, nên chết đi là khỏe chẳng? Chết là hết lo cơm áo, khỏi đói khát bệnh tật?

Bà Hoa nghĩ là ông Tư không thương bà đủ nhiều, nên cứ thản nhiên trước cái chết cận kề. Bà không biết làm sao chịu nổi cảnh cô đơn khi sống thiếu ông trên đời. Ông Tư thường nói với bạn bè rằng, rồi ai cũng phải chết. Không chết sớm thì chết muộn. Không chết lúc ba bốn mươi, thì bảy tám chín chục tuổi cũng phải chết. Cuộc đời, có thể ví như một đêm, không đi ngủ lúc chín mười giờ, thì mười hai giờ, một giờ sáng cũng phải đi ngủ. Nếu đêm không vui, thì tội gì không đi ngủ sớm cho khỏe, mà phải thức để nỗi buồn gặm nhấm. Nếu đêm nay đau răng thì cố thức làm gì, ngủ sớm đi mà quên đau. Nhiều người sống với thái độ như sẽ không bao giờ chết, cho nên tích tụ của cải, bao nhiêu cũng không vừa, làm nhiều điều không đúng, không phải. Bởi vậy, khi biết mình sắp chết, thì hốt hoảng khóc lóc, bi ai,

mà vẫn không tránh được. Nhiều vị vua chúa đời xưa cũng muốn sống đời, nên uồng thuốc trường sinh, mà ngộ độc chết sớm. Còn gia đình, thì thời gian đầu thấy thiếu vắng, mất mát, nhưng rồi sau cũng quen dần, vì phải lo lắng nhiều công việc khác trong một cuộc sống bình thường, không còn có thì giờ mà tiếc thương, mà bi ai. Phần người chết, buông tay là xong tất cả, bình yên vĩnh viễn. Không còn phải lo công việc làm ăn, lo cơm áo gạo tiền, không còn lo làm giàu, lo tích trữ của cải, không còn ghen tuông, giận hờn, không còn phải thức khuya học hành, hoặc viết văn làm thơ mệt nhọc, không còn theo đuổi mộng lớn mộng bé, không ưu tư dằn vặt vì thời thế, vì đất nước, quê hương... Bỏ hết. Tất cả cũng chỉ là tro bụi. Thiên hạ còn ngưỡng mộ, còn khen ngợi những anh hùng liệt sĩ trong lịch sử, nhưng chính các người này có còn biết gì nữa đâu? Cũng là một mớ xương khô mục nát, đâu có nghe, có cảm xúc, hân hoan, vui thú gì. Có ca ngợi, nhắc nhở thì để các thế hệ con cháu về sau noi gương người đi trước mà gìn giữ quê hương, mà sống cho đàng hoàng, cho nên người, đừng làm việc xấu xa đê tiện.

Ông Tư dặn vợ làm một đám tang đơn giản, không mở nắp hòm cho bạn bè thăm viếng nhìn mặt. Hát nhạc vui trong tang lễ, không khóc lóc, mà vui cười tự nhiên. Sau khi thiêu xong thì gói tro xương về quê nhà, đừng xây mộ, đừng đắp bia. Bà Hoa thì chỉ muốn làm giống như tất cả mọi người. Ai làm sao mình làm vậy trong khả năng tài chánh của gia đình. Bà không muốn làm khác ai, để họ có thể nghị dị, bàn ra nói vào, thêm thất thêu dệt. Nhưng bà cũng không nỡ từ chối ước nguyện cuối cùng của ông. Hai người con của ông bà, đứa con gái đầu thì tán thành, muốn làm theo ý kiến của bố, đứa con trai phản đối, vì sợ thiên hạ chê cười. Ông nói với con : Con nên vì bố, không nên vì thiên hạ. Ông Tư xin nghỉ việc, đi thăm bà con họ hàng, đến đâu ông cũng nói chuyện khôi hài, vui vẻ, nồng nân với bạn bè bà con,

thức đêm, uống rượu, hát hò, ngâm thơ, ăn uống không kiêng cử. Theo ông, thì kiêng cũng chết, mà không kiêng cũng chết, chết sớm hơn vài tháng, vài tuần, cũng chẳng nghĩa lý gì. Còn chẳng bao lâu nữa, kiêng cử làm chi cho khổ thân, cho đời mất đi một phần ý vị. Ông cho rằng, đã sống đến trên năm mươi tuổi là quá lời, quá đủ, không có gì để nuối tiếc. Thấy ông tươi vui, người biết ông có bệnh sắp chết, cũng quên mất là ông đang bệnh, người không biết bệnh trạng của ông, thì ông cũng không muốn nói ra làm gì. Ông đưa bà và hai con đi chơi một chuyến trên du thuyền. Ông tham gia các cuộc chơi tập thể trên du thuyền như hát hò, nhảy múa ca hát, tham gia các buổi hòa nhạc, uống rượu, cho đến khi mãn cuộc. Ông vui vẻ, bình tĩnh đến nỗi nhiều khi bà quên mất là vợ chồng không còn bên nhau bao lâu nữa.

Ông Tư chuẩn bị tinh thần cho vợ, cho con, để chấp nhận một sự thực không tránh được. Chấp nhận với sự bình tĩnh, sáng suốt, không vui vẻ nhưng không bi ai. Có người nói cho ông Tư nghe về kinh nghiệm của những kẻ đã chết thật rồi, mà sống lại nhờ sự màu nhiệm nào đó. Rằng khi chết, thì thấy mình đi vào một vùng ánh sáng lạ, rất hân hoan sung sướng, khoái cảm tràn trề. Bởi vậy, nên người đã trải qua cận tử, thì không còn sợ chết nữa, mà đón nhận như là một ân huệ của trời đất. Ông Tư không tin chuyện cận tử, vì ông vốn con người thực tế và lý trí, cái gì chưa kiểm nghiệm được thì chưa tin. Nhưng cho rằng, nếu được như vậy thì càng tốt. Nếu không được vậy, thì cũng thôi.

Cuộc đời ông Tư đã trải qua nhiều giai đoạn sướng khổ. Chưa xong đại học thì bị kêu đi lính, tham dự những trận chiến kinh hoàng, ngày đêm trấn đóng nơi ma thiêng nước độc, đã từng bị bắt làm tù binh, đã vượt ngục. Khi miền Nam thua trận, phải đi tù nhiều năm. Đã sống trong chế độ hà khắc kìm

khớp, bữa đói bữa no. Đã đi qua biển tìm tự do. Và ước nguyện rằng, được sống thêm một ngày trong xứ tự do, thì có chết cũng không có gì ỏ tiếc nuối. Thế mà ông đã sống thêm được nhiều năm trong một xã hội có tự do, dân chủ. Con người được pháp luật bảo vệ, tôn trọng. Ông biết ơn trời đất đã cho ông cái phần thưởng vô cùng quý giá đó trong nhiều năm qua.

Ông Tư chỉ là một người bình thường, có đủ cả tốt xấu. Có chút rượu chè, nhưng không ghiền và say sưa. Khi vui bạn vui bè, thì ai đến đâu, ông đến đó. Ông hòa đồng cùng đám đông. Thỉnh thoảng ăn nhậu cùng bạn bè, nói chuyện trời đất, vui chơi. Cờ bạc ông cũng có chút chút, từ xì phé, bài cào, cờ tướng, cờ vua, đi sòng bài. Nhiều khi ông xoa mặt chược cùng bạn bè, một mạch từ sáng thứ bảy cho đến chiều chủ nhật mới thôi, ai về nhà nấy để chuẩn bị cho ngày đi làm vào thứ hai. Ông không mê, không lạm, biết dừng lại đúng lúc, không phải khi thua cờ bạc thì nóng mặt cổ gờ, và gờ cho đến bán nhà. Trai gái ông cũng có, nhưng không làm hại đến ai, biết giới hạn của cuộc chơi. Không làm khổ vợ con, không gây khổ đau cho người khác phái. Thuốc lá, cà phê hàng ngày, ông không ghiền, nhưng cũng không bỏ hút thuốc. Ông Tư còn có chút máu nghệ sĩ. Ông thổi kèn hắc tiêu rất đạt, nên lâu lâu theo người bạn Mỹ gốc Phi Châu đến các hộp đêm thổi kèn chơi, không lấy thù lao. Ông có chân trong một ban nhạc tài tử, lâu lâu đi trình diễn ở các nơi công cộng. Ông Tư có sáng tác vài bản nhạc, nhưng không ai hát, và hát không ai nghe, không ai khen, nên ông không sáng tác nữa. Ông Tư cũng thích đọc truyện, đọc thơ. Ông cũng có làm thơ, nhưng bà Hoa là vợ ông, khuyên đừng để cho ai biết những bài thơ đó do ông viết, vì người sợ người ta cười lây cả bà. Ông nghe vợ chê, năn lòng, không muốn làm thơ nữa. Tuy nhiên, có nhiều khi cao hứng, không cầm được cảm xúc, ông cũng làm thơ chơi, và dấu kín, vì sợ vợ đọc được chê bai.

Một người bạn của ông Tư cũng thích thơ phú, thường cùng ông ngâm vịnh khi nhàn tản, một hôm nghe ông nói về quan niệm cuộc đời, lẽ sống và cái chết. Ông này ngồi nghe mà dờ ra, và nói:

- Bác chờ chút, tôi lục tìm bài thơ của một ông bạn tôi, sao mà ý tưởng của bác với ông kia trùng nhau, như cùng học một sách. Kỳ lạ ghê. Lần đầu đọc bài thơ này, tôi khoái quá, phải xin ông bạn cho tôi mượn, chạy ra phố, chụp lấy một bản, còn cất giữ đây.

Ông Tư cầm lấy bài thơ dài, vừa đọc vừa gật gù, đọc xong ông vỗ đùi sung sướng, nói:

- Tuyệt. Hoàn toàn giống hệt suy nghĩ của tôi. Bác đem tôi đến giới thiệu tác giả bài thơ này đi. Bác xem đây, đâu phải một mình tôi suy nghĩ khác đời đâu. Có nhiều người cùng một ý nghĩ, nhưng không dám nói ra, không dám thi hành. Đúng như cụ Nguyễn Công Trứ có viết là chỗ ta ngồi hiện tại, người xưa đã ngồi rồi. Tôi đốt chữ Hán, nhớ mang máng hình như là Ngã kim nhật tại tọa chi địa, cổ chi nhân tần tiện ngã tọa chi . Mấy ông Tây cũng từng viết là dưới ánh mặt trời này, không có cái gì mới cả. Những suy nghĩ của tôi về cái chết, sự sống, người xưa cũng đã viết nhiều, tàng ẩn bàng bạc trong kinh Thánh, kinh Phật. Ngày xưa khi còn nhỏ, bố mẹ tôi gởi tôi vào học nội trú trường đạo Thiên Chúa, mỗi ngày mỗi đêm đều đọc kinh Thánh. Hồi đó tôi không hiểu hết ý nghĩa của kinh, tôi tưởng lầm đọc kinh là ngày đêm kêu gào sự xót thương của Chúa. Tuổi trẻ ngu muội và nông cuồng nên tôi không có cảm tình với chuyện kinh kệ, nhưng khi lớn lên, đọc lại kinh Thánh, tôi thấy hay quá ông ạ. Lời kinh an ủi, vỗ về con người trong khổ đau, trong bước đường hoạn nạn, khi gặp cam go chìm nổi, tìm được yên bình để chịu đựng mà hy vọng qua khỏi nghịch cảnh .

Ông bạn cười, nói:

- Tôi thấy nhà bác thờ Phật, mà lại nói chuyện Chúa rành rẽ. Bác có theo đạo Cao Đài hay không?

- Không phải đạo Cao Đài, nhưng Phật Chúa gì cũng hoan nghênh. Bà xã tôi vẫn thường đi chùa. Ngày xưa khi còn trong quân đội, đóng quân giữa núi rừng, mẹ tôi gởi cho mấy bộ kinh Phật, không có sách vở, báo chí, buồn mà đọc chơi. Không có tâm tu hành, nhưng đọc mãi, nó thấm vào trong tư tưởng lúc nào không hay. Bởi vậy, tôi có quan niệm rất rõ ràng về sự sống, cái chết, và bình tĩnh đón nhận như một lẽ thường của trời đất, tạo hóa.

Hai người đang nói chuyện, thì có bà bạn ghé chơi. Bà này yêu cầu ông Tư và bạn ông đóng tiền để mua đất chôn cất và xây mộ cho một người đồng hương Việt Nam nghèo mới chết. Gia đình không đủ tiền để làm ma chay và mua đất chôn ở nghĩa trang. Ông Tư móc ví, đóng ba chục đồng, và nói:

- Kêu gọi thì tôi đóng tiền, chứ thực tình trong lòng tôi nghĩ khác. Chết thì hỏa thiêu là đẹp nhất, tốt nhất và lại vệ sinh. Chôn xuống đất cho dòi bọ nó rúc rĩa, cho sinh thối chứ có được gì. Một vụn cái xác, mới có được một cái không thối rữa, mà cũng khô đét nằm nhăn rãnh ra, hôi hám xấu xí. Nằm chật chội trong tối tăm âm u, dưới đất lạnh lẽo, chứ có sung sướng gì đâu. Rồi lâu ngày, thịt da cũng rữa, xương cũng mục. Được bao nhiêu năm? Mà cứ nghĩ kỹ xem, nếu mỗi người chết phải có một nắm mồ chùng hai thước vuông, thì trên thế giới này từ triệu năm trước đến nay, và nhiều triệu năm sau nữa, tỉ tỉ người đã chết và sẽ chết, lấy đâu ra đất mà chôn. Không lẽ cả thế giới này chẳng còn một tấc đất mà trồng trọt, nhin đói chết hết sao?

Nhiều xứ văn minh hiện nay, người ta thiêu xác. Bên Nhật, bên Tàu, Ấn Độ và nhiều xứ khác nữa, người chết được hỏa thiêu. Đạo Phật chính tông, thì các tăng ni đều được hỏa táng, nhưng những người theo đạo Phật nửa vời, thì lại chôn cất. Bày đặt ma chay linh đình cho thêm tốn kém.

Bạn ông Tư hỏi:

- Có phải người theo đạo Chúa không dám hỏa táng? Nghe đâu họ tin có ngày phán xét cuối cùng, và được sống lại. Bởi vậy nên phải giữ thân thể, không muốn thiêu tan thành tro bụi.

Ông Tư cười lớn nói:

- Chờ đến ngày phán xét cuối cùng, thì sắt đá cũng đã mủn ra tro bụi, nói chi đến cái thân xác mong manh? Có lẽ những kẻ mê tín, kém hiểu biết, diễn dịch sai ý nghĩa của kinh Thánh chẳng? Mà dù cho xương cốt có còn, thì cũng chỉ là bộ xương cũ mục, làm sao mà sống lại trên bộ xương đó được?

- Nghe đâu các nghĩa trang cũng chỉ bán đất trong vòng một trăm năm thôi- Bà bạn bàn thêm - Sau một trăm năm thì không biết họ có đào lên, đem chôn ở hố tập thể, hoặc đem thiêu đốt đi chẳng? Nhưng khi mua đất chôn, thân nhân, không nghe ai nói đến điều này. Mà dù cho chủ nghĩa trang có hứa miệng là bán đất vĩnh viễn, thì sau một trăm năm, họ đào bỏ đi, cũng chẳng ai hoài công đi kiện. Lời hứa trăm năm trước con cháu không nghe, không còn chứng cứ, cả người hứa hẹn lẫn người nghe hứa hẹn, đã chết từ lâu. Mà có lẽ con cháu cũng vì lo làm ăn, sinh kế, đi tứ tán, không ai còn đoái hoài chi đến mấy ngôi mộ của tiền nhân trong các nghĩa trang đây đó.

Bạn ông Tư nói:

- Trong phim tài liệu về Tây Tạng, ở đó đạo Phật là quốc giáo, ông Phật sống cai trị dân như vua. Khi có người chết, thì họ quàng dây kéo lê lên núi, sau đó mấy ông chuyên môn chặt xác chết ra nhiều khúc, và ném cho chim kên kên ăn. Trông khiếp lắm. Không biết họ làm như thế, có đau lòng thân nhân ? Rõ như câu nguyên rủa ở xứ mình là chim tha quạ rĩa.

- Chẳng có đau lòng chi cả - Ông Tư bàn thêm - Bên đó toàn đá núi cứng. Muốn đào đá ra làm huyết mộ cũng quá cực khổ. Thân nhân người chết, dẫu có muốn chôn cất đến mấy cũng không ai làm nổi việc đó. Cho chim ăn là

tiện nhất. Có điều, không biết làm sao chim kên kên không lây bệnh người chết, biết bao nhiêu là bệnh nan y, vi trùng, vi khuẩn. Bởi thế, nên tôi cho hỏa thiêu là sạch sẽ và tiện lợi nhất.

Câu chuyện bàn rộng đến phong trào Việt Kiều về quê xây lăng mộ cho thân nhân, cho tổ tiên, đến nỗi có nhiều làng thi đua xây cất cho nguy nga, cho to lớn. Thấy lăng mộ người khác lớn hơn, thì đập cái cũ ra, xây lại cho lớn, cho đồ sộ hơn. Có nơi người ta đặt tên là Làng Ma, vì toàn cả lăng mộ. Ông Tư cho rằng, xây lại mồ mả cho tổ tiên để báo hiếu, cũng là một hành động tốt, không có chi sai trái. Nhưng thi đua nhau xây và xây cất có tính cách phô trương thì chỉ làm trò cười cho thiên hạ. Liệu những phần mộ kia đứng vững được bao nhiêu năm, và còn được con cháu chăm sóc đến bao giờ? Rồi cũng có ngày trở thành hoang phế, chẳng ai đoái hoài đến, mà mục rữa với thời gian. May ra, những nơi thiêng liêng như đền quốc tổ Hùng Vương, lăng mộ các bậc anh hùng giữ nước, dựng nước, mới được con cháu tiếp tục tu sửa chăm nom. Thế mà cũng có còn tả tơi, tàn tạ, không ai chăm nom. Huống chi mình, là thứ thường dân, vô danh tiểu tốt, chưa làm được gì. Chưa kể những kẻ là tội đồ của dân tộc, bày đặt xây lăng ướp xác, như các ông lãnh tụ cộng sản từ Âu sang Á, từ từ rồi mồ mả cũng bị phá bỏ, san bằng. Bởi thế, ông Tư dặn vợ con đừng xây mộ, tạc bia cho ông làm chi.

Ông Tư mượn bài thơ của ông bạn về đánh máy và sắp xếp lại cho đẹp, in ra nhiều bản, phóng ra một bản lớn, để dành khi ông chết sẽ sử dụng.

Chỉ bốn tháng, sau khi được báo tin ung thư, ông Tư qua đời mà không đau đớn nhiều, không dùng hóa học trị liệu trước khi chết. Có người mách cho ông nhiều loại thuốc ngoại khoa, ông cũng dùng thử. Trong giới bạn bè thân

ình, có người nói là ông Tư đã tự chọn lấy con đường ra đi nhẹ nhàng, không để bệnh hoạn hành hạ trước khi chết. Ông Tư thường đùa rằng, còn nước thì còn tát, biết là dù có tát thì thuyền cũng chìm, thì quẳng gàu đi cho đỡ mệt trước khi thuyền chìm.

Bà con bạn bè đến viếng tang ông Tư tại nhà, khi bước vào cổng, họ cố sửa soạn lại bộ mặt cho có vẻ buồn rầu, nghiêm nghị, để hợp với cảnh tang ma, dù trong lòng họ không có chút bi ai nào. Nhưng họ nghe có tiếng nhạc vui đang rộn rã văng ra từ bên trong, hòa với tiếng nhạc là tiếng cười vui vang vang, tiếng ồn ào. Người nào cũng giật mình, vội vã xem kỹ lại số nhà, sợ đi lầm .

Vào nhà, mỗi khách viếng tang được phát một tờ giấy màu hồng, bên trên ghi bài thơ Khi Tôi Chết . Bài thơ cũng được chụp phóng lớn, dán trên tấm bảng che kín cả một bức tường. Khách và chủ đang vui vẻ chuyện trò, cười đùa. Không thấy quan tài ông Tư đâu cả. Trên bệ thờ có cái ảnh ông Tư phóng lớn, miệng cười toe toét, tóc bù gió lộng. Trước tấm ảnh có cái hộp vuông chứa tro xương của ông Tư. Tiếng nhạc vui vang vang từ máy hát. Bài thơ in đậm nét:

Khi Tôi Chết

Khi tôi chết, viếng tang đừng buồn bã

Cười cho to, kể chuyện tếu vui đùa ,

Trong sáu tấm biết chắc tôi hả dạ,

Lên tinh thần, ấm áp buổi tiễn đưa,

Nếu làm biếng, cứ nằm nhà thoải mái

Viếng thăm chi, vài phút có thêm gì ?

Mắt đã nhắm. Lạnh thân. Da bầm tái .
Dầu bôi son, trát phấn cũng thâm chì .
Tôi đi trước, hẹn gặp nhau ở đó,
Ai thay da mãi mãi sống trăm đời .
Kẽ trước người sau, xếp hàng xuống mộ
Biết đâu là khởi điểm cuộc rong chơi .
Nếu có khóc, khóc cho người còn lại,
Bồi từ nay thiếu vắng nỗi đầy vơi .
Cũng mát mát, dáng hình , lời thân ái
Tựa nương nhau, huyệt hẫng giữa đất trời .
Đừng đăng báo, phân ưu lời cáo phó
Chuyện thường tình, phí giấy có ích chi ?
Gởi mua gạo, giúp người nghèo đói khó
Dịu đau buồn những kiếp sống hàn vi,
Trỗi nhạc vui cho người người ý thức,
Cuộc nhân sinh sống chết cũng tương đồng,
Khi nằm xuống, xuôi tay và nhắm mắt
Thì đau buồn hạnh phúc cũng hư không .
Đừng xây mộ, khắc bia ghi tên tuổi
Vài trăm năm hoang vắng, chẳng ai hoài .
Vũ trụ vô cùng, thời gian tiếp nối,
Tỉ tỉ người đã chết tự sơ khai
Khi tôi chết đừng ma chạy đình đám,
Hỏa thiêu tàn, tro xác gởi về quê
Dầu bốn biển, cũng là nhà, bầu bạn
Trong tôi còn tha thiết chút tình mê
Thì cũng C, H, O, N kết lại

*Nắm tro xương hài cốt khác nhau gì
Nhưng đất mẹ chan hòa niềm thân ái
Cho tôi về, dù cát bụi vô tri .*

Khi đọc xong bài thơ, có người thì mỉm cười, có người vui hẳn, và nói chuyện oang oang. Họ cho rằng bài thơ đã nói hết ý nguyện của người chết. Người chết không muốn bạn bè buồn rầu, thương tiếc, thì việc chi mà lại làm bộ, gượng gạo tạo ra nét buồn khổ trên mặt . Vợ con người chết cũng không tỏ vẻ buồn rầu, mà cũng không hờn hở. Không một tiếng khóc lóc, thở than. Nhạc vui vẫn dồn dập phát ra từ máy vang dội. Khi khách đã đến chật nhà, và đúng giờ cử hành tang lễ, bà vợ ông Tư và đứa con trai mang áo quần trắng đứng chấp tay bên bàn thờ, cô con gái đứng bên tấm ảnh ông, cầm máy vi âm nhỏ mỉm cười và nói:

-Thưa các cụ, cô bác chú dì, bà con bạn bè thân thiết xa gần, chúng tôi xin cảm ơn quý vị đã có lòng đến viếng tang Ba chúng tôi. Tang lễ này làm theo ý nguyện của người quá cố. Không làm tang lễ theo tục lệ bình thường, vì sợ trái với ước vọng cuối cùng của Ba chúng tôi. Chúng tôi xin nhận lấy mọi lời trách móc nếu có từ bà con bạn bè. Ba chúng tôi đã bình tĩnh và vui vẻ đón cái chết như một sự trở về không tránh được . Trong những ngày cuối của cuộc đời, Ba chúng tôi rất vui, chuẩn bị kỹ cho gia đình và cho chính ông. Ông đã dặn dò chúng tôi, không nên khóc lóc, không nên buồn rầu, vì sự thực không có chi đáng buồn cả. Ông dặn chúng tôi vắn cuộn băng sau đây cho bà con cô bác nghe.

Người con gái đến bên bàn thờ, bật máy , có tiếng ông Tư cười hăng hắc vui vẻ, làm một số người không cầm được, cũng cười theo. Một vài bà yếu bóng vía sợ xanh mặt. Sau tiếng cười chào, thì có tiếng ông Tư đọc bài thơ dán

trên tường, giọng đọc rất chậm rãi, rõ ràng, như đang nói chuyện thủ thủ với bạn bè. Mọi người im lặng lắng nghe, người thì nghiêm trang, người thì mỉm cười. Giọng Huế của ông Tư đọc chậm và ngân dài những đoạn ông đặc ý : Tôi đi trước, hẹn gặp nhau ở đó . Ai thay da mãi mãi sống muôn đời, Kẽ trước người sau xếp hàng xuống mộ, biết đâu là khởi điểm cuộc rong chơi. Cuối cùng, có một tràng cười ha ha của ông Tư để chấm dứt bài thơ. Sau bài thơ, có ba ông người Mỹ, hai ông da đen, một ông da trắng, cầm đàn và kèn thổi lên mấy khúc nhạc vui, các ông nhún nhảy uốn éo, nhiều lúc dậm chân xuống sàn. Ba ông cùng lúc lắc, làm hàng một, đi quanh phòng khách, như múa lượn trước bàn thờ ông Tư. Những ông này, là bạn chơi nhạc với ông Tư tại các quán ca nhạc ban đêm.

Bỗng nhiên, bà chị ông Tư nhào ra, lăn lộn trước bàn thờ mà khóc lóc gào lớn:

- Cậu Tư ơi là cậu Tư. Chúng nó đem cái chết của cậu ra mà bêu rếu họ hàng. Vợ cậu muốn đi lấy chồng sớm nên bày ra cái cảnh chướng tai gai mắt này. Con cậu cũng là thứ bất hiếu bất mục, cha chết mà không có một giọt nước mắt, còn cười nói lung tung. Chỉ có tôi là chị cậu, thương cậu thật tình thôi, ruột đứt lòng đau, nên khóc than đây.

Ông chồng chạy đến ôm bà kéo ra, và nhỏ nhẹ giải bày. Bà vùng vằng và càng khóc lớn hơn, xỉ vả bà Tư những câu tục tữ nặng nề. Bà Tư ôm mặt khóc lóc. Bà chị chồng nói lớn: Mai một chúng mày chết, bà đến phóng uế lên hòm chúng mày. Nhiều người bà con đến phụ ông chồng lôi bà chị ông Tư ra xe chạy đi.

Khách viếng tang lặng ra, và có người lẳng lặng ra về không chào hỏi ai, vì sợ gia quyền ngượng ngùng. Cô con gái ông Tư đứng ra xin lỗi mọi người vì

chuyện không may, không vui vừa xảy ra.

Một bạn thân của ông Tư, quen nhau từ thuở trung học, đại diện bà con, đến trước bàn thờ, vỗ vào hộp tro xương, cười ha hả và nói:

- Tư ơi, ông là số một rồi đó, chả có ai bằng ông. Ông hiểu tận tường lẽ huyền vi của tạo hóa. Sống cũng vui, mà chết cũng vui. Sống cũng dám làm, mà chết rồi cũng dám làm, và làm được. Tôi cũng ước mong rằng, sau khi chết, vợ con làm cho tôi một đám tang như thế này, thì vô cùng sung sướng. Tưởng ông nói đùa chơi, ai ngờ làm thật.

Một vị mục sư là bạn thân của gia đình, cũng đến trước bàn thờ, và đoan chắc rằng bây giờ ông Tư đã được về với Thiên Chúa. Ông cho rằng thái độ của ông Tư trước cái chết rất sáng suốt, đáng khâm phục, và đáng được mọi người noi theo. Một vị sư già, có bà con họ hàng với ông Tư, đã từng viết nhiều sách Phật và rao giảng đạo từ bi, nói trước linh vị :

- Bàn đạo không cần đọc kinh cầu siêu cho thí chủ. Bởi linh hồn thí chủ đã thực sự siêu thoát trước khi chết. Thí chủ không vướng bận cõi trần, không hệ lụy vào cái thân xác tạm bợ. Thanh thản ra đi như kẻ đi chơi, thông dong, dễ dàng. Thí chủ đã hiểu thấu đáo cái lẽ vô thường trong đạo pháp.

Mọi người ra về, lòng nhẹ nhàng, tưởng như đi trong mơ. Từ phía nhà ông Tư, còn vang vọng nhạc vui đưa tiễn đám tang khách.

Sau tang lễ, bà Hoa vợ ông Tư thở phào. Bà vui mừng vì đã làm được đúng lời căn dặn của chồng mà không bị tai tiếng. Bà chỉ sợ tai tiếng thôi. May mắn, đa số bà con đều tán thành nghi thức tang lễ, và nếu không tán thành, họ cũng im lặng, chỉ có bà chị ông Tư gây rắc rối thôi.

Năm tro xương của ông Tư được vợ con gói kỹ bốn năm lớp, bỏ vào hộp bằng chất nhựa dày, để cho khỏi vỡ, rồi gửi bảo đảm về Việt Nam. Chiếc xe chở hàng của hãng vận chuyển bị tai nạn trên đường ra phi trường. Xe rơi từ cầu xa lộ cao ba tầng xuống đất, thùng xe vỡ nát, hàng hóa tung vung vãi, rách nát, cháy xém. Anh tài xế gãy hết tay chân và xương sống, hấp hối. Người ta đồn rằng anh tài xế buồn vì bị vợ cấm sùng, đã uống rượu say xỉn, không điều khiển được tay lái. Cái hộp tro xương của ông Tư bị rách và cháy xém mất một phần địa chỉ, được gửi lầm đi ngao du qua xứ Namibia bên Phi Châu. Cô con gái ông Tư hỏi tin tức bên nhà hàng ngày, qua liên mạng máy vi tính, về cái hộp tro xương, mãi đến hai ba tháng vẫn chưa nhận được. Bà Hoa viết nhiều thư khiếu nại hãng chuyên chở. Họ trả lời là sẽ bồi thường cho bà hai trăm sáu mươi tám đồng. Bà Tư khóc lóc, thuê luật sư đâm đơn kiện. Sáu tháng sau, nhờ còn có địa chỉ người gửi, nên cái hộp tro xương được hoàn trả cho gia đình, với ghi chú là không có địa chỉ người nhận. Bà Hoa mừng ôm cái hộp mà khóc ròng.

Lần này, bà Hoa quyết định tự tay đem hộp tro xương ông chồng về tận Việt Nam. Bà sợ thất lạc thêm lần nữa, thì tấm lòng hoài.

Tràm Cà Mau

Tràm Cà Mau

Bạn cũ năm mươi năm

(Chuyện kể của ông Hai)

Dạo đó, tôi vừa mới trở mã, bẻ tiếng, tay chân tự nhiên dài ngoẵng ra, áo quần thành ngắn cùn cớn. Tôi vụng về, ngơ ngác, làm cái gì cũng hư hỏng, má tôi cứ la rầy mãi. La rầy để quở trách mà cũng chan chứa tình yêu thương. Tôi ăn cái gì cũng ngon, đặt lưng xuống đâu cũng ngủ được say sưa. Thời này, đệ nhị thế chiến vừa chấm dứt, nước Pháp đem quân trở lại Việt Nam để tái lập nền đô hộ cũ. Toàn dân đứng lên kháng chiến, cầm tầm vông vạt nhọn đánh nhau với Tây. Khí thế đùng đùng. Cũng như mọi thanh niên khác, tôi tham gia kháng chiến. Nói là đánh nhau với Tây, nhưng chạy thì nhiều hơn, vì lò ô vạt nhọn không cự nổi với súng ống của Tây.

Tôi bị Tây bắt lẳng xẹt khi đang ngủ giữa ban ngày. Bị trói ké, đem về giam tại thành phố. Trong trại giam, mỗi ngày phải đi làm lao động vệ sinh, dọn rác, quét lá, lấp các vũng bùn lầy, khai mương. Tôi làm quen được một ông lính kèn, mỗi ngày mượn cái kèn thổi tò te làm khô lỗ tai mấy ông lính Tây chơi. Không có chi chói tai bằng nghe mấy anh tập kèn cứ ọ ẹ từ giờ này qua giờ kia mãi.

Tập hoài rồi cũng thổi được. Một lần cao hứng tôi thổi khúc kèn báo hiệu tan giờ làm việc, tiếng kèn vang vọng, rõ ràng, làm mấy ông Tây tưởng đã hết

giờ, rủ nhau ra về. Tôi bị phạt giam đói, và anh lính kèn cũng bị khiển trách, không cho tôi mượn cây kèn nữa. Nhưng sau đó hai tuần, tôi được cho ra khỏi tù. Họ phát cho tôi áo quần lính, và sung vào đội thổi kèn. Ban quân nhạc của Tây. Nhờ có một chút hiểu biết về âm nhạc Tây Phương, tôi học nhạc cũng khá dễ dàng, không như các ông bạn khác. Khi tập thổi kèn mà chơi, thì tôi cảm thấy vui, ham thích, thú vị, nhưng khi phải tập kèn vì bắt buộc, thì thật là chán nản, mệt nhọc, bực mình. Ông trung sĩ chỉ huy đội quân nhạc không vui, vì đã chọn lầm người. Trước đó, ông tưởng tôi có năng khiếu đặc biệt về âm nhạc, nên đề nghị tuyển dụng. Về sau ông thường nói lời an ủi rằng, thiếu chó thì bắt bất cứ con gì ăn phân cũng được, miễn sao biết ăn phân thì thôi. Nghe ông nói vậy, tôi cũng tự ái, và bực mình. Thường thường, thì đội lính kèn được nhàn hạ. Mỗi ngày, mấy xuất thổi kèn báo hiệu buổi sáng thức dậy, như con gà gáy sáng, bao giờ làm việc, bao giờ nghỉ, giờ tan sở. Báo hiệu thật đúng giờ. Thế thôi. Còn ngoài ra thì chơi cờ, tán dóc, trêu ghẹo nhau, nhưng không được bài bạc. Mỗi sáng tiếng kèn vang vang: “ Tọ tề ti tọ tề ti.. ti tọ ti tề... “ Mà lũ con nít chuyển âm thành: “ Một ngàn, ba mươi vạn thằng Tây, xách cái bị, đi ăn mày. Mụ đi đâu tui bắt mụ lại, tui không cho mụ về.” Nghe y hệt tiếng kèn đồng.

Trong đám lính kèn, tôi chơi thân với Tư Thành, vì anh cùng tuổi, cũng độc thân và cùng hoàn cảnh như tôi, bị Tây bắt và sung vào đội quân nhạc. Chúng tôi thường rủ nhau đi xem hát ban đêm. Chúng tôi biết và thuộc lòng tên đào kép của các gánh cải lương, hò quảng. Nhiều lần, Tư Thành thổ lộ ước mơ của anh là được vào làm việc cho gánh cải lương, làm kép độc, nhờ đó, mà anh có thể mùi mẫn với các cô đào đẹp như tiên kia. Anh không có tham vọng được nổi tiếng, chẳng cần được khán giả mê mẩn, chỉ mong gần gũi cái nhan sắc của các cô đào thôi.

Có lần, tôi nhặt được tấm ảnh của một cô gái nào đó. Hình chụp rất điệu,

ngón tay trở tựa má, hai cái núm đồng tiền lún sâu rất duyên, mặt sáng và tươi, mắt ướt rượt. Có lẽ bên ngoài đẹp mê hồn. Tôi đưa tấm ảnh cho Tư Thành xem, và bảo rằng đó là con Mười, em gái tôi ở Long Xuyên mới gửi lên. Kể từ khi thấy tấm hình này, Tư Thành nể nang tôi lắm. Tôi có thể sai Tư Thành làm những việc mà trước đây anh không bao giờ làm giúp. Tôi mượn tiền anh dễ dàng hơn, mà anh bớt nhăn nhó khó chịu. Tôi lờ mờ biết Tư Thành mê cô gái trong tấm hình, và hy vọng được lòng tôi, thì sẽ được lòng em tôi. Vốn tính nhút nhát, nên Tư Thành không bao giờ dám hỏi thẳng về em tôi. Chỉ một lần, anh đánh bạo hỏi tôi khi nào về thăm nhà, và có thể cho anh đi cùng, về chơi có được không. Tôi đáp rằng dĩ nhiên là được, và sẽ mời anh ở lại nhà vài hôm. Nghe vậy, Tư Thành sượng đến đỏ cả mặt. Sau này, tôi cho Tư Thành tấm ảnh đó, anh cất kỹ trong ví, lâu lâu mở ra xem mà mơ mộng. Buổi sáng, tôi và Tư Thành thường hay ăn cháo trắng với hột vịt muối của cô Năm Cháo Trắng bán, cô này có nước da ngăm ngăm, duyên dáng. Hàng cháo gánh, ngồi chồm hồm ăn, hoặc ngồi trên các đòn gỗ thấp sát đất. Có nhiều anh lính trêu ghẹo, tán tỉnh cô, nhưng khi nào cô cũng vui vẻ, tươi cười, không làm mất lòng ai. Tôi cũng khoái cô này, thường giả vờ hết tiền, ăn thiếu nợ. Đến tháng lãnh lương, thì trả, nhưng không trả hết, khi nào cũng xin khát lại một ít. Cứ nợ cô, thì cô phải nhớ đến số tiền nợ. Nhớ đến số tiền nợ, thì phải nhớ đến người mắc nợ, tức là cô phải nghĩ đến mình. Cái mưu kế này, tôi nghe được trong một tiệm hớt tóc mà mấy anh thủy thủ kháo nhau. Tôi có bày mưu này cho Tư Thành, mà anh không chịu nghe theo, cứ sòng phẳng trả hết tiền, không bao giờ chịu thiếu một xu. Một hôm tôi rủ Tư Thành đi xem cải lương, anh viện có bận việc, tôi đi một mình. Khi ngồi trong rạp, nhìn xéo qua bên kia, thì tôi thấy Tư Thành và cô Năm Cháo Trắng đang ngồi bên nhau. Tay Tư Thành đưa lên chỉ trỏ, như đang giải thích gì đó. À thì ra Tư Thành đã bí mật phỗng được cô hàng cháo,

mà anh em không ai hay biết. Tôi tránh mặt cho Tư Thành làm ăn được tự nhiên.

Hôm sau, gặp Tư Thành, tôi làm bộ giận, mà thực ra thì tôi cũng hơi ghen tức. Tôi thì đặt mưu tính kế, mà chẳng được com cháo gì, Tư Thành cứ tự nhiên, thì vợ được cô hàng cháo. Tôi cứng giọng, nói với Tư Thành:

“Mày phản bội em tao. Trả tấm hình con Mươi lại cho tao. Tưởng mày đang hoàng, thì ra...”

“Tao làm gì mà gọi là phản bội?”

“Mày còn giả vờ? Hồi hôm mày đi đâu? Làm gì? Với ai? Có chối được không?”

“Ai nói với mày?”

“Chính mắt tao thấy. Tao để yên cho chúng mày hú hí. Chối tội làm chi?”

Tư Thành bẽn lẽn móc ví trả tôi tấm hình cô gái có hai cái núm đồng tiền.

Anh có vẻ tiếc lắm. Cuối cùng anh nói:

“Em gái mày đẹp như thế này, thì chán chi người dòm kẻ ngó. Tao làm gì mà vói thầu. Trả hình lại cho mày là phải.”

“Mày định bắt cá hai ba tay sao? Con Năm Cháo Trắng cũng có duyên lắm đó chứ!”

“Ừ. Có duyên. Hồi hôm, em thú thật với tao em là ‘đầu gà đít vịt’ Mày thấy da em ngăm ngăm không?”

Tôi hỏi Tư Thành làm sao mà câu được em Năm Cháo Trắng? Trong lúc tôi bày mưu tính kế mà không được em đáp ứng. Tư Thành cho rằng tôi ngu, đàn bà con gái không ưa những người bê bối, mang nợ mắc nần. Sau này về làm chồng quen thói nợ nần, ai mà chịu nổi. Thì ra, tôi nhẹ dạ tin vào mưu kế tào lao của mấy anh thủy thủ gà mờ.

Từ ngày trả lui cho tôi tấm hình cô gái có núm đồng tiền, Tư Thành không còn nể nang tôi như trước kia nữa. Tôi biết mình ngu, đòi lại tấm hình,

chẳng ích gì, nhưng đã lỡ rồi, tiếc cũng không được.

Tôi thường ứng trực thế cho Tư Thành, để anh có thì giờ đi chơi với cô Năm Cháo Trắng. Bởi vậy, sau này cô thường móc cho tôi những tô vun, cháo muốn tràn ra ngoài. Từ đó, tôi không bao giờ thiếu nợ cô nữa.

Thường thường, Tư Phàn và tôi trốn trại đi xem đá gà ở xóm trong. Thiên hạ đánh cá ồn ào. Chúng tôi cũng thường bắt độ, khi ăn khi thua, mà thua thì nhiều hơn ăn. Những khi ăn tiền cá độ, chúng tôi dắt nhau đi ăn nhậu vui vẻ, ăn thậm cả tiền túi. Khi thua, thì hai đứa lủi thủi ra về, phải vay mượn tiền bạn bè để gỡ gạc. Có hai lần bị cảnh sát bố ráp, cả phường đá gà bỏ chạy, chúng tôi cũng sợ bị bắt, chạy trốn, cho nên mất luôn tiền cá độ. Từ đó, chúng tôi tìm ra một cách đánh cá khác, mà chủ cá độ không móc được của chúng tôi một xu. Hai đứa tôi đánh cá riêng với nhau, đứa này được, thì đứa kia thua. Chúng tôi gọi là lột sàng xuống nia. Và sau cuộc đá gà nào, chúng tôi cũng có buổi ăn nhậu, vì một trong hai đứa thắng cuộc. Thời trước Tư Thành có nuôi gà đá, nên nhiều kinh nghiệm, cứ nhìn vóc dáng bên ngoài, là biết ngay con gà có phong độ hay không. Thế là nợ Tư Thành một số tiền bằng nguyên cả tháng lương. Nợ ít ít, thì còn nghĩ đến chuyện thanh toán, nợ nhiều quá, không còn muốn trả nữa. Tôi cứ khát mãi, và đến tháng lãnh lương cũng không trả bớt nợ cho Tư Thành. Từ đó, giữa tôi và Tư Thành có cái gì lẩn cẩn, tình bạn không còn như trước nữa. Tôi không dám ăn tiêu khi có mặt Tư Thành, sợ bị hỏi nợ. Không phải tôi muốn giựt nợ, nhưng tôi tự bảo lòng, khi nào tiền bạc dư dả, thông thả mới trả.

Một lần, Tư Thành thấy tôi nói chuyện thân mật, cười nói với một cô nữ quân nhân. Giữa chỗ đông người, Tư Thành hướng về tôi mà nói lớn:

“Sao mày nợ tao một tháng lương, lâu quá mà chưa trả? Phải vay mượn mà trả chứ?”

Tôi bị mất mặt trước đám đông, phát cáu, giận đỏ mặt. Tôi nghiến răng trả

lời:

“Mày còn đòi tiền nợ, thì tao đục cho trào máu.”

Tư Thàn lảng đi nơi khác, mà tôi thì cũng không hết giận, định đi theo gây sự thêm. Vì một món nợ đá gà, mà chúng tôi mất tình bạn.

Sau năm 1954, Tây rút về nước, chế độ Cộng Hòa được thành lập tại miền Nam. Chúng tôi được giải ngũ, về đời sống dân sự. Tư Thàn đem vợ là cô Năm Cháo Trắng về quê làm ăn. Tôi ở lại thành phố, làm đủ thứ việc, đủ sống qua ngày, nhưng vì con đông, cho nên khi nào cũng thấy thiếu thốn. Mười mấy năm sau khi giải ngũ, một hôm tôi lái xe chuyển kinh sách cho hội Thánh Tin Lành về miệt Long Xuyên, trên đường trở về, chiếc xe làm nư, chết máy giữa đường, không biết làm sao mà sửa. Tôi ngồi bên vệ đường, dưới bóng cây nhỏ. Đầu óc suy nghĩ, tính kế không ra. Tôi định bắt xe đò về tỉnh lỵ, rước thợ ra sửa xe. Chờ hoài mà không có xe qua. Phía dưới ruộng khô, có một nông dân đang cày đất với hai con trâu. Nắng cháy, cỏ khát. Tôi thấy anh nông dân ngưng cày, lên bờ lấy bầu uống nước. Túng quá, tôi đánh liều kêu lớn:

“Này anh ơi, khát quá, cho tôi uống nước với”

Người nông phu mang áo đen, quần xà lỏn, chậm chạp băng ruộng, đem cái bầu nước đến cho tôi. Khi đến gần, thì anh reo lên:

“Mày đó phải không Quài. Sao biết tao cày ruộng ở đây mà ghé lại thăm?”

Tôi mừng quá, thét lớn:

“Tư Thàn! Mày! Đ. M. mày. Thằng quý. Mày ở đây hả ? Chiếc xe nó biết có mày ở đây, nên chết máy, để cho tao gặp mày.”

Tư Thàn và tôi xoắn lấy nhau, nhắc chuyện mười mấy năm trước. Đủ thứ chuyện. Nói cho nhau biết tin tức gia đình mỗi người. Tư Thàn có hai thằng con trai. Đời sống của gia đình thông thả, nhờ cô Năm Cháo Trắng buôn bán thêm ngoài chợ quận. Gạo cơm đủ ăn. Mười mấy năm, Tư Thàn chưa về lại

Sài Gòn lần nào, vì cũng không có chuyện gì, mà chẳng còn ai để thăm viếng.

Tư Thành bỏ dở luôn buổi cày ruộng. Tôi cũng bỏ kệ cho chiếc xe nằm ụ bên đường, đến đâu thì đến, theo Tư Thành đi vào làng. Nhà Tư Thành trống trải, đơn sơ như tất cả mọi nhà nghèo miền quê.

Tư Thành lấy cái nơm làm bẫy, rải lúa cho gà ăn, và bắt được một con gà trống thiên lớn. Làm thịt, bao đất sét, nướng lửa rơm. Tư Thành đem ra hai lít đế trong veo. Khi gà chín, tôi đập cái vỏ đất sét, để cả con gà lên chõng tre có lát sắn mấy tàu lá chuối tươi, mà Tư Thành đã rửa sạch. Chúng tôi bóc tay mà ăn, cầm đùi gà nhai, rượu vào đều đều, cạn chai này, qua chai kia. Chúng tôi cùng nhắc chuyện xưa, chuyện không đầu, không đuôi, chuyện này lẫn qua chuyện khác. Hai đứa nhỏ con Tư Thành đi học về, cũng nhào vào xâu xé con gà. Tôi ép thằng lớn hớp một ngụm đế, nó nhăn mặt phun ra. Tư Thành và tôi cùng cười vang. Khi trời xế chiều, thì cô Năm Cháo Trắng cũng gánh hàng về. Cô nhận ra tôi, kêu thét lên vui thú, và phát vào vai tôi nhiều lần đau điếng. Cô mắng:

“Cái ông khỉ này, tưởng chết rấp đâu rồi chớ. Làm sao biết tụi tôi ở đây mà ghé chơi? Vui quá xá”

Đêm đó, cô Năm Cháo Trắng nấu cháo vịt, mượn hàng xóm thêm mấy lít đế, chúng tôi ngồi ăn nhậu dưới trăng cho đến khuya. Ăn uống no say. Tôi chợt nhớ tới món tiền mà tôi nợ Tư Thành, trị giá bằng một tháng lương vào thời gian mười mấy năm trước, mà chưa trả, và cũng chưa hề toan tính thanh toán cho sòng phẳng. Cũng vì món nợ đó, mà cái tình bạn thân thiết giữa chúng tôi có một thời lấn cấn, mất đi cái mặn nồng, không còn như trước. Tôi chậm rãi nói lẽ nhe trong hơi men:

“Tao bậy quá, còn mắc nợ mày mà chưa có dịp trả. Công việc làm ăn, cũng không khá, mà con cái đông đúc, có cơm no bụng từng ngày là may lắm.

Tiền không có dư...”

Tư Thành cười hiền hòa, giọng ấm áp nói:

“Thôi, quên chuyện xưa đi. Nợ nần cái gì? Chuyện cờ bạc thời trai trẻ đại dột, để tâm làm chi? Bạn bè gặp lại nhau, là quý rồi.”

Có lẽ vì rượu đã ngấm nhiều, mà nghe lời nói chí tình của bạn, mắt tôi cay xè. May mà tối trời không ai thấy. Tôi xị mũi. Đêm đó, tôi ngủ lại nhà Tư Thành, và nói chuyện râm rì trong bóng tối cho đến khuya.

Sáng hôm sau tôi ra chỗ xe nằm ụ, thì thấy chiếc xe chỉ còn là một đồng sắt cháy nham nhở. Thì ra đêm qua, du kích đặt mìn phá, mà ngủ mê quá, chúng tôi từ làng trong, không nghe biết. Tôi lấy xe dò về Sài Gòn, và bị đuổi việc. Nhưng may mắn, không bị hội thánh bắt bồi thường. Có lẽ họ biết, tôi đưa mạng cùi ra, có bắt đền cũng không moi được một xu, thì tha làm phước. Vả lại thời buổi chiến tranh, không ai dự liệu trước được chuyện bom mìn.

Tháng tư năm 1975 tôi đem gia đình chạy, chưa biết sẽ chạy đi đâu, về đâu, và làm sao mà sinh sống sau này. Cứ chạy đã. Vì sợ phải đi tù như một số bạn tôi, họ đã trở về miền Bắc vào năm 1954, và nghe đâu một số đã chết trong tù, một số còn bị giam giữ hơn hai mươi năm chưa được thả. Đó là tin tức chính xác đi quanh từ miền Bắc qua Pháp, và từ Pháp về miền Nam. Tôi được nước Mỹ cho vào cư trú, đi làm đủ thứ nghề tay chân. Cuối cùng vào làm y tá cho một trung tâm dưỡng lão của quận hạt. Hai mươi mấy năm đời sống yên lành, no ấm, hạnh phúc.

Năm 2001, sau hai mươi sáu năm xa quê hương, tôi về lại Việt Nam một mình, lần thứ nhất, để sắp đặt việc cưới vợ cho đứa con trai út. Khi đang ở Sài Gòn, tôi nghe tin bọn khủng bố đánh sập tòa nhà đôi chọc trời ở New York. Ban đầu tôi không tin, và nghĩ rằng mấy ông Vẹm hay nói dối, đặt chuyện xạo tuyên truyền, nói xấu đế quốc Mỹ. Nhưng sau đó, xem truyền hình, tôi sửng sốt, bàng hoàng. Lòng tôi đau nhói, và nhận ra rằng, quê

hương mới là nước Mỹ, cũng muôn vàn yêu mến, thắm thiết không thua gì quê hương cũ Việt Nam. Tất cả mọi chuyến bay đều bị hủy bỏ, việc vào ra nước Mỹ cũng tạm ngưng. Tôi chưa thể trở về lại Mỹ được, và trong lòng cũng tràn đầy lo ngại, không biết có thể về lại Mỹ được không. Hay là kẹt lại ở Việt nam mãi, cho hết cuối đời. Bảy mươi mấy tuổi rồi. Một đêm mất ngủ, tôi ra đứng ở hành lang khách sạn. Từ trên cao nhìn xuống phố phường bên dưới, tôi chợt nhớ, hơn năm mươi năm trước, nơi đây còn lau sậy um tùm, đất thấp ngập nước, hoang vu. Từ bên trong phòng vọng ra tiếng ngâm thơ khuya qua cái radio nhỏ, giọng khàn đục buồn náo nê:

Sông kia rày đã nên đồng

Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai

Đêm nghe tiếng ếch bên tai

Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò..”()*

Lòng tôi chùng xuống, và chợt nghĩ hơn nửa thế kỷ trôi qua, vèo mau như mộng. Mới ngày nào đó, tôi bị Tây bắt đi tù, sung vào đội lính kèn. Bao nhiêu là đổi thay, bao nhiêu bãi biển đã biến thành nương dâu, bao nhiêu trũng hoang đã trở thành phố thị. Những thế hệ trước tôi và đồng thời với tôi, có lẽ đa số đã về với lòng đất. Yên bề. Những người còn sống sót như tôi, bây giờ ở đâu, làm gì. Bỗng tôi chợt nhớ đến Tư Thà. Nhớ tha thiết. Nhớ đến món nợ ngày xưa mà chưa trả được, lòng buồn rung rung. Tôi quyết định ngay, mong cho trời mau sáng, để thuê xe đi tìm thăm Tư Thà.

Chiếc xe thuê riêng, chở tôi chạy về miền Tây, đi tìm Tư Thà. Anh tài xế nghe tôi nói đi tìm một người bạn cũ, gặp nhau lần cuối đã hơn ba mươi năm trước, anh lắc đầu, có lẽ anh cho tôi là một ông già khủng lắm cảm.

Tôi chỉ nhớ mang máng cái nơi mà chiếc xe tôi lái bị đặt mìn hơn ba chục năm trước. Tôi vào làng hỏi xem ai có biết ai Tư Thà, nay chừng trên bảy mươi tuổi, hồi xưa làm lính kèn ở Bộ Tổng Tham Mưu. Mọi người đều lắc

đầu, ngơ ngác. Tôi đi lang thang quanh làng, và hy vọng, còn có người biết Tư Thành ở đâu. Khi tôi chán nản trở lại đường cái, ngồi trong cái chòi bán nước bên vệ đường, thì gặp một bà già. Tôi chặn lại hỏi. Bà nhú mồm một hồi, suy nghĩ lung lăm. Bỗng bà la lên:

“Tôi nhớ ra rồi, từ lâu không ai gọi ông là Tư Thành nữa. Mà ông là ai, tìm Tư Thành có chuyện chi không?”

“Tôi là bạn lính kèn với Tư Thành khoảng hơn năm mươi năm trước. Bây giờ, nhớ bạn, ghé tìm thăm.”

“Trời đất! Năm mươi năm làm chi mà không thăm nhau, giờ mới trở chứng đi tìm!”

Mấy đứa trẻ con chạy ra ruộng kêu Tư Thành về, người ta nói anh đang cuộc đất thuê. Tôi nghĩ không phải là Tư Thành bạn tôi, bảy mươi lăm tuổi, còn sức đâu mà đi cuộc thuê. Lũ trẻ đưa về một ông già ở trần, xương sườn đếm được, tay chân khẳng khiu, chỉ mặc cái xà lỏn ngắn, đi chân đất. Da nhăn nheo, khô khốc, đen đúa, gầy gò, hai má hóp, miệng móm xòm, chỉ còn hai cái răng, một cái của hàm trên, một cái của hàm dưới, rất là thiếu mỹ thuật. Không có một nét nào của Tư Thành cả, có lẽ tuổi ông này già hơn nhiều. Tôi nheo mắt nói:

“Tôi tìm Tư Thành, hồi xưa làm lính kèn ở bộ Tổng Tham Mưu, có vợ là chị Năm Cháo Trắng.”

Ông lão phều phào:

“Ông là ai? Tìm tôi có việc gì không?”

“Tôi tìm Tư Thành. Tôi là bạn cũ.”

“Ông là bạn cũ của tôi? Chắc ông tìm lầm người rồi.”

“Ông biết Cô Năm Cháo Trắng?”

“Vợ tôi, má thằng Độ, thằng Rê.”

Bây giờ thì tôi chắc chắn ông lão ngồi trước mặt tôi chính là Tư Thành, không

ai khác. Tôi còn mơ hồ thấy vài nét hao hao của thuở nào. Bố thằng Độ, Thằng Rề, hai thằng này tôi đã gặp hồi xưa. Ngày trước, Tư Thành mong sinh được bảy đứa con đặt tên là Độ, Rề, Mi, Pha, Xôn, La, Xi, nhưng mới có mới có Độ, Rề, thì bà vợ tịt ngòi. Tư Thành ngồi co một chân lên ghế dài, rất tự nhiên, cái quần xà lỏn kéo nhăn nhúm lên cao, để lòi nguyên bộ phận kín ra ngoài, một khúc đen điu, nhăn nhúm, mằm tựa trên một đùm bao da lưa thưa lông bạc trắng. Tôi mừng quá, nắm lấy hai vai Tư Thành mà lắc:

“Mày không nhớ ra tao là ai hả Tư Thành!”

“Không. Ông có làm tôi với ai khác không? Ông là ai?”

“Thế thì mày không phải là Tư Thành, lính kèn ở bộ Tổng Tham Mưu hả?”

“Tôi, Tư Thành lính kèn đây.”

Tôi làm bộ buồn bã đổi giọng:

“Có lẽ ông không phải là Tư Thành tôi quen, mà là người khác trùng tên chẳng?”

“Lính kèn, ở bộ Tổng Tham Mưu, trước năm năm mươi tư. Chỉ có Tư Thành này thôi”

Tôi nắm chắc hai vai Tư Thành mà lắc, và hét lên:

“Đ.M. mày không nhớ ra tao là ai, thật không? Hay mày giả bộ.”

Tôi đưa tay lên miệng, với dáng điệu như đang thổi kèn và ca: “Một ngàn, ba mươi vạn thằng Tây, xách cái bị, đi ăn mày. Mụ đi đâu, tui bắt mụ lại, tui không cho mụ về.”

Nghe tiếng chửi thề và điệu kèn Tây của tôi, Tư Thành nhào đến ôm lấy tôi mà hét lên:

“Đ. M. mày, chỉ có mày mới nói cái giọng này. Thằng chó chết, thằng dịch vật. Thằng Quài, mày, Quài. Mà mày sang trọng, và trẻ quá, ai ngờ, ai mà nhìn ra.”

Đám trẻ con đứng xem cười ầm lên khi thấy hai ông già văng tục và gọi

nhau bằng mảy tao. Tư Thành cảm động quá, cái miệng móm méo xẹo, và khóc thành tiếng hu hu, làm tôi cũng khóc theo. Tư Thành nghẹn ngào:

“Mày còn nhớ đến tao, tìm thăm. Đồ dịch vật. Lâu nay mày chết rấp nơi nào?”

Tư Thành nhìn tôi từ đầu xuống chân, nói nho nhỏ:

“Tóc tai cũng còn, răng cở hai hàm còn nguyên, mặt mày có da có thịt, áo bỏ vào quần, đi giày đàng hoàng. Có phải mày là Việt kiều về thăm quê hương không? Bây giờ mày ở đâu? Làm gì?”

Tôi sợ Tư Thành buồn, nói dối:

“Việt kiều cái con khỉ. Tao ở Sài gòn, nhờ có mấy đứa con vượt biên ra nước ngoài, và mấy đứa ở nhà, buôn bán, ăn nên làm ra. Giờ già rồi, về hưu, không làm gì nữa cả.”

Tôi hỏi thăm gia cảnh, Tư Thành cho biết hai đứa con trai đều đã chết. Thăng Độ đi lính quốc gia, đã đền nợ nước, thằng Rề “hy sinh” cho “cách mạng”. Cô Năm Cháo Trắng chết bệnh. Tư Thành không có ai để nương tựa, phải đi cuốc đất thuê kiếm ăn qua ngày. Tôi nhìn cái thân thể xương xẩu của Tư Thành, không biết anh lấy đâu ra sức mà đi làm lao động chân tay. Tôi nói: “Thôi, mày đưa tao về nhà, thay áo quần, rồi cùng qua Long Xuyên, lu bù một bữa, anh em hàn huyên chơi, bỏ mấy mươi năm xa cách.”

Tư Thành ngụ trong căn chòi nhỏ, bốn bề che lá đơn sơ. Không bàn, không giường, chỉ có cái võng treo xéo. Trên bếp có cái nồi đen điu, méo mó. Tôi dỡ nồi ra xem, thấy còn có miếng cơm cháy. Tôi bốc ăn, mà cứng quá, răng già không nhai nổi. Thế mà Tư Thành không còn răng, ăn cách nào đây?

Khi xe vào tỉnh lỵ Long Xuyên, tôi nhờ anh tài xế tìm cho một quán ăn ngon. Anh đưa chúng tôi vào quán nướng Nam Bộ. Tư Thành gạt đi, không chịu vào, và nói:

“Kiếm chai đế và vài ba con khô cá sặc là đủ vui rồi. Đừng hoang phí tiền

bạc. Vào làm chi những nơi sang trọng này cho chúng chém. Gặp nhau là vui rồi. Ăn uống là phụ.”

Tôi ép mãi mà Tư Thành không chịu. Cuối cùng, chúng tôi ra chợ, ngồi trên ghế thấp ở quán lộ thiên, ăn nhậu và nói cười vui vẻ, tự nhiên. Tôi uống rượu thay nước, vì sợ đau bụng. Anh tài xế cùng ăn, mà tôi không cho anh nhậu rượu, anh tỏ vẻ khó chịu, vùng vằng.

Đưa Tư Thành về lại tận nhà, tôi móc trong cặp một gói bao, bằng giấy báo đưa tặng. Tư Thành mở ra xem, và giật mình, xô gói quà ra về phía tôi:

“Cái gì đây? Tiền đâu mà nhiều thế này? Tôi không lấy đâu. Đừng bày đặt.”

“Có bao nhiêu đâu. Ngày xưa, tao nợ mày chưa trả được, bây giờ trả lại cả vốn lẫn lời. Tao tính rồi, mày nhận đi cho tao vui, bỏ công tao lặn lội đi tìm.”

“Không. Nợ nần cái khi gì. Ăn thua đá gà, chuyện tào lao thời trẻ dại. Tao đã bảo mày quên đi từ lâu. Bày đặt. Lấy tiền làm chi? Không có chỗ cất, bọn trộm cắp nó lấy đi, uống lắm. Tao không lấy đâu.”

Thấy bộ Tư Thành cương quyết quá, tôi xuống giọng, giả vờ nói :

“Mày mà không nhận, tao có chết nhắm mắt cũng không yên tâm. Chưa trả hết nợ, thì sau này phải đầu thai làm trâu cày cho mày. Khổ lắm. Thương tao, mày cứ cầm đi. Để mua gạo. Để khi đau yếu có chút thuốc thang. Nếu không có nơi cất, thì đem gởi bà con. ”

Đôi mắt già của Tư Thành chớp chớp, và nói giọng run run như sắp khóc:

“Đ.M, tao già đến thế này, mà mày cũng còn định gạt tao như hồi xưa nữa sao? Thằng chó chết. Cái tình bạn của mày, còn quý gấp trăm ngàn lần gói tiền này. Tao sẽ làm mâm cơm cúng bà Tư Cháo Trắng, nói cho bà biết cái tình bạn của mày. Dưới xuôi vàng, chắc bà cảm động lắm.”

Tràm Cà Mau

(*) Thơ Trần Tế Xương.

Tràm Cà Mau

Bạn Thơ

Bà Tư đứng ở cửa sổ nhìn ra vườn sau, thấy lá cây bắt đầu vàng, mây xám đục bay đầy trời. Bà thở dài, và nói vọng vào phòng khách, nơi ông Tư đang ngồi chăm chú nhìn lên màn ảnh máy vi tính, đọc thơ bạn bè qua liên mạng: “ Thế là đã qua năm thứ tư rồi, mà cái nhà kho vẫn không được sơn. Anh cứ lần lửa hứa hẹn mãi. Sơn tróc, pho gỗ mục nát bên trong, trông tội tàn tội nghiệp quá. Mùa này anh không sơn kịp, thì em cứ cho một môi lửa cho yên chuyện. Để mỗi một ăn lan ra sập luôn căn nhà chính, rồi vợ chồng dắt nhau ra gặm cầu mà ở.”

Ông Tư ngưng đọc. Nhìn qua bà và nói lớn:

“ Ủ, em cứ cho một môi lửa đi. Rồi sẽ được sung sướng. Cháy lan nhà người khác, vào tù ngồi có cơm bưng nước rót hàng ngày, khỏi đi làm mà được nuôi nấng đàn ông tử tế. Suốt ngày đọc sách, xem truyền hình, tập thể thao, đánh cờ. Còn có cả máy vi tính nữa. Ăn thì sang hơn là chúng mình đi ăn tiệm. Em có nhớ hôm trước xem phim không? Bữa ăn của tù, có một đùi gà hầm, bánh mì, khoai tây nghiền, xúp, một ly cốt sữa, một trái chuối, và cả bánh ngọt nữa. Mỗi đêm, còn có lính bông súng gác cho mình ngủ. Nước Mỹ chi tiêu cho mỗi người tù hàng năm từ ba mươi đến bốn mươi lăm ngàn đồng kia mà.”

Bà Tư quay lại nói:

“Ở tù mà sướng thế, nên không ai sợ, cứ làm càn, phạm pháp. Tù mà còn viết đơn kiện chính phủ vì nhà bếp nấu ăn không vừa miệng. Chỉ có nước Mỹ mới điên khùng như vậy thôi. Tại sao những khi thất nghiệp, mình không la toáng lên, yêu cầu nhà nước cho mình mỗi năm ba chục ngàn tiêu chơi. Nếu không thì mình cứ phạm pháp, cũng phải tốn hơn chừng đó tiền nuôi mình.”

“ Em làm anh phát ra sáng kiến, anh sẽ đề nghị chính phủ Mỹ ký khế ước, giao cho cộng sản Việt Nam giam giữ tù, để tiết kiệm ngân sách. Cứ cho lên Hoàng Liên Sơn, Cổng Trời, Thanh Liệt, Sông Bé cải tạo là xong hết. Hàng năm, Mỹ chỉ trả công nuôi và giáo dục mỗi người tù chừng năm trăm hay một ngàn đô, thì nhà nước Việt Nam chỉ chi ra chừng bảy chục đến một trăm đô là quá thừa. Nuôi một triệu tù, thì Việt Nam thu lợi chừng nửa tỉ cho đến một tỉ đồng. Không cần dong tay nài nỉ xin xỏ tiền bạc của cộng đồng thế giới. Chính phủ Mỹ tiết kiệm được ba đến bảy tỉ đô la nuôi tù. Dư ra không biết bao nhiêu nhân lực đem sung vào lực lượng sản xuất. Phía Việt Nam, bắt tù đốn tre, chặt nứa, làm lán trại, trồng bắp, trồng khoai, ăn bo bo, khoai mì, thì chi phí ăn ở mỗi tháng chừng năm bảy đô là cùng. Còn cái lợi lớn khác, là khi mãn tù, anh nào cũng sợ xanh mặt, không bao giờ dám tái phạm nữa. Em cứ xem, mấy ông phi công Mỹ đã ở tù ngoài Bắc thì biết kết quả. Về rồi mới biết quý miếng cơm cháy, quý đời sống. Bởi vậy cho nên nhiều ông thành nghị sĩ, dân biểu, nhà ngoại giao, kỹ nghệ gia, thương gia triệu phú, nhiều lắm và nhiều lắm. Đó không phải nhờ công học tập cải tạo của bọn Bác Đảng sao ?

Bà Tư trở lại vấn đề :

“Này, anh đừng nói lảng qua chuyện khác. Em không tội chi đốt nhà để đi tù, rồi anh lén phéng với bà khác. Giao hẹn cho anh, tuần tới, phải sơn

xong cái nhà kho. Nếu không thì em sẽ thuê người làm. Họ tính tiền công đến một ngàn rưỡi, rán mà trả tiền, đừng tiếc.”

“Được rồi. Thứ bảy này anh rước một ông Mễ ngoài phố về phụ sơn, chừng một hai ngày thì xong. Em đừng lo.”

“Làm gì thì làm, em không cần biết. Miễn sao sơn xong cái nhà kho thì thôi.”

Sáng thứ bảy, khi ông Tư còn ngủ nướng thì điện thoại đã reo vang. Bên kia đường dây, một ông bạn mời đến ăn sáng, và xoa mặt chược. Nghe đến mặt chược, ông Tư tỉnh táo hẳn, nói với vợ:

“Bác Thư mời chúng mình đến ăn sáng, em có đi không?”

“Không được. Anh đã hứa sơn cái nhà kho rồi. Hôm nay không đi đâu cả.”

Ông Tư tiu nghỉu, nói qua điện thoại với bạn:

“Tôi sắp ra phố rước một ông Mễ về phụ sơn cái nhà kho. Hôm nay bận, xin hẹn tuần sau.”

“Rước Mễ làm chi! Tôi có ông bạn mới tới Mỹ chưa được bao lâu, chưa có việc làm, rảnh rang lắm. Anh cho ông ta đến phụ sơn, kiếm chút tiền hút thuốc.”

Ông Tư ngần ngừ, rồi thở dài mà nói:

“Không phải là tôi chẳng muốn giúp đồng hương, nhưng khó lắm anh ơi. Hồi trước có người bà con tôi mới đến Mỹ, họ năn nỉ tôi cho phụ cắt cây, làm cỏ trong nhà, rồi trả tiền công như trả cho người ngoài. Tôi cho làm và trả công cao hơn thuê người ngoài. Thế mà bây giờ, họ thi xong, hành nghề nha sĩ, đi đâu nó cũng nhắc chuyện hồi mới qua, đi làm công cho tôi, được trả lương tối thiểu. Mình nghe, cứ nhột và không vui. Người khác nghe, tưởng đâu mình lợi dụng, bóc lột sức lao động của người đó..”

Ông bạn bên kia đầu giây nói với giọng ép buộc và khẩn thiết:

“Tôi bảo đảm cho, không có chuyện lẩn cán về sau. Đồng hương không

giúp nhau, mà giúp người ngoài, nghe sao xuôi tai ? Hồi mới qua Mỹ, anh cũng mong có ai cho làm bất cứ việc gì, để kiếm chút tiền chứ. Sao mà mau quên hoàn cảnh khó khăn thế ? Chốc nữa, tôi chở anh ấy đến phụ sơn nhà nghe. Không từ chối được đâu.”

Ông Tư nghe mà chột dạ, và nhớ lại những ngày lao đao ban đầu. Đi đâu thấy ai làm việc gì, ông cũng nhìn và mơ ước được thuê vào làm . Không dám mơ được cái việc quý báu như mấy cô thư ký ngân hàng sang trọng, hoặc mấy cô tiếp viên ngồi ở bàn giấy, hay mấy ông gác gian bảo vệ cơ sở ăn mặc đồng phục oai vệ như sinh viên sĩ quan trong quân trường. Thấy họ cao sang quá. Khi thấy mấy ông thợ làm nghề xây cất, lưng đeo dây da to bản lòng thông hàng chục thứ búa kềm, đồ nghề, ông cũng tự hỏi, biết chẳng có ngày ông được như họ. Đọc tiếng Anh, thì ông không ngán, nhưng nghe và nói thì như câm điếc. Mơ ước có công việc làm ăn như trẻ con mơ chuyện thần tiên. Ông ho khan rồi trả lời:

“Xong rồi, anh cứ đem ông bạn qua đây phụ tôi. Sau này ông ta có ghét bỏ, thì tôi rán chịu. Bây giờ không nhận cho ông ta làm, thì tôi thấy tự xấu hổ với riêng mình, và không yên tâm.”

Bà Tư càu nhàu vì ông chấp nhận lời đề nghị của ông bạn. Ông nhẹ nhàng bảo vợ:

“ Thôi, làm được điều gì đúng mình cứ làm, cho lương tâm yên ổn. Sau này có ai ghét bỏ thì cũng không sợ.”

“ Anh thì hay tình cảm không đúng chỗ. Đi thuê Mễ về làm việc, lần nào cũng thuê mấy người không biết nói tiếng Anh, vì cứ nghĩ đến tình cảnh của anh ngày xưa. Rồi cứ ra dẫu, hiểu lầm nhau mãi. Xưa khác, nay khác rồi. Phải đặt quyền lợi của mình lên trên tình cảm yếu đuối.”

“ Được trời cho như ngày nay, mình cũng không nên ôm hết lấy, mà nên chia xẻ chút chút với những kẻ đang khó khăn quanh mình.”

Khi ông Tư chuẩn bị dụng cụ và vật liệu xong, thì người bạn đem ông Phi, người muốn có việc làm đến. Ông này đầu hói lảng, mày rậm, mang kiếng trắng, ăn mặc áo trắng, quần tây xanh sẫm, dáng hoàng như sắp đi phố chứ không phải đi lao động sơn nhà. Hai bên chào hỏi giới thiệu nhau. Ông Tư cười, rào đón trước:

“Nước mất nhà tan. Chạy qua được đây, toàn cả thiên thần bị đọa xuống trần gian, phải đi làm những việc trái với khả năng, không đúng với sở nguyện. Chúng ta cùng lứa tuổi, cho tôi kêu nhau bằng anh em cho thân mật. Cám ơn anh đến giúp tôi sơn nhà, mai mốt anh mua nhà cần sửa chữa, thì anh thuê tôi làm phụ, đừng thuê người khác nghe.”

Ông Phi cười, nụ cười hơi gượng, và nhìn ông Tư bằng ánh mắt biết ơn vì lời nói tế nhị, tử tế. Ông Phi nói:

“Trong tù tôi cũng từng gánh phân người, làm đủ công chuyện nhọc nhằn. Bên nhà, tôi cũng đã làm đủ thứ nghề lao động chân tay. Sơn nhà thì nhẹ nhàng dễ dàng như húp cháo thánh.”

Sau khi uống xong tuần trà xã giao, ông Tư ông Phi đưa ra vườn sau, chỉ dẫn cách cạo sơn đã tróc lở trên tường nhà. Ông Tư vào nhà chuẩn bị thêm dụng cụ, để hai người cùng làm cho mau. Bà Tư đứng ở cửa sổ nhìn xuống nhà kho, thấy ông Phi vừa cạo sơn, vừa mấp máy môi, thỉnh thoảng đưa ngón tay chỉ chỗ vào quãng không. Bà lo lắng kêu chồng lại và nói:

“Anh xem, ông kia lắm bả một mình, tự nói tự nghe. Không chừng ông ta bị bệnh tâm thần. Anh phải cẩn thận, lỡ ông ta lên cơn, lụy cho anh một dao thì khốn đó.”

Nghe vợ nói, ông Tư cũng hơi ngán. Khi ra cạo sơn, ông dè dặt đứng xa ông Phi, để có gì bất trắc thì còn kịp mà chạy. Ông Tư cố lắng tai nghe ông Phi nói gì mà môi ông cứ mấp máy mãi. Lâu lâu, ông Tư liếc mắt canh chừng, nhưng thấy ông Phi vẫn chăm chú làm. Chừng nửa giờ sau, dường như ông

Phi quên có ông Tư làm việc bên cạnh, cất tiếng ngâm thơ sang sảng. Ông Tư giật mình hỏi:

“ Anh ngâm thơ? Thơ của ai thế?”

Ông Phi hơi ngượng ngập trả lời:

“ Thơ tôi làm chơi cho vui ấy mà. Thời buổi này, còn rất ít người thích thưởng thức thơ văn. Truyền hình, phim truyện, phim nhạc tiến mau quá. Đời sống tốc độ, ít ai còn thì giờ mà ngâm nga thưởng thức cái đẹp trong văn chương. Tôi còn hủ lậu, nên cứ mang lấy cái nghiệp thơ vào mình. Cái nghiệp thiệt ông ạ . Bà con, bạn bè cứ cười tôi sống mơ mộng, không thực tế, thời buổi này, thơ văn không làm no bụng bằng bánh mì.”

Ông Tư cười ha hả và nói:

“ Anh làm tôi sợ hết hồn. Bà xã tôi thấy anh lắm bả một mình, tưởng anh có bệnh tâm thần, không dè anh ngâm thơ. Nãy giờ tôi cũng sợ không dám đứng gần anh. Anh là một thi sĩ mà tôi không biết. Tôi cũng khoái đọc thơ lắm. Tôi không nghĩ rằng yêu thích thơ văn là hủ lậu như anh nói. Ngày nào trái tim con người còn biết thổn thức, ngày nào con người còn dùng chữ viết, còn dùng tiếng nói để trao đổi tư tưởng, thì ngày đó thơ văn còn được ưa chuộng. Chỉ khi nào khoa học tiến bộ đến độ con người truyền thông cho nhau bằng làn sóng , chuyển và nhận qua ý nghĩ trong óc thôi, thì e rằng khi đó văn thơ mới có thể tàn lụi. Anh thấy đó, thơ ít ai đọc mà lại được xuất bản ào ào, ai cũng in thơ. Anh bỏ cái cạo sơn xuống, vào trong kho này, tôi cho anh xem.”

Ông Tư mở cửa nhà kho, bật đèn và kéo ông Phi vào cái kho bề dài tám thước, bề ngang sáu thước, bốn bên tường có kê kệ đựng sách sát vách. Sách chất đầy kệ từ dưới sàn lên thấu trần. Ông Phi hớn hờ nhìn thấy mấy ngàn tập, toàn cả thơ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Việt. Nhiều cuốn đóng gáy da đã sạm màu, chữ thép vàng đã nhạt, bìa sờn rách vì thời gian. Ông Phi lắm

bầm:

“ Thật là ‘Kho Thơ’. Tôi đoán chắc thư viện của thành phố này cũng không có nhiều thơ bằng.”

Ông Phi với tay lật một tập thơ chọn lọc, bên trong có chữ ký của người mua vào năm 1858 . Một thế kỷ rưỡi, từ khi phong trào tìm vàng dậy lên ở California. Cái bìa sách bằng da gài mũn, giấy vàng ố. Ông Phi đọc lướt qua một bài thơ ngắn rồi xuýt xoa:

“ Người xưa làm thơ hay thật. Làm sao mà anh có được cả kho thơ nhiều như thế này? Toàn là thơ quý, nhiều cuốn thơ xưa cả vài trăm năm . Những cuốn gáy da, chữ vàng này, không mua đâu ra nữa.”

Ông Tư cười sung sướng nói:

“ Mọi chuyện đều có cơ duyên. Ban đầu, tôi chỉ mua một ít cuốn thơ hay mà đọc thôi. Rồi tôi khám phá ra những tiệm sách cũ, họ bán chừng nửa giá. Những sách xưa và quý, thì họ bán đắt lắm, cả bạc trăm, mình không mua nổi. Họ khôn và kinh nghiệm khiếp lắm. Về sau, ngày nghỉ tôi đi chơi, lòng sách tại các nơi treo bảng bán đồ cũ trên sân cỏ. Nhiều cuốn sách quý, bán vài ba đồng. Rồi tôi đi chợ trời. Có nhiều cuốn sách rất quý, người bán không biết giá trị, chỉ mong tổng khứ đi cho đỡ chật chỗ. Mua chừng vài đồng là họ mừng hóm. Có cuốn mua chừng hai đồng, mà vào tiệm sách quý, thấy đề giá một hai trăm bạc. Anh nhìn hơn chục tập thơ của Omar Khayyam trên kệ này, hôm tôi đi xem triển lãm bán sách quý, có cuốn đề giá hơn năm trăm . Trị giá mấy tập thơ này cả mấy ngàn bạc chứ không ít đâu. Thường thì các chủ tiệm sách cũ họ đi lòng và thu mua hết, họ giỏi và thông thái lắm, sách quý ít khi đến tay mình. Về sau, tôi gặp được cơ duyên tốt, kết thân với hai ông Mỹ bán đấu giá tài sản của những người chết. Thỉnh thoảng tôi mời các ông đi ăn tô phở , tô bún bò. Khi nào có bán đấu giá, các ông thông báo cho tôi biết. Các nơi này, sách thơ vất bừa bãi như rác. Nhiều

cuốn thơ, có lẽ khi còn sống, chủ nhân còn quý hơn vàng. Khi chết rồi, chẳng ai biết đến giá trị. Tôi cứ thế mà hốt với giá rẻ mạt. Người bán cũng mừng, vì tôi hốt bớt rác cho họ. Nhưng cũng có khi người bán tinh lắm, biết sách quý, đề giá cao kinh khủng. Mười phần, thì có đến chín là không bán được, vì những người đi mua đầu giá tài sản người chết, đa số là dân phạm phu tục tử, văn thơ đối với họ không đáng giá vài xu, cho họ cũng không lấy vì ô m nặng. Bán không được, họ vắt vào đồng rác, những người thầu hốt rác, đem ra chợ trời, đổ xuống bán một đồng ba bốn cuốn. Nếu mình đến chợ trời đúng lúc, thì cứ hốt đầy xe, để mà về nhà nghe vợ cần nắn, bảo là tha rác về nhà. Có khi tôi bị cần nắn suốt cả một hai ngày, nhức đầu lắm ông ạ. Nhiều khi, mình đã có hai ba cuốn thơ đó rồi, mà thấy nó bán rẻ quá, thì cũng phải rước về thôi. Đây này, anh thấy tôi có bốn tập thơ cùng nhan đề “ Những Bài Thơ Tình Hay Nhất” và có ba cuốn “ Thơ Đọc Nhức Tim”, mười hai tập “ Thơ Omar Khayyam” Nhưng các tập này xuất bản vào các năm khác nhau.”

Ông Phi như người say lạc vào mê hồn trận của kho thơ. Ông lật hết tập thơ này qua tập thơ kia. Rồi ông cầm một tập thơ, ngồi dựa ngửa ra trên cái ghế xếp mà đọc say sưa. Không cần nhớ đến cái việc sơn nhà mà ông đang được thuê làm. Ông Tư cười cười, lẳng lặng đi ra, cầm cái bay cạo sơn tiếp. Khi ông Tư chợt nhìn đồng hồ, thì thấy đã gần mười hai giờ trưa . Ông vội vã vào lục tủ lạnh, lấy thức ăn, hâm lò vi ba. Lấy thêm một chùm bia, tôm khô, củ kiệu và vài thức nhắm , dọn ra cái bàn đặt dưới bóng cây bưởi có trái xanh tròn đu đưa theo gió. Ông nghiêng đầu vào cửa kho và nói:

“ Trưa rồi, mời anh ra ăn, uống vài lon bia, mình nói tiếp chuyện thơ phú.”

Ông Phi ậm ừ vì đang đọc dở trang thơ, ông Tư phải kêu hai ba lần, ông mới lảo đảo bước ra, mắt nhắm vì nắng chói. Hai người ngồi trên ghế thấp kê dưới bóng mát tàng cây bưởi. Ông Tư ép ông Phi uống bia, ăn thịt gà xối xì

dầu, lòng heo xa xiu. Ông Phi như chưa tỉnh hồn ra khỏi miền thơ, mắt còn mơ màng. Ông nói:

“ Thơ Omar Khayyam hay thật. Ông là người Ba Tư, xứ Hồi Giáo khắc nghiệt, mà làm được những bài thơ tuyệt diệu. Không có gì cao siêu, rất gần với đời sống. Làm xúc động lòng người. Tôi đọc, khoái quá, tôi có chuyển đoạn sau đây thành thơ lục bát, đọc anh nghe chơi. Ông Phi chạy vào nhà kho, lấy cuốn thơ, có trang xếp góc đánh dấu nói:

“ Đây, đoạn này tạm dịch văn xuôi : “Họ đoan chắc với tôi rằng ở Thiên Đường có con gái nhiều vô số . Họ cũng đoan chắc rằng, tôi sẽ tìm được rượu nho và mật ngọt trên Thiên Đường. Nhưng kìa, sao ở trần gian lại cấm rượu và đàn bà. Như thế, thì mai sau (chết lên Thiên Đường) phần thưởng dành cho tôi là rượu và gái phải không?” Tôi diễn thơ như sau, anh nghe xem: “Thiên Đàng hứa hẹn đông nhiều. Rượu ngon, mật ngọt, yêu kiều gái xuân. Trần gian cấm rượu, giai nhân. Mai sau gái rượu thưởng phần phải chăng?”

Ông Tư khen ông Phi mau mắn, và giàu cảm xúc. Mới đọc qua mà đã diễn thành thơ liền. Ông Phi muốn mượn một tập thơ của Omar Khayyam về để diễn thành thơ Việt ngữ. Ông Tư cười và nói:

“ Chậm mất rồi anh ơi. Học giả Nguyễn văn Hòa đã dịch tập thơ của Omar Khayyam rồi. Tôi chưa được đọc tập thơ do cụ Hòa dịch. Tôi nghĩ, cụ Hòa giỏi về ngữ pháp, nhưng cái năng khiếu vận dụng ngôn ngữ, năng khiếu gây xúc động trong lòng người đọc, thì mỗi người mỗi khác. Nếu thích thơ của Omar Khayyam, anh tìm bản dịch của cụ Hòa , rồi muốn diễn thơ theo lối anh, thì lên lạc với cụ Hòa mà bàn lại cho kỹ. Tôi nhớ anh có nói là “cứ mang cái nghiệp thơ vào mình”. Anh có thể cho tôi biết hơn một chút về cái “nghiệp” đó như thế nào không?. Làm thêm lon bia nữa đi. Mồi còn nhiều, vừa ăn vừa nói chuyện đời chơi.”

Uống một hơi bia, gấp thêm lòng heo nhai, nuốt. Ông Phi mơ màng nói:
“ Mới gặp anh lần đầu mà tôi tưởng như tri kỷ từ lâu. Sở thích cùng đồng điệu . Nói anh đừng cười, tôi tự xem mình như là đứa con của thơ. Bởi tôi được cấu thành do hai câu thơ của bố tôi. Dơ dài một chút. Ông ngoại tôi là một người khoa bảng, văn hay chữ tốt, để lại nhiều tập thơ rất hay. Mẹ tôi là con út trong gia đình, nhan sắc mặn mà nổi tiếng, được ông ngoại tôi cho học cả chữ Pháp lẫn chữ nho. Mẹ tôi thuộc lầu lầu hàng ngàn bài thơ, hàng ngàn câu ca dao. Khi nào ông ngoại tôi làm được bài thơ đắc ý, thường bảo mẹ tôi ngâm cho ông nghe. Bố tôi con nhà nghèo, hồi đó học hành chưa tới đâu, yêu thầm trộm nhớ mẹ tôi. Một hôm bố tôi nghe có gia đình ông tham tá lục lộ đi coi mắt mẹ tôi. Anh nhớ thời xưa đó, ở Hà Nội có câu “ Phi cao đẳng bắt thành phu phụ”, nghĩa là không tốt nghiệp trường cao đẳng thì đừng hy vọng chi lấy được vợ đẹp, con nhà đảng hoàng. Bố tôi học chưa xong trung học, không nghề nghiệp gì, nghe có người đi coi mắt mẹ tôi, ông quỳnh lên. Trăn trở nhiều ngày đêm, viết được hai câu thơ. Chờ đêm về, khi mẹ tôi đang ngồi học bên bàn, cạnh cửa sổ. Ông vén màn, ném lá thơ vào, rồi bỏ chạy như ma đuổi. Mẹ tôi bắt được mở ra đọc, chỉ có hai câu:

“ [Đừng ham xe điện tàu bay.](#)

[Bỏ xe tay mà tội!](#)”

Thiệt tình, về cũng không phải mà thơ con cóc cũng không phải. Thế mà bố tôi đã trăn trở, mất bảy ngày đêm mới sáng tác được. Nhưng mà lại có hiệu quả mới lạ chứ. Mẹ tôi đọc xong, cảm động, con người gì mà khiêm tốn lạ lùng, tự ví mình với chiếc xe tay khốn khổ . Mẹ tôi trình lá thơ cho ông ngoại tôi xem, ông cười ngất, và khen bố tôi nhân hậu thật thà. Rồi nhất định gả mẹ tôi cho bố tôi, dù ông chưa có nghề nghiệp gì . Bố tôi lấy được vợ, không muốn nhờ nhà vợ đều đi học tiếp, bỏ ngang, xin làm thư ký bưu điện nuôi vợ, nuôi con. Anh xem, thế thì, nhờ thơ mà bố mẹ tôi kết hợp và sinh ra

tôi. Tôi là đứa con của thơ, chứ còn gì.”

Ông Tư cười vang và nói:

“ Tôi phục ông cụ của anh quá. Ngoài bài Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi, và Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư của Lý Thường Kiệt ra, tôi chưa thấy bài thơ nào mang kết quả tốt đẹp cho người làm thơ được đến như vậy. Bài thơ hai câu của ông cụ anh đáng đem vào văn học sử. Không phải thơ hay, không phải cao siêu bí ẩn, nhưng bài thơ đem lại kết quả tức thời. Không thiếu chi người phải vắt óc viết đến ba bốn tập thơ ca ngợi người đẹp, mà cũng chưa nên cơm cháo gì.”

Ông Phi cười và nói tiếp:

“ Tôi cũng phục ông cụ tôi vô cùng, viết được hai câu thơ như vậy mà dám đem gởi cho mẹ tôi, một người con gái thơ phú đầy mình. Được vợ, nguồn thơ của bố tôi tịt ngòi từ đó. Không biết có phải vì bố tôi thấy tài năng và kiến thức về thơ của ông, so với vợ, cũng như vũng nước mưa bên đường so với đại dương mênh mông chẳng. May thay, ông không làm thơ thêm, nếu không thì chắc người đời cũng khổ lây, vì phải nhẩn mặt mà đọc thơ ông. Tôi lớn lên trong lời ru thơ của mẹ, những câu ca dao, những câu Kiều, những Chinh Phụ Ngâm, Tì Bà Hành, đến nỗi khi vào trường, không học, mà tôi thuộc lầu nhiều tác phẩm thơ, từ câu đầu đến câu cuối. Lạ lùng, học bài thì không thuộc, nhưng đọc thơ qua một lần là tôi nhớ lầu lầu. Tôi thuộc gần hết các bài thơ hay thời tiền chiến, thời hiện đại, và thuộc luôn thơ của bạn bè thân thiết. Thời nhỏ đi học, tôi viện cớ trời nắng, trời mưa, đòi ở lại buổi trưa tại trường, để nhịn ăn trưa, dành tiền mua sách, mua thơ. Thời đó tôi ốm nhom vì nhịn ăn mà mua sách. Mới học tương đương với lớp bảy, lớp tám bây giờ, tôi để cái đầu bù xù như tổ quạ, bạn bè kêu tôi là Chateaubrian, tên một thi sĩ danh tiếng của Pháp. Bố tôi đánh đòn đến mấy, cũng không hạ được cái đầu tóc bù xù của tôi. Tôi tưởng mình là nhà thơ lớn thật, vợ vẫn

làm thơ, không chịu học bài. Có hôm làm luận văn, tôi viết theo lối văn vắn lục bát. Thầy giáo phê vào bài luận đó là “Nhảm nhí” và cho hai điểm trên mười. Thế mà cũng không làm tôi tỉnh ngộ. Tôi bị thi rớt trung học khi vào vấn đáp vì môn quốc văn. Cô giáo hỏi tôi về “ ý nghĩa tiếng đàn trong truyện Kiều”, tôi nghĩ là mình trúng tủ, nói thao thao bất tuyệt. Cô ngắt lời tôi mấy lần, mà tôi cứ nói cho sướng miệng. Cô giận thẳng nhỏ ngông nghênh, bảo là lạc đề, cho tôi số không. Năm đó tôi ở lại lớp, phấn chí, làm được tập thơ cả bảy tám chục bài. Tập thơ mất, tôi không còn nhớ bài nào, nhưng có lẽ không đến nỗi có thể so sánh với thơ của ông bố tôi. Đạo đó, vì đọc tiểu sử của các nhà thơ, tôi nghĩ là phải có năng thơ, thi sĩ mới có nhiều cảm hứng, làm thơ hay. Tôi quyết định chọn cô bé ở xóm trên làm năng thơ của tôi. Và không ngờ, tôi đâm ra yêu thật cái cô gái có tay dài như tay vượn, và môi dày che cái răng khểnh đó. Tôi làm thơ ca ngợi năng, xa gần tả tình tả cảnh. Làm thành một tập thơ, nhan đề là “ Cánh Nhạn Bên Trời”. Bởi năng tên là Yến. Tôi đưa tập thơ cho một anh bạn trong xóm đọc. Anh này lựa chừng hai chục bài ưng ý nhất, chép lại thành một tập thơ, lấy tên là “ Gọi Yến Mây Ngàn”. Chữ anh này đẹp lắm, viết tay mà vuông vắn tròn trịa, đều đặn như chữ in. Cuốn thơ của anh cắt xén gọn gàng, thuê thợ đóng bìa cứng gáy da. Anh đem tặng cô Yến, và bảo là thơ của anh làm tặng cho cô. Tôi không biết chuyện này. Khi tôi rụt rè đưa tặng cô Yến tập thơ của tôi, cô cũng nhận. Một ngày sau, cô ném tập thơ vào mặt tôi mà mắng: “ Đạo thơ của người khác, không biết xấu hổ”. Tôi xấu hổ vì bị ném tập thơ vào mặt, và thất tình, tôi xin đi sĩ quan Thủ Đức. Thấy tôi bỏ học, bố mẹ tôi buồn phiền lắm. Nhưng nhờ võ vẽ năm ba câu thơ, vào quân trường tôi được sung vào ban văn nghệ chuyên làm báo, khỏi đi học bãi, khỏi đi tập tành. Nửa khóa học đã qua, mà tôi chẳng bao giờ ra bãi tập cả, tôi sợ thi rớt ra trung sĩ, một hôm trốn ban văn nghệ theo các bạn ra bãi tập. Khi học cận chiến, huấn

luyện viên hô “Thủ thế”. Trong khi toàn thể khóa sinh nhảy ra, chân trước chân sau, hai bàn tay xòe ra, khủy tay co lại che ngang ngực, thì tôi rùn chân xuống, hay bàn tay nắm lại tựa vào hông theo thế thủ mà tôi biết. Khi thấy mình khác bạn bè, tôi sửa thế lại, thì huấn luyện viên đã hét lên: “Anh kia, vào đây đã nửa khóa rồi, mà chưa biết thế thủ. Sao mà đàn độn đến thế. Phạt anh hai trăm cái hít đất, chạy năm vòng sân”. Khi tôi vừa thi hành hình phạt xong, một muồn ngắt người, đang nôn ọe xây xẩm, thì khóa sinh trực ra tận bãi tập, kêu tôi về trình diện sĩ quan trưởng ban văn nghệ. Ông chữi bói vuốt mặt không kịp, bảo tôi trốn làm văn nghệ, và phạt thêm hai trăm cái hít đất. Tôi xin trình bày, định nói với ông là không đi học, thì sau này làm sao mà thi cử, nhưng ông gạt đi, không cho tôi nói. Bạn bè cho tôi biết, các khóa sinh hoạt động thường trực cho các ban ngành, thì sẽ được các ông sĩ quan trưởng ban gởi gắm khi thi cuối khóa, khỏi lo làm bài được hay không. Nhưng số tôi mọt, trước khi thi thì vị sĩ quan trưởng ban văn nghệ bị chuyển về đơn vị khác. Không ai gởi gắm, chúng tôi may mắn, thi đậu nhưng chót bảng. May mà không thi rớt, phải ra trung sĩ. Bởi vậy, bọn trong ban văn nghệ chúng tôi bị về trấn đóng những nơi khi ho cò gáy. Tôi bị đưa về Đông Hà, gần giới tuyến. Cũng nhờ gần đại học Huế, nên mấy năm sau, khi đã có tú tài hai, tôi ghi danh đại học văn khoa Huế. Lâu lâu chạy đi chạy về Đông Hà – Huế, hốt hoảng dự vài buổi học rồi về đơn vị. Trở lại đời sinh viên bán chính thức, tôi thấy lòng vui và yêu đời hơn. Bài vở tôi chỉ học qua loa, thi đậu hay rớt cũng không quan trọng, thế mà bốn năm, tôi lấy được cái cử nhân văn chương. Cũng vì thơ phú, mà tôi dính với một cô sinh viên bạn học, là vợ tôi bây giờ. Cô đọc được thơ tôi đăng trên báo quân đội. Đúng là thơ là cái nghiệp của đời tôi. Bố tôi cũng nhờ thơ mà được vợ, tôi cũng vì thơ mà có vợ. Thật tình đạo đó, tôi cũng chưa dám lập gia đình, vì đời lính, sống chết chưa biết ngày nào, mà lương tiền cũng không dồi dào chi. Lấy

nhau là đem nhau vào vất vả, âu lo. Cuộc sống khó khăn của thực tế sẽ chôn đi bao nhiêu thiên đường mộng mơ đẹp đẽ. Trước khi lập gia đình, tiền lương của tôi hầu như chỉ để ăn và cúng cho các tiệm sách. Đi đâu cũng lè kè mang theo mấy thùng sách như của gia bảo. Có khi hàm trú ỉn của tôi thành một cái thư viện nho nhỏ cho anh em binh sĩ giải trí đỡ buồn nơi tiền đồn heo hút. Khi sách quá nhiều, thì gởi về nhà bố mẹ tôi. Sau khi có gia đình, thì lâu lâu mới lén lút mua được cuốn sách. Vì nếu vợ tôi biết được, thì ồm ồm nhà cửa. Một điều lạ lùng nữa, vợ tôi vì thích thơ của tôi mà lấy tôi. Nhưng sau khi lấy nhau rồi, thì bà không muốn tôi làm thơ nữa. Mỗi lần viết thơ, tôi phải lén lút, dấu diếm như làm việc quốc cấm.”

Ông Tư mở thêm lon bia nữa, nài ép ông Phi:

“Làm thêm ít lon bia nữa, có sức mà kể chuyện xưa. Ăn nhiều vào, loại gà xì dầu này, mua ở tiệm đặc biệt, tận San Francisco đó. Chuyện anh kể vui quá. Rồi sao nữa trong cái nghiệp chướng hệ lụy của thơ văn?”

Bốn năm lon bia đã nung mặt ông Phi đỏ bừng, hai mắt lơ lơ. Vừa nhai, ông Phi vừa kể tiếp:

“Cuộc đời lắm chuyện ly kỳ. Năm sáu năm sau, kể khi tôi tôi thất tình bỏ đi lính, thì tôi gặp lại anh bạn ăn cắp thơ tôi, và cuỗm luôn cả nòng thơ của tôi. Khi đó tôi đã là đại úy đại đội trưởng. Anh bạn là chuẩn úy mới ra trường được gởi đến đơn vị tôi. Khi trình diện tôi, anh bạn xanh mặt, vì sợ tôi trả thù. Tôi làm như không biết và không nhớ chuyện xưa, vồn vắn chào hỏi đón tiếp anh ấy. Cái hình ảnh nòng thơ xưa đã lu mờ hẫng trong trái tim tôi, đó chỉ là mối tình thâm kín vớ vẩn đại dột của tuổi mới lớn. Thất tình một cách ngu xuẩn, vì đã có tình ý chi với nhau đâu. Thế mà bỏ học, làm cha mẹ khổ buồn. Anh bạn cũng làm như không nhớ chuyện xưa. Sau này biết đời sống khốn đốn của anh bạn với nòng thơ xưa, tôi càng tử tế hơn, vì biết ơn anh đã lãnh dùm cho tôi cái cán búa. Nòng thơ xưa của tôi, nay trở thành bà chằng

lửa dữ dần, nạt nộ chồng con như tát nước. Không còn đẹp như trong lời thơ tôi khi trước: “Em hiền Thánh Nữ đồng trinh. Trái tim nhân ái, nuôi tình trăm năm.”. Sau khi tôi lấy được cái bằng cử nhân, và nhờ một số thơ đăng rải rác trên báo quân đội, tôi được đưa về cục tâm lý chiến. Bởi vậy nên khi miền Nam thua trận, phải đi tù, chúng đày tôi ra miền Bắc. Trong tù, chúng tôi vẫn làm thơ và lén lút đọc cho nhau nghe. Bọn cai tù biết được, biệt giam tôi vào cái hầm kín, cái từng địa ngục này, ngày thì nóng như lò thiêu xác, đêm thì lạnh như hầm băng. Tôi sống sót được nhờ thơ. Ngày đêm tôi làm thơ, đọc thơ, nghĩ thơ, và thở ra hơi thơ để cầm giữ sự sống, để chống chọi với cô đơn, đói khát, đau đớn thể xác. Trong các hầm giam này, khó ai sống sót qua một tuần. Thường thì thi thể tội nhân được khiêng ra, đã thành cái xác khô, thối hoắc. Thế mà tôi sống sót qua ba tháng. Xác tôi được kéo ra, chúng định ra lệnh đem chôn, nhưng có người nói tôi chưa chết. Tôi nằm thoi thóp thêm mấy tháng nữa ở nơi mà chúng nó gọi là bệnh xá. Bọn quản giáo nghĩ là tôi sắp chết, cho về nhà, để làm rạng đức khoan hồng của ‘cách mạng.’ Nhờ vợ con chăm nom thuốc men, tôi không chết. Nếu không được về, thì đã gởi thân ngoài núi rừng Bắc Việt là chuyện chắc.

Tôi bám lấy thành phố, dù công an đêm ngày thúc dục đuổi tôi đi kinh tế mới. Tôi hành nghề hót tóc vỉa hè. Treo một cái gương, đặt một chiếc ghế trong hẻm của xóm Tấm Ngựa. Hót tóc cho bà con quanh xóm. Ai trả bao nhiêu cũng được. Thời đó, mọi sinh hoạt đều được quốc doanh hóa, duy không có quốc doanh hót tóc. Thế mà nhờ đó, tôi lại có cơm cháo qua ngày. Tôi vừa hót tóc, vừa ngâm thơ cho thiên hạ nghe, ai cũng khoái, khách hót tóc của tôi nườm nượp. Nhưng rồi tai họa tới, cũng vì thơ cả. Có người tố cáo tôi đọc và làm thơ “phản động”. Công an bắt tôi và soát nhà, lôi ra tập thơ cả mấy trăm bài, làm sao mà khỏi có thơ “phản động”. Tôi bị gán tội biệt kích văn nghệ, gián điệp Mỹ gài lại, để làm cuộc chiến tranh văn hóa,

tâm lý. Chúng gán cho tôi là kẻ sáng tác ra những bài ca dân gian chế diễu, mỉa mai chính quyền. Tôi không nhận tội. Chúng lại biệt giam tôi một lần nữa tại Chí Hòa. Một năm nằm trong phòng biệt giam. Không cho liên lạc gia đình, bà con. Nằm trong đó, tôi thèm đọc, thèm một miếng giấy có chữ, không cần nội dung, có chữ mà đọc cho đỡ ghiền, đỡ cô đơn. Mùa hè trời nóng nực, cứ sáu ngày chúng cho đi tắm một lần. Mỗi lần được ra tắm là sướng lắm, sướng hơn cả lần đầu tiên được hôn người con gái. Vì được thấy mặt trời, thấy ánh sáng chói chan, và nhất là được thở không khí trong lành đầy lồng ngực. Lại được tắm trong vòng năm phút, nước chảy trên người như xối cả hạnh phúc, xối cả sung sướng lên thịt da, lên đầu tóc, chảy len vào từng kẽ tay, khe chân. Sướng lắm. Thế mà có lần được ra tắm, tôi thấy một miếng giấy báo nhỏ, miếng giấy chùi đít có vệt phân khô của ai đó bay ra khỏi thùng phân khi đem đi đổ. Trên miếng giấy báo đó, tôi thấy loáng thoáng từng giòng như có một bài thơ. Tôi mừng run lên. Giả vờ làm rớt cái khăn lên miếng giấy, rồi cúi xuống lượm khăn, cặp luôn miếng giấy dính vào trong khăn. Thế là bỏ một lần tắm quý báu. Dem mảnh giấy báo về phòng, tôi dùng khăn thấm nước nhẹ nhàng chùi vệt phân trên giấy, kỹ lưỡng hơn các nhà khảo cổ lượm được di tích nhiều ngàn năm trước. Tôi đọc được, đó là bài thơ ca tụng lao động sản xuất của một gã bồi bút. Nhưng tôi thấy sung sướng, sáng khoái, và niềm cô đơn thèm khát chữ nghĩa được thỏa mãn. Tôi cất kỹ như một báu vật, lâu lâu đem ra đọc như để tự đãi mình. Cho đến ngày ra khỏi biệt giam, tôi không biết mình đã đọc tấm giấy kia được bao nhiêu ngàn lần. Kỳ lắm anh ạ. Cho đến bây giờ, mỗi khi ngồi bàn cầu, tôi cũng phải có cái gì để đọc mới đi cầu được. Nếu không thì cù ngồi hoài. Có khi đến nhà lạ, không có sách vở báo chí trong nhà cầu, tôi phải cầm cái ống kem đánh răng, sẫm soi mà đọc những giòng chữ in trên đó, để có thể đi cầu được. Đó là một thói quen không tốt, nhưng cũng là một thứ hạnh phúc nho

nhỏ của cuộc đời tầm thường này. Nhà cầu bên mình, tối tăm, chật chội, ẩm thấp, hôi hám, ruồi nhặng vì vút oanh tạc, thế mà tôi cũng phải có cái chi đọc. Huống chi nhà tiêu bên này rộng như phòng ngủ, sạch sẽ như phòng khách, thơm tho, có nhạc mềm nhẹ ru đưa, thì cứ ngồi trên bồn cầu mà đọc sách, là sung sướng ngất trời. Hạnh phúc đơn giản thế, tội chi mà không hưởng.”

Hai ông Tư và Phi, mỗi ông đã cạn hết bảy tám lon bia, ăn gần hết con gà, đĩa tôm khô và lon củ kiệu. Mặt họ đỏ lửng, mắt mờ lim dim. Ông Phi nhớ đến công việc phải làm, đứng dậy nói lẽ nhe:

“ Thôi, rán làm việc một chút. Bóng nắng đã xế. Chuyện trò mãi không bao giờ hết. Thơ với thần. Nợ với nần. Nghiệp với chướng.”

Ông cầm cái bay cạo lên tường, nhưng say quá, cái bay cứ rớt xuống đất mãi. Ông Tư cũng ngật ngư, loạng choạng đi vào nhà kho, kéo hai cái ghế xếp bật ra, kê dưới gốc bưởi và kêu ông Phi:

“ Thôi anh ơi. Tội chi mà không nằm xuống đây chợp một giấc cho đã đời. Dễ chi có được một ngày vui như hôm nay.”

Ông Tư và ông Phi nằm dưới bóng mát cây bưởi mà thi nhau ngáy như kéo gổ. Thỉnh thoảng ông Phi mấp máy môi, ngâm thơ trong giấc ngủ. Mấy con chim nhỏ trên cành, nghiêng đầu liếc mắt nhìn xuống hai ông bạn thơ nằm ngủ, rồi cất tiếng hót nhẹ nhàng như lời ru.

Khi hai ông thức giấc, thì nắng chiều đã nhạt và gác nghiêng nghiêng. Bầy ruồi và ong áo-cánh-vàng đậu đầy mấy đĩa thức ăn, chia phần ăn nhậu. Ông Tư đứng dậy vươn vai, nhìn cái nhà kho mà lo ngại. Khi bà Tư về, thế nào cũng cần nhần, to tiếng gây gổ ồn ào, vì hai ông chỉ mới cạo được vài mảng sơn nhỏ trên tường.

Ông Tư tuyên bố ngày làm việc đã mãn. Đưa ông Phi ra về. Ông Phi thì cứ nhìn lại cái kho, như ái ngại lắm. Khi ra khỏi cổng, ông Tư cầm tiền trả công

đưa cho ông Phi. Ông Phi gạt đi và nói:

“ Tôi có làm gì đâu mà trả công? Còn được ăn nhậu, đọc thơ, tâm sự dong dài. Đáng ra, nếu tôi có tiền, thì phải trả ngược lại cho anh là khác. Đừng làm tôi áy náy, không yên tâm.”

Ông Tư nài nỉ, nhét tiền dúm vào túi quần ông Phi, nói với giọng khẩn khoản:

“ Thì cũng mất một ngày công của anh. Được biết anh, có được một ngày vui như hôm nay, thì bạc ngàn cũng mua không ra. Đời có nhiều thứ còn quý báu hơn bạc tiền.”

“ Vâng, tôi nhận cho anh vui lòng, nhưng để cái kho đó, tuần sau tôi đến sơn cho anh, làm cho xong mới thôi, không nhận thêm đồng tiền công nào cả.

Chỉ cần cho tôi mượn vài cuốn thơ đọc chơi là được rồi.”

Hai ông bạn thơ cầm tay nhau cười sung sướng.

Bầu Bí Một Giàn

Bầu Bí Một Giàn là truyện ngắn hóm hỉnh với nhiều tình tiết cười ra nước mắt. Gia đình anh Phàn cũng như hàng triệu người Việt tị nạn khác, rời quê hương đến vùng đất tự do để có cuộc sống xứng đáng với số phận con người: được tự do, được yêu thương, được tôn trọng và được quý mến. Tuy nhiên, vì phải sống nhiều năm dưới sự cai trị, giáo dục nhồi sọ của cộng

sản, và chịu ảnh hưởng của chiến tranh nên anh Phàn và gia đình có lối hành xử không thích hợp trong một xã hội văn minh. Bởi những hệ lụy của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, anh Phàn và gia đình luôn nghi ngờ lòng tốt của người đồng hương và các cơ quan từ thiện. Tất cả tình tiết trong truyện đã diễn ra trong khung cảnh cười ra nước mắt. Có phải chăng tựa đề của truyện này đã được mượn ý từ câu ca dao:

*“Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”*

Tác giả đã ngầm nhắc rằng dù vạn dặm xa quê, nhưng chúng ta vẫn có cùng chung giòng máu Việt. Đùm bọc yêu thương cần sự nhần nhục, lòng nhân từ, và sự cảm thông nhất là với những người có cùng tiếng nói, màu da.

Huỳnh Kim Khánh

Người xưa viết rằng, tha hương mà gặp người quen biết cũ là một trong bốn cái thú lớn nhất trong đời. Tôi nghĩ, cần chi phải là quen biết cũ, tha hương mà gặp một đồng hương, cũng mừng đến lịm người đi chứ. Đó là trường hợp của anh Hy và tôi, khi gặp nhau trong cái thành phố Morris nhỏ bé, có dân số bảy ngàn người này, vào năm 1981. Tôi vì cơm áo, mà trôi dạt đến đây, gặp anh Hy. Anh được định cư trong thành phố này đã hơn một năm. Thế là có được hai gia đình Việt Nam trong thành phố nhỏ hiền hòa này. Không quen biết trước, mà chúng tôi quý và thân thiết nhau còn hơn cả anh em ruột thịt. Gia đình anh Hy có năm người, bà mẹ già, hai vợ chồng anh và hai đứa con nhỏ. Lần đầu tiên gặp chúng tôi, bà cụ mẹ anh Hy cầm tay vợ tôi mà mắt rưng rưng vì mừng, bà cứ vuốt ve lưng bàn tay vợ tôi mãi. Vợ tôi thân thiết ngồi ép sát vào bà. Bà cười nói sung sướng, như vợ tôi là đứa con gái của bà

thất lạc nhiều năm mới tìm lại được. Gặp người đồng hương là sung sướng thế đó. Chị vợ anh Hy thì không dấu được niềm vui, cười nói tíu tít, và nhìn hai vợ chồng tôi với ánh mắt đầy thiện cảm. Anh Hy hiền lành, ít nói, nhưng nụ cười trên môi nở mãi không tàn. Hai đứa con chưa biết gì, chạy nhảy, reo hò. Gia đình anh Hy sung sướng, chúng tôi cũng hân hoan mừng.

Một buổi tối, tôi đi làm về, được điện thoại của anh Hy, anh hớn hờ báo cho tôi biết rằng, sắp có một gia đình Việt Nam tị nạn đến thành phố này. Giọng anh vui mừng ríu rít. Ông bà người Mỹ bảo trợ mới thông báo cho anh biết. Ông bà muốn anh xếp đặt thì giờ, để cùng mấy người trong họ đạo đi đón người mới đến, vào thứ tư tuần tới. Tôi vội vã báo tin mừng cho vợ, và trong lòng nghe lâng lâng vui. Có thêm càng đông đồng hương, càng đỡ buồn, và thỉnh thoảng qua lại chuyện trò cũng bớt cô đơn nơi quê người. Vợ tôi bàn thêm, nếu thuận tiện, thì chúng tôi cùng đi đón gia đình Việt Nam tị nạn này cho vui, và tỏ cái tình thân thiết lúc ban đầu.

Suốt trong tuần, vợ anh Hy và vợ tôi soạn nồi niêu, chén bát, ly tách, muống dừa, chia bớt các thứ cần dùng trong nhà, để dành mà tặng cho gia đình mới đến. Mỗi khi bà Mỹ bảo trợ tiết lộ một tin tức gì về người sắp đến, chị vợ anh Hy vội vã điện thoại báo cho chúng tôi biết ngay.

Máy bay sẽ chở gia đình người tị nạn đến phi trường Chicago vào hôm thứ tư, lúc mười một giờ đêm. Hôm đó anh Hy bị cảm mạo, lên cơn sốt, thân nhiệt nóng hơn một trăm độ F. Hai ông bà người Mỹ bảo trợ kêu điện thoại cho tôi lúc bảy giờ tối, khi tôi mới đi làm việc về. Họ yêu cầu tôi thay anh Hy, đi cùng họ, để đón người tị nạn mới tới. Bỏ tắm rửa, tôi ăn vội vã, để

khởi hành lúc tám giờ rưỡi, phòng khi đường sá có gì bất trắc. Ông Mỹ bảo trợ tên là Gary có vợ là bà Eva, cả hai ghé nhà tôi để hướng dẫn và chỉ đường trên bản đồ. Tôi cũng run lấm, vì chưa bao giờ đi đến phi trường này, và thấy cái bản đồ ghi chằng chịt đường sá đan nhau, như cái nùi chỉ rối. Ông bảo tôi chạy bám sát xe ông, nhưng chưa được mười phút thì đã lạc nhau. Khi cách phi trường ba mươi dặm, thì xa lộ bị tắc nghẽn, vì chiếc xe vận tải hàng hóa bị lật, gây tai nạn dính chùm. Xa lộ bị đóng hoàn toàn. Khi vào đến phi trường, tôi bị lạc đường hai lần, chạy quanh mãi mới vào được nhà đậu xe. Ông bà Gary cũng đi lạc, và đến sau tôi. Tuyết rơi quá dày, nên máy bay cũng đến trễ. Ông Gary cầm cái bảng lớn, đề tên người chủ gia đình là Phan Ly, đưa lên cao trước cổng đi ra của hành khách. Gặp đáng người Á Đông nào, tôi cũng chăm chăm dòm kỹ. Cho đến khi hành khách không còn ai cả, thì ông bà Gary bối rối. Ông chạy đi hỏi hãng máy bay, họ bay xác nhận là có gia đình anh Phàn trên chuyến máy bay vừa rồi. Hai vợ chồng ông Gary và tôi, cầm cái bảng đề tên anh Phàn đi quanh các ghế chờ trên phi trường, thấy gia đình Á Đông nào, cũng chìa cái bảng tên ra trước mặt họ, để dò hỏi. Đi quanh ba vòng, mà không tìm được, ông Gary nhờ loa kêu, hỏi gia đình anh Phàn ở đâu, cho biết để người bảo trợ đón về. Cũng vô hiệu. Đi tìm gia đình anh Phàn cả tiếng đồng hồ mà không kết quả, cả ba người chúng tôi ngồi xuống ghế nghỉ một chốc với lòng vô cùng chán nản. Tôi bảo hai ông bà Gary ngồi chờ, tôi cầm cái bảng tên đi tìm một lần nữa. Tôi đi dò tìm tên từng gia đình trên cái túi ni lông mà họ xách trên tay, của cơ quan ICM phát, khi họ cho mượn tiền máy bay. Tôi đến gần một anh mang cà vạt đỏ, áo vét ba mảnh bên trong, bên ngoài khoác áo bành tô bằng da. Tôi nhìn tận cái túi, và thấy loáng thoáng tên Phàn, tôi đánh bạo hỏi:

"Anh là Phàn phải không?"

"Vâng. Tôi tên là Phàn, anh là ai?"

"Tôi đi theo hai ông bà bảo trợ người Mỹ đến đón gia đình anh. Sao nãy giờ chúng tôi đi qua đây nhiều lần, đưa cái bảng tên anh ra, mà anh lại ngồi im?"

- Tôi nói với giọng hơi mất kiên nhẫn.

Anh Phàn chỉ vào cái bảng và nói:

"Cái bảng này ấy à? Thấy ông Mỹ chìa ra trước mặt tôi ba lần, nhưng đâu phải tên tôi mà nhận. Tên ông Ly nào đó mà. Tôi là Phàn."

Tôi cười, nói nhỏ nhẹ:

"Đây là tên anh. Theo lối Mỹ, ghi tên trước, họ sau."

"Ngược ngao thế thì 'bố giời' mới biết được".

"Thế thì loa kêu tên anh nhiều lần, sao anh cũng chẳng trả lời?"

"Nghe được cái quái gì đâu?"

Tôi chợt nghĩ ra, nếu người ta có gọi tên tôi trên loa, chưa chắc tôi đã nghe kịp, huống chi anh Phàn là người mới đến. Tôi quay lại báo tin cho hai ông bà Gary, và giải thích tại sao không tìm ra. Ông bà Gary mừng, và tôi đọc được sự kiên nhẫn, chịu đựng của hai ông bà, khi đêm khuya không ngủ, tuyết đổ, lái xe cả trăm dặm, đi đón một gia đình ngoại quốc, khác màu da, khác chủng tộc, không hề bà con, không hề quen biết. Và trước đó nữa, phải làm bao nhiêu giấy tờ, mất bao nhiêu bao nhiêu thì giờ, tốn kém đủ thứ. Chỉ vì trái tim biết thương người mà thôi.

Gia đình anh Phàn có hai vợ chồng, năm đứa con, đứa đầu mười bốn tuổi, đứa út còn ẵm trên tay. Anh Phàn người da sậm, gầy ốm, cái má thóp, răng cở đen điu vì khói thuốc. Vợ anh thấp, trắng hơn, có bề ngang. Chị mang váy đầm dạ xám, áo vét, ngoài khoác áo bành tô cứng ngắt. Gia đình anh còn có một bà già mù, mang váy nâu, đầu quấn khăn mỏ quạ, răng nhuộm đen, trên mắt có che miếng vải đen, gọi tôi nhớ rõ hình vẽ trong cuốn sách Quốc

Văn Giáo Khoa Thư mà ngày còn bé tôi hay đọc. Bà cụ y hệt cái hình vẽ bà già mù trong sách. Trang phục của vợ chồng anh Phàn có vẻ sang trọng hơn cả ông bà bảo trợ nhiều, nhưng cũng không dấu được vẻ quê mùa.

Hành lý được chất lên cao trên bốn chiếc xe đẩy. Ông Gary , tôi, vợ anh Phàn, và cháu bé gái mười bốn tuổi, mỗi người đẩy một chiếc xe. Anh Phàn đi tay không thông thả, rút thuốc lá châm môi và hút trong hành lang, nhả khói mù làm bà Eva ho sặc. (Dạo này, chưa có luật gắt gao cấm hút thuốc nơi công cộng). Bà Eva đi dang xa ra khỏi anh Phàn, và ghé lại chiếc xe của cháu bé gái, phụ đẩy. Thấy đi mãi trong hành lang dài, anh Phàn hất đầu hỏi tôi:

"Sao không kêu tài xế lái xe vào gần đây, mà phải đi xa quá vậy?"

Tôi cười và trả lời:

"Tài xế? Tài xế là ông Gary và tôi đây. Xe đậu trong ga-ra là nơi gần nhất rồi, không có nơi nào gần hơn nữa".

Anh Phàn hỏi tôi:

"Anh làm tài xế cho ông bà Mỹ này? Lương trả có khá không?"

"Không, tôi làm việc cho công ty tư vấn. Ông bà Mỹ này nhờ tôi đi đón, phụ đưa gia đình anh về. Đường xa, anh có mệt lắm không?"

"Cũng mệt, nhưng chẳng can gì cả."

"Có lẽ anh nên đẩy xe giúp cho cháu bé thì hơn"- Tôi nói.

"Kệ nó, để nó làm việc cho quen"

Hành lý quá nhiều, hai chiếc xe hơi không đủ chở. May mắn ông Gary gặp người quen, ông gửi bạn mang về nhà, hẹn ngày sau sẽ đến lấy.

Vào ngày chủ nhật đầu tiên của anh chị Phàn trên đất Mỹ, chúng tôi tổ chức

một bữa tiệc lớn để chào mừng và đãi đồng hương. Anh Hy và tôi, mỗi gia đình đóng bảy mươi lăm đồng làm chi phí. Chị Hy và vợ tôi trở tài nấu ăn, rộn ràng nấu nướng từ sáng sớm tinh sương. Anh Hy kê thêm thùng giấy làm bàn, mượn thêm ghế của các gia đình bên cạnh. Chai rượu nho hồng đậm đặt trên bàn bên cạnh bình hoa giả. Anh Hy và tôi lái xe đến tận nhà anh Phàn đón tất cả mọi người, cả cháu bé còn bế trên tay. Ba gia đình vui vẻ nhập tiệc. Anh Phàn kêu bà cụ già mù bằng dì. Tôi cảm phục cái tình gia đình của anh Phàn, khi đem bà dì mù lòa đi vượt biển. Anh Phàn uống rượu rượu nho như uống nước ngọt, tu một hơi hết nửa ly lớn. Anh nói:

“Rượu này nhạt lắm. Có đế trắng hoặc rượu Tây mới đã miệng.

Anh Hy nghe vậy, vào bên trong lục tủ, lôi ra nửa chai Vodka, rót vào ly anh Phàn. Anh Phàn uống một hớp nói:

"Cái này mới thật là rượu.”

Khi đã ngà ngà, anh Phàn hăng say kể về cuộc chiến anh hùng chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta. Hạ máy bay Con Ma, bắt giặc lái. Máy bay của ta núp trong mây, chờ máy bay Mỹ đến thì bắn hạ rụng như sung chín. Anh kể công ơn bác, đảng, văn minh tiên tiến. Những chuyện này, tôi đã nghe nhiều lần khi còn ở bên nhà. Chị vợ anh Hy giận, nói lớn, hỏi sao anh không ở lại với bác đảng anh hùng của anh, mà lại đi qua Mỹ làm chi. Anh trả lời là sống với bọn đó không được, sống không nổi, đời sống thua con chó, khoai sắn còn không có mà ăn, chứ đừng nói đến cơm.

Khi vợ anh Phàn khoe cái hay của ông chồng, chị nói:

"Ông nhà tôi thế chứ khảnh ăn lắm. Chỉ thích ăn quả, chứ không thích ăn cơm.”

Chị vợ anh Hy nói:

"Sống với bác đảng, đòi cho rã họng ra, ở đó mà thích quà không thích cơm. Nói làm sao mà tôi không hiểu chi cả."

Mỗi tuần, các bà trong hội nhà thờ đến đưa vợ anh Phàn đi chợ hai lần. Họ nhờ chị Hy đi theo để hướng dẫn và thông dịch. Mỗi lần đi chợ về, thì chị vợ anh Hy cũng kêu điện thoại cho vợ tôi để than vãn:

"Chị biết không, lần nào em xấu hổ muốn độn thổ quách. Chị ấy lựa những tảng thịt bò đắt tiền nhất, lấy hai ba tảng to tướng. Lựa các thức ăn ngon nhất, đắt nhất trong chợ, chất đầy một xe cao nghệu. Em đoán chắc với chị rằng, cái bà bảo trợ chưa bao giờ dám đụng đến các thứ thịt đắt tiền đó. Bà bảo trợ cứ chỉ vào thịt gà, thịt heo, mà chị ấy lơ đi. Em thấy cái mặt bà bảo trợ nhăn như cái bị rách. Khi trả tiền, mặt mày bà tái ngắt vì số tiền phải trả."

Có lần vợ anh Hy khuyên vợ anh Phàn rằng, nên chọn các thức ăn có giá trung bình hoặc rẻ mà mua, vì chính ngay các bà bảo trợ, cũng rất ít khi dám ăn các thứ đắt tiền đó. Vợ anh Phàn lắc đầu mà nói rằng, mình không trả tiền, tội gì không lựa món ngon mà ăn. Từ đó , vợ anh Hy sinh ra có thành kiến với gia đình anh Phàn.

Các ông bà bảo trợ trong nhà thờ rất chu đáo. Mua cho các cháu bé áo quần, giày vớ, áo lót chống lạnh, áo khoác đi tuyết, sách vở, viết chì, viết màu, túi xách mang lưng để đi học, ghi tên cho các cháu đến trường. Khi họ đến thông báo cho gia đình anh Phàn, để hẹn ngày đem các cháu đến trường, thì

anh Phàn phản đối, nhất quyết không cho cháu gái đầu mười bốn tuổi đi học. Anh lấy lý do là nhà đông con đại, cháu này đã lớn, cần ở nhà giữ em, làm việc vặt, giúp mẹ nấu nướng. Ba bà bảo trợ cố gắng giải thích, qua sự thông dịch lỏm bẻm của vợ anh Hy, rằng luật pháp ở Mỹ bắt buộc trẻ con dưới mười tám tuổi phải đi học. Nếu không được đi học, thì cha mẹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Chị vợ anh Hy cũng chỉ hiểu lơ mơ lời các bà, và thông dịch cho anh Phàn. Anh Phàn cứ lắc đầu, nhất quyết không chấp nhận lời khẩn cầu của các bà Mỹ, cho cháu lớn đi học. Các bà cứ thuyết phục mãi làm anh Phàn nổi giận nói gần với chị vợ anh Hy :

"Con của tôi sinh ra, tôi muốn cho nó đi học hay không là quyền của tôi. Sao các bà ấy cứ muốn xía vào chuyện riêng của chúng tôi mãi thế."

"Pháp luật bắt buộc cho trẻ con đi học. Không phải các bà muốn đâu"

"Pháp luật nào mà lạ thế? Tùy hoàn cảnh gia đình mỗi người, mà cho con đi học. Nhà nước nào mà can thiệp vào? Đây là xứ tự do mà."

"Đúng, xứ tự do, nhưng không phải cha mẹ muốn làm gì thì làm. Pháp luật bảo vệ con trẻ dưới tuổi trưởng thành."

"Thôi, chị đừng nói nữa, tôi đã nhất quyết rồi. Tôi đã có phương án riêng cho gia đình tôi. Vô ích. Chị đừng tuyên truyền tôi nữa."

Vợ anh Hy tức cảnh hông, muốn khóc vì không phá vỡ được cái vỏ cứng rắn của anh Phàn. Chị cùng ba bà Mỹ chán nản ra về. Tối hôm đó, bà Eva điện thoại cho tôi, nhờ giải thích cho anh Phàn hiểu luật pháp Mỹ .

Tôi chưa kịp kêu cho anh Phàn để giải thích, thì điện thoại reo. Anh Phàn ở đầu dây bên kia. Anh than phiền là các bà Mỹ, và vợ anh Hy cứ ép anh, buộc phải cho đứa con gái đầu đi học. Anh nói là họ làm áp lực anh, họ vô lý. Còn bày đặt ra là luật lệ bắt buộc để dọa anh. Nghe giọng nói của anh, tôi cũng

phải chùn lại, vì biết rất khó thuyết phục anh trong lúc này. Tôi chỉ ừ ừ cho qua chuyện, và giả vờ theo phe anh, mà nói :

"Anh nói đúng, mỗi gia đình có hoàn cảnh riêng, giải quyết theo cách riêng. Không ai có quyền ép ai cả. Về luật lệ xứ này, thì tôi cũng không được rõ lắm. Hay là anh thử kêu điện thoại qua Oklahoma hỏi những người anh quen biết từ ngoài Bắc, mà họ đã đến xứ này từ lâu rồi, để biết thêm cho rõ. Biết chắc luật lệ, mà thi hành. Không ai có quyền ép mình theo ý họ, nhưng mình cũng không nên làm trái luật. Có gì thì anh cho tôi biết với."

Không biết anh có kêu điện thoại cho người quen ở Oklahoma hay không, nhưng sau cùng, anh Phàn cũng phải nhượng bộ yêu sách của nhà thờ, để cho cháu gái mười bốn tuổi đi học. Anh nói rằng : "Thôi, thì tôi cũng tạm thời lui một bước, mình mới đến đây mà căng quá cũng không nên. "

Các ông bà bảo trợ để anh chị Phàn nghỉ ngơi cho hoàn hồn trong hai tháng. Trời tuyết đổ bên ngoài, trong nhà đóng cửa kín mít, lò sưởi mở tối đa, anh chị và bà cụ bó gối ngồi trên ghế bành . Cái máy truyền hình nhấp nhem, nói tiếng Mỹ ồn ào. Anh Phàn bảo rằng, không đi tù, mà cũng giống như bị giam lỏng, bị quản chế. Ra ngoài thì trời lạnh, tuyết ngập, đi gần cũng không biết đi đâu, đi xa thì không có xe cộ.

Khi hội nhà thờ muốn kiếm việc cho anh chị làm, thì anh gạt ngang. Anh nói với ông bà bảo trợ, qua thông dịch của vợ tôi:

"Chưa biết nghe, biết nói chi cả chưa thể đi làm được."

Bà bảo trợ thuyết phục:

"Công việc cần làm, không cần nói, cũng không cần nghe."

"Khi nào chúng tôi nói và nghe giỏi như các bà, chúng tôi sẽ đi làm việc.

Gấp làm chi. Tôi cần đi học tiếng Anh cho giỏi."

Vợ tôi bảo rằng, dù anh học thêm năm ba chục năm nữa, cũng không thể nói và nghe bằng họ được. Đi làm việc, chỉ cần cố gắng làm. Còn nghe và nói, thì ai cũng lơ mơ, nghe một phần, đoán một phần. Mình không lớn lên tại Mỹ, thì hiếm hoi lắm mới nghe và nói giỏi tiếng Mỹ. Phải vừa làm, vừa học. Nhưng anh Phàn nhất quyết rằng, chưa nghe, chưa nói giỏi thì chưa chịu đi làm. Nghe vậy, mấy bà trong họ đạo, ngày nào cũng thay phiên nhau đến nhà anh Phàn dạy tiếng Mỹ. Mỗi ngày dạy bốn giờ liên tiếp. Các ông bà Mỹ tin tưởng rằng, trong vòng ít tháng, thì cả nhà sẽ giỏi tiếng Mỹ, không giỏi bằng họ, thì cũng một tám một mười. Trong những buổi học tiếng Mỹ, anh Phàn và vợ thấy buồn ngủ khủng khiếp, cứ rán chống mắt lên, mà cái đầu cứ gục lia lịa. Anh chị uống trà đậm chống cơn buồn ngủ cũng không hiệu quả. Anh chị thấy những buổi học này, như cực hình, như tra tấn, và nản lòng vô cùng. Học được phút trước, thì phút sau quên bống đi. Không nhớ gì cả. Anh chị kết luận, là cái óc của anh chị đã hư rồi, không thể học được gì nữa. Sau một tháng dạy liên tục, các bà Mỹ cũng nản lòng, bỏ lớp dần dần, và không đến dạy nữa. Kết quả vượt bực. Anh Phàn thì chỉ áp úng nói được hai chữ “yes” và “no”, vợ anh giỏi hơn, nói được rất ngọt thêm chữ “thank you”. Vợ tôi cho rằng, các bà Mỹ không có phương pháp sư phạm, nên dạy không kết quả.

Từ đó, anh Phàn mới chấp nhận là không thể học nói học nghe cho giỏi bằng các ông bà Mỹ được, và anh chị cần rảnh để cho nhà thờ thu xếp việc làm cho anh chị.

Mỗi buổi sáng tinh sương, anh Hy đến chở anh Phàn đi làm, buổi chiều chở về tận nhà. Có những buổi chiều, khi tan sở, xe anh Hy là một đồng tuyết khổng lồ, anh phải vất vả đào tuyết moi xe ra. Trong khi anh Hy quần thảo

với đồng tuyết, với nước mặng nước đá đông cứng trên kiếng xe, thì anh Phàn đứng hút thuốc lạnh lùng nhìn. Anh Hy bất bình, nhưng không nói. Một lần, mệt quá, anh Hy không nín được, quay qua hỏi anh Phàn:

"Anh không giúp tôi một tay dọn tuyết cho mau mà ra về?"

"Xe anh chứ có phải xe tôi đâu!"

"Nhưng... anh có đi trên xe này không?"

"Anh lái xe mà, đâu phải việc của tôi"

Anh Hy giận lắm, im lặng, và không nói với anh Phàn trong nhiều ngày liên tiếp. Anh Hy nói với tôi rằng, vì đã lỡ nhận lời gởi gắm của bà Mỹ bảo trợ, nếu không, thì anh chẳng chở anh Phàn đi làm nữa. Tôi an ủi anh Hy, khuyên anh đừng giận anh Phàn, vì đồng hương còn có ai đâu, giận nhau nữa thì còn ai. Nhiều khi anh Phàn cự nự anh Hy vì đã đến đón sớm hơn giờ quy định. Những khi này, anh Phàn rề rà cho anh Hy phải ngồi chờ thật lâu trong xe dưới tuyết đổ. Có lần anh Phàn ngần ngừ hỏi:

"Tôi hỏi thật, anh đừng dấu nhé. Nhà thờ trả cho anh mỗi tháng bao nhiêu, để anh đưa đón tôi đi làm?"

Anh Hy nghe mà buồn cười, hỏi lại:

"Anh hỏi làm chi vậy?"

"Hỏi cho biết bao nhiêu, nếu số tiền đó khá, thì tôi xin lãnh tiền, và kiếm chiếc xe đạp đi làm cũng được."

"Không có xu nào cả. Tôi chở anh miễn phí, vì anh là đồng hương, và vì tôi cũng đã từng qua thời kỳ mới đến định cư như anh. Đáng ra anh phải chia tiền xăng, tiền hao mòn xe với tôi mới phải lẽ."

"Tôi không tin."

"Không tin thì anh thử hỏi mấy ông bà bảo trợ xem."

Anh Phàn cười mũi:

"Có hỏi mấy ông bà Mỹ, thì vợ anh hay anh phiên dịch. Anh chị muốn nói chi mà không được. Thà đừng hỏi."

Anh Hy buồn lắm, nhưng không nỡ nói nặng lời, anh chỉ thờ dài:

"Năm ba năm nữa, nếu nhớ lại chuyện này, anh sẽ biết rõ sự thực."

Mỗi ngày, có xe nhà trường đến tận nhà chở ba cháu bé đi học. Cháu lớn học ở trường xa hơn, hai cháu nhỏ học trường tiểu học gần nhà. Anh Phàn nói rằng, nhờ đấu tranh gay gắt với nhà thờ về vụ cho đứa con lớn đi học, mà nhà thờ phải nhượng bộ, bằng cách đem xe đón tận nhà, đưa luôn ba đứa đi học. Chị vợ anh Hy giải thích rằng, trẻ con ở thành phố này, em nào cũng được vậy, không riêng gì các cháu con anh Phàn. Anh Phàn không tin và chỉ cười ruồi đáp lại.

Mùa đông miền Trung Bắc nước Mỹ, như mọi ngày đông khác, tuyết đổ ngập đường trắng xóa. Xe cào và thổi tuyết hoạt động liên miên. Muối được rải ra những con đường chính cho xe chạy. Một cháu trai nhỏ con anh Phàn đang ngồi trong lớp học, bỗng đứng dậy ôm sách vở ra về. Cô giáo cản lại. Hai bên trao đổi vài câu. Không ai hiểu ai. Cô giáo chỉ ra sân đầy tuyết trắng chất thành đống cao, như muốn nói cho em hiểu rằng không thể đi được, và dắt em về lại chỗ ngồi. Em rơm rớm nước mắt, và đứng dậy, nhất định ra về. Cản mãi không được, cô giáo kêu bà hiệu trưởng. Bà xuống lớp, khuyên bảo em. Hai bên cũng không hiểu nhau. Bà không thể để em bé bảy tuổi ra về một mình trong gió hú, trong tuyết cao chất đầy như thế. Bà cầm tay giữ em bé lại. Em khóc lớn. Hai bà giáo nhìn nhau thất vọng, không biết phải làm gì. Bỗng bà hiệu trưởng nhớ là em bé có con chị học trên nó hai lớp. Bà cho người đi kêu chị nó xuống. Con chị xuống gặp đứa em, nói vài câu. Xong, con chị nắm tay thằng em dẫn nó ra về. Hai bà giáo vội cản lại. Kéo hai em vào bên trong lớp. Cả hai đứa đều khóc ròng. Bà hiệu trưởng

dẫn hai chị em đưa bé về phòng, và kêu điện thoại cho bà Mỹ trong gia đình bảo trợ, nhờ giúp đỡ. Bà bảo trợ vào trường ngay. Bà dắt hai chị em về lớp, hai đứa không chịu đi, mà nhất định kéo nhau ra sân, để đi bộ về nhà. Ba bốn cô giáo họp lại bàn cãi. Một hồi sau, bà bảo trợ theo yêu cầu của các cô giáo, chạy xe đến công ty anh Phàn đang làm, xin cho anh được tạm nghỉ, đến trường giải quyết việc học của hai cháu. Anh Hy phiên dịch cho anh Phàn biết, là hai cháu không chịu học, mà đòi đi bộ giữa mưa tuyết, để về nhà. Anh Phàn giận hằm hằm và nói với anh Hy : "Con cái mất dạy. Đề tôi đến cho chúng vài bạt tai, cho bớt biếng nhác." Anh Hy vội vã níu anh Phàn lại, dằn dò: "Không được, đánh trẻ con thì cảnh sát còng tay đó . Đừng đại dột." Anh Phàn hất tay anh Hy ra, và chưa dứt cơn giận: "Vợ chồng anh được cái giỏi là hay hù dọa tôi mà thôi. Con cái mà không đánh cho sợ, thì thành hư đốn. Dạy con từ thuở nên ba." Anh Hy biết khó thuyết phục anh Phàn, bèn nói vọng theo: "Bớt nóng giận. Đừng đánh con, tội nghiệp. Có chi thì từ tốn, dạy bảo." Anh Hy sợ anh Phàn bị cảnh sát còng tay. Khi xe đến trường, anh Phàn hùng hổ, xăm xăm đi theo bà Mỹ đến gặp hai đứa con. Hai đứa bé mặt xám ngắt, trên mắt còn ướt sũng lệ. Anh lớn giọng gằn hai đứa bé. Sau vài câu trao đổi giữa ba cha con, mặt anh Phàn dịu xuống, đến nắm tay hai đứa con, dắt chúng ra về. Tuyết ngập trời, tuyết cao nghệu, các bà giáo cản cha con anh lại không cho đi. Không ai cho anh dắt trẻ con đi trong mưa tuyết lạnh lẽo này. Anh kéo con đi, nhưng một ông giáo to lớn như hộ pháp đang giữ tay hai em bé lại. Các bà giáo đang vây quanh thì lú lờng xôn xao. Anh Phàn nhìn đám thầy cô người Mỹ với ánh mắt tuyệt vọng, với nét mặt anh nhăn nhúm đầy đau khổ, anh vội cúi xuống, banh quần thẳng bé ra, và òa khóc lớn. Cả ba cha con cùng khóc vang thảm thiết. Mùi thôi tha bốc lên làm ngạt mũi. Mấy ông bà giáo người Mỹ cùng ồ lên một tiếng lớn, và cùng cười. Họ hiểu, em bé đã phóng uế ra cả quần. Em đã không biết nói

sao để xin cô giáo đi ra phòng vệ sinh, và cũng không biết phòng vệ sinh ở đâu, rần sức cầm cự, và khi hết chịu nổi, thì phóng ra quần.

Mỗi buổi chiều, sau khi anh Phàn đi làm về chừng một tiếng, thì có bà Mỹ đến chở vợ anh đi làm. Máy ông bà Mỹ xin cho chị được chân rửa bát tại một khách sạn sang nhất trong tỉnh nhà. Khoảng mười giờ rưỡi đêm, thì mấy bà Mỹ trong họ đạo chia phiên nhau, lái xe trong tuyết lạnh, đến chở vợ anh Phàn về nhà. Mùa đông tỉnh lẻ, họ ngủ sớm, mười giờ đêm là đã say giấc, họ phải để đồng hồ báo thức. Vợ tôi thường biểu lộ sự cảm phục lòng tốt của các bà trong họ đạo. Khuya lạnh, ai mà không muốn thảnh thơi, phải thức dậy đội tuyết ra đi là một cực hình. Có nhiều đêm, vì lý do bất khả kháng, các bà kêu tôi, nhờ đến đón chị Phàn về. Thời đó, dù sáng phải dậy lúc năm giờ, để kịp năm giờ rưỡi khởi hành, đi làm, nhưng tôi vui vẻ nhận lời ngay, để cảm ơn cái lòng tốt của các bà Mỹ, đã giúp cho người đồng hương của tôi. Có lần tôi bị cảm mạo, chóng mặt, mà không dám từ chối, sợ các bà cho là tôi không có lòng. Mỗi lần đi đón, thì tôi phải cào tuyết trên xe hơn mười lăm phút, chờ máy nóng mới đi được. Bởi thế, nên thường đến trễ. Chị vợ anh Phàn giận, không vui, ngồi trên xe mà không nói một lời nào. Cả không một lời cảm ơn, một lời chào khi được đón và khi về thâu nhà. Có lần chị nói :

"Nếu đón tôi, thì đừng đến trễ. Ngồi chờ rất nản."

"Tôi được các bà Mỹ kêu, nhờ đi đón chị, thì tôi đi ngay. Phải mang áo, phải cào tuyết, phải chờ xe ấm máy, nên hơi trễ, chị đừng buồn. Các bà người Mỹ tử tế quá, đêm nào cũng đi đón chị trong lạnh lẽo, mưa, tuyết."

"Tôi có nhờ các bà đâu. Họ bắt tôi phải đi làm việc đấy chứ. Hừ, tử tế!"

Tôi không buồn mà thương cho chị. Có lẽ anh chị Phàn hiểu lầm rất nhiều

về lòng tốt của những người chung quanh.

Một hôm, anh chị Phàn mời vợ chồng tôi, và vợ chồng anh Hy đến nhà, để nhờ chúng tôi một việc quan trọng. Hỏi anh chuyện gì, anh nói sẽ cho biết sau. Anh Hy cười nói với tôi rằng, sao cái lối nói này giống hết cách thức của công an nhà nước cộng sản hồi trước. Buổi chiều đi làm việc về, có “giấy mời” tối nay ra trụ sở công an, lý do "Cho biết sau". Cứ thế mà run, mà thắc mắc, không biết có chuyện gì, không biết có bị nhốt luôn hay không. Ra đi mà hồi hộp, mà dằn dò vợ con phải làm gì để sinh sống, nếu bị nhốt tù. Chúng tôi rủ nhau cùng qua nhà anh Phàn mà không phải hồi hộp, không phải lo lắng. Anh Chị Phàn cùng bà cụ đã ngồi sẵn trong phòng khách. Họ rót nước trà mời chúng tôi, xem bộ trình trọng, không lạt lẽo như thường ngày. Sau một hồi thăm hỏi xả giao, anh Phàn tăng hăng nói: "Tôi mời các anh chị đến đây, vì không còn ai có thể giúp cho chúng tôi được trong hoàn cảnh cam điếc này. Nhà thờ đã ăn chặn của gia đình tôi mỗi tháng hơn hai ngàn đô. Tôi van xin các anh chị, nói với các ông, các bà trong nhà thờ, cho chúng tôi lại số tiền đó, để tôi làm vốn, ra làm ăn buôn bán, kiếm sống, chứ đi làm cu-li cho hãng sửa tàu, cho khách sạn, thì biết bao giờ mới góc đầu lên nổi? Chúng tôi van lạy các anh chị, xin giúp chúng tôi, và vì thương các cháu nhỏ ..."

Cả bốn người chúng tôi bàng hoàng, không tin vào lỗ tai mình. Chị vợ anh Hy đáp ứng hỏi lại:

"Nhà thờ ăn chặn tiền của anh chị? Mỗi tháng hơn hai ngàn ? Sao? Anh nói rõ hơn được không?"

Anh Phàn gằn giọng, nói lớn, rõ ràng:

"Đừng vờ vĩnh. Gia đình tôi có tám người, nhà nước Mỹ cấp cho, ít nhất

cũng trên ba ngàn bạc mỗi tháng. Cứ cho tiền chợ, tiền nhà mà mấy ông bà bảo trợ chi cho chúng tôi, chừng mấy trăm là cùng, thì cũng còn hơn hai ngàn đồng mỗi tháng, chứ có ít đâu. Nếu không ăn chặn, thì tiền đó để đâu, vào túi ai?”

Chị vợ anh Hy tái mặt, hỏi:

“Ai nói với anh điều đó?”

“Chúng tôi biết rõ lắm, không cần ai nói cả.”

Anh Hy ôn tồn giải thích rằng, anh cũng đã đến đây trước. Anh rõ thủ tục. Ban đầu hội nhà thờ thuê giúp nhà, cho tiền chợ, mua cho đủ các thứ cần dùng hàng tháng. Rồi họ kiếm việc cho mình làm. Khi đã có lương tiền, thì mình phải tự túc lấy. Đó là chính sách của nhà thờ.”

Mặt anh chị Phàn và cả cụ già đều sậm lại. Giọng chị Phàn chua ngoét:

“Chúng tôi đâu có ngu. Tôi biết rõ hai ông bà Hy này là những con cò mồi của nhà thờ. Biết rõ đến mười mươi.”

Anh Hy run lên vì giận, chị Hy thì mặt đỏ bừng, thét lên the thé:

“Làm cò mồi để được cái gì? Ăn nói như những kẻ vô ân bạc nghĩa. Nói như vậy mà không biết tự xấu hổ sao? Giao thiệp với hạng người này thêm xấu hổ, thêm nhục nhã cho cái giống nòi mình mà thôi.”

Chị Hy kéo anh chồng đứng dậy, giận dữ ra về. Anh Hy quay lại nói với anh Phàn:

“Tuần tới, ông tự kiếm lấy phương tiện mà đi làm. Tôi không muốn làm mọi cho ông nữa.”

Vợ tôi cũng giận và muốn ra về theo vợ chồng anh Hy. Tôi làm dâu, bảo ngồi yên. Anh Phàn phân trần tiếp:

“Chuyện trợ cấp cho người mới định cư là luật của nhà nước Mỹ. Rõ ràng, không ai chối được. Chúng tôi đã biết rõ từ hồi còn ở trại tị nạn Hồng Kông. Nay nhà thờ ăn chặn tiền, rõ ràng thế, mà còn chối loanh quanh.”

Tôi thấy tội nghiệp cho vợ chồng anh Phàn, vì hiểu lầm, nên có nhiều suy nghĩ và hành động đáng tiếc. Tôi cũng không dám nói thẳng là anh đã hiểu lầm luật lệ. Biết là khó mà giải thích cho gia đình anh Phàn hiểu, không chừng càng giải thích, thì càng gây thêm nhiều ngộ nhận khác. Tôi ngồi im một lúc suy nghĩ. Anh Phàn nói tiếp :

"Bây giờ chỉ còn hai anh chị. Tôi nhờ anh chị ‘báo cáo’ lại cho nhà thờ những đòi hỏi chính đáng của gia đình chúng tôi. Chúng tôi kiên quyết đấu tranh cho đến thắng lợi cuối cùng."

Vợ tôi nghe cái giọng điệu giống hệt những anh cán bộ trong các buổi học tập chính trị bên nhà, thì phì cười, hết giận. Vợ tôi nói:

"Xem bộ mấy ông mấy bà trong họ đạo này dư công rồi nghề góm nhĩ. Mình ở xa ngàn dặm, không bà con, không quen biết, không ân nghĩa, không nợ nần, lại nai lưng ra bảo lãnh mình vào đây, cho nhà ở, cho cơm ăn, cho áo mặc, lo cho đủ thứ. Lại bị ghét bỏ, thật đáng đời. Của nợ giữa đường mà mang cống lên lưng. Anh chị xem, không biết họ bảo lãnh cho mình, thì được lợi lộc gì nhĩ ? "

Hai vợ chồng anh Phàn cùng nói lớn một lúc, với giọng chắc nịch:

"Đề lập thành tích chứ để làm gì. Ai mà không biết."

Vợ tôi bật cười ha hả và nói tiếp:

"Đúng. Lập thành tích dâng lên đảng !"

Tôi ôn tồn bảo vợ tôi đừng đùa nghịch. Tôi hứa sẽ cố gắng giúp hai anh chị Phàn và gia đình. Chữ hứa của tôi, trong thâm tâm, là hứa cố gắng giúp anh chị giải tỏa những hiểu lầm đáng tiếc, nhưng có lẽ anh chị Phàn tưởng là tôi sẽ đến nhà thờ đòi tiền “ăn quyt” giúp cho anh chị.

Chúng tôi về, ghé lại nhà anh chị Hy. Anh chị Hy chưa nguôi giận. Chị vợ anh Hy nói:

"Chúng nó là thứ vô ân bạc nghĩa, không biết đạo lý làm người. Khi nào

cũng ngoác miệng ra nói lời dóc lác, đao to búa lớn, nào là đấu tranh, nào là thắng lợi, kiên quyết. Nghe mà ngứa lỗ tai, chịu không nổi.”

Vợ tôi nói:

"Họ còn cho rằng, nhà thờ muốn lập thành tích nên bảo lãnh họ đến đây.”

Anh Hy phì cười, nói:

"Mấy ông bà trong họ đạo mà nghe câu này, chắc tức mà học máu chết hết không còn một mống. Thôi, anh chị cũng nên tránh xa gia đình anh Phàn, để tránh bực mình và rắc rối về sau. Những hạng người này, không chơi được.”

Tôi nói:

"Thôi, anh chị bớt giận. Tất cả cũng do hiểu lầm. Người ngoài, không cùng màu da, không cùng dòng giống, mà họ còn tận tình giúp đỡ. Mình không giúp nhau, thì làm sao cho lòng yên ổn được.”

"Nhưng họ nói cái giọng khó nghe của ‘bọn dân tộc anh hùng’, ngứa tai chịu không nổi.”

Tôi dụ giọng:

"Họ cũng là nạn nhân dài hạn của chế độ. Họ còn đáng thương hơn chúng ta nữa, vì chịu đã chịu đựng chế độ lâu dài hơn hai mươi mấy năm. Nếu chúng ta sống trong hoàn cảnh đó, được giáo dục theo lối đó, thì không chừng chúng ta tệ hại hơn anh chị Phàn bây giờ. Anh chị đừng buồn nữa. Thứ hai này, anh cứ đến chở anh Phàn đi làm như thường nhé. Chúng ta không thương nhau, thì ai thương chúng ta được?”

Anh Hy im lặng. Chúng tôi ra về. Không biết nghĩ sao, vào tối chủ nhật, anh Hy nhờ tôi điện thoại báo cho anh Phàn biết là sáng thứ hai, sẽ đến đón anh Phàn đi làm như thường lệ. Tôi nghe mà mừng. Nhưng anh Hy và anh Phàn vẫn còn buồn nhau. Cùng đi cùng về mà giữ im lặng, không nói một lời. Sau này, anh Phàn nói với tôi rằng: “Bố bảo, thằng Hy cũng không dám thôi đưa rước tôi đi làm. Nó còn phải rình mò, dò xét tôi, để báo cáo cho nhà thờ nữa

chứ.”

Mỗi sáng Chủ Nhật, các ông bà Mỹ đến chở toàn gia đình anh Phàn đi nhà thờ xem lễ. Với ý nghĩa làm ơn, làm phước, cứu vớt linh hồn của một gia đình ngoại đạo tội nghiệp, chưa biết đến danh Chùa Trời, đem ơn phước đến cho họ. Nhưng gia đình anh Phàn cần rằng chịu đi nhà thờ, là để làm ơn cho các ông bà Mỹ, làm họ vui lòng, may ra họ nghĩ lại mà trả lui số tiền họ đã ăn chặn. Chứ đến nhà thờ, theo anh Phàn nói, chỉ nghe xi-lô xi-la không biết họ nói gì, buồn ngủ lắm, ngồi lâu mỏi lưng, tê chân. Anh Phàn nói với tôi rằng: "Mấy ông bà Mỹ sang trọng, giàu có này, nhưng keo kiệt không ai bằng. Mỗi khi lễ xong, có người cầm cái vợt đi thu tiền, tôi thấy họ chỉ cúng vào vợt tờ bạc một đồng thôi. Để cho họ xấu hổ, nhục nhã, khi nào tôi cũng bỏ vào vợt mười đồng.” Tôi chỉ cười, không dám có ý kiến.

Một hôm anh Phàn lội tuyết qua nhà tôi vào buổi tối, đem tặng một gói trà Tàu bèo nhèo mà anh đã mua từ Hồng Kông . Sau một vài câu chuyện vu vơ, anh lôi trong túi ra một xấp điện tín có mười bốn tờ, đưa cho tôi xem, và hỏi những món hàng ghi trong điện tín có thể mua ở đâu, làm sao tìm ra tiệm bán giá rẻ. Tôi lật từng trang điện tín từ Hải Phòng, Hà Nội. Móng Cáy điện qua, do nhiều người khác nhau đánh đi, yêu cầu gửi những món đồ gia dụng như máy nghe nhạc, máy chụp hình, xe đạp đua, vải vóc, bột ngọt, thuốc trụ sinh và những món linh tinh khác nữa. Anh nói :

“Bên nhà tưởng tôi qua đây đi ăn cướp tiền của thiên hạ anh ạ. Tiền đâu mà đòi hỏi đủ thứ như thế này? Tôi cũng nhúc nhàu về mấy cái điện tín và thơ từ liệt kê dài lòng thòng các món hàng họ đòi hỏi. Điên lên được đấy chứ .”

Tôi an ủi anh:

"Bên nhà họ khổ quá, mình giúp đỡ được ít nhiều chi, thì giúp trong khả năng của mình. Anh lo buồn làm chi cho khổ tâm vô ích.”

"Người ta tưởng qua đến Mỹ là hốt tiền thiên hạ như hốt lá vàng. Mỹ nó ngu

cả hay sao? "

Tôi hứa khi nào rảnh, sẽ lái xe đưa anh lên Chicago, tìm các tiệm bán hàng cần thiết để anh dò hỏi giá cả. Anh hỏi vay tôi năm trăm đồng, có tiền lời mười phân, và sẽ hoàn trả lại khi lãnh được tiền trợ cấp. Tôi cười bảo anh: "Để tôi bàn lại với vợ tôi, thuyết phục vợ cho anh vay. Vì hầu bao trong gia đình do các bà nắm giữ, và giữ chặt lắm. Mỗi ngày tôi phải ngửa tay xin tiền quà, tiền xăng. Và nếu có cho anh vay, thì cũng không dám lấy lời. Ở Mỹ mà cho vay cắt cổ, thì cũng dễ vác chiếu ra tòa lắm."

"Tiền lời là do tôi đề xuất, và bằng lòng, chứ anh có ép tôi đâu? Anh tự quyết định cho tôi vay không được sao? Các anh yếu đuối quá, anh Hy cũng vậy, để cho vợ lấn lướt, qua mặt. "

Tôi cười, nói đùa:

"Đàn ông miền Nam chúng tôi không được dũng cảm như các anh. Mà khi ở trên đất Mỹ nữa , thì chúng tôi càng xù như sợi bún thiêu."

Làm việc được bốn tháng, anh Phàn bỏ việc mà không thông báo cho công ty, nên anh bị sa thải. Mấy người bảo trợ trong nhà thờ đến nhà anh tìm hiểu sự việc để giúp đỡ. Họ kêu vợ chồng anh chị Hy đi thông dịch, nhưng anh chị Hy từ chối. Họ đến nhờ vợ tôi. Nhóm nhà thờ gồm năm ông bà, đi hai xe. Họ hỏi lý do thôi việc. Anh Phàn lừng khừng đáp:

"Không muốn làm việc nữa, thì nghỉ."

"Thế anh đã kiếm ra việc làm khác chưa ?"

"Chưa"

"Không có việc làm, lấy tiền đâu chi tiêu, thuê nhà, ăn uống?"

"Tôi không biết!"

"Tại sao anh không muốn làm việc đó nữa? Có vấn đề gì không? "

"Không có vấn đề chi cả. "

"Anh có muốn nhà thờ tìm việc khác cho anh không?"

"Chưa muốn. Khoan đã."

Mấy ông bà trong nhà thờ lắc đầu, nhìn nhau, rồi nhìn anh Phàn với ánh mắt thương hại. Các ông bà hỏi, bây giờ anh muốn gì không? Anh nhờ vợ tôi nói, là muốn nhà thờ trả lại cho anh số tiền hơn hai mươi ngàn mà họ đang giữ giúp, để anh tính kế làm ăn. Vợ tôi tái mặt, không biết phải nói làm sao, để hội nhà thờ không bất bình. Ngập ngừng, vợ tôi nói trại ra rằng, anh Phàn tha thiết muốn biết những chi phí của nhà thờ đã chi tiêu cho anh, và ai đã đóng góp bao nhiêu, quỹ nhà thờ bao nhiêu, và nhà nước cho bao nhiêu, để anh tri ân họ. Các ông bà khoát tay, bảo là không cần thiết, đừng nghĩ đến, đừng thắc mắc. Vợ tôi năn nỉ, nói rằng, nếu không được biết những điều đó, thì anh Phàn cứ thắc mắc mãi, không yên tâm để làm ăn. Các ông bà cười sung sướng, thoải mái.

Cuộc đấu tranh kiên cường của anh Phàn gần thành công mà anh không biết. Khi nhà thờ thấy anh chị đều thôi việc, không chịu đi làm nữa, họ cũng quỳnh lên, lo lắng lắm. Họ đạo cũng nghèo, tín hữu cũng không giàu có chi, không thể đài thọ dài ngày cho cái gia đình đông đảo này được. Các ông bà bảo trợ chịu thua, định ngày đem gia đình anh Phàn lên sở xã hội xin trợ cấp của quận hạt. Nhưng anh Phàn loan báo rằng, anh sẽ dời nhà về Oklahoma City. Cả họ đạo thở phào. Anh Phàn có nhiều bạn bè quen biết trong trại tị nạn cũ, họ đã định cư ở Oklahoma, và biết rành mạch cách xin trợ cấp xã hội.

Anh Phàn nhờ tôi mua vé máy bay cho cả gia đình về Oklahoma City, đồng thời dàn xếp xe cộ để chở anh chị ra phi trường. Ông Gary và bà Eve hứa thuê một chiếc xe có thùng sau lớn, để chở hành lý công kênh của gia đình anh. Tôi và anh Hy, hai xe sẽ chở người trong gia đình. Anh Phàn nói nhỏ với tôi rằng, trước khi đi anh sẽ đốt căn nhà để trừ vào số tiền nhà thờ đã ăn quýt của anh. Ăn của ai thì được, ăn của anh thì nuốt không trôi đâu. Tôi can

gián, và dọa anh rằng FBI của Mỹ giỏi lắm, thế nào họ cũng điều tra ra. Và tội chi đi tù cho khổ thân, con cái không ai nuôi. Mình đến đây, đời sống còn dài, còn sức thì còn làm ra tiền. Vả lại, có đốt căn nhà, mình cũng không được đồng xu nào, chưa chắc đã hả được cái tức tối, mà mua thêm lo lắng vào thân. Lỡ cháy lan qua nhà lân cận, thì thêm tội nghiệp những người láng giềng tốt của anh. Anh nói rằng, nếu không đốt được nhà, thì trước giờ đi, anh sẽ phá cho tan tành, đập vỡ bồn cầu, nhà tắm, bể ống nước, phá tủ lạnh, đập bếp. Tôi cười bảo rằng, anh cứ lo đi trước, sau khi anh đến Oklahoma rồi, tôi sẽ thay anh làm các việc đó. Đừng làm sớm, mà họ giữ anh lại, không đi được, mất toi tiền máy bay.

Ngày anh Phàn ra phi trường, tôi và anh Hy xin nghỉ việc, thay phiên nhau đến nhà anh, lấy cớ là phụ soạn hành lý, nhưng thật tâm là để ngăn cản anh phá hoại căn nhà. Khi cả nhà lên xe hết, anh Hy chạy vào một vòng bên trong nhà, xem có gì hư hại không. Anh Hy ra xe và đưa hai ngón tay lên làm một vòng tròn, cho tôi biết là mọi sự tốt đẹp. Tôi thở phào.

Trong khi chờ máy bay, anh Phàn nhờ tôi nói với ông Gary và bà Eva rằng, qua Oklahoma, anh sẽ gởi tiền, mua vé máy bay, mời cả họ đạo của ông bà qua chơi, anh sẽ bao tiền sẵn ở, bao tất. Tôi dịch khác đi, nói là anh biết ơn hai ông bà lắm, và không bao giờ quên cái ơn bảo bọc lúc ban đầu này. Hai ông bà nghe xong cảm động, ôm chầm lấy anh chị mà nói cảm ơn rồi rít. Anh Phàn thì tưởng hai ông bà mừng vì được anh hứa cho vé máy bay, cả họ đạo sẽ được đi chơi.

Khi đưa gia đình anh ra máy bay, chúng tôi ôm nhau thân thiết, và mắt anh Phàn cũng rơm rớm, nói nhỏ với tôi, giọng run run rằng, thôi đừng phá căn nhà nữa. Tôi gật đầu.

Đưa gia đình anh Phàn đi rồi, anh Hy nói với tôi rằng: "Thế mà tôi cũng thấy buồn, trống trải, như mất mát một cái gì đó. Bây giờ chỉ còn hai gia đình

mình trong thành phố này thôi.”. Trong lòng tôi cũng thấy buồn.

Mười sáu năm sau, kể từ khi đưa gia đình anh Phàn về Oklahoma, tôi tình cờ gặp lại anh trong một tiệc cưới tại Houston, Texas. Anh nhận ra tôi, mà tôi không nhận ra anh. Vì bây giờ anh mập mạp, trắng hồng, ăn mặc chững chạc, không còn dáng quê mùa như xưa. Chị vợ anh thì sang trọng trong bộ áo kim tuyến lóng lánh, như cô ca sĩ. Anh ôm chầm lấy tôi, hỏi có còn nhớ ra anh là ai không. Anh nói: “Phàn đây, Phàn ở Morris, Illinois đây mà.” Tôi cũng mừng vui gặp lại người quen biết xưa. Anh xin chuyển bàn, để vợ chồng anh ngồi cạnh chúng tôi mà hàn huyên. Anh cho biết ở Oklahoma được hai năm, thì dọn về Houston, bây giờ cả hai vợ chồng đều làm việc cho một hãng sản xuất đồ nhựa. Suốt hơn mười mấy năm anh làm hai việc toàn thời gian, mỗi đêm chỉ ngủ năm sáu giờ thôi. Ngày nghỉ thì đi sửa chữa nhà cửa, ống nước. Hai cháu gái lớn đã có gia đình. Cháu trai kế thì vừa tốt nghiệp đại học. Bây giờ anh chị Phàn có ba căn nhà, một căn để ở, hai căn cho thuê.

Tôi mừng cho anh. Anh nói với giọng thành thật:

"Hồi mới qua, chắc anh chị buồn chúng tôi lắm. Nhiều năm sau tôi còn ân hận, và xấu hổ vì chuyện xưa. Bị thông tin sai lạc, tôi hiểu lầm, làm nhiều chuyện lỗ lã, kỳ cục, bậy bạ. Lại ăn nói ngang ngược. Tôi nhớ ơn anh chị, và cả vợ chồng anh Hy, chịu đựng được chúng tôi, mà không đâm cho vỡ mồm, học máu mũi. Càng lâu, tôi càng thấm thía cái câu ‘ Bầu bí một giàn’ của anh Hy nói ngày xưa.”

Chị vợ anh Phàn cười vui vẻ, nói tiếp:

"Ông nhà tôi thay đổi nhiều lắm rồi. Nhưng không bỏ được cái phét lác đã ăn sâu vào máu. Cứ một tác thấu trời.”

Chúng tôi cùng cười với nhau. Tôi nói đùa:

"Nếu phét lác mà không hại đến ai, thì cứ để anh phét lác cho sướng cái miệng. "

Anh Phàn ôm lấy vai tôi và lắc lắc, cười vui vẻ.

Đi Tìm Vui Thú Điền Viên

Vợ chồng tôi đến Mỹ gần chẵn mười năm. Những lo lắng ban đầu vì sinh kế đã tạm quên. Cũng đã thực hiện được “cái mộng của người Mỹ” là mua được căn nhà khá khang trang. Thêm vào đó, tiền tiết kiệm trong ngân hàng khá dồi dào. Cũng nhờ công sức hai vợ chồng, làm ngày làm đêm, làm không quản ngại khó khăn, không ngại thứ bảy, chủ nhật, đêm khuya, cứ có việc là có làm, có tiền là có chúng tôi. Chúng tôi chưa biết chê làm việc phụ trội bao giờ. Một hôm chủ nhật rảnh rang, thức dậy muộn, còn nằm trên giường, hai vợ chồng nằm gác chân nói chuyện tầm phào. Vợ tôi hỏi:

“Anh có nhớ câu : Một mai một cuộc, một cần câu của ông Nguyễn Bình Khiêm hay của ông Nguyễn Khuyến ? Câu này tác giả muôn nói gì anh nhớ không ?”

Được một người nguyên là giáo sư Việt văn các lớp thi tú tài hỏi về văn chương, tôi cũng khoái chí , làm bộ hiểu biết, trả lời:

“ Ông Nguyễn Khuyến hay Nguyễn Bình Khiêm, không cần phải nhớ ai là tác giả làm chi cho mệt, cứ nhớ là ông Nguyễn thôi cũng đủ rồi. Câu thơ ca

ngợi cái thú thanh nhàn khi sống nơi thôn dã.”

Vợ tôi nói tiếp :

“Ngày xưa, anh thường nói với em về giấc mơ khi đất nước hết chiến tranh.

Chúng mình sẽ về quê, mua mấy mẫu ruộng vườn, và vui thú điền viên.

Sống đời thanh thản hạnh phúc. Anh còn nhớ không?”

“Ừ, thì nhớ chứ. Giấc mơ ấp ủ suốt một thời niên thiếu mà. Tiếc thay, sau khi hết mùa chinh chiến, thì đến mùa tù tội. Mà không tù tội, thì cũng không thể nào vui thú điền viên được trong cái xã hội vô cùng kỳ lạ, vô cùng gò ép con người đó. Nghĩ cũng tiếc.”

Vợ tôi nắm chặt tay tôi, nói với giọng tha thiết:

“Bây giờ mình muốn vui thú điền viên cũng đâu có muộn. Cái mộng anh ấp ủ ngày xưa có thể trở thành sự thực dễ dàng. Hay là mình bán nhà, mua một nông trại, lấy hết tiền tiết kiệm ra đầu tư vào chăn nuôi, trồng trọt. Nuôi các thứ gà vịt thả trong vườn, bán cho đồng hương Việt nam mình, trồng các thứ rau ráng mà người Mỹ không sản xuất như rau muống, bí bầu, bạc hà, tàng ô, rau răm, rau thơm vân vân, chiếm luôn độc quyền

... Bây giờ mình muốn vui thú điền viên cũng đâu có muộn. Cái mộng anh ấp ủ ngày xưa có thể trở thành sự thực dễ dàng. Hay là mình bán nhà, mua một nông trại, lấy hết tiền tiết kiệm ra đầu tư vào chăn nuôi, trồng trọt. Nuôi các thứ gà vịt thả trong vườn, bán cho đồng hương Việt nam mình, trồng các thứ rau ráng mà người Mỹ không sản xuất như rau muống, bí bầu, bạc hà, tàng ô, rau răm, rau thơm vân vân, chiếm luôn độc quyền cung cấp cho thị trường. Và gửi máy bay chuyển hàng lên miền đông bắc, tây bắc nước Mỹ mà bán. Không chừng mau phát đạt, mà lại nhàn nhã, có cơ sở vững chắc cho con cái sau này tiếp nối.”

Nghe thì khoái, nhưng tôi thờ dãi:

“Em nghĩ cũng hay lắm. Nhưng anh tiếc công việc đang làm hiện tại. Lương

bổng cũng khá. Công việc làm đã quen. Mình trở thành chuyên viên rồi. Bỏ đi cũng uổng. Vả lại, công việc em đang làm cũng khá bền vững. Bỏ cái bền vững, đi tìm cái bấp bênh, anh cũng hơi ngại.”

Vợ tôi cũng thờ dài, tiếng thờ dài dài hơn và nảo nề hơn:

“ Công ty em đang làm, cũng chuẩn bị dọn qua một xứ Nam Mỹ, có nhân công rẻ hơn , để cứu vãn tình trạng thua lỗ từ mấy năm nay. Em chưa nói với anh, vì ngại anh lo.”

Tôi hỏi vợ:

“ Ai bày cho em cái kế hoạch lui về làm nông trại, vui thú điền viên này? Em đã nghĩ kỹ chưa, và có chương trình kế hoạch gì trong đầu chưa?”

Vợ tôi trả lời tự nhiên:

“Không ai bày cả. Cách đây mấy tháng, một đêm mất ngủ, em bật truyền hình lên . Xem một phim kể về đời sống ở nông trại thời xưa. Sao mà thanh bình hạnh phúc như trong mộng. Đời sống dễ thương quá. Và những lần đi chợ Á Đông, em thấy họ bán rau muống, rau màu Việt Nam đất như vàng . Bán khoai mì đất như sâm nhung. Em nghĩ mình có một nông trại sản xuất ra các thứ hiếm hoi này mà cung cấp cho các chợ, thì có thể hốt tiền thiên hạ như hốt lá. Anh xem, những lần tiệc tùng họp bạn, mà có thịt gà tươi chạy bộ , ai ăn cũng khen rồi rít, xít xoa. Đó là chưa kể mình nuôi vịt bán cho thiên hạ làm tiết canh. Mình cứ đánh đúng vào thị hiếu của họ, thì mặc sức mà hái ra tiền. Chỉ một thời gian ngắn thôi, là hai vợ chồng mình thanh nhàn sung sướng, thông thả, và khi đó thì có thể khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên, chứ không làm việc túi bụi như bây giờ. “

Nghe vợ vẽ vời hay quá, cái lãng mạn đã ngủ yên trong tôi bỗng dựng thức giấc xao xuyến. Thanh nhàn, sung sướng, ai mà không ưa, họa là khờ. Và lại còn khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên, chao ôi, đẹp quá chừng. Dù khoái tai với cái mộng tưởng của vợ, tôi cũng thử vợ tôi thêm:

“ Em cũng biết, nhà anh suốt mấy đời chưa hề làm nông, chưa ai cầm đến cái cuốc, cái cày. Ông nội anh là nhà nho thất chí, suốt một đời mang áo dài the, cấp cái dù đi lang thang nhà bạn bè bàn chuyện cần vương hưng quốc, ba anh thì là nhà giáo, anh suốt đời cầm bút làm việc trong văn phòng, có biết chi về canh nông, về chăn nuôi, mà dấn thân vào đó.”

Vợ tôi hăng hái thuyết phục thêm :

“ Anh cũng đã từng bị đi tù cải tạo, học tập lao động mấy năm, cũng đã cuốc đất trồng khoai, cũng có chút kinh nghiệm phần nào rồi chứ. Việc nào rồi cũng quen đi. Anh xem, ngày mới qua Mỹ, mình đâu có biết việc gì, mà rồi việc gì khó khăn đến đâu, cũng làm được cả. Đi qua biển với ngàn hiểm nguy như thế, còn làm được, thì việc gì mà không làm được?”

“ Này, sao cái luận điệu của em hao hao giống luân điệu của những kẻ tự xưng là nhân dân anh hùng, họ thường bảo rằng vượt Trường Sơn đánh Mỹ còn được, thì việc gì mà không làm được. Anh nói thêm cho em rõ, học tập lao động trong trại tù, là học được cái trầy lười, cái làm cho có. Và nếu lao động như thế để kiếm ăn, thì đói cho vẫu mả ra.”

Cứ thế, vợ tôi nhẹ nhàng thuyết phục tôi về một cuộc đời vui thú điền viên, về cái hạnh phúc đơn sơ trong thanh nhàn, cái an bình trong tâm tưởng, được làm chủ lấy mình, không tùy thuộc vào công ăn việc làm của người khác, không lo kinh tế nay lên mai xuống, bấp bênh sục sôi.

Thấy vợ tha thiết với nông trại, mà những vẽ vờ của nàng cũng đẹp thật, tôi cũng muốn làm vui lòng vợ một lần. Vợ tôi đã khổ, đã chịu nhiều cay đắng trong đời khi chồng đi tù, khi chồng về tù , và đã theo tôi đi qua bao đoạn đường chông gai khó khăn của cuộc đời. Mơ ước của vợ tôi về cuộc sống nông trại, cũng rất chính đáng. Tôi bằng lòng bán nhà, mua đất làm ăn.

Chưa bán được nhà, mà chúng tôi đã được mấy ông hành nghề địa ốc lôi chạy. Chạy đôn chạy đáo theo mấy ông từ vùng này, qua vùng kia, để xem

đất, để xem các bảng tính toán lỗ lời do các ông đưa ra. Hình như cuộc đất nào cũng tốt, cũng đem lại một tỉ suất lời cao. Cuối cùng, chúng tôi cũng mua được một sớ đất năm mẫu, cách thành phố Dalas bảy mươi dặm về hướng bắc. Lái xe chừng hơn một giờ thì đến thâu.

Năm mẫu đất nằm giữa đồng không mông quạnh, gió thổi vun vút, mùa hè bụi lốc xoáy mù. Chủ đất và người hành nghề địa ốc dẫn tôi đi, lội cỏ lút đầu gối để chỉ các cột mốc ranh giới. Tôi và vợ đi theo, mà thở hồng hộc, vấp té mấy lần.

Học theo các chủ nông trại đi trước, chúng tôi mua một căn nhà tiền chế có ba phòng ngủ, hai phòng tắm và thuê xe kéo về đặt trên thửa đất. Căn nhà trông bên ngoài cũng rất mỹ thuật, đẹp đẽ. Phòng ốc bên trong xếp đặt rất hợp lý và sáng sủa. Ngồi trong nhà, không có cảm giác chi là căn nhà tiền chế. Vợ tôi khen, căn nhà này còn mới, và rộng không thua chi căn nhà cũ của chúng tôi. Nhìn cái xe của hãng sản xuất nhà tiền chế kéo cái nhà về đặt trên sớ đất mà ngán. Cái nhà dài lòng thòng, và rộng bề ngang, kéo đi choán hết bề rộng mặt đường. Hãng phải xin giấy phép đặc biệt để kéo đi. Cái nhà về đến trước đường cái, chiếc xe từ từ nhích vào nơi chúng tôi muốn đặt căn nhà, mới chạy được một đoạn ngắn, thì bánh xe lún xuống đất bùn nhão nhẹt và quay tít. Lui không được mà tiến cũng không xong, tiếng máy xe gầm lên từng hồi như con thú bị thương. Thì ra vì trời mưa suốt tuần trước, làm đất mềm và nhão, không đủ sức cho bánh xe cán lên. Ông tài xế râu ria xồm xoàm và ăn mặc áo da, giống như mấy tay gang tơ trong phim xi nê nhảy xuống xe và chửi thề om xòm, làm như chính tôi là thủ phạm làm xe ông mắc lầy. Tôi lảng ra nơi khác, không muốn thấy cái thái độ thiếu lịch sự của gã. Ông đòi mượn ván gỗ để chêm bánh xe, tôi làm sao có được, y chạy lui chạy tới như gà mắc đẻ, rồi hét lớn;

“ Tại sao không cho biết đất còn mềm, bây giờ làm sao mà lui ra đây?”

“ Tôi làm sao mà biết được đất cứng hay mềm mà nói? Đâu phải là chuyện của tôi?”

“ Thế thì cái nhà này của ai đây? Không phải của anh chắc?”

Ông tài xế lên xe, dùng điện thoại kêu về công ty và ngồi chờ. Chừng hơn một giờ sau, có chiếc xe khác tới phụ, lôi chiếc xe bị lún bùn ra. Cái nhà bị đẩy giật tới, giật lui, lúc lắc. Cuối cùng, cái nhà được tạm thời hạ xuống bên đường lề đường, và lún ra, choán gần hết mặt lộ. Cái nhà nằm khơi khơi trên con đường trông rất chướng mắt. Ông tài xế bảo tôi:

“ Cứ để tạm đó, chờ khi nào đất khô rồi kéo vào.”

Tôi vô cùng bối rối. Cái nhà choán mặt đường, xe cộ ngược chiều đi qua không thấy nhau, và phải nhường cho nhau đi qua trong một phần nhỏ hẹp của lòng đường còn lại. Mà chẳng có bảng hiệu, bảng thông báo trước để xe chuẩn bị mà tránh nhau.

“ Thế thì bao giờ cái nhà mới được đem vào bên trong” Tôi lo ngại hỏi anh tài xế.

“ Không biết. Chờ”

“ Để ngoài đường như thế này rất nguy hiểm cho người lái xe. Lỡ họ tông hư nhà thì làm sao”

“ Anh không phải lo” Ông tài xế trả lời tôi như nói với đứa con nít..

Không biết làm gì hơn, tôi cùng vợ lái xe về, mà trong lòng không yên. Hôm sau, chúng tôi đến lại cuộc đất, thì thấy cảnh sát đã gài giấy phạt, và hăm phạt tăng nhiều lần nếu còn để cái nhà choán đường lưu thông. Tôi đem giấy phạt về công ty bán nhà và than phiền với hãng. Ông chủ hãng này không tiếp tôi, mà giao cho người khác giải quyết. Anh chàng này nói năng rất từ tốn, bảo là hãng sẽ giải quyết ngay, đừng lo. Thế nhưng cả tuần sau, cái nhà mới được đưa đúng vào vị trí mong muốn. Tôi tưởng đặt nhà là ở được.

Nhưng không. Đi tiêu đi tiểu và nước thải đổ vào đâu? Không lẽ lấy cuốc

đào chút đất trong vườn, sau khi đi tiêu, lấp lại như ở nhà quê sao? Thế là phải chạy đi mua cái hầm tiêu tự hoại. Mua thì dễ, mà giấy phép đặt hầm cầu, thì có những chi tiết kỹ thuật bắt buộc phải cung cấp cho văn phòng quận . Lại mất thêm tiền cho công ty kỹ thuật lập hồ sơ. Cái nhà tiền chế bị dịch lui dịch tới nhiều lần, làm gãy các ống nhựa bắt sẵn bên trong, cho nên khi nối đường nước vào, thì nước chảy tung tóe. Ướt hết từ trong ra ngoài. Tôi đứng nhìn mà ngao ngán. Phải chờ thêm mấy ngày để chờ thợ ống nước đến sửa chữa.

Khi tôi đến công ty điện, công ty nước để xin nối điện, nối nước vào nhà, tôi mới giật mình thấy cái bảng ước tính chi phí bắt điện, bắt nước. Nhà tôi xa đường dây điện chính, phải trồng thêm nhiều trụ điện khác, mới chạy được đường dây vào. Tôi phải chịu phí tổn đó. Không ai nói trước cho tôi điều này. Dù chi phí cao đến mấy, tôi cũng phải cắn răng mà ký tên vào tờ giao kèo, thỏa thuận. Không lẽ phải mua máy điện riêng, lòi thoi chịu chi nổi. Đã đâm lao thì phải theo lao, chứ làm sao bây giờ. Đường nước, thì tôi may mắn hơn, nước đã đến cách cuộc đất chúng tôi không xa lắm, nhưng cũng phải chi tiêu khá nhiều để chuyển nước từ ống chính vào. Công ty nước đào đất, chuyển ống đến đồng hồ mà thôi, sau đồng hồ nước là mình phải tự lo lấy. Thợ ống nước tính tiền ngọt lắm, đào xới, lấp ráp, sửa chữa, chút chút là đòi bạc trăm, bạc ngàn, mình không có dụng cụ, và không có kinh nghiệm, nên cứ cắn răng mà trả, có kêu ca cũng vô ích. Tôi đứng quan sát các anh thợ, để học lóm nghề, thì ra cũng dễ dàng như chơi. Chịu khó mua một ít dụng cụ, thì cũng có thể tự làm được. Nhờ học lóm, mà sau này, tôi tự chạy đường nước tưới cây trong vườn.

Bốn góc nhà, tôi bắt thêm bốn vòi nước, để dễ câu ra vườn. Đất mùa mưa nhão nhẹt, không chạy xe vào nhà được, tôi kêu xe đồ sạn trắng, làm thành một vòng cung ngay trước nhà. Cái đỉnh vòng cung là cửa vào nhà, hai chân

vòng cung nổi ra đường. Phải đặt ống cống cho nước trong mương bên lề đường thông thương. Khi xe vào vườn, chỉ cần chạy một chiều, vào bằng một cửa, ra bằng cửa khác. Vợ tôi ví cái đường vòng cung này với sân tòa Bạch Ốc, cũng sang trọng và đẹp không kém.

Vợ tôi sung sướng ngâm nga “Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ. Người khôn người tìm chốn lao xao”. Ngâm đi ngâm lại mãi. Vợ tôi bàn rằng, làm thêm một cái bệ gỗ bên cạnh nhà, che song gỗ bên trên, mùa hè ban đêm cả gia đình ra ngồi ngắm trăng, uống trà ăn kẹo ngọt, để nhớ miền quê Việt Nam. Cũng để xem ông thi sĩ miền Bắc nước ta, bốc thơm đàn anh Trung Quốc rằng “Trăng nước Mỹ không đẹp bằng trăng Trung Quốc” có đúng không. Nghe đã lỗ tai, tôi mua gỗ về hì hục, cửa đóng cả tuần mới xong. Tốn tiền, mà sau này vì công việc nông trại tôi mất, tắt máy, chưa bao giờ có thì giờ rảnh ra ngồi ngắm trăng uống trà, chỉ có những khi mệt vã mồ hôi, ngồi bệt lên sàn nghỉ một chốc mà thôi.

Bây giờ thì phải làm hàng rào bao quanh khu vườn lại. Tôi mua cọc sắt, và lưới làm hàng rào. Loại cọc mà bên Việt nam mình kêu là cọc sắt áp chiến lược, và loại lưới gọi là lưới B40. Nhìn vào bảng ước tính giá mua cọc và lưới mà mặt vợ tôi nhăn lại như ăn dấm chua. Cũng mất mười mấy ngàn đồng. Không thể chịu đựng nổi chi phí này, tôi quyết định chỉ rào khu chăn nuôi thôi, còn khu trồng trọt thì cứ để trống. Ai mà chạy xe ra đến đây để ăn cắp hoa màu của mình. Nước Mỹ chó đâu phải châu Phi mà lo. Hăng bán cọc sắt và lưới đổ cho tôi một đồng lớn trong vườn. Mình phải tự làm hàng rào lấy, chứ thuê thì tiền đâu mà chịu nổi. Tôi mua búa tạ và thang xếp, làm thành cái dàn. Con gái tôi mới mười bốn tuổi, giúp bố giữ cây cọc, tôi leo lên, dùng búa giáng xuống. Sức động của búa rung cây cọc sắt, làm tay con tôi đau buốt và buông cọc ra mà kêu thét lên. Tôi phải làm một nùi vải, chêm vào tay cho nó cầm. Cứ đóng vài ba búa, là thấy cọc có chiều nghiêng

ngiêng, không đứng thẳng được. Tôi phải leo xuống, dùng dây dọi điều chỉnh rất khó khăn. Vợ tôi đứng nhìn và nói:

“Đóng cọc theo lối này, thì không chừng tốn cả năm trường mới xong được.”

Hai bàn tay tôi đỏ và sưng lên. Con gái tôi cũng nhăn nhó mặt mày vì cái trò chơi không mấy hứng thú này, và phải đứng ngoài nắng gió cả buổi. Để việc rào đậu chóng hoàn tất, tôi phải tính đến chuyện thuê người làm phụ. Tôi bàn với vợ, thuê một anh người Mỹ. Vợ tôi ngại sẽ bị lôi thôi với pháp luật, vì thuê người nhập cảnh bất hợp pháp. Tôi bảo rằng, tôi không ra ứng cử dân biểu, nghị sĩ, thì sợ gì, có ai mất công mà tố cáo tôi thuê người nhập cảnh bất hợp pháp.

Sáng hôm sau, tôi lái xe về phía Nam nông trại, đi mất chừng hơn nửa giờ, đến gần khu có cây xăng, nơi đây các thanh niên người Nam Mỹ thường hay tụ tập, đứng lóng ngóng chờ người đến thuê đi làm. Xe tôi vừa đậu lại, thì có hơn hai chục thanh niên vây kín, lao nhao đòi đi làm. Có vài anh còn nhảy lên thùng xe ngồi đó. Không ai biết tiếng Anh, mà tôi thì mù tịt tiếng Mỹ. Họ biết tôi cần người làm, tôi biết họ cần việc làm, nhưng không ai nói cho ai hiểu là phải làm việc gì. Tôi nhảy xuống xe, đứng cong lưng, hai tay đưa lên đưa xuống, ra dấu đóng cọc. Họ à à gật đầu và cười, nói “Ô kê, ô kê”. Tôi ra dấu, đưa một ngón tay lên, bảo là chỉ cần một người thôi, thế mà bốn năm người nhảy lên thùng sau xe ngồi, và chục người khác bu theo nhao nhao, nói gì tôi không hiểu. Tôi chán quá, la lên và khoát tay, và lắc đầu, có ý bảo họ là không thuê ai nữa cả, đồng thời ra dấu cho mấy người ngồi trên xe tôi đi xuống. Phải lâu lắm, tôi mới rời được đám người này. Khó quá, mình không biết nói, mà họ cũng không hiểu mình, và cứ đeo theo đòi đi làm. Tôi lái xe đi, giả vờ như không thấy những người Mỹ hai bên đường đang ra dấu, hỏi tôi có thuê họ hay không. Dừng xe lại là họ nhào đến,

không đi được. Tôi đang phân vân, chưa biết phải làm thế nào, thì thấy có một anh Mễ to lớn, mập mạp, đang đi một mình trên đường, tôi chạy xe chậm lại, và hất đầu làm dấu như hỏi anh ta có muốn đi làm việc hay không. Anh vui vẻ gật đầu, tôi mở cửa cho anh lên xe, thì thấy có nhiều người khác chạy gấp về phía tôi, và la lên, có người nín xe. Tôi phải xua tay, và rồ máy chạy thẳng. Đến một góc đường xa, tôi dừng xe lại. Hỏi anh Mễ muốn tôi trả bao nhiêu một ngày. Hai bên không hiểu nhau, anh Mễ cứ đực mặt ra, như người điếc. Tự nhiên tôi cảm thương anh Mễ, vì anh làm tôi nhớ tới thời mới tới Mỹ, ai nói gì cũng không hiểu và chỉ cười. Tôi lấy giấy ra, ghi số tiền tôi muốn trả cho anh ngày hôm nay, cao hơn lương lao động tối thiểu chừng mười lăm phần trăm. Anh Mễ lắc đầu, ghi số tiền gấp đôi. Tôi ra dấu cho anh xuống xe. Anh lấy giấy ghi số tiền thấp hơn. Tôi lắc đầu. Cuối cùng, anh bằng lòng làm việc với số tiền công tôi ghi ban đầu.

Đi bóc người, vừa đi vừa về mất hơn hai giờ, rồi buổi chiều phải mang trả anh ta tại chỗ cũ nữa. Nhưng không thể làm việc một mình được.

Tôi dẫn anh Mễ vào, dắt đi quanh vườn, ra dấu cho anh biết là tôi sẽ đóng cọc hàng rào quanh khu này. Hai người nói chuyện với nhau bằng tay, ra dấu, và tôi nói tiếng Anh, anh ấy nói tiếng Mễ. Tôi cầm cọc sắt cho anh Mễ đóng. Tôi nghĩ là với cái tướng dáng to lớn vạm vỡ đó, anh chỉ đóng ba búa cho mỗi cọc, là đi tuốt xuống đất sâu. Nhưng không ngờ, anh Mễ dáng búa lên, và gõ nhẹ xuống cây cọc, như sợ cây cọc đau, cứ từ từ chầm chầm búa xuống, thông thả nhàn nhã và nhẹ nhàng. Đóng mãi mới xong được một cây cọc. Vợ tôi đứng nhìn. Khi đóng qua cây cọc thứ hai, thì vợ tôi hỏi:

“ Anh ơi, ông Mễ múa thể dục Tài Chi hay sao mà yếu điệu và khoan thai thế. Đóng cọc theo lối này, thì biết đến thuở nào mới xong được?”

Tôi cũng nóng ruột với cái dáng điệu khoan thai của anh Mễ, kêu anh xuống thang, và bảo anh cầm cây cọc cho tôi đóng. Anh cầm cây cọc chắc lắm, tôi

cứ đóng xuống là thẳng đứng. Ủ thì ít ra cũng xử dụng được cái sở trường của anh này. Tôi tự an ủi là dùng người như dùng gỗ, dùng cái ưu điểm của anh ấy thôi. Chưa lao động quen, mồ hôi cứ vã ra như tắm, và tôi uống nước liên tục. Cứ nửa tiếng, là tôi nghỉ ngơi một chốc. Vợ tôi phàn nàn rằng, thuê người để họ làm, chứ đâu phải thuê người về vịn cây cọc. Sau này tôi mới được các bạn bè cho biết, họ làm theo đồng tiền được trả, khi cho là ít tiền, thì họ làm ít. Tiền nào của đó, và một lý do nữa, là họ làm chậm, thì hy vọng công việc làm được nhiều ngày hơn.

Buổi chiều, trả tiền cho anh Mễ, anh kỳ kèo đòi thêm, cứ đưa tay ra mãi.

Bực quá, tôi cho thêm năm đồng, anh vẫn chìa tay ra, tôi lắc đầu cương quyết không là không. Vợ tôi thấy tôi cho thêm tiền, tiếc của la lối :

“ Không làm được gì mà anh còn cho thêm tiền ư?”

Vợ tôi kéo tôi ra nói nhỏ :

“ Em nghĩ anh Mễ này không được lương thiện lắm. Cứ nhìn trộm em hoài., làm em sợ. Chắc mình phải mua súng, để tự vệ. Chứ nơi đồng không mông quạnh này, có chuyện gì xảy ra chẳng biết làm sao.”

Tôi cảm thấy lo, nói cho vợ yên lòng:

“ Ủ, để rồi tính sau. Dễ mà, xứ này mua bao nhiêu súng cũng được, bất cứ loại súng nào.”

Tôi ra dấu cho anh Mễ lên xe, để tôi chở trả anh về nơi cũ. Khi đến gần nơi xuống xe, anh nói : “ Mà nha na, mà nha na” (manāna: ngày mai), có ý muốn ngày mai làm việc nữa. Tôi chỉ hiểu tiếng ngày mai thôi. Lắc đầu, tôi nói “ Nô mà nha na.”

Chẳng thể không thuê người phụ đóng cọc được, hôm sau tôi lái xe về nơi cũ. Khi đi ngang chỗ các anh Mễ, tôi gia tăng vận tốc chút xíu, thế mà cũng có những cánh tay đưa ra ngoắt tôi. Lòng tôi lại chột chùng xuống, và thương những người lìa bỏ quê hương đi kiếm ăn. Tôi nghĩ đến thân phận

mình may mắn hơn, được vào Mỹ hợp pháp ,được đi làm và cũng có cơ hội đồng đều như người Mỹ sinh trưởng tại đây. Tôi liếc mắt tìm những anh Mễ đứng đơn độc, và chạy xe chậm lại kèm sát một người đang đi ngược chiều. Tôi hát đầu làm dấu, anh Mễ gật đầu. Tôi mừng vì anh này biết lỏm bỏm tiếng Anh. Tôi đưa giá, anh bằng lòng ngay. Anh này cao, gầy, rắn chắc, tên là Pedro.

Rút kinh nghiệm ngày hôm qua, tôi không nói trước là phải làm bao nhiêu hàng rào để họ khỏi tính chuyện câu giờ. Tôi giữ cọc sắt cho Pedro đóng xuống. Anh đóng ào ào, mỗi nhát búa tạ của anh làm cây sắt đâm sâu xuống đất, sâu gấp hai lần mỗi nhát búa của tôi. Tôi bằng lòng lắm. Vợ tôi đem nước cam và thức ăn, cùng trái cây ra đãi trong khi chúng tôi nghỉ xả hơi. Ngày hôm đó, chúng tôi đóng được gần ba lần ngày hôm trước. Vợ tôi vui ra mặt và nói với tôi:

“ Sao anh không đề nghị cho Pedro làm khoán , có lẽ mình đỡ mệt, mà đi lo việc khác.”

Tôi cố gắng lắm mới nói cho Pedro hiểu. Anh bằng lòng làm, và cho một cái giá thấp mà tôi không ngờ được. Tôi chở Pedro về, và hẹn hôm sau trở lại đón lúc bảy giờ sáng. Hôm sau Pedro đem theo một người bạn, hai anh thay phiên nhau đóng cọc, và làm mãi cho đến khi trời tối mịt mới nghỉ. Tôi đãi hai anh này cơm nước, bánh trái rất hậu. Vợ tôi nói “Ngày xưa Tào Tháo đãi Quan Công e cũng chỉ đến thế mà thôi.” Chỉ mấy ngày, Pedro và bạn anh đã hoàn tất cái hàng rào. Họ còn nhổ lên và đóng lại những cái cọc xiên xẹo, những cái tôi đã đóng lúc đầu.

Hôm hoàn tất hàng rào, tôi làm tiệc đãi Pedro, thịt nướng ăn với rau, có mấy chục lon bia trợ lực. Trả tiền, và tính lại thì tiết kiệm được rất nhiều tiền công, nếu thuê hãng chuyên môn rào, thì tiền nhân công đắt gấp ba lần. Xong cái hàng rào, tôi mua hai trăm con vịt xiêm, ba trăm con gà, thả vào

vườn. Cho chúng mặc sức mà đi lại, chạy nhảy và phá phách khu cỏ chưa trồng trọt. Vịt thì ban đêm nó chui vào gầm nhà tiền chế mà ngủ, tránh sương tránh gió. Cứ đầu hôm, chúng kêu om sòm. Có khi nửa đêm giật mình vì tiếng vịt kêu. Con tôi cho rằng có lẽ vịt nó nằm mơ và la hoảng. Tôi nghĩ là vịt nó núp dưới sàn nhà rất tiện lợi, đỡ tốn tiền làm chuồng. Nhưng chỉ mới mấy ngày, vợ tôi la các con, hỏi có đứa nào đập phân gà vịt và mang vào, làm dính thảm nhà hay không, sao có mùi hôi mãi. Tôi giật mình, thì ra vịt nó phóng uế đầy ngập dưới gầm nhà. Thế là tôi phải lái xe đi mua vật liệu, về hì hục đóng chuồng. Đóng một mình thì không được, phải có thợ phụ. Vợ tôi giúp, và con gái đi học về cũng ra phụ. Tôi phải dùng vòi nước, bò vào gầm rất thấp của căn nhà mà rửa cho sạch phân. Vừa chật, vừa hôi, vừa khó chịu, tôi nghĩ mình đại quá, không nghĩ ra sớm cái chuyện vịt phóng uế. Thôi thì phải trả nợ cái tội thiếu nghĩ xa.

Tôi định rào lưới che hàm sàn nhà, thì có nhân viên của thành phố đến, cho tôi biết rằng, theo luật thành phố, thì cái nhà phải mặc quần, nghĩa là che kín phần dưới chân lại, không có quyền ở truồng, vì mùa đông sợ lạnh bụng. Thế là phải đi đặt hàng, mua vật liệu để che kín cái chân nhà lại. Tôi cũng mất cả tuần mới hoàn tất cái quần cho căn nhà. Thức ăn gà vịt, phải qua thành phố bên cạnh mà mua, chất đầy cả chục bao trên xe, chạy về. Cũng chỉ có một mình tôi lăn xuống xe hơi, bỏ lên xe kéo, và mang vào chất trong kho. Nặng nề, mệt lử và bụi bặm. Không quen lao động, khi nào tôi cũng thở phì phò, có khi quáng mắt, thấy đom đóm giữa ban ngày.

Phân gà phân vịt tràn đầy cả sân cỏ, cả lối đi, nhão nhẹt và dơ bẩn. Tôi dùng vòi nước xối rửa mỗi ngày. Sau này, nhìn biên lai tiền nước, tôi giật mình không dám rửa ráy thường xuyên và xài phí nhiều. Có tháng phải trả cả năm trăm đồng tiền nước, mà chưa bán được đồng nào nông phẩm.

Gà cũng thả rong, vịt cũng thả rong. Nhiều lúc chú gà trống lớn vô tình lãng

văng đi gần đàn vịt mái. Ông vịt xiêm đầu đàn hiểu lắm, phóng đến đánh đuổi chú gà. Thế là có cuộc đọ sức , như hai võ sĩ thượng đài. Chú gà đâu có chịu thua dễ dàng, nhảy lên, cắn vào mông ông vịt, dùng hai chân đạp thốc vào ngực vịt, có lẽ hai cái cựa nhọn cũng đâm sâu vào địch thủ. Ông vịt dong hai cánh đập tạt vào, mạnh như roi quất. Có khi làm chú gà lộn ngược nằm lẩn ra đất. Cuộc chiến kéo dài, tôi và thằng con trai ngồi coi khoái lắm, toét miệng cười, và có khi la hỗ trợ cho cuộc chiến . Vợ tôi thì nhảy đồng lên mà gào:

“ Anh không ra mà can chúng ra, để chúng bị thương, có con chết đấy”

“ Con nào chết thì đem nấu cháo ăn” Tôi trả lời .

Ông vịt hạ cái đầu xuống thấp , thẳng ra phía trước như võ sĩ đi xà quyền. Chú gà ngóc đầu lên cao mổ xuống. Ông vịt hất ngược cái đầu lên, thọc mạnh vào dưới hàm con gà, và hai cánh vịt đập vào như trời giáng, chú gà ngã lẩn quay. Dứng dậy, bỏ đi mà không chạy trốn, rồi đập cánh bồm bộp, gáy hai tiếng dài, như thổi kèn chiến thắng. Ông vịt chắc cũng thám đòn, gờm, không dám đuổi theo.

“ Sao con gà mà đấu thua con vịt hử Ba?” Thằng con trai tôi hỏi.

“ Vì con gà thiếu chính nghĩa. Léng phéng gần đám đàn bà của con vịt. Vả lại, theo luật quyền Anh, đây là một cuộc đọ sức không cân xứng, con vịt nặng gần gấp đôi con gà?..”

Tôi trả lời chưa xong, thì thằng con cắt ngang:

“ Chính nghĩa là gì Ba?”

Vợ tôi nghe con hỏi, nạt tôi:

“ Thôi ba nó ời. Đừng đầu độc con cái. Thấy gà vịt đánh nhau, đã không can mà còn ngồi xem, tán thưởng. Làm con nó quen với cái ác, hư đầu óc thơ ngây của chúng.”

Đám gà vịt này, ăn mạnh và lớn mau, đẻ trứng lung tung đầy vườn. Chúng

tôi phải đi nhặt cất vào thùng lớn, mua hộp có ngăn đựng trứng mà chứa. Bây giờ thì phải nghĩ đến cách tiêu thụ trứng này. Vợ tôi bàn rằng, mua một cái máy ấp, bán hột gà lộn hai mươi mốt ngày, và bán luôn hột vịt lộn. Cái máy ấp đem về, mỗi lần ấp được ba trăm trứng. Ấp xong, tôi lựa những cái trứng lớn cho gia đình dùng. Trứng ấp tại nhà, ăn ngon vô cùng, Nước trong trứng ngọt lịm. Tôi ăn một lúc sáu cái. Đứa con gái tôi rùn vai ghê sợ, không dám ăn. Thằng con trai bắt chước bố, cũng ăn được năm cái, và bị sinh bụng suốt đêm nằm rên ư ử. Trứng ngon quá, đem đi bán thì ưỡng, tôi bàn với nhà tôi, chủ nhật này, đem về thành phố tặng cho các bạn bè bà con, mỗi người vài chục hột ăn chơi, hưởng cái thành quả đầu tiên của nông trại chúng tôi.

Thế là chúng tôi mất thêm một ngày chủ nhật, chạy từ nhà này qua nhà kia, chia cái vui của nông trại cho bà con. Ai cũng khen, vồn vã tiếp đón, vì mấy khi có trứng lộn tươi như thế này trên đất Mỹ. Chúng tôi ra về, dù đường xa mệt nhọc và tốn xăng, tốn sức, nhưng lòng vui như hoa nở.

Tôi đi ngoại giao, gặp các chủ tiệm bán thực phẩm Á Châu, hứa sẽ cung cấp cho họ rau tươi, bầu bí, gà vịt tươi, trứng lộn, với giá rẻ. Đa số đều vui vẻ, và bảo tôi đem hàng đến cho họ xem, rồi họ sẽ mua. Về sau, trứng ấp được đem bỏ mỗi cho các chợ, ban đầu thì bán rất khá, nhưng càng lúc, thì càng ế ẩm, vì người ta ăn cho vui, ăn để nhớ hương vị quê nhà, không phải ăn vì ngon, và muốn ăn thường xuyên. Trứng không để lâu được, các tiệm bán không hết trả lui, tôi phải ôm về, còn phải năn nỉ bạn bè để tặng không cho họ. Thế mà có người từ chối, và nói thẳng thừng là không muốn ăn các thứ đó nữa. Đám gà vịt, cũng không bán được bao nhiêu, trong nhà ăn mãi cũng ớn. Đem cho bạn bè thì nhiều. Người thì làm tiết canh vịt, vịt xáo măng, gỏi gà, cháo gà, phở gà. Gà tươi nuôi trong vườn thì ăn ngon. Cho thì họ ăn, nhưng mua thì không mua. Tiền bán gà vịt gom lại, không bằng tiền thực phẩm

mua cho chúng ăn trong vài tháng. Ấp trứng thì lỗ vốn lớn, có lẽ tiền bán được chưa đủ tiền điện, tiền xăng, chưa kể công vận chuyển.

Khi nuôi vịt, tôi nghĩ vịt là phải có nước cho chúng tắm, tôi chưa biết vịt có thể ở khô. Tôi thuê xe ủi đất, hì hục đào một cái hồ lớn, cái hồ chứ không phải là ao. Mấy ngày ròng rã. Tôi vật lộn với cái máy ủi đất. Đào, xới hất lên cao. Khi đào xong cái hồ, thì tôi chợt nhận ra là cái xe ủi đất đang nằm dưới lòng hồ, mà bờ hồ thì cao, dốc đứng, xe không lên được. Tôi phải hì hục đào một đường dốc xiên cho xe đi lên. Thế là vợ tôi có dịp để cười và chế nhạo . Đào hồ xong, thì phải xả nước vào , và hy vọng mùa mưa khỏi phải tốn nước. Cuối tháng đó, đọc cái biên lai tiền nước mà tôi hoa mắt, chóng mặt. Tôi phải dấu cái biên lai tiền nước, không cho vợ biết, vì sợ vợ buồn. Cái ao đã đào lỗ rồi, mỗi ngày nước bốc hơi, phải châm thêm cho đầy. Nghe tiếng nước chảy, mà tôi đau như máu mình đang thất thoát. Bỗng tôi đâm ác cảm với bầy vịt, ăn thì như hạm, phóng uế tung vãi, bán thì khó. Để già thì thịt dai, không ai ăn, và họ có lẽ mua một lần, thì lần sau không dám đụng đến nữa. Vịt già cũng sẽ làm hại uy tín kinh doanh. Làm thịt bỏ tủ lạnh, thì tôi không đủ can đảm đầu tư thêm cái máy làm gà vịt, không đủ vốn, mà từ đó sinh ra nhiều chi phí khác nữa.

Cứ nghĩ ra thêm một cái gì, thì tốn kém thêm tới đó. Có người mách tôi, cứ đem gà vịt ra chợ trời mà bán vào các ngày họp chợ, từ thứ sáu đến chủ nhật. Lại biết thêm nghề bán chợ trời. Bán ở chợ trời thì chịu nắng nôi, nhưng nhiều người mua. Về sau, tôi bán sỉ với giá rẻ cho những người bán lẻ. Như thế thì mau hơn, đỡ tốn công, đỡ mệt nhọc.

Tôi dựng giàn trồng bầu bí, chưa kịp đi mua gỗ đóng giàn, thì có người mách bảo : “ Hãy mua ống nước bằng nhựa, mua thêm các khúc ống nối thẳng, nối cong, nối chữ T, chữ L. Cứ thế mà ráp vào thành giàn, làm mau như gió. Tội chi mà đóng giàn gỗ cho khổ công mà mau mục ải.” Tôi nghe

theo lời thầy bàn, nghe thì có lý lắm, nhưng khi vào thực tế thì gặp không biết bao nhiêu ván đề. Thứ nhất là quá tốn kém, thứ hai là giàn không vững, khi gió thổi thì mấy cái giàn cứ đu đưa nhún nhảy theo chiều gió. Thế là phải mua thêm ống nước lớn mà chống chỏi, mà đâu phải là dễ chống, vì ống nước nhựa trơn lu, không có nơi tựa, mà đông đình thì xô xệch lỏng lẻo. Lại tốn thêm bộn tiền. Phải mua thêm lưới mắt cáo trùm lên cho bầu bí leo. Mỗi ngày, buổi chiều đi học về, con gái tôi ra vườn tưới cây. Bầu bí lớn mau như thổi, chẳng bao lâu dàn cây lá sum sê xanh mướt, ra hoa vàng rực, và những nụ trái nhú ra đẹp như những nậm ngọc. Lũ ong bướm kéo đến nhốn nhơ. Tôi nhìn mà lòng vui không xiết. Rồi những trái bầu bí dài thông, nặng trĩu, phải buộc dây treo chúng lên.

Vợ tôi bàn rằng, nên thuê người đổ đất làm một con đường chạy từ ngoài vào đến cuối vườn, để mai đây, khi nông phẩm nhiều, xe vận tải lớn có thể vào chuyên chở thẳng ra chợ. Tôi thấy có lý quá, đi giao thiệp, và giao cho nhà thầu đổ đất, cán đường, làm mương thoát nước hai bên đường. Lại tốn kém thêm ngoài dự trù, nhưng nghĩ lại, mai đây, đỡ tốn công thuê người khuân vác từ nhà ra đường. Sau này, con đường chưa được hân hạnh đón chiếc xe vận tải nào đi qua, vì chúng tôi ước tính thì nhiều, mà thành quả nông nghiệp không gặt hái được bao nhiêu.

Những trái bầu non, nấu canh tôm ngọt nước, ban đầu thì ngon lắm, vợ chồng khen tấm tắc và như ăn canh thay cơm, nhưng ăn mãi thì cũng chán. Bạn bè bà con xa gần cũng hưởng được thành quả của chúng tôi. Chúng tôi đem bầu bí ra bỏ mỗi ở các chợ Việt Nam, có bao nhiêu bán được hết bấy nhiêu. Nhưng đó là thời gian đầu mùa, về sau, dù xuống giá rẻ rề, cũng không bán hết, phải mang các thứ trái cây héo về, đổ xuống làm phân xanh. Tôi lại chuyển bầu bí ra chợ trời, bán sỉ cho các gian hàng, người ta trả giá nào cũng phải bán tháo đi. Bạn bè bà con, ăn mãi cũng chán bí chán bầu,

không ai muốn nhận các món quà này, vì ngoài chợ cũng rẻ rẻ .

Chúng tôi tính toán sai cả, thì ra cái tưởng tượng khác xa thực tế. Chưa có kinh nghiệm, chưa từng trải, cứ vẽ vời trong trí tưởng tượng mà đem ra thực hành. Đôi khi tôi có cảm tưởng như vợ tôi là vị bí thư tỉnh ủy, cứ vạch hết kế hoạch này, đến kế hoạch kia, mà tôi là nhân dân, chỉ biết thi hành, và sai thì sửa, và càng sửa thì càng sai.

Mùa đông đầu tiên, một buổi sáng thức giấc , dậy đánh răng rửa mặt, mở nước không chảy. Tôi tưởng hăng cung cấp nước tạm thời khóa nước để sửa chữa. Tôi định sẽ kêu điện thoại than phiền vì khóa nước mà không báo trước. Nhưng sau tôi mới biết là thời tiết lạnh, đã làm đông đá nước trong ống. Mấy đứa con tôi không chịu đi học vì chưa đánh răng súc miệng. Tôi cũng chịu thua. Ống nước bị lạnh đông đá, làm nhiều nơi bị vỡ, khi đá tan, nước chày lênh láng. Lại phải nhờ mấy ông thợ ông nước đến sửa chữa với tiền công chém rất ngọt. Nhà tiền chế, tường mỏng, mái mỏng, mùa hè thì thiêu đốt như lò lửa, mùa đông thì lạnh căm căm. Tôi lại phải tốn thêm tiền mua hệ thống sưởi, hệ thống điều hòa không khí.

Chỉ một thời gian thôi, tiền tiết kiệm, tiền bán căn nhà, đã đổ hết vào cái nông trại. Thấy cạn tiền đầu tư cho mùa tới, vợ tôi bàn chuyện đi vay ngân hàng, đem cái nông trại này ra mà cầm cố. Thôi thì cũng liều - Sống trên xứ này không có nợ, thì không phải là người tốt - Một anh bạn tôi bảo vậy. Tôi chở vợ ra ngân hàng làm giấy tờ vay mượn. Chỉ mấy hôm sau, được giấy báo là ngân hàng đã chấp thuận. Chúng tôi hớn hở, cứ còn nước thì còn tát, để cứu vãn cái nông trại này. Nhưng khi nhìn vào bản chiết tính chi tiết các phí khoản vay, đủ các thứ chi phí, vay thì ít, mà nợ tồn kém thì nhiều. Vợ tôi nhăn nhó, nói tiếng Việt Nam với tôi, trước mặt ông nhân viên cho vay:

“Bọn này là tụi ăn cướp ngày, ăn cướp có giấy tờ, ăn cướp có pháp luật che chở. Vay chừng đó, mà chi phí chừng đó, có chết thì thôi, tôi không mượn

đâu. Thôi đi về.”

Không mượn được tiền, chúng tôi lo lắng lắm. Thôi thì tạm thời chi tiêu bằng thẻ nhựa, chịu lãi suất cao, cũng còn đỡ hơn. Tôi thức khuya, dậy sớm chăm nom lũ gà vịt, lũ rau ráng. Có khi đến mười giờ khuya mà vẫn còn vác nặng trên vai những bao thức ăn súc vật, còn xối nước tưới cây. Những lúc này, tôi cũng bắt chước vợ mà hỏn hển ngâm nga: “ Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ, người khôn người tìm đến chốn lao xao..”, và thấy ông Trọng Trình Nguyễn Bình Khiêm viết sấm ký giỏi quá, dự đoán tương lai cho tôi đúng phóc. Quả không có ai dại bằng mình., tìm đến nơi vắng vẻ này mà lao động khổ nhọc, đốt hết tiền tiết kiệm trong bao nhiêu năm.

Một hôm nửa khuya thức giấc, vợ tôi nhẹ nhàng hỏi :

“ Anh có nhớ chuyện Tam Quốc Chí không? Khi đánh nhau, họ hay lập thế trận y dắc. Anh có biết thế trận y dắc là thế nào không?”

“ Trời ơi, nửa đêm mà nói chuyện Tam Quốc Chí, anh lao động quần quật từ sáng đến khuya, rồi người, em để anh ngủ cho có sức để mai còn lao động tiếp.”

Tôi nghe tiếng thở dài náo nức của vợ mà động lòng, trả lời ảm ớ cho vợ khỏi buồn :

“ Anh không biết chắc y dắc là cái gì khô gì. Nhưng có lẽ họ chia quân đóng hai vị trí khác nhau, một nhóm tác chiến, còn nhóm kia yểm trợ “.

Vợ tôi như bắt được ý, hăng hái nói:

“ Em nghĩ, mình cũng nên bắt chước người xưa, lập thế trận y dắc mà cứu vãn cái nông trại này. Có nghĩa là anh xin việc đi làm bên ngoài, đem lợi tức về bù đắp, yểm trợ cho khu nông trại của chúng ta. Nếu một năm sau nữa , mà còn không nên cơm cháo gì, thì bán quách, chúng ta đi làm công cho người khác. Nếu thành công, thì anh nghỉ việc bên ngoài, trở về với nông trại.”

Nghe vợ bàn mà tôi tỉnh ngủ. Ừ, giản dị thế mà cũng nghĩ không ra. Cứ lo lắng hoài. Đàn bà cũng có nhiều cái suy nghĩ thật hay. Tôi nhẹ nhàng hỏi vợ:

“Nhưng một mình em, có kham hết công việc trong nông trại này chẳng? Việc thì bề bộn, nặng nhọc, làm hoài không hết.”

“Những việc thường thường, thì em có thể làm được, những việc nặng nhọc, thì chờ anh đi làm về giúp”

Tôi nghe mà ngao ngán. Thế này là vui thú điền viên trong tuổi xế chiều chẳng. Ngày đi làm toàn thời gian, đêm về làm việc nặng. Nhưng có lẽ không còn giải pháp nào tốt hơn. Rán thêm vài năm nữa, may ra thời vận đến.

Nhờ có chuyên môn, tôi xin được việc làm có đồng lương khá. Mỗi tháng đem tiền lương về nuôi lũ gà vịt, lũ rau ráng bí bầu. Công ty tôi làm đang đến đến hồi phát triển mạnh, mỗi ngày tôi làm việc từ mười đến mười hai giờ, mỗi tuần làm sáu ngày. Mệt mờ trời đất, thế mà đêm về cũng phải lo thêm việc của nông trại nữa. Vợ tôi thỉnh thoảng phải thuê người phụ làm trong vườn. Lương tôi cũng tạm thời đáp đổi chi phí của nông trại. Ngày chủ Nhật tôi phải lái xe đưa nông phẩm ra chợ bán. Nghĩa là không có một ngày nghỉ nào trong tuần.

Thỉnh thoảng nghe vợ tôi than phiền về chồn cáo bắt mất một số gà vịt, tôi chỉ cười bảo:

“Chia cho chúng tha bớt, mất càng nhiều, thì em càng đỡ mệt.”

Chồn cáo xứ này khôn ngoan lắm, chúng biết con chó săn trong nhà đêm đêm đi tuần rào quanh hàng rào, rồi vào nằm nghe ngóng canh chừng.

Chúng lập kế đánh du kích, để vài ba con kêu chí chóe xa xa về hướng đông, con chó chạy về hướng đó mà sục sạo. Thừa thế, chúng lén vào hướng tây mà bắt gà vịt lôi đi. Khi lũ gà vịt kêu lên thất thanh, con chó quay lại, thì chồn cáo đã đem theo được chiến lợi phẩm mà cao chạy xa bay, ra khỏi

vòng rào.

Mấy hôm, thấy lũ vịt không xuống hồ bơi lội mà đứng trên bờ ngo ngác, lông lá tả toí. Tôi ra xem, thấy mặt hồ đóng váng, như có ai đổ dầu, và quanh bờ thì có những vờ bọt đen đặc quánh. Tôi vớt bọt, dùng cây mà quậy, thì thấy như có chất dầu. Dem đốt thì cháy ra khói đen đặc và hôi mùi dầu. Tôi tái mặt, và nhảy cẫng lên mà chạy mau vào nhà la lớn:

“ Em ơi, mình sắp thành tỷ phú rồi em à. Dưới đất của mình có vàng đen. Dầu, dầu hỏa, mình sắp thành phó vương dầu hỏa rồi. Thôi, dẹp hết, bỏ hết, chẳng có bí bầu gà vịt chi nữa. Bỏ ra công sức thì nhiều, mà thu hoạch chẳng bao nhiêu. Bỏ ra cả trăm ngàn bạc mà thu lại chưa được vài ngàn. Trời thương chúng mình, trời đãi chúng mình.”

Vợ tôi chưa tin, tôi ra hồ nước, vớt dầu vào làm thí nghiệm chứng minh. Vợ tôi thấy dầu cháy, ôm lấy tôi hôn mà kể công, rằng đó là nhờ nàng đưa ý kiến làm nông trại, mà nay thành tỉ phú. Cả tuần, chúng tôi bỏ không tưới cây, gà vịt thì cho ăn cầm chừng. Kêu bạn bè đến, bảo muốn bắt bao nhiêu thì bắt. Giàu rồi, thì kể chi mấy con gà, con vịt lẻ tẻ. Nhiều đêm hai vợ chồng tôi nằm mơ chuyện sang giàu, gởi con qua Anh Quốc cho học trường lớn nhất., chuyện ngao du khắp thế giới . Tôi chạy ngược chạy xuôi tìm hăng khai thác dầu. Và niềm vui của tôi xẹp xuống, khi nghe người ta nói về việc khai thác dầu. Hăng dầu còn xem trữ lượng được bao nhiêu, có đáng khai thác hay không, và khi biết mỏ dầu có trữ lượng cao, thì họ chỉ thuê một khu đất nhỏ, với giá rẻ mạt, không đáng vào đâu. Thế là giấc mơ tỷ phú của chúng tôi xẹp xuống thảm hại.

Việc trông trọt và nuôi gà vịt quá nhọc nhằn, chúng tôi không kham nổi, vợ tôi bàn chương trình nuôi dê, bò. Chúng tôi bán tháo hết đám gà vịt, mua hai mươi lăm con dê cái, có con đã chứa bụng lưng lửng, và một anh dê đực râu xồm, có hai cái sừng quăn lại, xia ra đằng trước. Mua thêm bốn con bò, ba

con cái, một con đực. Bọn dê tạp ăn, lá gì cũng bứt và nhai nuốt, thật là dễ nuôi. Thả chúng long rong trong vườn. Cách nuôi thật nhàn hạ, không cần chăm sóc chi nhiều. Bốn con bò cũng vậy. Mỗi ngày, con dê đực làm tình với bọn dê cái liên miên, làm vợ tôi ngược. Con chó, cũng to lớn không thua gì con dê, nhưng sống độc thân, mỗi lần thấy con dê đực nhảy cái, thì nó ghen, chồm lên mà sữa om sòm. Có khi nó nhảy lên, tấn công sau mông con dê đực. Con dê đực tức giận vì kẻ phá đám, quay lại, dùng sừng ủi đại vào cho chó. Có khi con chó tránh đòn không kịp. Cũng lẫn kênh ra. Vợ tôi đứng la lớn, bảo tôi can chúng ra. Sợ con chó bị thương vì cái sừng nhọn của dê. Tôi cũng nạt nộ, la hét mà hai bên không ngưng chiến. Tôi phải dùng cây roi da, vạt túi bụi vào cả dê lẫn chó, chúng mới chịu dang ra.. Vợ tôi nói:

“ Con dê này hung tợn quá, có ngày con chó bị sừng dê đâm đổ ruột”

Tôi cười:

“ Lỗi tại con chó. Trời đánh còn tránh bữa ăn. Huống chi nó đang làm cái việc truyền giống thiêng liêng, mà con chó nhảy vào phá đám. Ví như tụi mình đang vui vẻ, có đứa nào phá đám, mình có nổi điên lên không.”

“ Thôi ông ơi, ăn nói đàng hoàng một chút có được không?”- Vợ tôi cần nhần.

“ Mà con chó nó ghen tức cũng phải, nó thì chay tịnh, mà con dê thì cứ làm tình lia lịa, không ngứa mắt sao được?”

Mấy con dê cái bắt đầu sinh con, những con dê con như cục nhung mềm, môi đỏ hồng, hai mắt long lanh, đáng đi yếu đuối. Máy đứa con tôi cưng chúng lắm. Cứ ẵm bồng hoài. đi học về là ra vườn ẵm dê con vuốt ve.

Chị tôi từ Úc Châu qua Mỹ thăm, anh chị thấy tôi ở giữa đồng không mông quạnh gió hú vi vu mà ái ngại. Cứ lắc đầu mãi. Cứ nói mãi câu:

“ Cậu mợ tính như thế này là trật lất rồi. Mình đã xa quê hương, thiếu tình đồng bào, phải sống nơi nào phồn hoa đô hội, cho bớt nỗi cô đơn. Lại gần

chợ búa, gần bệnh viện, gần các tiện ích công cộng, có bạn bè, có bà con láng giềng, khi đau ốm, khi trái gió trở trời có nhau. Lại khi muốn ăn tiệm Việt Nam cũng phải lái xe đi về hơn hai giờ , phí công quá. Phải tính lại đi.” Một buổi sáng sớm, cả nhà ngồi uống cà phê nhìn qua cửa sổ, thấy con dê đực đứng trước cửa chuồng, chồng râu dê lên đón bọn dê cái. Mỗi khi có con dê cái đi ngang qua, thì dê đực nhảy lên lưng làm tình. Liên tiếp mười mấy lần, mà thấy chàng dê vẫn tỉnh táo như thường. Chị tôi phát mạnh vào vai anh rể tôi cười mà nói:

“ Ba mày chẳng bằng một phần nào của con dê cả.”

Anh rể tôi bình tĩnh nói:

“ Em xem, con dê đực thay đổi nhiều con dê cái khác nhau, chứ nếu chỉ có một con dê cái thôi, thì nó cũng chỉ làm một lần, chứ không làm đến lần thứ hai. Nếu có hai chục bà khác nhau, thì anh đâu có thua anh dê kia chút nào.” Trưa hôm ấy, một người bạn cũ của anh rể tôi ghé nhà thăm, thấy bày dê và nghe kể lại chuyện tiểu lâm buổi sáng, mắt anh sáng lên, rủ chúng tôi đi đến tiệm bán thịt dê của người Ấn Độ nằm về phía Bắc của thành phố. Đi mua thịt dê về nhậu chơi, tăng cường sức khỏe mà bổ dương. Mấy bà ở nhà, chúng tôi ba người đàn ông lái xe đi. Tiệm rộng lớn, có hai căn, như một căn chợ. Nồng nặc mùi cà ri, mùi hương vị. Đủ loại cà ri, đủ loại hương vị trong bao ni lông, chất đầy trên kệ. Bên kia thì dê đã lột da treo lòng thông nhiều con trần truồng. Khách hàng muốn mua cẳng, đùi, ngực, thì cứ việc chỉ vào đó. Anh Ấn Độ đầu quấn khăn chà chớp đem cưa đến, cắt ào ào gọn nhẹ lắm. Chúng tôi mua nguyên cái đùi sau con dê, hơn mười cân Anh. Anh rể tôi thấy nhiều cặp ngọc dương (dái dê) tròn trĩnh, trắng tươi, gói trong giấy bóng rất bắt mắt, xuýt xoa, đòi mua đến năm cặp. Tôi hỏi ai mà ăn hết, anh bảo không ai ăn thì để cho anh. Mấy khi mà có thứ quý báu này trên miền đất văn minh. Anh thì thào: “ Ăn thứ này vào, thì phải biết. Không có hiệu

quả sao có ghi trong sách thuốc người Tàu?”

Chúng tôi mua thêm một ít hương liệu, rồi hớn hờ chạy xe về. Ông bạn anh rể tôi dành làm bếp, nấu các món đặc biệt, mà ông nói đùa là món “ Ông ăn bà khen”. Ông bạn đem ướp ngọc dương rồi xào với hành tây, đem ra nhậu trước. Mấy bà biết đó là cái gì, thì cứ la oai oái ngoảnh mặt đi. Muối viên xào tròn trịa nằm trên đĩa, có hành xắt lát, có tiêu rắc lấm chấm đen. Trông thật ngon. Tôi bắt chước ông anh, gấp một viên đưa vào miệng, mới cắn sơ, đã có mùi thum thum, tôi muốn nhả ra. Trong lúc ông bạn của anh tôi thì gấp bỏ vào mồm, nhai nuốt ực ngon lành, còn hít hà khen ngon. Ông anh rể tôi cũng thưởng thức tận tình và nói:

“ Bỏ lấm đấy nhé. Cứ ăn vào là nghe máu chuyển rần rật , mặc sức mà rượt các bà chạy có cờ. Người Ấn Độ và Trung Hoa biết món ăn này nên đông con là phải”

“ Nếu có thêm rượu thuốc toa Minh Mạng nữa, nhấp vào, thì là một phối hợp hết sảy” - Bạn ông anh tôi tiếp lời – “Hồi còn ở bên nhà, tôi thấy mấy ông già trộn huyết dê với rượu, uống vào thì như thần dược.”

Thịt dê được nấu cà ri, thêm nhiều hương vị khác, nước cà ri vàng màu đỏ sền sệt, chấm với bánh mì mà ăn . Bà chị tôi nói:

“ Vẫn còn mùi mồ hôi dê. Nghe đâu khi làm dê, để thịt khỏi hôi, người ta cho dê uống nước, rồi cột dây, đánh nó chạy quanh một cái cọc, cho vả mồ hôi ra. Xomng xối nước tắm cho nó. Bao nhiêu mùi hôi đều ra hết. “

Vợ tôi xemn vào:

“ Ở Mỹ mà làm thế là đi tù sớm, vì mang tội hành hạ súc vật. Ngon đâu không thấy, đi tù mệt lắm”

Mấy hôm sau, có con dê cái trong vườn bị thương tích, ông bạn của anh tôi đề nghị làm dê thui mời bạn bè ăn chơi. Ông nhận trách nhiệm thọc thuyết và lột da dê. Cái chậu đựng rượu Vodka được chôn lưng chừng xuống mặt

đất, ông thọc dao vào cổ dê mà ngoáy. Máu dê tuôn ra kêu ọc ọc. Các bà khiếp sợ la lên và bỏ chạy cả. Mổ bụng ra, mới biết con dê có chữa. Cái tử cung chứa bốn con dê con đã tượng hình. Ông bạn anh tôi xuýt xoa, bảo rằng thứ này quý lắm, để ông làm dê “hà nằm” cho mà ăn. Cái bọc tử cung để nguyên, đổ vào nồi, đặt lên bếp hầm với nhiều vị thuốc bắc. Khi chín đem xuống, vớt ra đĩa, dùng dao mà cắt từng khoanh, thịt dê con mềm nhũn, nuốt vào cổ như ăn đông sương. Con dê được xuyên qua cây cọc, quay trên đồng lửa than đá.

Tôi điện thoại mời đám bạn bè xa gần đến tham dự buổi tiệc thịt dê. Nghe có tiết canh dê, dê thui, dê “hà nằm”, ông nào cũng hớn hờ, đòi mời thêm các bạn bè khác nữa.

Đám đàn ông ăn uống nhồm nhoàm, miệng môi đầy máu tiết canh, nói chuyện tiêu lâm bao quanh vấn đề tình dục, không kiêng cử gì cả, và cười ha hả, làm nhiều bà nhẩn mặt bất bình.

Buổi tiệc thịt dê thật vui, anh em ra về hí hả, và hẹn có ngày trở lại làm một châu khác. Tôi hôm đó, tôi nằm chờ kết quả của dê “hà nằm” và tiết canh dê, nhưng không thấy gì cả, và ngủ quên cho đến sáng. Vợ tôi nhìn tôi cười hỏi:

“Có thật thịt dê làm tăng cường năng lực sinh lý không?”

“Toàn cả chuyện tào lao, tiêu lâm chơi thôi, đàn ông ưa ăn tục nói phét, bịa chuyện cho vui bữa rượu ấy mà”

Bọn dê sinh sản nhanh, mau lớn, và ăn tạp, phá trụi cả khu vườn. Chúng biết đứng lên trên hai chân sau, mà bứt lá những cành cao. Làm cho khu nông trại tiêu điều trông trãi. Mỗi chủ nhật, tôi đẩy dê lên xe, đem ra bán ở chợ trời. Thấy mình giống mấy anh nông dân Âu Châu tả trong tiểu thuyết của Pháp, mà ngày xưa thường hay đọc.. Đem dê bán cũng không phải là chuyện giản dị, đứng chờ, trả giá, cò cưa. Loại người như tôi không thích

hợp với công việc thương mãi, nên cảm thấy chán lắm.

Một lần đứng bán dê, có cô thư ký trong sở đi chợ trời, thấy tôi, nhảy đến ôm chầm như gặp cố nhân - Mà ngày nào không gặp nhau chứ - Cô cười nói huyền thuyên và ôm hôn mấy con dê như người Mỹ thường hôn chó. Thấy cô thích quá, và hỏi chuyên dê tíu tít, tôi cho cô một con. Lấy cái áo cũ bao mông nó lại, đẩy lên băng sau chiếc xe hơi sang trọng của cô thư ký. Con dê phá tan cả vườn hoa của nhà cô và hai vợ chồng gây nhau, suýt li dị. Cô đem con dê trả lại cho tôi ngay tại sở. Tôi lại phải khổ sở kiếm vải bọc mông con dê, cho lên băng sau chiếc xe mình, chở về. Vợ tôi thấy con dê la lên:

“Dê bán không hết, anh mua thêm về làm chi ?”

Vợ tôi nhọc nhằn vì cái nông trại quá, bàn với tôi bán đi, về lại thành phố ở. Phải gần nửa năm mới bán được đám đất nông trại. Bán lỗ vốn, vì chúng tôi muốn phải tay cho xong. Căn nhà tiền chế, người mua đất đòi chúng tôi trả thêm tiền họ mới nhận. Còn không thì phải dẹp đi. Chúng tôi năn nỉ mãi, họ mới nhận với điều kiện tất cả trang bị về máy sưởi, máy lạnh, điện nước để nguyên. Vợ tôi nói:

“ Ai đời cho không căn nhà mà phải năn nỉ người ta. Lại còn đòi hỏi đủ điều.”

Chúng tôi thở phào, thoát ra được cái “ vui thú điền viên “ nhọc nhằn đó, dọn về phố, thuê nhà ở. Dù còn nợ nần nhiều, nhưng chúng tôi cảm thấy như trút được gánh nặng ngàn cân trong lòng. Hai vợ chồng đi làm công , chiều về ngồi xem truyền hình, đọc sách đọc báo. Buổi tối ngủ thẳng giấc không lo lũ chồn cáo du kích tấn công. Ngày nghỉ rủ nhau đi chơi, đi phố, thăm bạn bè bà con. Thanh thoi không lo lắng nhiều. Suốt ba năm làm nông trại, tôi chỉ có được một lần vui toàn vẹn, là lần mời bạn bè cùng ăn thịt dê. Tôi chưa có một lúc rảnh rang để ngừng đầu lên trời nhìn trăng, chứ khoan nói là khi xem hoa nở khi chờ trăng lên.

Tôi bảo với vợ rằng:

“Mấy ông thi sĩ, văn sĩ, cứ vẽ vờ ra cảnh thơ mộng để gạt gẫm tui mình.. Tiêu phí sạch cả tiền bán căn nhà, tiền tiết kiệm, mà lại ngày đêm đầu tắt mặt tối trong mấy năm. May mà thoát ra được. Sướng quá. Thôi nhé, từ nay em đừng vẽ vờ thêm chuyện thơ mộng nữa nhé.”

Vợ tôi cười:

“Ông Nguyễn Bình Khiêm có nói rồi: “Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ”. Lỗi tại mình, không chịu hiểu nghĩa đen mà cứ hiểu nghĩa bóng. Nên mới ra nông nổi.”

Hạt tình hồi sinh

Cái tin mù Ty sắp lấy chồng Việt Kiều, truyền miệng loan đi nhanh như gió, làm chấn động cả mấy làng trong huyện Triệu Phong. Không ai tin là chuyện thật, người ta công khai xôn xao bàn tán. Nhưng cái tin này đã làm nức lòng và lên tinh thần đám đàn bà goá, và các cô gái muộn chồng trong cả tỉnh. Mụ Ty đã già khú đế, trên sáu mươi tuổi rồi, xấu xí ồm ồm, khô đét vì đói ăn nhiều năm, chỉ còn da bọc xương, răng cái còn cái mất, lại mù loà, dơ dáy, nghèo rớt mùng tơi, có thời đi ăn xin. Thế mà có Việt Kiều ở Mỹ về xin cưới. Câu chuyện gần như hoang đường, người tỉnh táo khó lòng tin được. Người ta bàn tán:

“ Chắc có âm mưu thâm độc chi đây, chứ cưới mụ Ty về mà làm gì? Dem bán cho nhà thổ, chúng cũng rượt đánh đến bể đầu. Mụ đó mù loà yếu đuối, cũng không đủ sức làm nô lệ hầu hạ cho ai được. Đừng nói chuyện tình dục, già đến thế, chắc cũng đã mốc meo, héo quắt đi rồi. Mụ chỉ còn xương với da, chỉ có đem mà nấu cao, giả “cao hổ cốt” may ra còn có lý.”

Đám đàn ông bàn thêm:

“ Con gái trẻ đẹp hơ-hớ thiếu chi mà đi cưới mụ già. Cưới về đem đặt lên bàn thờ mà lạy chắt? Hay là thằng cha Việt Kiều đó đau bệnh điên, làm chuyện trái đời, chơi bạo lấy tiếng? Nghe không hợp lý chút nào. ”

Ông thầy pháp thường hay gọi hồn người chết về nói chuyện thế gian cũng bóp đầu, bóp trán, hứa sẽ kêu hồn bố mẹ mụ Ty về hỏi cho ra lẽ. Ông nói thầm với bà con:

“ Không chừng thằng cha Việt Kiều là phù thủy, cưới mụ Ty về để giết chết mà luyện “thiên linh cái”, vì mụ Ty dù sao cũng còn “đồng trinh”, chưa biết đến hơi trai.”

Mấy mụ đàn bà yếu bóng vía rùn vai, lè lưỡi sợ hãi, và họ tin ông thầy pháp nói có lý.

Chính quyền địa phương cũng họp chi bộ đảng cộng sản nhiều lần, để thảo luận và tìm hiểu lý do tại sao gã Việt Kiều kia cưới mụ Ty. Có âm mưu gián điệp của đế quốc Mỹ gài vào, dò xét tình hình “ta” không? Bí thư xã báo cáo lên quận. Bí thư quận nói:

“Không phải âm mưu gián điệp, vì cả Tổng Thống Mỹ Cờ-Lin-Ton còn đi phát phơ ăn phở giữa chợ ở Việt Nam mình nữa kia mà. Nhưng cũng

phải đề cao cảnh giác, để không có chuyện gì đáng tiếc xảy ra cho xã, huyện nhà.”

Nghị quyết chung của chính quyền xã là gây khó khăn tối đa cho tên Việt Kiều kia chán nản, mà bỏ ý định bí mật lặn lội đi. Họ tin rằng, nắm quyền trong tay, thì thừa sức ngăn cản được cuộc tình duyên treo ngoe này.

Phản mục Ty, nghe bàn vào, tán ra, người này nói một câu, kẻ khác bàn vài câu, cũng đâm ra hoang mang, và sợ. Nghi ngờ đến cái tấm lòng của ông Thu, người Việt Kiều muốn cưới mục làm vợ. Những lời bàn tán kia, đều có lý, không phải dựng đứng lên.

Hơn năm mươi năm trước, khi ông Thu mới mười lăm tuổi, gặp bà Ty, thì bị “cú sét ái tình” đánh cho ngã gục. Cả gan về nhà xin cưới vợ, bị bố ông đánh cho một trận đòn quất đít, nên tình yêu cũng tắt ngúm từ đó. Rồi mấy mươi năm thời cuộc nổi trôi, chiến tranh, tù đầy, đi Mỹ, chạy theo cơm áo, ông Thu không có thì giờ, không còn kiên nhẫn, hứng thú, để theo đuổi bất cứ một bóng hồng nào. Cho đến khi ông đã hưu trí, về thăm quê ngoại, biết bà Ty cũng phòng không chiếc bóng, mù lòa, đói khát. Hai người gặp lại nhau. Ông nhớ lời ước hẹn năm xưa: “kiếp sau đền bù sum họp”, nên muốn cưới bà Ty đem về Mỹ. Nhiều người bà con nội ngoại đều can gián ông. Họ bảo rằng, nếu lấy vợ, thì nên kiếm một người có trình độ, trẻ, đẹp, khỏe mạnh, để còn chăm sóc, nương tựa khi đau yếu trong trong tuổi già. Lấy mục Ty về, không nhờ vả được gì, còn phải lo ngược lại cho mục. Thêm khổ thân già. Vả lại, trình độ kiến thức quá cách biệt, rất khó sống chung, khó hoà hợp, khó thông cảm. Chỉ gây bức mình và làm khổ nhau. Họ khuyên ông cho mục Ty một số tiền lớn để sinh sống, rồi thôi, không tội chi mà đeo bòng cái gánh

nợ thổ tả đó.

Gia đình, bạn bè gián tiếp sắp đặt, làm như tình cờ, đưa đến cho ông gặp nhiều cô, nhiều bà. Có trẻ đẹp, có xồn xồn, cả chưa chồng và cả goá phụ. Các bà, các cô này, nhìn ông hau háu, tha thiết, với ánh mắt hy vọng, khẩn cầu. Ông thấy nhần tâm và tội nghiệp họ. Có người còn nhỏ, chỉ đáng hàng con, cháu ông thôi. Ông nói rằng, tất cả bọn họ đều đáng thương, chỉ vì cơm áo, mà phải tha thiết với một kẻ già nua như ông. Nhưng mục Ty là kẻ đáng thương nhất, đáng được đền bù nhất. Quan trọng hơn hết là mối tình hơn nửa thế kỷ trước, có phôi pha phần nào thật, nhưng vẫn còn âm ỉ trong tim. Cậu út của ông Thu nói:

“Yêu là cái khi gì? Bọn con nít ngu, mới bày đặt yêu đương. Mình già rồi, khôn quá, hết ngu rồi. Lấy vợ, lấy chồng là phải suy xét hơn thiệt, trắng đen, cân lường. Còn trẻ, bông bột, ngu nên ulti đại, không nghĩ đến hậu quả về sau. Bởi vậy, cháu phải suy nghĩ thật kỹ trước khi lấy mục Ty”

Ông Thu nói với cậu út:

“Lạ thật, năm mười lăm tuổi, muốn lấy vợ bị ngăn cản đã đành. Bây giờ sáu mươi sáu tuổi, muốn lấy vợ, cũng bị ngăn cản dữ dội. Thế thì chờ đến khi xuống lỗ mới hết trắc trở sao?”

Xóm giềng và họ hàng của nhao nhao xúi dục mục Ty thách cưới thật cho cao. Đòi cho được hai trăm phần quà. Mỗi phần có một hộp trà, một hộp bánh, sáu quả cau, một liễn trầu. Đòi thêm hai cái kiềng vàng, cặp xuyên vàng, một đôi bông tai. Phải đãi ăn năm chục người. Mục Ty nghe mà lo lắng bảo:

“Mình thách cưới cao quá, lỡ người ta không lo nổi, rồi bỏ đi thì

uổng. Mà mình thì đã tra (già) lắm rồi. Cả đời tui chưa đeo kiềng, đeo xuyến, chừ có đeo vô, cũng cần chết, mà trên (xấu hổ) nữa.”

Một bà nạt lớn:

“Tra thì tra, chứ chẳng lẽ cho không, cóc đòi chi cả? Đừng tự làm mình mất giá. Hấn không cưới thì thôi.”

Nghe nói vậy, mụ Ty giật mình tái mặt, ngồi thừ người ra. Một bà khác tiếp lời:

“Nì, mụ đừng lo, Việt Kiều giàu lắm. Người nào cũng lái xe hơi, ở nhà lầu. Mình không đòi là đại. Mà cũng phải đủ lễ “tam sên” mới được. Ba lễ, dạm mặt, đám hỏi, đám cưới đàn hoàng, chớ không phải đem xe về bắt cóc chạy đi. Làng nước không chịu cho mụ chịu thiệt thời mô. Mụ mà không đòi, thì chúng tôi cũng đứng ra, đại diện nhà gái mà đòi”

Mụ Ty hốt hoảng nói nho nhỏ:

“Thôi thôi, mấy mụ, mấy thím ời. Mần rình rang chi thêm xấu mặt. Mấy chục năm nì, có đám cưới mô trong làng mà đủ ba lễ? Tui nghèo khổ, chớ có phải cành vàng lá ngọc chi mô.”

“Đám cưới trong làng mình, không đủ ba lễ là vì bên rể nghèo. Phải “giản đơn” lại, chớ không thì trai, gái, không vợ, không chồng cả làng sao? Mình nhắm sức người ta có, mới đòi. Mụ lo chi?”

Thấy bà con áp lực quá, mụ Ty ôm mặt khóc. Người ta bồi thêm:

“Mụ mà đại, thì có cả làng khôn. Đòi là đòi cho mụ, chớ có đòi cho chúng tui mô. Sính lễ mà đòi được, thì mụ cũng cất đi, sau này làm cửa, phòng khi này khi kia, chớ chúng tui có lợi chi?”

Mụ Ty đem những lời thách cưới của bà con nói lại cho ông Thu nghe. Nhưng mụ không quên thêm một câu rằng, nếu ông không có, và không chịu thì thôi, mụ không đòi hỏi chi cả.

Ông Thu cười và nói, đó là “chuyện nhỏ”. Vòng, xuyên, hoa tai, nếu mụ muốn, thì ông sẽ mua cho mụ. Nhưng hai trăm phần cưới cau trầu, trà bánh, thì không, phí phạm vô ích. Mụ Ty nghe mà mừng, sung sướng và nói:

“ Thôi, thôi, đừng vòng xuyên chi cả. Xưa nay không đeo, bị chừ đeo vô, ngứa ngáy không chịu được mô. Đeo vô, trên lắm. ”

Khi gặp lại mụ Ty trong hoàn cảnh mù loà, đói rách lạnh lẽo, ông Thu muốn đem mụ về Sài Gòn ở tạm. Thuê nhà, thuê người chăm nom mụ trong thời gian chờ đợi. Khi đầy đủ thủ tục, và được sở di trú Mỹ chấp thuận, ông sẽ đưa mụ về California. Nhưng vì bà con, làng nước xúi dục, mụ Ty nhất định không chịu ra khỏi làng, khi chưa có đám cưới, chưa có hôn thú, và chưa có giấy máy bay đi Mỹ. Mụ khóc và nói:

“ Bà con dặn tui đừng có đi mô cả. Đi ra khỏi làng, vô tận Sài Gòn xa xôi, lỡ anh đổi ý, bỏ tui bơ vơ nơi xa lạ, mần răng mà tui có tiền, có phương tiện về lại làng. Mà về lại cũng không được mô. Thiên hạ cười cho thúì đầu. Tra chừng ni tuổi rồi mà còn bỏ làng đi theo trai, bị phụ tình, mang xác về. Xấu hổ lắm.”

Ông Thu ôm đầu thở dài. Biết mụ Ty đã bị xóm giềng bàn ra, tán vào, khuyên bảo này nọ. Không hẳn những lời khuyên đó hoàn toàn vô lý. Ông nhỏ nhẹ nói với mụ Ty:

“ Việc gì phải sống thêm trong cái chòi tranh dột nát này nữa.

Thiếu thốn phương tiện, ẩm thấp, mưa luôn nắng chiếu. Khổ đã nhiều rồi, không tội gì khổ thêm.”

Mụ Ty nói rất tự nhiên:

“Mấy chục năm sống nơi đây, cũng đã quen rồi, tui không thấy khổ nữa. Đói thì có, rách thì có. Nếu đủ cơm ăn hàng ngày là quá quý rồi. Tui không dám mơ ước chi hơn.”

“Nếu Ty nhất định không ra khỏi làng, thì kiếm nhà nào rộng rãi, khang trang, tui thuê cho mà ở”

“Nhà ai vậy ở. Không ai dư chỗ cho thuê mô. Ở nhà ni, có chết mô mà sợ. Nếu ở nhà ni mà chết, thì chết từ lâu rồi. Cứ cho tui ở nhà ni, đừng bắt tui đi nơi khác. Tội nghiệp.”

Ông Thu chịu thua, không muốn ép mụ Ty dọn đi nơi khác, phiền lòng mụ. Ông nhờ người bà con bên ngoại thuê thợ tu bổ lại căn chòi, lợp lại mái, che phen, làm cửa lưới ngăn muỗi, câu điện, bắt cho một chiếc quạt máy. Mụ Ty nói:

“Sửa phen, lợp nhà thì được. Câu điện chi cho phí. Tui mù loà, ngày như đêm, cần chi đèn đóm. Bắt quạt máy màn chi, lỗ nó rớt xuống, bẻ đầu. Khi mô nóng, ra ngồi bên hè, lấy mo cau mà quạt cũng đủ mát rồi.”

Ông Thu thuê một đứa cháu họ của mụ Ty, đến ở chung để chăm sóc, đi chợ, nấu nướng cho mụ. Mỗi ngày mụ được ăn cơm không độn khoai sắn, có cá kho, thịt luộc. Mụ Ty sung sướng hơn hở. Mụ nói với đứa cháu;

“Ăn sang phung phí như ri, ngày mô cũng thịt, cá, thì có núi của cũng sập. Thôi, đừng hoang phí nữa. Cứ cơm trắng với mắm nêm, mắm ruốc, rau luộc là đủ, sung sướng lắm rồi.”

Đứa cháu cười nói:

“Dượng Thu đã đưa tiền cho chú Hai, dặn phát tiền chợ cho cháu. O đừng lo. O mà ăn ngon, thì cháu cũng được ăn ngon theo. Cả đời, chưa khi mô cháu được ăn no, sung sướng, như bây chừ cả. Cháu hỏi thiệt, O đừng dấu cháu nghe. O bỏ thứ “bùa” chi, mà dượng Thu Việt kiều mê O dữ rứa? Dạy cho cháu với. Cháu thương thằng Bường, mà hấn cứ lờ tít đi, như không biết chi hết.”

“Mụ nội mi. Bùa chú chi mô. Người ta ở bên Mỹ, tau ở đây, mù loà, có bùa cũng không bỏ được. Miếng ăn ở ngay thật, hiền lành, trời thương nên đem dượng Thu mi về đây cho tau.”

Mụ Vàng người trong xóm, trước đây thường hay cho mụ Ty khoai sắn, ghé nhà ngồi nói chuyện, trước khi ra về nói:

“Mai một o qua Mỹ, làm ra tiền, đừng quên tui. Nhớ gởi về cho nhiều nhiều, để tui xây gạch, lợp ngói căn nhà nghe.”

Chú Trọng dặn dò tha thiết:

“Tui biết chị tốt lắm, qua Mỹ thế nào cũng gởi tiền về cho tui mua cặp trâu, đi cày thuê. Cả đời tui, mơ ước có được con trâu, chị không giúp, thì không khi mô có. Đừng vì giàu sang sung sướng mà quên bà con nghèo.”

Mụ Ty hoang mang lắm, nhưng cứ nói thật những ý nghĩ trong lòng mụ:

“Sợ không có, chứ có thì phải nghĩ đến bà con, phải chia xẻ cơm áo cho nhau chớ. Như bà con đã chia khoai sắn cho tui sống mấy chục năm ni. Cậu đừng có lo. Tui mà có của thì chia hết. Nghe bà con nói chuyện, tui nghĩ là Tây, Mỹ nó ngu lắm, để tiền, để của ngoài đường, cho mình qua đó mà hốt, như hốt cứt trâu ngoài ruộng”

Mụ Viện, nhà ở xóm trên, có đứa con gái ba mươi lăm tuổi bị ly dị. Cô này về ở với cha mẹ. Mụ Viện đến năn nỉ mụ Tý, đề nghị thẳng thừng:

“Chị tra (già) rồi, đi Tây, đi Mỹ làm chi, bên đó lạnh lắm, chịu không nổi mô. Mà đã tra dư ri (già như thế này), còn đi lấy dôn (chồng), thiên hạ, làng nước, con nít, chúng nó cười cho thúi trót (thối đầu). Trên lấm (xấu hổ). Thôi thì chị nhường ông Việt Kiều đó cho con Thại nhà tui, hấn còn trẻ, chịu được lạnh, có thể giúp ông Việt Kiều nhiều chuyện, để cho ông vài ba đứa con. Phần chị, thì ở đây đã quen, đi mô cho mệt.”

Mụ Tý nghe mà rung rung nước mắt, vì xưa nay đã quen bị thiên hạ chèn ép mà không dám kêu ca. Mụ nói nho nhỏ, sợ mất lòng mụ Viện:

“Chuyện đó, thì tùy ông Việt Kiều, nếu tui chịu nhường, liệu ông nó có chịu hay không?”

Mụ Viện dục:

“Răng mà không chịu. Con Thại còn trẻ, còn đẹp, khỏe mạnh, chứ có ốm o bệnh hoạn như, như ai đó mô. Thì chị cứ nói cho đến khi ông nó chịu. Không nói thì mần răng người ta biết.”

“Tui không dám nói mô.”

“Tại răng mà không dám nói? Có chết chóc chi mô?”

Mụ Tý khóc râm rứt:

“Chết tui cũng không dám nói. Chị có gan thì nói thẳng với ông Thu đi. Nói được thì tui chịu nhường”

Nói đến đó, mụ Tý tủi thân quá, khóc oà lên. Tưởng như đã mất ông Thu rồi.

Đứa cháu săn sóc mụ Ty, nghe mà giận quá, xen vô, nói lớn tiếng:

“Cái mụ Viện ni vô doang (vô duyên) chưa tề. Người ta ung đau (yêu nhau) cả mấy chục năm ni, đêm ngày thương dớ (nhớ). Chị Thại con của mụ, mập thù lù, bị chồng chê, bị li dị, chớ có quý báu chi. Có tình nghĩa chi mà nhảy vô đòi dành ăn. Ở bên đó, đầm Tây, đầm Mỹ đẹp như tiên, như thánh, trắng như trứng gà bóc, ông còn chưa chịu nữa, hưởng chi con của mụ, thấm vô mô.”

Mụ Viện giận dữ nghiêng răng gào lên:

“Nì, cái con quỷ cái, tau bả (vã) cho vắng răng ra bi chừ. Việc chi mà mi xía vô chuyện người ta? Mi biết chi mà nói. Câm cái mồm lại.”

Đứa cháu trả treo:

“Nói ngang xương dư rứa (như vậy), quỷ sứ nghe cũng không lọt tai. Túc đến ghen hòng.”

Có nhiều người nữa, đến bắt mụ Ty hứa hẹn đủ điều. Ông chủ tịch xã cũng nói với mụ Ty, yêu cầu ông Thu giúp đỡ, ủng hộ một món tiền, đủ để xây lại lại trụ sở uỷ ban hành chánh xã cho khang trang hơn. Mụ Ty đạo đạt những lời yêu cầu của bà con đến ông Thu. Ông cười hiền:

“Tội nghiệp bà con quá. Chắc qua Mỹ, tui với mụ phải tổ chức một băng cướp, đi ăn cướp ngân hàng, đem tiền về giúp bà con mình.”

Mụ Ty không hiểu lời nói đùa của ông Thu, hốt hoảng nói:

“Đi ăn cướp? Tui không làm được mô. Tui mù loà, mần răng mà chạy trốn cho kịp. E cũng ở tù rục xương. Rứa thì lâu ni, ở bên Mỹ, eng làm việc chi?”

“Đi cà”- Ý ông Thu muốn nói đi làm cực nhọc như đi cà vậy, nhưng mụ Ty không hiểu, hỏi:

“ Ruộng có điều (nhiều) không? Được mấy sào? Qua bên đó, tui cũng giúp xay lúa, giã gạo được”

“Bây chừ thì về hưu rồi, nghỉ đi cà.”

“ Rửa thì lấy chi mà ăn ?”

“ Tiền để đòng” (để dành) – Ông Thu nói tiếng Quảng Trị cho mụ Ty dễ hiểu.

Mụ Thu xuống giọng, nói nhỏ như sợ người khác nghe được:

“Để đòng điều (nhiều) không? Được năm lạng không?

“Được”

“Rửa thì giàu quá! Chôn cho kỹ. Coi chừng bị trộm hết, không có ăn, khổ lắm đó.”

Gian nan lắm, ông Thu mới hoàn tất được thủ tục, đưa mụ Ty về Mỹ. Phía chính quyền Việt Nam làm khó khăn, ông phải vất vả chạy mua giấy khai sinh, phải nhờ người đút lót tiền mua các loại giấy tờ chứng minh cần thiết. Bộ ngoại giao và di trú Mỹ nghi ngờ ông âm mưu đưa người nhập lậu qua khe hở của pháp luật. Ông cố gắng giải thích về sự thành thật của ông, mà không ai tin. Giá như ông cưới một cô gái trẻ, đẹp, thì được dễ dàng thông qua. Ông kể câu chuyện tình hơn nửa thế kỷ của ông cho viên chức ở toà đại sứ Mỹ nghe, họ càng không tin hơn, cho rằng ông bịa chuyện. Cuối cùng, ông phải thuê luật sư can thiệp, và nhờ thêm dân biểu, nghị sĩ vùng ông ở viết thư cho bộ ngoại giao và sở di trú. Thời gian thủ tục giấy tờ dài hơn gấp đôi bình thường.

Trên máy bay về Mỹ, ngồi bên cạnh mẹ Ty, ông Thu thấy tình thương dạt dào rộn lên trong tim. Nhìn mẹ Ty ngồi dựa ngửa đang lơ mơ ngủ, ông thấy mẹ đẹp hơn cả “con Ty” mười bốn tuổi ngày xưa có cái răng khểnh. Ông hứng khởi, hát nho nhỏ bản nhạc Suối Mơ của Văn Cao :“... từng hẹn mùa xưa xây nhà bên suối, nghe suối róc rách trôi, hoa lòng hương ngát, đàn nai đùa trong khóm lá vàng tươi...”

Mẹ Ty, quay mặt lại nói:

“ Eng hát hay quá”

Ông Thu cười:

“ Không hay bằng Ty nói về O Nương mô.”

Ông Thu vuốt nhẹ bàn tay khô xương, sần sùi của mẹ Ty, mà lòng vui rộn rã .

Tháng 8 năm 2007

Ngục Tù Êm Ái

Ông Ba thường nói đùa rằng, ông đang bị tù chung thân trong nhà lao êm ái, mà cai tù không ai khác hơn là bà Ba. Bà “quản lý” tất cả sinh hoạt từng

ngày của ông. Từ đi đứng, ăn mặc, nghỉ ngơi, và cả giấc ngủ của ông nữa. Con mắt dòm ngó của bà không bỏ sót bất cứ hành động nào của ông. May mắn cho ông, bà không làm chung một sở, nếu không, thì e công việc sở của ông, cũng không khỏi bị bà xía vô, và ông cũng sẽ mất hết vài chút thì giờ riêng tư ngắn ngủi đang có để thở tự do. Bà Ba thì dường như cảm thấy cái thiên chức tự nhiên của bà là chăm sóc ông chồng từng ly, từng tí, như chăm trẻ sơ sinh.

Mỗi buổi sáng, ông Ba cứ nằm nướng mãi không chịu dậy sửa soạn đi làm, cứ thiếp đi trong những giấc ngủ ngắn ngủi muộn màng. Cái giấc ngủ nướng mà ông cho là ngon nhất, khoan khoái nhất, và nó quyến rũ cái vốn liếng lười biếng tiềm tàng trong mỗi con người. Kỳ lạ thật, cả đêm thì mất ngủ, cố gắng mà không chợp mắt được, chờ khi gần sáng, cần dậy đi làm, thì lại ngủ ngon, ngủ say. Bà Ba thì chạy vào chạy ra phòng ngủ, nhắc nhở chồng. Bà cúi xuống bên giường, luồn tay vào tóc ông, vuốt ve dỗ dành :

“Dậy đi anh, đừng để muộn rồi hấp tấp, lái xe xa lộ nguy hiểm. Tội nghiệp quá, anh còn buồn ngủ lắm sao? Đêm nào em cũng bảo đi ngủ sớm, mà anh cứ thức khuya. Để em pha cà phê cho anh uống liền nghe. Dậy trễ cà phê nguội mất ngon đi.”

Bà kêu réo đến lần thứ ba, thứ tư ông Ba mới uể oải dậy. Có khi bà phải bật truyền hình lên, và tìm loại nhạc vui, nhạc hùng, vắn lớn tiếng, cho ông tỉnh ngủ. Trong lúc ông làm vệ sinh buổi sáng, thì bà pha cà phê áp suất, mùi thơm nồng bay lan tỏa khắp nhà. Nước cà phê màu đen sẫm quánh đặc trong ly thủy tinh trong veo. Bà biết chồng thích loại cà phê này. Mỗi lần mua cà phê sống, bà phải đi xa hơn một trăm dặm để tìm cho ra loại đặc biệt này, đắt nhất và danh tiếng nhất. Bà ít dám uống thường xuyên, vì cà phê đắt, tiếc tiền, chỉ để dành cho ông mà thôi. Tuy phải đi xa để mua, nhưng bà không dám mua nhiều một lúc, vì dự trữ lâu ngày sợ cà phê “bay hơi” không còn

giữ được chất lượng nữa. Nhiều lúc ở trong phòng tắm, ông nói vọng ra : “ Em ơi, ống kem đánh răng hết rồi, xà phòng em để đâu, lần sau đi chợ nhớ mua dao cạo râu cho anh nhé... “. Cái gì ông cũng kêu réo gọi bà, như trẻ con vò vỉnh mẹ. Ông biết, bà thích được nghe những lời vò vỉnh của chồng, được chăm sóc chồng. Có lẽ, nếu tất cả mọi sự, ông tự làm lấy, không réo gọi bà, thì chắc bà buồn lắm. Bà tìm được cái thích thú, hạnh phúc trong việc chăm sóc chồng.

Ông làm vệ sinh buổi sáng xong, thì ngồi vào bàn. Trên bàn đã sẵn đĩa thịt nguội, mấy lát thịt ba chỉ chiên, vài lát bơ mặn, một khúc bánh mì thơm giòn, và một ly nước cam vắt. Bà hỏi ông ăn món này, món kia riu rít. Rồi bà chạy mau vào phòng tắm, lấy cái lược, yêu cầu ông chải tóc lại, vì khi nào bà cũng thấy mấy sợi vô kỷ luật chổng lên trời. Mỗi khi bà thấy da ông tróc vẩy, thì bà lấy kem dưỡng da bôi vào má, vào mặt ông. Những lúc đó, ông giẫy nảy mà la lối: “Thôi thôi, anh đâu phải đi ngựa mà bôi kem dưỡng da của đàn bà! Em tha cho anh đi, vào sở, họ cười anh tội nghiệp.“ Bà cứ lâu bầu : “ Mùa đông không bôi thuốc, da hư cả, xấu lắm.“. Cái hộp thức ăn trưa của ông Ba to cồng kềnh, nặng trĩu. Bà đã chắt sẵn cơm, thức ăn hai ba món khác nhau, một hộp rau sống, trái cây đã cắt sẵn vì bà biết nếu không cắt gọt sẵn thì ông không bao giờ ăn, mấy miếng bánh ngọt, chai sữa tươi nhỏ, bình thủy đựng cà phê, trà. Bà còn bỏ vào đó một hộp đựng thuốc đau đầu, đau bụng, băng dán cấp cứu, dầu cù là. Ông Ba thường thường thử sức nặng cái hộp đựng thức ăn, rồi cười mà ví như ông sắp đi cắm trại, mang đồ ăn cho toàn cả gia đình. Đôi khi xách nặng quá, ông lầm bầm: “ Thôi, vợ thương thì rán chịu cho bà vui lòng, chứ không làm chi khác được.“ Thà mang đi , ăn không hết thì đi năn nỉ, mời bạn bè, hoặc đổ vào thùng rác, còn hơn là để cho vợ lo lắng, áy náy. Đôi lúc ông quên, đem một ít thức ăn thừa về nhà, là bà quỳnh quáng, sờ đầu ông xem có nóng không, sao mà hôm nay “ biếng

ăn“.

Những khi ngồi ăn chung với bạn bè trong sở, có ai ngạc nhiên nhìn vào hộp thức ăn tràn đầy, phong phú của ông, thì ông giải thích:

“ Đây là hộp thức ăn “ tình thương“, không phải tầm thường như những hộp thức ăn mua bằng tiền bạc của các bạn đâu.“

Mỗi buổi chiều, ông Ba về nhà trước bà chừng nửa giờ. Ông nằm dài trên ghế bành, nghe cái xương sống dần ra thoải mái, ông mở truyền hình nghe tin tức. Khi ông nghe tiếng xe bà vào sân, thì liền theo đó, có tiếng bà nhắc, câu nhắc nhở cố hữu:

“Này, anh đi tắm đi chứ. Nhớ dùng loại thuốc gội đầu chứ đừng dùng xà bong bôi lên tóc mà mai mốt hói đầu đó.“

Bà chạy vào bếp, lấy cho ông hai trái táo khô trước khi đi tắm, và nói:

" Ăn cho nhu động ruột được điều hòa, tránh táo bón. Anh nhớ vặn cho nước đủ ấm nghe, nước lạnh sinh ra cảm mạo .“

Ngày nào bà cũng nhắc nhở cùng một câu đó. Đôi khi, bà chưa kịp nói hết, thì ông đã nói nguyên câu của bà. Bà chỉ cười. Khi nào bà cũng chạy vào phòng tắm trước, kiểm soát xà phòng, khăn tắm, thuốc gội đầu. Lấy sẵn áo quần lót treo lên giá cho ông. Bà chạy ra, hỏi ông thêm vài ba lần nữa, nhưng khi nào ông Ba cũng ngồi im tại chỗ, vì gắng nghe cho hết tin tức quan trọng buổi chiều. Đôi khi bị vợ thúc dục quá, ông liếc nhìn bà, rồi rời ghế bành mà mặt còn quay lại nhìn màn ảnh truyền hình tiểc rẻ. Những lúc ông xem đấu bóng rổ, đang đến hồi gay cấn, thì dù đã đến trước cửa phòng tắm, ông cũng đứng lại nấn ná, xem trái banh trên màn ảnh có lọt lỗ hay không. Bà nhìn ông mà cười nói:

“ Anh thật lạ. Đã lớn rồi, mà chiều nào cũng nhắc nhở năm lần bảy lượt mới chịu đi tắm. Không có em nhắc, thì chắc xuân thu nhị kỳ anh mới tắm rửa chẳng?“

Khi nào ông Ba cũng cười, và trêu lại bà :

“ Anh nhớ năm ngoái đã tắm rồi mà. Tắm gì mà tắm mãi thế, tắm mãi thịt da nó thau hết. Hồi xưa chưa lấy em, hai mươi mấy năm anh chỉ tắm có ba lần thôi, vậy mà cũng có người thương , cũng lấy được vợ, có thua ai gì đâu?"

Rồi ông Ba vào phòng tắm, mở nước chảy ào ào trên thân thể. Thường thường , khi mở vòi thì không cần thử, mà nước ấm đã thoát ra ngay, vì bà Ba đã xả trước phần nước lạnh nằm trong ống rồi. Ông Ba vừa nhảy nhót vung vẩy tay chân dưới vòi nước, vừa hát theo điệu nhạc vang vang từ máy hát nhỏ trong phòng, mà bà Ba vận sẵn, và đã chọn những băng nhạc ông ưa thích. Tắm xong, thì vói tay lấy khăn và áo quần, đã được treo sẵn trên máng mắc áo. Ông Ba mặc áo quần vào mà không hề thắc mắc, không hề nghĩ đến cái chu đáo và chăm sóc của vợ. Ông xem chuyện đó như đương nhiên được hưởng, và ông cũng chưa bao giờ máng sẵn khăn tắm hay áo quần cho bà. Bà cũng không bao giờ đòi hỏi, hay cân phân cái việc chăm sóc nhau giữa hai vợ chồng.

Trong khi ông tắm, thì bà xuống bếp, cắt rau, lạng thịt, nấu ăn, chuẩn bị cho bữa cơm tối. Tắm xong, ông Ba lần xuống bếp giả vờ hỏi bà;

“ Em ơi, có cần anh giúp việc gì không?"

Ông hỏi cho có lệ, hỏi cho bà vui, chứ ông đã thuộc lòng câu trả lời của vợ mỗi ngày:

“ Thôi, anh đã tắm sạch sẽ rồi. Đừng làm gì nữa mà vẩy bẩn vào áo quần. Để em làm một mình cho mau. Anh lên nhà xem truyền hình đi.".

Trước khi ông đi, bà lau tay, và luồn tay vào tóc ông, kiểm soát xem tóc đã sấy khô chưa. Rồi bà liếc nhìn ông với con mắt âu yếm, nhìn cái dáng hờ hững của ông, mà bà mỉm cười như thích thú lắm. Thỉnh thoảng từ bếp, bà chạy lên phòng khách, đút cho ông một miếng thức ăn, yêu cầu ông thử xem có “vừa miệng“ không. Khi nào ông cũng nói:

“Em nấu ăn là nhất rồi, không ai nấu ngon bằng em cả. Em thử thấy ngon, là anh ăn ngon.”

Bà cười vui vẻ :

“ Em nấu cho anh ăn, thì phải hợp với khẩu vị của anh mới được“

“Để thường em không ăn sao ?“

Chưa bao giờ ông cho ý kiến là hơi mặn, hơi nhạt, thiếu cay. Câu trả lời cố hữu là: “ Ngon lắm rồi, vừa ăn lắm rồi.“ Bà Ba hí hửng quay xuống bếp nấu tiếp. Đôi khi ông Ba nói vọng từ phòng khách xuống: “ Em nấu gì mà thơm quá, làm anh đói bụng quá chừng.“ Bà biết ông thích ăn tỏi và ăn cay, bà cho thật nhiều tỏi và ớt vào các món ăn.

Ông Ba tiếp tục xem truyền hình, xem tin tức, và các trận thể thao buổi chiều. Đôi khi ông cũng muốn dọn bàn ăn, soạn chén đĩa giúp bà, nhưng không dám làm, sợ không vừa ý vợ. Nhiều lần bà căn dặn;

“ Để em làm. Em biết hôm nay cái gì cần, cái gì không. Anh dọn đầy ra bàn, có cái không cần đến, rồi sắp xếp vào lại, thêm một.“

Ông cũng hiểu bà nói thế, để cho ông có thì giờ mà xem truyền hình nhiều hơn. Nấu cơm xong, bà dọn ra bàn, bật đèn vàng, và chạy ra quay cái truyền hình về hướng bàn ăn, để ông vừa ăn , vừa xem các chương trình đang dang dở. Trong khi ăn, ngày nào bà cũng nhắc nhở, thúc hối ông gấp món này, gấp món kia: “ Anh ăn tôm đi, tôm tươi và dòn, ngon lắm.“ Ông mới đưa đũa vào đĩa tôm, chưa kịp gấp, thì bà đã nói tiếp : “Thịt này ninh mềm và bùi lắm, anh ăn miếng thịt này đi.“ Ông lại chuyển đũa từ đĩa tôm qua đĩa thịt, mới gấp, chưa kịp đưa lên miệng, thì bà đã nói: “Anh ăn canh đi, canh mồng toi mát và ngọt nước. Mồng toi tươi, ngon lắm.“ Ông theo lời bà, chưa kịp múc canh, đã nghe bà nói: “ Rau tươi đây, anh ăn nhiều vào cho có chất xơ, trị được bệnh đường ruột.“ Rồi bà dục ông gấp rau. Khi chén ông đã đầy cả tôm, thịt, canh , rau, ông bắt đầu thanh toán dần, thế mà bà cũng cứ dục

ông gấp thêm. Ông thường trêu ghẹo bà:

“Ước chi anh có ba cái miệng, sáu cánh tay để ăn và gấp thức ăn cho em vui.”

Ngày xưa, khi mới cưới, ông hơi bực mình vì ăn chưa hết món này, thì bà đã hối gấp món khác. Đôi khi ông gắt: “Để cho anh thở với chứ. Có ai dành hết đâu mà gấp thế?” Nhưng sau nhiều lần bắt gặp ánh mắt buồn bã của vợ, thì ông hiểu rằng, không tội gì mà làm cho bà buồn. Cứ gấp lia lịa cho bà vui, ông cũng chẳng mất gì cả. Trong lúc ăn, bà để dành miếng ngon gấp bỏ vào chén ông, ông bỏ lại vào chén bà, cứ thế mà đẩy qua, đưa lại, cho đến khi bà làm mặt giận ông mới chịu ăn. Biết vợ thương, ông thường gấp thức ăn bỏ vào chén bà và nói:

“Miếng này dở lắm, em ăn giúp anh, anh không muốn ăn miếng dở.”

Bà âu yếm nhìn ông và mỉm cười, như thầm bảo: “Anh không gạt nổi em đâu, em biết hết.”. Mỗi khi ăn cá, bà ân cần nhắc nhở ông:

“Khéo hóc xương nghe, anh ăn phần hông con cá, nhiều thịt, ít xương, đừng ăn phần kia”

Ông lại trêu chọc bà:

“Phải. Để phần nhiều xương lại cho em hóc xương, cho bác sĩ và bệnh viện có việc làm, đỡ thất nghiệp.”

Mấy chục năm, chưa bao giờ ông bị hóc xương, mà bà vẫn nhắc nhở. Bà cho rằng, nhờ bà nhắc nhở, nên ông không bị hóc xương.

Gần cuối bữa ăn, bà thường ép ông ăn thêm nửa chén, một phần tư chén, hoặc húp thêm chén canh, vài muỗng nước rau. Biết ý bà, nên ông thường để dành, trống một góc dạ dày, mà có sức ăn thêm cho vợ vui lòng. Ông cũng biết sau bữa ăn còn bánh ngọt, trái cây, phải ăn cho hết. Nhiều lúc cơm ngon, ông ăn đã đầy bụng, không ăn thêm được nữa, ông thường cầm các thứ trái cây mà bà ép ông ăn, len lén gói lại, đem cất vào tủ lạnh. Ông biết

rõ, ông không có quyền nói là no lắm rồi. No cũng phải rán mà ăn. Nhiều lúc bà ép ăn nhiều quá, bao tử chịu không nổi sức ép, phải bài tiết gấp. Sau khi xả xong, ông nói đùa với bà: “ Này em, của Caesar đã trả lại cho Caesar hết rồi. Phí mất một bữa ăn“. Thế là bà vội vã đi lấy dầu nóng thoa vào rốn ông, bắt ông phải mang vớ vào cho ấm chân, dù trời đang tiết nóng nực. Bà lại nhắc nhở : “ Anh không được khỏe, tối nay phải đi ngủ sớm. Đừng đọc sách, đừng xem truyền hình.“ Sau đó bà vội vã nấu nước gừng, bắt ông uống nóng, để dần cơn đau bụng. Ông nói rằng thải ra hết, là xong rồi, không đau đớn gì nữa cả, mà bà không tin, cứ lo lắng mãi.

Sau mỗi bữa ăn, ông Ba nói cho có lệ:

“ Em có cho anh dịp may, hôm nay được dọn dẹp chén đĩa và rửa bát không?“

Bà Ba gạt phắt đi như mọi hôm:

“ Không được đâu, việc này của em. Anh rửa chén bát rồi sắp xếp lung tung, đến khi cần, em không biết đâu mà tìm.“

Ông Ba hỏi, chứ đã biết chắc câu trả lời của vợ rồi. Bởi đôi khi ông cũng áy náy, muốn giúp vợ một tay, vì việc gì bà cũng dành lấy mà làm. Khi có việc bà không làm nổi, mới kêu ông phụ giúp.

Mỗi đêm, ông Ba thường ưa đọc sách, nhưng bà cứ thúc dục ông đi ngủ sớm, đừng thức khuya hại sức khỏe. Chín giờ đêm là phải tắt đèn đi ngủ.

Không được qua khỏi cái giới hạn đó. Ông thường nói với bà:

“ Em xem, cuộc đời ngắn ngủi, người xưa còn biết thấp đuốc đi chơi, mình ngủ sớm, uống đời quá.“

Khi đi ngủ, bà đưa thêm áo ấm cho ông mang, bắt ông đi vớ, đội nón, vì sợ khuya trời chuyển lạnh. Nhiều đêm trời nóng nực, không chịu nổi đôi vớ, cái nón nực nội, nhưng ông cũng không phản đối. Chờ cho bà ngủ, ông len lén cởi ra các thứ vương vãi nóng nực đó. Thường ông nói nhỏ:

“ Em à, mình đang ở California vào mùa xuân, chứ không phải ở Alaska vào mùa tuyết phủ.”

Bà trả lời yếu ớt:

“Thà chịu nóng một chút, mà chắc chắn khỏi cảm lạnh khi về khuya.”

Thường trước khi ngủ, bà ép ông uống vài viên thuốc bổ. Bà đứng canh cho đến khi ông uống xong mới chịu đi, vì có lần , bà tìm thấy thuốc bổ nằm la liệt trong thùng đựng rác. Có khi ông Ba vờ uống cho bà vui, nhưng ông ép viên thuốc vào dưới lưỡi, và sau đó phì ra.

Mỗi khi pha trà cho ông uống, bà cũng thử xem độ nóng đến đâu. Khi nước quá nóng, thì bà không quên dặn dò:

“ Nước nóng lắm đó. Coi chừng kéo phỏng lưỡi”

Những lúc này, ông Ba giả bộ như sắp uống ngay ly nước, làm bà hốt hoảng la ới ới. Dù bà biết ông đùa nghịch mà thôi. Rồi ông Ba nhăn răng cười, bà quay mặt bỏ đi. Mỗi khi ông dẫn bà đi phố, bà thấy áo quần đẹp, vừa ý, thì mua cho ông ngay. Bà biết kích thích, tầm số của áo quần ông, từ áo lót, quần lót, cho đến áo tay dài, áo tay cụt, vòng lưng, vòng hông, mà chính ông Ba cũng không biết và không nhớ phải mua áo quần cỡ nào cho chính ông. Tất cả áo quần của ông Ba đều do bà mua sắm, cứ chất đầy trong tủ. Có khi ông Ba thấy vợ chọn cái áo lòe loẹt quá, ông nói:

“ Em này, quanh vùng chúng ta ở, có ai lập gánh cải lương không? Để anh xin gia nhập. Sẵn có cái áo này, đỡ may mặc tốn kém.”

Bị ông trêu chọc, bà không giận hờn, chỉ nói nhỏ nhỏ:

“ Anh không thích màu áo đó, thì em sẽ đem đổi lại.”

Thường khi ông lái xe, bà ngồi bên cạnh. Bà ngồi mà mắt nhìn kiếng chiếu hậu, nhìn qua phải, nhìn qua trái, xem xe cộ chung quanh mà nhắc nhở ông biết tình trạng lưu thông trên đường.

“ Coi chừng chiếc xe bên phải, nó chạy sát xe mình quá.” Hoặc: “Chạy chậm

lại chút đi, cái xe đang trước xem loạng quạng như người say rượu.“ Hoặc la lên nho nhỏ: “Anh phải nhường cho xe kia qua chứ. Tranh nhau làm gì?” .

Ông Ba thường bảo:

“ Anh thì lái xe, mà em thì lái anh. Lên xe, em hãy ngồi nghỉ ngơi, đọc báo, nghe nhạc hoặc ngủ cho khỏe , việc lái xe để anh lo.”

“ Em phải chia xẻ cùng anh chứ, bốn con mắt, hai cái đầu vẫn hơn hai con mắt, một cái đầu. Vả lại, làm sao mà yên tâm nghỉ ngơi được?”

Mỗi lần đi đâu xa, không quen đường, bà Ba thường dỡ bản đồ nghiên cứu trước. Phải đi lối nào, xa lộ nào, đến đâu thì chuẩn bị, và ra khỏi xa lộ quẹo mặt hay quẹo trái, đi thêm bao nhiêu ngã tư nữa thì quẹo hướng nào. Trước khi quẹo là ngã tư tên đường gì. Rồi bà vẽ ra trên giấy, dán vào tay lái cho ông. Tuy thế, bà vẫn chưa yên tâm, sao chép lại một bản khác mà cầm trên tay. Rồi chỉ đường cho ông đi. Ông cứ lái xe theo hướng dẫn của bà, và thành một thói quen, lái xe mà không suy nghĩ, không vận dụng trí nhớ để tìm đường. Bởi vậy, những khi đi đâu một mình, ông hay bị lạc đường, và phải dừng xe lại xem bản đồ. Ông thường nghĩ, vợ chăm sóc quá, làm ông mất đi một phần năng khiếu có sẵn. Những khi bà chỉ sai đường, đi quanh co mà không tìm ra nơi muốn đến, thì bà áy náy, nôn nao, làm như bà đã phạm vào một lỗi lầm tày trời. thường thường, ông Ba an ủi vợ:

“ Có sao đâu. Lạc đường thì quay lại. Cứ xem như mình đi chơi, đi ngắm cảnh, đi cho biết đó biết đây. Gấp gáp gì đâu? Đến trễ cũng chẳng chết ai cả. Tìm mãi rồi cũng sẽ ra đúng đường.”

Dù được chồng an ủi như thế, mà bà vẫn quay quắt dòm qua, ngó lại, rồi cúi đầu vào cái bản đồ, cho đến khi xe dừng lại đúng địa chỉ, bà mới hết băn khoăn.

Những khi đi bộ băng qua đường, bà hốt hoảng nhìn quanh và la lối nhắc nhở:

“Coi chừng xe cộ. Nhiều người lái ẩu tả lăm. Phải nhìn phải, nhìn trái, và nhìn lui cả đằng sau nữa mới được.”

Bà thường nói : “Anh không biết một chút gì về luật đi đường cả. An toàn là trên hết.” Câu nói của bà làm ông Ba mỉm cười, vì chính ông là kỹ sư lưu thông, phụ trách về an toàn cho xe cộ di chuyển trong thành phố nhà.

Những khi ông ngồi chờ bà đi dạo trong các khu hàng hóa lớn, trước khi đi bà dặn dò:

“Ngồi đây nhé. Đừng đi đâu mà xe cộ nguy hiểm, làm em lo.”

Ông Ba ngồi đọc báo, có khi quẹo đầu ngủ gật. Khi mỗi một, ông đi một vòng cho giãn gân cốt, hoặc lảng vảng ở các tiệm bán đồ điện tử. Nếu bà trở lại mà không thấy ông, thì bà hốt hoảng như con gà mắc đẻ, chạy quanh tìm kiếm. Khi tìm được ông, thì bà lớn tiếng và giận hờn:

“Anh làm em sợ muốn chết. Tưởng đâu chúng nó bắt cóc, hoặc giết chết anh rồi. Đi đâu mà không cho em biết?”

Ông Ba hiểu rằng, vì thương chồng nên bà mới có thái độ đó. Không phải bà độc tài hay khó tánh. Ông thường trả lời:

“ Em tưởng tấm thân anh quý báu lắm sao? Ai mà bắt cóc anh làm gì , nuôi cho thêm tốn cơm, cạy không ra một đồng xu. Họ giết anh làm gì, sùng sỏ như anh, không giết ai thì thôi, chứ ai mà giết được anh. Em làm anh tưởng mình là nhân vật quan trọng lắm.”

Những lúc đi ăn tiệc, hoặc tham dự đám cưới, dù đã được ông căn dặn trước, nhắc nhở nhiều lần, thế mà bà Ba vẫn quen thói như khi ở nhà, gấp lia lia các miếng ngon bỏ vào chén ông. Hoặc thúc hỏi ông ăn món này, ăn món kia. Những lúc đó, ông Ba đưa mắt kín đáo ra dấu cho bà, hoặc đá chân bà ở dưới gầm bàn mà nhắc nhở. Bà chỉ mỉm cười. Những lúc này, ông Ba thấy thương vợ vô cùng, dù hơi bực mình vì ngượng với những người ngồi chung bàn, sợ họ nghĩ ông bà tham ăn, thiếu lịch sự. Có khi ông chữa thẹn bằng vài

câu khôi hài vu vơ.

Trong mùa hè, ông Ba thường đi đánh quần vợt với bạn bè vào sáng chủ nhật. Thấy ông Ba xuất hiện trên sân, là đám bạn đã nhao nhao lên trêu chọc ông: “Hôm nay chúng tôi được ăn, uống món gì đây?” Bởi họ biết rằng, khoảng gần trưa, bà Ba sẽ lễ mễ bung đến bánh trái, nước ngọt cho ông Ba và bạn bè. Bà thường dặn dò:

“Đánh banh vừa phải thôi, đừng chơi nhiều, đứng ngoài nắng lâu không tốt. Các anh ăn uống đi, cho có sức mà đập banh.”

Cái chu đáo của bà thường được bạn bè ông Ba đem ra làm đề tài để trêu chọc ông. Cũng có vài người tỏ ra ganh tị, vì không có được bà vợ hết lòng với chồng như bà Ba. Bị trêu chọc, ông Ba chỉ cười và trêu lại rằng, các bạn ông không có phước phần thì rán cần răng mà chịu. Có bà thấy bà Ba đem thức ăn ra sân banh cho chồng, thì phàn nàn và lớn tiếng:

"Việc gì mà nổi giáo cho giặc. Máy chả ham chơi, lười biếng chảy mỡ ra, việc nhà thì thoái thác rằng yếu, mệt, mà chạy chơi, đập banh suốt ngày ngoài nắng thì không mệt. Đàn bà mình cũng đi làm chứ! Thứ bảy, chủ nhật mình lo việc nhà mờ con mắt không hết, mấy ông thì đi chơi, lại còn nhậu nhẹt, bàn tán chuyện vá trời xô núi. Đem thức ăn ra sân banh làm chi cho mấy chả thêm lười!"

Bà Ba chỉ cười, nói nhỏ nhẹ:

“Thương chồng thì có mất mát gì đâu? So đo làm chi? Thương thì cho bao nhiêu cũng không vừa, và không cần đền đáp. Làm gì được cho chồng vui là em thấy sung sướng trong lòng. Tình thương cho đi, không bao giờ thiệt hại cho ai cả.”

Ông Ba sợ nhất là những khi nhức đầu sổ mũi. Những lúc đó, bà đề sắp ông xuống, dùng cái muống, bôi dầu cù là mà cạo gió cho nát cái lưng ông ra. Da lưng rướm máu, đỏ bầm lằn ngang vết dọc. Ông chỉ biết la ới ới, và xin bà

nhẹ tay cho, vì quá đau. Đau quá, ông thều thào: “Em làm như công an tra tấn, khai thác lấy tin tức không bằng. Thôi tha cho anh đi.” Bà đâu có chịu tha dễ dàng. Sau màn cạo gió, là xông dầu gió. Rồi bắt ông uống nhiều loại thuốc khác nhau cho mau lành bệnh. Ông hỏi bà: “Em bắt anh uống nhiều thuốc như thế này, không sợ phải ra tòa mang tội sát phu hay sao?” Ông biết bà không có một chút kiến thức y khoa nào cả, cứ nghĩ uống nhiều thuốc là mau lành bệnh. Ông giả vờ uống cho bà đỡ lo, rồi đem quăng vào thùng rác. Thường ông thì thâm đùa với bà: “Em muốn anh hết bệnh ngay tức thì không? Dễ lắm. Chúng ta vào buồng đóng cửa, thương nhau cho nhiều, mồ hôi ra, là hết bệnh ngay.” Bà phát yêu vào vai ông: “Bậy bạ, muốn chết sớm hay sao. Bệnh mà còn loạn quạng là sụm ngay luôn đó.”

Mỗi khi ông Ba đi công tác xa nhà vài hôm, bà soạn hành lý cho ông, bỏ vào hành trang đủ thứ linh kinh. Bà có sẵn mấy cái danh sách dài lòng thông, về những món cần thiết chuẩn bị sẵn cho ông. Đi ngắn ngày, đi dài ngày, đi một hai ngày, đều có danh sách riêng cho các thứ hành trang mang theo. Đi xa trên ba ngày thì có năm mươi bốn món, đi dưới ba ngày thì có bốn mươi tám món. Trong đó có cả tăm xỉa răng hai loại, loại bằng nhựa có dây chỉ, loại tăm thơm trong bao giấy, có cả giấy lau kiếng, giấy ướt chùi tay, con dao Thụy Sĩ có cờ chữ thập trắng, thuốc đau đầu, đau bụng, dầu gió... Bà kiểm soát và đánh dấu vào những món cần dùng đã nhét vào rương da. Suốt đêm hôm trước khi đi, dù ông đã vắn đồng hồ reo báo thức rồi, bà cũng lảng xảng không ngủ được, chạy lui chạy tới trong nhà cho đến khuya, và không ngủ được vì sợ ông trễ giờ lên máy bay, bà thức dậy nhiều lần nhìn đồng hồ, và mở hành trang ông ra, kiểm soát lại xem có thiếu món gì không. Đôi khi ông bực mình, gắt bà, nói là ông đã lớn, đã già rồi, không còn là trẻ con nữa mà phải lo lắng từng ly, từng tí như vậy. Bà chỉ nói nho nhỏ là nếu bà không lo cho ông, thì ai lo cho đây. Nghe giọng nói buồn bã của vợ, ông Ba biết rằng,

vì thương chồng mà bà quay quắt như vậy, nên để yên cho bà lảng xãng. Có lẽ không được lo lắng cho chồng, thì bà buồn hơn. Mỗi lần nhìn đồng hành trang, khi nào ông cũng kêu lên:

“ Em làm như anh dọn nhà không bằng. Mang đi nhiều, nặng nhọc mà không dùng đến, uổng công.”

“ Thà dư còn hơn thiếu. Lỡ anh cần, thì có ngay mà dùng.”

Ngoài hành trang mang theo, bà còn kiểm soát xem ông còn đủ tiền mặt trong túi không. Nếu không đủ thì bà bỏ thêm. Bà còn mua cho ông cái thắt lưng da hai lớp, dấu mấy trăm đồng đô la xếp gọn. Bà cũng không quên dấu thêm tiền trong một ngăn bí mật trong rương da, để phòng khi bất trắc.

Ngày thường, mỗi sáng bà bỏ thêm tiền mặt vào ví da cho ông, dù ông bảo là đã có thẻ nhựa, không cần tiền mặt làm chi. Trong hộp gạt tàn thuốc của chiếc xe ông, bà cũng dấu ít chục đồng, để phòng hờ khi khẩn cấp, khi ông cần đến. Và quả thật, ông đã nhiều lần sử dụng cái số tiền bí mật phòng xa đó. Những lúc này, ông thấy thương vợ vô cùng.

Lần hai ông bà đi du lịch Trung Hoa, đêm ngủ lại Bắc Kinh, nằm trong khách sạn rộng rãi, ông nói:

“ Em à, nằm đây mà anh nhớ đến thời xưa, các sứ thần Việt Nam qua cống Thiên Triều, như cụ Ngô Thời Nhậm, cụ Nguyễn Du, họ đi bộ hàng ngàn dặm, lại phải ở lại công quán, đâu có tiện nghi, đâu có sang trọng như khách sạn bây giờ mà lại có vợ ôm trong tay nữa. Chúng ta sung sướng quá, tội chi không để lại một kỷ niệm yêu thương nơi đây?”

Ông luôn tay vào bụng bà. Bà giẫy nảy không chịu:

“ Ngày mai leo Vạn Lý Trường Thành, phải để dành sức khỏe mà đi. Không thì uổng lắm”

“ Một trăm cái Vạn Lý Trường Thành cũng bỏ.”

Bà nói nho nhỏ:

“ Thiên hạ biết, họ cười cho mà xấu hổ “

“Vợ chồng thương nhau là hợp với lẽ trời đất, có gì sai trái mà sợ thiên hạ cười. Ai không có chuyện này, mà lại dám cười mình? Ngày mai lên xe, anh sẽ hỏi vợ chồng nào dám dong tay lên, xác nhận là chưa có chuyện “thương” nhau bao giờ. Xem có ai dám dong tay lên không? “

“ Thôi anh ơi, đừng nói chuyện tào lao nữa. Kỳ lắm. “

Hôm sau ông Ba thở phò phò leo lên dốc Trường Thành Vạn Lý. Bà đi bên cạnh xót xa : “ Đã bảo mà không nghe. Tội nghiệp anh chưa. “

Được thể, lần đi du lịch Âu châu, hai tuần qua sáu quốc gia, ông cũng nài bà để lại kỷ niệm thương nhau tại thủ đô của mỗi nước. Tại London thủ đô Anh Quốc , Paris của Pháp , Geneva của Thụy sĩ, Rome của Ý, và Vienna Áo Quốc. Khi di chuyển, ngồi trên xe, ngày nào bà cũng thấy ông quẹo đầu nhăm mắt ngáy phì phò mà cái miệng chu dài ra, bà xót xa nói nhỏ nhỏ :

“ Khổ chưa, đi du lịch ngắm cảnh mà mệt ngủ khi ra thể, có uống tiền không. Thiệt như là trẻ con. Thương quá ! “

Đang ngáy, mà ông cũng nghe được, giật mình mở mắt, quay qua bà nói đùa:

“ Thương hả? Chưa được đâu. Trên xe đông người thế này, kỳ lắm. “

Bà cầu ông một cái , nói nhỏ nhỏ :

“ Bậy nào, anh cứ nói chuyện khôi hài mãi. Thiên hạ nghe được, họ cười cho. “

Rồi ông lại tiếp tục ngủ gục, cái đầu lắc lư theo nhịp xe di chuyển. Mỗi khi xe dừng lại ở các thắng cảnh cần viếng thăm, bà đánh thức ông dậy. Cái mặt ông đờ ra, ngơ ngác nhìn quanh.

Mấy lần ông đi trượt tuyết, từ nhà lái xe lên núi cũng mất gần năm giờ. Bà đành lấy tay lái, đưa ông đi, vì sợ ông lái xe đường xa mệt nhọc, không còn sức mà trượt tuyết. Bà thường nói:

“ Anh nhắm mắt ngủ cho khỏe, lấy thêm một chút sức khỏe mà trượt đua với thiên hạ.”

Lên núi, bà đứng canh, và đưa mắt theo dõi ông từ trên cao lao người vòng vèo lượn xuống. Hai tay bà luôn luôn ôm lấy ngực lo lắng, sợ ông té ngã. Mỗi khi ông lượn vòng qua , bà không quên nhắc nhở : “ Cẩn thận nghe anh, coi chừng té gãy tay, gãy chân thì khổ.” Nghe bà nhắc, ông lướt đến gần bà, rồi giả vờ té lăn nằm ngửa trên tuyết. Biết là ông chòng đùa nghịch, mà bà vẫn hốt hoảng chạy gấp đến hỏi han rồi rít. Ông nhăn răng cười. Bà nhẹ nhàng trách:

“ Anh ác lắm. Anh làm em lo, tội nghiệp em”.

Mỗi lần có bạn ông đến chơi, bà lo lắng nấu món này, món kia, làm thức nhậu cho các ông. Thường thường bà nấu thức ăn theo sở thích của khách mà bà biết. Rồi bà bảo đưa con trai xuống hầm nhà lấy những chai rượu nho cũ nhất mà đãi khách. Hằng năm, có những đợt rượu nho được bán ra với giá rẻ để quảng cáo. Bà mua vài ba chục chai, cất vào hầm, gác lên kệ và ghi chú năm sản xuất. Mười mấy cái kệ dưới hầm nhà chất toàn rượu nho.

Những chai rượu để dành lâu năm, có khi giá tăng thành năm bảy lần giá mua ban đầu. Bà lý luận rằng, thế nào cũng phải mua rượu đãi bạn, tội gì không mua trước, tiết kiệm được vô số tiền. Khi đãi người ta, thì phải cho ăn ngon, uống ngon, còn không thì thôi, đừng mời. Đó là cái chủ trương của bà. Bởi vậy cho nên nhà ông bà Ba thường có khách khứa liên miên. Đãi đãi bạn bè, là một thú vui của bà. Bà Ba thường nói rằng, những niềm vui nho nhỏ hàng ngày gom lại, thành ý nghĩa hạnh phúc đích thực của cuộc sống. Bà không mơ cao xa, không ước vọng giàu sang xa hoa phú quý tột bậc. Những khi việc sở cần kíp, ông Ba đi làm thêm vào thứ bảy, hay buổi chiều về muộn, bà thường xuýt xoa, lo cho sức khỏe của ông. Bà thường bảo ông: “ Mình có đủ ăn rồi, kiếm thêm bao nhiêu tiền cũng không thể giàu được.

Mà giàu làm chi? Có nhiều tiền để sau này chết cúng cho chùa, cho nhà thờ ư ? Con mình, chúng không cần tiền đó. Mình đến đất nước này khi đã quá nửa đời người, mà còn làm ăn sinh sống được, hưởng chi con mình lớn lên tại đây, học hành và tốt nghiệp tại đây. Tương lai của chúng, chắc chắn khá hơn mình nhiều, tại sao mà phải lo ngược ?“

Có người chế nhạo ông Ba rằng, đã già đời rồi, mà còn để vợ chăm sóc như con trẻ, bị vợ “quản lý“ như kẻ đi tù chung thân. Ông Ba cười, và nói rằng, trong cái vòng lao tù êm ái này, ông mong được ở tù càng lâu càng tốt, và cầu sao cho đừng bao giờ có ngày “ ân xá“.

Bà Ba cũng bị bạn bè thân thiết trách mắng :

“ Sao mà đại thế, các ông cũng có tay có chân, cũng có sức khỏe, tội chi mà hàu hạ cho các ông thêm lười biếng, thêm hư hỏng. Mai sau mình có chết trước, mấy ông sống một mình không nổi, phải đi kiếm gấp bà khác mà điền thế vào chỗ trống của mình. Phải tập cho các ông tự lập, tự lo lấy cho quen.“

Bà Ba nhẹ nhàng đáp:

“ Tình thương không có so đo. Làm được gì cho chồng vui là mình vui, là xây thêm được một viên gạch vào cái nền hạnh phúc cho vững vàng hơn, không mất mát đi đâu cả. Cho còn sướng hơn nhận“

Phiên phiên tuổi già

Bạn tôi, có ông tự xưng là Hai Hô. Bởi rằng ông hô. Ông rất thích thú với danh xưng này. Ông thường nói rằng, ngày xưa còn trẻ, hăng tiết vịt, ai nói gì, đúng hay sai, cũng tìm lời cãi lại. Bây giờ già rồi, nghe ai nói gì cũng thấy xuôi tai, đúng hết....

Bởi già rồi, có nhiều kinh nghiệm, thấy được đúng, sai, có nhiều mặt khác nhau.

Bà mẹ ông đã 92 tuổi, mà thường hay nói câu: "Mai một tôi già rồi thì..." Mỗi lần nghe câu đó, ông vội cắt ngang lời mẹ, và hỏi lại: " Hơn chín mươi tuổi rồi mà chưa già hờ mẹ? Thế thì bao nhiêu tuổi mới là già?" Bà cụ chỉ cười, không đáp lại. Vợ ông thường nháy mắt, nhìn ông che dấu nụ cười bí mật. Người em ông nói: " Theo tôi, thì không có ai già, và cũng chẳng có ai trẻ. Già hay trẻ, là một khái niệm rất tương đối. Hồi tôi mười bốn, mười lăm tuổi, thấy các chị hàng xóm mười bảy hay mười tám tuổi là đã già khú đế. Già như sắp mua hòm được rồi. Thế mà khi tôi sáu mươi tuổi, tôi thấy các bà năm mươi là trẻ, và các bà bốn chục tuổi là bọn con nít. Thế thì già hay trẻ, không phải tùy theo số tuổi của họ. "

Ông Hai nói, có một lúc nào đó, con người trở nên già. Này nhé, mỗi khi đi ra đường, nếu chỉ thấy các bà già nhìn mình, mà các cô gái trẻ không dòm mình nữa, thì phải hiểu là mình đã già rồi. Lại nữa, mỗi sáng đứng trước gương, thấy trán mình cao hơn, tóc rụng nhiều, đừng tưởng mình trở nên thông thái, mà phải biết đó là dấu hiệu già. Nếu mình thấy mọi người dường như trẻ lại, thì chính mình già đã đi, vì mình so sánh thiên hạ với cái bóng của mình trong gương soi mỗi ngày.

Ông nói, tuổi già báo hiệu khi sinh lý bắt đầu yếu. Nhịp độ "gần gũi" của vợ chồng thưa dần. Và đôi khi cố gắng làm vừa lòng bà vợ theo định kỳ, mà không có hứng khởi. Những khi đó, nếu bà vợ gạt ra, không cho gần gũi, thì trong lòng lại mừng hóm, vì có cái cớ để không làm tròn "bổn phận" mà không áy náy. Ông nói, bực nhất là những lúc mình đang hăng, đang nóng máu, sắp xáp chiến, mà bà vợ cứ cần nhằn về những chuyện không đâu, như cái hàng rào bị gió vật nghiêng, cây hoa hồng lá bị bạc mốc, con chó bị rận bọ chết. Thế là cả cái thân già nó xiu xuống như cọng bún thiêu. Chẳng làm ăn chi được nữa cả. Đành bỏ cuộc vui nửa chừng. Khi còn trẻ, vào những lúc sắp gay cấn như thế này, thì dù cho sét nổ trên đầu, cũng không nghe, không biết.

Có người hỏi ông sao không dùng viên thuốc thần kỳ, làm cho vợ chồng vui như thuở ba mươi. Ông nói, đừng tin mà chết sớm, đau tim mà dùng thuốc này, thì lăn đùng ra mau lắm. Hồi trước, ông cũng xin ông bác sĩ cho toa thuốc này, bác sĩ ấy không chịu. ông cũng hơi giận, nhưng bây giờ thì cảm ơn, vì biết được cái nguy hại của nó. Vui chốc lát, mà bỏ mạng, lãng nhách. Theo ông, thì vợ chồng già, ghiền cái hơi của nhau hơn là chuyện vật nhau lăn lộn trên giường. Chỉ cần luồn tay vào áo bà vợ già, mà tìm trái mướp, cũng đủ làm cho bà ấy vui rồi.

Nói về cái tai điếc, ông nói: "Có một lúc nào đó, mình nghe nhạc, cứ tưởng là các anh chị ca sĩ dạo này không còn hát hay như ngày xưa. Không phải vậy đâu. Thời nào cũng có ca sĩ giọng hay. Nghe không hay vì cái tai mình đã nặng, lãng. Rồi cứ tưởng nhạc dở. Đó là dấu hiệu già. Nhất là khi nghe truyền thanh, truyền hình, thì con cái, hàng xóm, cứ than phiền mở âm thanh

quá lớn. Theo mình, âm thanh như vậy chỉ vừa đủ nghe, mà họ bảo oan cho mình là quá lớn."

Ông Hai nói với một bạn già rằng, khi già, lãng tai, điếc tai cũng có cái lợi lớn. Là khi nào vợ nói lời êm ái, dịu dàng, yêu thương, thì nghe cho sướng tai. Khi nào bà trở chứng trách móc, chê bai, than vãn, nói nặng lời, thì cứ nhẹ-nhẹ gỡ cái máy trợ thính ra, chỉ thấy bà nhóp nhép cái miệng, trông tức cười lắm. Không nghe, thì không bực mình, không giận hờn, mà còn cười, đôi khi nụ cười rất rạng rỡ, cười rất dễ thương nữa. Bà vợ nói như gió vào phòng trống, thấy ông chồng không giận, mà còn cười vui, thì đành im miệng cho đỡ tốn hơi. Và đôi khi còn thương thêm, vì tưởng ông chồng khéo nhin. Nhưng một ông bạn khác, nói rằng, khi bà vợ trách móc và thở than, thì để bà ấy nói, cho xả ra, nhẹ bớt bực tức trong lòng. Bởi vậy, mỗi khi vợ ông than vãn, trách móc, thì ông mừng và lắng nghe. Nếu bà ngưng nói, thì hỏi rằng em có gì cần nói thêm, than vãn thêm không, hãy nói cho hết đi, anh nghe đây. Thế là bà dịu xuống, và bà cảm thấy hơi quê quê, nên thôi.

Ông Hai nói, khi già, mắt yếu, cầm cuốn sách lên, là móc túi tìm cái kiếng. Không có kiếng thì đành chịu thua. Khi đó, mình ít đọc sách hơn ngày xưa. Rất nhiều bạn ông than phiền rằng, dạo này, sách vở, báo chí họ in chữ nhỏ hơn, khó đọc. Không phải đâu. Mắt mình mờ, kém, chứ không phải chữ in nhỏ lại. Mấy anh trẻ hỏi ông có bực vì mắt kém không, ông Hai nói rằng, việc chi mà bực?. Phải mừng chứ đừng bực. Mừng và cảm ơn khoa học tiến bộ, giúp cho mình còn thấy rõ hơn, nghe rõ hơn, mà nếu mình sống mấy trăm năm trước, thì đã mù loà, và điếc đặc rồi. Dù cho nghe ít, thấy không rõ hoàn toàn, nhưng có thấy, có nghe, đã là quá quý rồi. Tuổi đã cao, mà còn thấy được người thương yêu, con cháu, bạn bè. Còn xem truyền hình, phim

truyện, thì đã nhận được rất nhiều ân phước của trời ban cho. Phải biết cảm nhận và cảm ơn trời

Bây giờ, đi đâu xa ông cũng ngại. Đi du lịch, điều nghĩ đến trước tiên của nhiều người già như ông, không phải cảnh đẹp, điều hay, cái lạ, mà nghĩ đến cái cầu tiểu. Không biết nơi đó có hay không. Cứ vào quán xá, hội trường, thì có thói quen, trước tiên là xem cầu tiểu nằm đâu. Quán nào mà không có cầu tiểu, thì đừng hòng có nhiều ông bà già bước vào. Ông rất sợ mai đây xui xẻo, người ta tôn ông lên làm lãnh tụ. Vì thấy mấy ông lãnh tụ đứng đọc diễn văn, họp báo, duyệt binh, diễn hành, đứng hàng giờ, phải nín tẻ, khó chịu, mệt và khổ lắm. Ông cũng rất ngại ngủ nhà lạ, cứ nửa đêm, nhiều lần mò mẫm trong bóng tối dậy đi tiểu. Xối nước ào ào làm người khác mất ngủ. Chưa kể lạ nhà, đêm tối, lạc đường mở nhầm cửa phòng vợ, con người ta, thì cũng bẽ bàng.

Một lần, bà vợ đề đầu ông xuống mà nhuộm tóc cho ông. Mấy hôm sau, lên xe công cộng, ngồi vào ghế dành cho người cao niên. Ông thấy có một "lão trượng" đứng nhìn ông chằm chằm, như ngẫm hỏi, sao không nhường ghế ngồi cho người già cả. Ông đoán chắc, chín mươi phần là "lão trượng" kia còn nhỏ tuổi hơn ông. Ông cứ ngồi lì, làm lơ. Nhưng khi thấy hành khách chung quanh nhìn, như thúc dục, như nhắc nhở bằng ánh mắt khó chịu, thì ông nhột quá, đứng dậy nhường ghế cho lão trượng kia. Ông nghĩ, không lẽ phải thét lên là tôi còn già hơn lão, và không lẽ phải móc căn cước ra mà chứng minh?. Thôi thì đứng dậy, cho bớt nhột và ngượng ngùng. Rồi tự an ủi rằng, đứng cũng là một cách tập thể dục tốt.

Khi có ai hỏi tuổi, ông Hai Hô cũng tự cộng thêm gần chục năm. Thế là

thiên hạ rồi rít khen trẻ, xít xoa hỏi làm sao mà giữ được trẻ trung như thế. Ông cười, nói đùa rằng, cứ theo đúng lời dạy vàng ngọc của người xưa để lại, là "đêm bảy, ngày ba" cho khí huyết lưu thông, điều hoà, thì cơ thể trẻ trung mãi. Ông nói rằng, nếu có khai truyệt đi năm ba tuổi, cũng chẳng có lợi ích gì, vì mình đâu có toan tính chinh phục, tán tỉnh ai. Khai truyệt tuổi, đôi khi người ta còn chê, là trông già trước tuổi. Lại nữa, phong tục của mình, là kính trọng người lớn tuổi. Nhưng các bà, các cô thì khi nào cũng dấu tuổi, cứ 18 tuổi thì khai là 16, khi 20 khai là 18, và lúc 23 khai là 20. Cứ khai truyệt vài ba tuổi, và cảm thấy sượng khi được người khác tin. Khi phải đoán tuổi, ông thường rộng rãi hạ xuống cho các bà, các cô từ năm đến bảy tuổi, để họ sượng, mà ông không mất chi cả, cũng là làm một điều thiện nho nhỏ trong ngày, làm cho người khác vui, yêu đời hơn.

Dạo sau này, khi ông ăn uống, thường thức ăn bị đổ vung vãi. Nhiều lần ông tự bảo là cẩn thận. Nhưng hình như cái tay nó không hoàn toàn theo mệnh lệnh của cái đầu nữa. Đưa cơm vào miệng không gọn gàng, cứ rớt ra vài chút. Đôi khi tay run, mà ông không biết. Ông cho đó là dấu hiệu của tuổi già. Nhiều lần bà vợ ông nhăn nhó, la nạt, vì làm đổ thức ăn. Một lần ông nhớ lại câu chuyện đứa bé đeo cái chén gỗ, cha mẹ hỏi đeo làm gì, nó nói là để sau này cho cha mẹ ăn, như cha mẹ đã cho ông nội ăn chén gỗ. Ông nhỏ nhẹ nói với vợ rằng, nhờ bà đeo cho ông một cái chén gỗ, rồi mỗi bữa dọn cho ông ăn sau vỉa hè, bên thềm. Nghe thế, bà vợ nhìn ông một lúc lâu, rồi rung rung nước mắt. Từ đó, bà hết cần năn khi ông làm đổ thức ăn. Ông hay quên. Đôi khi đi xuống nhà kho, mà ngẩn ngơ không biết định xuống để làm gì. Quên trước, quên sau. Một bạn già của ông nói, nếu "cái đó" mà ông trời không bắt dính chặt vào người, thì có khối ông già để quên trên xe buýt, trên tàu điện, ngoài công viên, và khi cần đi tiểu, thì chạy quanh, quỳnh lên,

mà tìm không ra. Còn triệu chứng khác nữa, là làm biếng tắm, đôi khi hai ba ngày ông chưa tắm. Cứ nghĩ là có làm chi đơ đầu mà phải tắm. Nhưng rồi nhận ra, thì tuổi già sợ lạnh, nhạy cảm với cái lạnh, nên ngại tắm. Vì thế mà có nhiều cụ già có mùi, họ đâu biết. Ông phải rán tập thói quen, nóng lạnh chi cũng rán tắm mỗi ngày một lần, ngoại trừ trường hợp đặc biệt.

Bà mẹ ông 92 tuổi, đi ăn tiệm, cần càng cua-rang-muối nghe rau rầu. Thực khách trong tiệm tròn mắt ra mà nhìn. Còn ông, thì ngay cả bánh mì mềm của Mỹ cũng không dám cắn, dùng tay xé nhỏ ra rồi bỏ vào miệng. Bà mẹ ông, ăn uống không kiêng cử chi cả. Thịt heo quay, vịt quay, cá chiên, gà chiên, bún bò giò heo, phở, nước béo, các thứ độc địa đều ăn tuốt. Thế mà bà không cao mỡ, không cao máu, dù thân thể tròn quay. Cái đó cũng nhờ trời cho. Nhiều bác sĩ cũng khuyên bà, cứ ăn uống thả dãn, cho sưng cái miệng, đừng kiêng cử làm chi nữa khi ở cái tuổi này.

Nhiều ông bạn ông, kiêng khem kỹ lắm, kiêng đủ thứ. Họ xem ba thứ sau đây ngang hàng với thuốc độc: Ngọt, mặn và béo. Họ ăn lạt, không dám ăn đường, ăn béo. Thấy đồ chiên, là họ đã tái mặt. Họ ăn mãi quen miệng, và thấy các thứ thức ăn không mùi, không vị kia cũng ngon. Bởi khi đói, thì cơm thiêu, cơm cháy cũng thành ngon. Có kẻ bảo, uống quá, phí thức ngon của trời cho. Nhưng những người kiêng cử này nói rằng, không tội chi đem chất độc vào người, rồi bệnh hoạn, hối không kịp.

Một ông bạn cho ông Tư biết rằng, theo nghiên cứu của đại học Rockefeller, thì có ba điều kiện để cho người già khỏe mạnh và ít bệnh là: 1) ăn bằng một nửa của bữa ăn bây giờ, 2) thể dục thường xuyên, và 3) làm tình đều đều. Ông không tin, và cho rằng, cái đó chỉ đúng cho người Mỹ mà thôi. Mỗi

bữa, họ ăn miếng thịt to bằng bàn tay, một bữa ăn của họ, mình có thể ăn ba bốn ngày mà chưa hết. Nếu mình chỉ ăn bằng một nửa của bây giờ, thì sẽ suy dinh dưỡng, sớm đau ốm mà chết. Còn chuyện thể dục thường xuyên, thì đúng trăm phần trăm. Phần làm tình đều đều, có lẽ không ai chắc, vấn đề là còn làm được hay không, mà còn đòi đều đều. Mình cứ ăn bình thường, đừng ăn quá no, cũng đừng ăn đói. Cứ theo cái đạo trung dung của người xưa đã bày ra từ mấy trăm năm nay. Rượu chè, nếu uống được, thì uống vừa vừa, cũng tốt cho sức khỏe. Đừng say sưa là được. Lâu lâu cũng rán vui vợ, vui chồng cho khỏi lạt lẽo. Ông Hai đã chữa bệnh biếng ăn cho nhiều bạn bè rất công hiệu. Đó là đừng ăn vặt, và chờ cho khi thật đói mới ăn, chưa đói rồi thì chưa ăn. Như vậy thì ăn gì cũng thấy ngon.

Ông có quan niệm phóng khoáng hơn về sự sống và cái chết. Ông cho rằng, chết là một tiến trình của đời sống, hợp với luật thiên nhiên của tạo hóa. Sợ chết là vô lý. Không ai tránh khỏi cái chết, không sớm thì muộn. Ai cũng sẽ chết cả. Ngay cả Phật, Chúa, thần thánh cũng phải chết, huống chi mình là người trần mắt thịt. Chúa Giê-Su chết lúc mới 33 tuổi. Phật cũng chết, thọ không bằng các ông, các bà cụ bây giờ. Cứ thử nghĩ, nếu già mà không chết, thì bây giờ trên thế giới có đến hơn chín mươi phần trăm cụ già, cụ nào cũng mấy trăm tuổi, mấy ngàn tuổi, ho hen, run rẩy, chậm chạp. Lấy ai làm lao động mà nuôi các cụ?. Nhân loại sẽ đói cho vêu mả ra. Già thì phải chết để cho thế giới được trẻ trung hoá. Khi nào anh chị nghe tin một người già chết, mà lòng không buồn, không thương tiếc, thì anh chị được giác ngộ rồi đó. Có chi mà buồn?. Nếu người chết không để lại một gánh nặng gia đình, một đàn con dại cần nuôi dưỡng, dạy dỗ, một bà vợ chân yếu tay mềm, thì mừng cho người ta thoát được cái hệ lụy của trần gian. Khỏi lo công ăn việc làm, khỏi lo nhà cửa, khỏi lo thương ghét, ghen tuông, giận hờn, khỏi lo khai thuế

cho đúng hạn kỳ. Khoẻ ru. Nếu người chết đã cao tuổi, trong nhiều năm nằm một chỗ, không nói năng, bại liệt, ăn bằng cách bơm qua ống nối với bao tử, nghe họ chết mà mình khóc lóc, tiếc thương, bi ai, thì hoá ra là không biết điều. Muốn người ta bị kéo dài thêm cái cực hình đó lâu hơn nữa, rồi mới được chết sao?. Nhiều khi, con cháu mừng cho thân nhân họ được chết, mà mình thì sụt sùi thương tiếc.

Ông thường nói, trong tuổi già, sức khoẻ là quý nhất. Nhưng nếu ai đó, có sức khoẻ tốt, không hề đau ốm, thì cũng là một sự nhàm chán. Họ đâu biết họ đang có cái quý báu nhất trong đời. Lâu lâu, phải đau vài trận, để nhắc nhở, và nhớ rằng, không ốm đau là sung sướng, là hạnh phúc lắm lắm. Làm sao bọn trẻ, và những người khoẻ mạnh biết được cái hạnh phúc, cái sung sướng của người già, khi buổi sáng ngủ dậy, mà thân thể không đau rêm, nhức nhối?. Cũng như nếu người ta chưa sống dưới chế độ kềm kẹp, hà khắc, thì làm sao biết được nỗi sung sướng khi được đặt chân lên miền đất tự do?. Nên quan niệm rằng, với sức khoẻ nào cũng tốt cả, đừng so sánh với trường hợp tốt hơn. Cứ vui với cái sức khoẻ mà mình đang có. Được khoẻ nhiều thì sướng nhiều, khoẻ ít, cũng sướng hơn, vì chưa đến nỗi tệ hại lắm. Nhớ đi khám bác sĩ đều đều, để khám phá ra bệnh, kịp thời chạy chữa. Một người bạn ông cho biết, không dám đi khám bệnh thường niên, vì sợ "bói ra ma, quét nhà ra rác". Thế nào bác sĩ cũng tìm ra bệnh này, bệnh nọ trong cơ thể và thêm lo. Cứ để thế, rồi khi bệnh nặng thì chết. Bà vợ ông này khổ sở lắm, nhưng không thuyết phục ông được. Ông còn nói, bác sĩ thường cho uống thuốc chữa bệnh này, thì sinh ra thêm bệnh khác nữa. Hoặc bác sĩ chẩn đoán sai bệnh là thường. Có người đọc báo cáo y khoa, cho biết trên nước Mỹ, mỗi năm có đến hai trăm ngàn người chết, hoặc thương tật vì bác sĩ kém hiểu biết, hoặc sơ suất gây ra. Theo ông Hai Hô thì đừng sợ. Vì bác sĩ giỏi

nhiều hơn bác sĩ dở, và bác sĩ có lương tâm nhiều hơn bác sĩ thiếu lương tâm. Đừng vì một số trường hợp xấu, mà sợ đi khám bệnh. Khám bệnh, để biết trước mà đề phòng, để chữa trị khi bệnh mới chớm, còn kịp, chữa trị dễ dàng hơn. Để ung thư ăn tràn lan ra rồi, thì chỉ có phép lạ, mới cứu được. Người ta, có thể mạnh khỏe cho đến khi chết. Đó là trường hợp hiếm hoi. Nhưng đau yếu trong tuổi già là thường, không đau yếu là bất thường. Có một người than rằng, cứ đi vào, đi ra trong nhà hoài, chán quá. Ông Hai bảo rằng, được đi vào đi ra như thế là sướng lắm rồi, sao mà chán, vì có nhiều người khác mong được đứng dậy đi vài bước, mà không làm được, vì bệnh. Nhưng theo ông, thì cái người nằm liệt trên giường, cũng tìm được cái thú vui riêng, khi nghe nhạc, nằm mơ mộng, nghĩ đến các kỷ niệm thời còn vàng son, nhớ đến những tội lỗi nho nhỏ mà họ đã phạm một cách cố ý và thích thú.

Ông Hai Hô tập thể dục đều đặn. Ông nói không ai chối bỏ được ích lợi của thể dục, dù già dù trẻ. Không bao giờ trễ để bắt đầu tập thể dục. Không thể dục, thì tám thân nhão nhẹt ra, rất dễ làm môi cho bệnh hoạn. Đi bộ trong tuổi già là tốt nhất. Còn khỏe, thì đi nhanh, yếu thì đi chậm hơn, yếu hơn nữa, thì chống gậy mà đi. Có vận động là tốt. Đi bộ, xương đỡ rỗng, đỡ gãy tay chân khi vấp té. Đi bộ cũng làm cho mặt mày trẻ ra, lưng đỡ còng, thân thể đỡ đau đớn, mệt mỏi. Đi bộ cũng vui, nhất là đi với vợ, với chồng, nói đủ thứ chuyện vui buồn. Nhưng khi bà vợ bắt đầu cần nhằn vì những chuyện không đâu, thì phải giả vờ chạy, để bà lại phía sau, cho bà nói với cột đèn, cần nhằn với cây cỏ. Không có vợ đi cùng, thì đi với bà cụ hàng xóm cũng vui. Bà sẽ không bao giờ dám cần nhằn ông vì những chuyện không đâu. Bà sẽ lịch sự hơn. Đi với bà hàng xóm, ông bảo, đừng sợ thiên hạ hiểu lầm, cũng đừng sợ chính bà ấy hiểu lầm. Không hiểu lầm thì tốt. Hiểu lầm thì

càng tốt hơn, vì làm cho bà ấy vui, làm bà nghĩ là còn sáng giá, còn có người ngưỡng mộ đến cái nhan sắc mùa thu của bà. Bà sẽ yêu đời hơn, sẽ ăn ngon, ngủ được, thế thì ông cũng đã làm được một điều thiện nho nhỏ. Ông nói, ông được nghe chuyện một bà cụ 88 tuổi, bà nói rằng, phải đi bộ, phải tập thể dục để chống lại bệnh hoạn. Mỗi ngày bà đi bộ hơn một giờ. Bà nói rằng: "Minh phải biết tự thương mình. Con cái có thương mình, chúng có thể cho tiền bạc, quà cáp, chứ không cho mình sức khỏe được. Minh phải tự lo lấy, để mà sống cho vui, sống cho có chất lượng." Ông nói rằng, thể dục làm tăng tuổi thọ, chứ không làm giảm. Ngoại trừ ham tập, tập quá sức, thì lặn kền ra mà chết, mau lắm. Bơi lội là tốt nhất, vận động đủ các thứ bắp thịt. Nhưng tuổi già, thường sợ nước, sợ lạnh. Cái gì sợ thì không nên làm, hại cho sức khỏe, hại thần kinh.

Mỗi lần nghe có người than là mất ngủ, ông thường nói say sưa về bệnh này. Theo ông thì những người này, đã ngủ đủ, ngủ thừa, nên không ngủ thêm được, mà tưởng là mất ngủ. Vì ban ngày, họ cứ thấy mệt, mắt riu lại, là ngủ những giấc ngắn. Nên biết, ngủ một giấc chừng 15 phút lúc ban ngày, có thể tương đương với một giấc ngủ 1 hay 2 giờ ban đêm. Mỗi đêm, người bình thường, chỉ cần ngủ ngon chừng 3 hay 4 giờ là đủ mạnh như gấu bắc cực. Nếu không ngủ ngày, thì đêm về ngủ dễ lắm. Không phải tuổi già là mất ngủ, bằng chứng cho thấy chó mèo già ngủ li bì, ngủ ngày, ngủ đêm, ngủ liên miên. Người già dư thì giờ, ban ngày ngủ rồi, thì ban khó ngủ là chuyện thường. Ông thường nói rằng, đừng sợ mất ngủ. Khi không ngủ được, thì dậy đọc sách, viết thư, làm thơ, xem truyền hình, gõ máy vi tính, đọc thư bạn bè, hãy tận hưởng cái thời gian quý báu đang có. Rồi chờ cho thật buồn ngủ, không thức nổi nữa, vào giường nằm, sẽ ngủ được ngay, và ngủ một giấc ngon lành cho đến sáng. Đừng ép giấc ngủ, ép giấc ngủ sẽ khó ngủ hơn.

Cũng đừng uống thuốc ngủ. Đại kỵ. Uống thuốc ngủ nhiều, làm hư hại hệ thống thần kinh. Đừng nằm nhắm mắt mà đếm cừu, nếu phải đếm, thì đếm những người tình cũ. Mau ngủ hơn. Nếu đời chỉ có một hai người tình thôi, thì đừng đếm một hai, một hai, không có lợi. Hoặc nằm mà hát trong trí những bài ca du dương, đẹp, gợi nhiều kỷ niệm êm ái, thân thương. Bà chị ông, cứ than phiền là mất ngủ, nhưng khi đi chơi, cứ leo lên xe thì quẹo đầu ngáy khò khò, ngủ suốt buổi, suốt ngày, ngủ mà quên xem phong cảnh. Ngủ như thế thì no rồi, dư rồi, nên khi đến khách sạn, thì làm sao mà ngủ thêm được nữa. Bà chị nói, đi chơi xa sợ mất ngủ. Bà ấy thực sự ngủ nhiều hơn ai cả, mà bà tưởng là mất ngủ. Một chị khác than là mất ngủ kinh niên, ghé nhà ông chơi. Ông nói là sẽ chữa bệnh mất ngủ cho chị. Ông dẫn chị kia đi chơi, suốt ngày lội bộ, chị vừa đi vừa ngủ gật, ông không cho ngủ. Ông nhờ hết việc này qua việc nọ, không để chị có thì giờ mà ngủ gật. Đêm không cho đi ngủ sớm. Mới mười giờ đêm, một quá chị năn nỉ xin đi nằm, và đánh một giấc ngon lành dài đến sáng hôm sau. Trong mấy hôm liên tiếp đêm nào chị cũng ngủ li bì, ngủ ngon, không cần thuốc thang chi cả. Ông truyền bí quyết, là không ngủ ngày, mệt mấy cũng không ngủ, ban đêm đừng đi ngủ sớm, phải chờ cho mắt riu lại, mở không ra, mới đi ngủ, thì ngủ ngon."

Nhiều người già tự đặt cho họ một kỷ luật để sống. Theo ông, thì có kỷ luật cũng tốt, mà không kỷ luật lại càng khỏe hơn. Nhiều người tính tình nghiêm khắc. Mọi sự đều phải răn rắp đúng như quy định mới chịu. Tội chi vậy, nếu không răn rắp, mà không chết ai, hại ai, thì răn rắp làm chi cho khổ mình, khổ người? Nên dễ dãi với mọi sự, dễ dãi với chính bản thân mình, kéo tội nghiệp nó. Khắc kỷ cũng là điều hay. Nhưng tội gì mà tự khắc khe với chính mình, người khác không khắc khe thì thôi. Nên cứ xem mọi sự như trò chơi. Chơi vui nhiều thì tốt, vui ít cũng tốt luôn. Ông không mong cái tuyệt đối,

hoàn hảo. Trong một cuộc chơi, ông không hy vọng được tất cả mọi người tham gia, có ít vui ít, có nhiều vui nhiều. Hai ba chục người cũng vui, mà năm bảy bạn bè cũng vui luôn. Nếu hột một cuộc chơi, một cuộc gặp gỡ, ông cũng không tiếc, chẳng sao cả, ông về nhà mở nhạc, mở TV ra mà thưởng thức. Ông nghĩ, được thêm một dịp nghỉ ngơi, yên tĩnh. Có lần đi trễ máy bay ? Ông bình tĩnh xin đi chuyển sau mà không được. Ông cũng cười, không bực mình, quay về nhà, pha một bình trà, đem một tập thơ ra mà ngâm vịnh, nằm ngửa mà thưởng thức cuộc tranh tài thể thao. Ông nói, đôi khi nhờ trễ một chuyến may bay mà sống sót, nếu máy bay rớt. Chiều ra ngoài quán uống cá phê xem sinh hoạt phố phường. Nói chuyện tào lao với chủ quán.

Ông không bao giờ tranh luận gay gắt với ai. Ông nói, tranh luận làm chi cho mệt, rồi giận nhau?. Trong tuổi già, khi có cuộc tranh luận, thì tránh là tốt nhất. Nếu không tránh được, thì chịu thua đi, thắng làm chi, để cho đời ngắn lại?. Thắng tranh luận, làm thiên hạ ghét, làm mất lòng bạn bè, làm người bị thua tức giận, và nóng mặt, không ưa mình. Không ai ghét người thua trong cuộc tranh luận. Người thắng cuộc, dễ bị ghét hơn. Thử đánh một ván cờ xem, nhường cho đối phương thắng, làm họ vui hơn, không chừng mình được đãi đằng hậu hỉ hơn. Đến nhà người ta, mà cãi nhau, tranh thắng, làm họ mất mặt với vợ con, với bạn bè, thì đừng mong chi được tiếp đãi thắm thiết. Khi thua, mình không thiệt thòi, mất mát chi cả, mà lại được thương, tại sao không chọn tình thương, mà chọn cái bị ghét. Thắng tranh luận, cũng chưa chắc mình đã giỏi hơn người, mà giỏi hơn để làm chi? Và cũng chưa chắc người ta đã chịu cái lý của mình là đúng. Trong tình vợ chồng cũng vậy, nhiều ông nhiều bà tranh hơn thua từng ly, từng tí, cãi vã nhau tung bừa về những điều không ích lợi chi cho ai cả. Rồi giận nhau,

nói nặng nhau, làm nhau đau đớn vì lời nói thiếu tử tế, thiếu lịch sự. Có ích lợi gì đâu. Tranh nhau thắng thua, làm sút mẻ hạnh phúc gia đình, làm mất đi thì giờ quý báu bên nhau, làm không khí gia đình nặng nề. Đừng bao giờ nói là phải làm cho ra lẽ, không thì hoá "lùng". Hãy cứ để cho chồng mình, vợ mình "lùng" đi, cho họ sướng. Tại sao đi ra ngoài, không dám "lùng" với thiên hạ, mà về nhà lại "lùng" nhau làm chi cho mất vui. Ông thường nói, cứ chịu thua đi là khoẻ nhất. Ông đã thua, thì không việc chi mà ai đó gây hấn thêm. Đúng hay sai, ông tự biết. Không cần tranh luận nhiều. Có tranh luận, thì cũng chưa chắc đã thuyết phục được đối phương mà không gây mất mát. Mỗi lần phải tranh luận với ai, thì ông nhớ lại chuyện ông Pol Pot. Ông này đã giết chết hơn hai triệu dân vô tội, tức khoảng một phần ba dân số Kampuchia của ông thời đó. Thế mà cuối đời, khi sắp chết, ông Pol Pot nói với một phóng viên Tây phương rằng, những điều ông đã làm, là lợi ích cho dân tộc của ông. Nhớ chuyện đó, làm ông đỡ ngứa miệng xen vào những cuộc tranh luận.

Khi có ai chê bai ông, ông chẳng bực mình, không giận hờn, mà cứ cười, và xem như không. Ông tự nhủ, biết đâu ông cũng đáng chê, đáng trách. Nghe thiên hạ chê, để mà sửa mình, biết mình còn cái chưa hay, sai sót. Không phải ông là kẻ mặt dày không biết xấu hổ, nhưng thiên hạ chê, mà không phản ứng, thì như gió qua truông. Có một ông khác, bị vợ chê bai hoài, chê đủ thứ. Ông này chỉ cười, mà nói với bà vợ rằng, ông không ngờ bà xui xẻo đến thế, lấy phải một thằng chồng tệ hại như vậy, tội nghiệp cho bà quá. Bà vợ nghe mà chột dạ, và biết đã ăn nói quá trớn.

Khi nghe ai khoe khoang, ông cũng không bắt bẻ, không lật mặt thật của họ ra, sợ làm cho họ xấu hổ, bẽ bàng. Ông cứ giả vờ tin, để mà đãi họ vài phút

vui sướng, cũng là làm được một việc thiện nho nhỏ. Ông không mất gì, và chẳng thiệt hại cho ai, mà cuộc đời này thêm vui, thêm tử tế. Bởi nghĩ thế mà ông làm.

Ông Hai Hô quan niệm rằng, trong tuổi già, có hoài bảo thì cũng tốt, mà không có hoài bảo chi cả, thì tốt hơn, và khôn ngoan hơn. Khi trẻ, nhiều thì giờ, nhiều năng lực, mà chưa có hoài bảo nào làm xong, thì khi già rồi, mong chi đạt được. Tội chi đeo vào thân cái hoài bảo cho khổ. Già rồi, đừng xem cái gì là quan trọng cả. Từ danh vọng, tiền tài, tình yêu. Ngay cả cái mạng sống của mình, cũng đừng xem là quá trọng. Có lần, ông đến thăm một nhà văn đang nằm thoi thóp, miệng ngậm một cái que gỗ có thấm nước cho đỡ khát, sắp chết vì ung thư. Ông nhà văn còn thao thức vì một tác phẩm để đời chưa khởi đầu được. Chết chưa an lòng. Ông nói: "Thôi bác ơi, chuyện gì mình chưa làm được, thì thế nào con cháu mình sau này cũng làm. Yên tâm mà dưỡng bệnh đi."

Ông Hai Hô cho rằng, cứ năm ba ông bà bạn già gặp nhau, uống vài ly trà, cà phê mà nói chuyện nhảm cũng là một thứ hạnh phúc trong đời. Ông nói, dù đến để nghe thằng bạn già nó chửi mình, cũng cứ vui, được người ta chửi, tức còn có người để ý đến mình, còn hơn là không ai khen, ai chửi cả. Những dịp ra mắt thơ, ra mắt sách, ông thường tham gia cho cuộc họp thêm xôm tụ. Cho tác giả sướng. Ông khoái các buổi ca nhạc cây nhà lá vườn, tài tử. Nó cũng có những cái hay của nó. Những buổi họp mặt anh em bạn cũ, ông không bao giờ bỏ qua, ông nói là không tham dự thì uổng lắm. Ông cho rằng, tuổi già, mà còn gặp lại được bạn xưa, thì không còn gì quý báu hơn. Nằm nhà xem sách, xem truyền hình, đá banh, đâu vui bằng gặp bạn cũ. Gặp dịp vui, thì cứ vui kéo uổng, biết mình còn sống được bao lâu nữa mà mãi

phí ngày giờ chạy theo lợi lộc."

Mỗi khi có ai mời đi đám cưới, tiệc tùng, ông đến đúng giờ, mà thiên hạ tà tà đến trễ, ông cũng không bức mình. Bởi người ta quen giờ cao su rồi. Họ có cả trăm ngàn lý do để biện minh. Ông có đến sớm, thì cũng có cái lợi khác, được nói chuyện, gặp gỡ, tâm sự tào lao với những bạn bè mà từ lâu ít có dịp gặp nhau. Cũng vui và quý. Dễ chi có cơ hội thuận tiện để gặp nhau. Đến khi dọn thức ăn ra, không còn cơ hội để nói chuyện nữa, vì ai nấy, lo gấp, lo nhai, không rảnh mà nói chuyện. Khi ăn xong, thì bạn bè vội vã ra về, vì đường xa, vì đêm khuya, vì mệt nhọc. Bởi vậy, ông cứ vui với cái bê bối của thiên hạ, và bằng lòng với câu "Không ăn đậu không phải Mễ, không đi trễ, không phải Việt Nam."

Ông Tư Hô thường nói, tuổi già, cứ phiên phiên với mọi sự, cho khoẻ, cho sượng cái thân già của mình.

(Santa Ana, tháng 10/2007)

Tản văn của Tràm Cà Mau

Tấm Lòng Cậu Chó

(Có một truyện dài tên Cậu Chó mà tôi chưa được thưởng thức, chỉ nghe bàn tán xôn xao một thời . Câu chuyện sau đây chẳng có liên hệ chi với chuyện dài đó .)

Không biết vì lý do nào, nó bị chủ sa thải, và rơi vào nhà tôi. Nó là một con chó loại nhỏ bằng bắp chân. Hình dáng y hệt một con nai tý hon có khuôn mặt con chồn. Hai mắt tròn, to, long lanh sáng như hai viên bi chai ướt át. Hai tai vểnh lên cao, chân dài, thân hình thon nhỏ cân nặng chưa được ba ký lô. Nói theo ông anh tôi, thì chưa đủ một tô rựa mận.

Nó gia nhập gia đình tôi một cách tình cờ, vì thực sự tôi cũng chưa có ý định nuôi chó, mà chồng tôi thì có vẻ ớn và ngán loài chó một cách rõ ràng. Anh nại lý do là cả đời chó không bao giờ đánh răng, mà cứ thích liếm tay, liếm mặt người khác, bao nhiêu là vi khuẩn, vi trùng có dịp xâm nhập. Cứ thử nghĩ, có một giai nhân lộng lẫy như tiên , mà cả tháng chưa đánh răng, thì có anh chàng điên nào đủ can đảm dám ghé môi hôn chẳng? Hơn nữa, loài chó thường làm trung gian mang bộ chết, rận, chấy, dễ lây lan qua cho người, rất khó tránh. Như thế thì có thể vô tình đem bệnh hoạn đến cho con người.

Nhưng lý do chính, anh không nói ra, mà tôi biết rõ, là anh kỳ thị và có định kiến với loài chó. Bởi vì , thời anh mới chín mười tuổi, đã chứng kiến cảnh

cô bé bảy tuổi hàng xóm lên con đại chó, gằm gù và chết thảm thiết. Cô bé này thường hay ôm ấp vuốt ve con chó nhà láng giềng. Một hôm chó phát bệnh dại, thè lưỡi chạy chậm chậm ngoài đường, tấp huyệt nhiều người bộ hành. Lũ học trò nhỏ đi học về sợ hãi, rú lên, xô nhau chạy tán loạn. Bác cảnh sát phải nạp đạn hai lần, đến gần con chó khoảng một thước, bắn hơn cả hơn chục phát đạn mới trúng một viên, con chó quay mòng mòng và ngã lăn ra chết. Cả phố cười vang vì phục cái tài thiện xạ của bác cảnh sát. Mặt bác cảnh sát đỏ gay vì xấu hổ và leo lên xe đạp đi một nước, chẳng nói năng gì. Ngoài ra, chồng tôi cũng bị chó cắn đôi lần khi còn bé, nên có thành kiến về chó là phải.

Khi anh tôi đem con chó về, thì chồng tôi cũng không phản đối, mà cũng chẳng tán thành. Lần đầu tiên con chó gặp chồng tôi, nó vẫy đuôi chào mừng, anh chỉ mỉm cười nửa miệng rồi quay đi, không thêm ban cho nó một cái vuốt ve, một tiếng huýt sáo. Thế mà sau một tuần, tôi thấy chồng tôi lễ mễ ôm về một bao thức ăn cho chó, loại ngon nhất, đắt nhất, và kèm thêm thức ăn trong hộp. Tôi không biết làm sao mà con chó chinh phục được cảm tình của chồng tôi mau lẹ thế. Bởi không ai hiểu chồng bằng vợ, khi đã có thành kiến về cái gì, thì khó ai mà lay chuyển anh nổi. Ban đầu, chồng tôi gọi con chó là nó, rồi gọi là em nó, sau nữa, gọi là cậu chó, thăng chức cho có. Tôi và anh tôi, thấy cách xưng hô lạ, hay, cũng kêu bằng danh từ cậu chó. Từ không quen biết, cậu chó đã chinh phục mau lẹ cảm tình của cả ba người trong nhà. Phải công nhận cậu có tài, vì ông anh tôi cũng không phải là loại người yếu lòng, dễ lung lạc, và thường không ưa chăm sóc ai, cũng không ưa ai chăm sóc mình. Thế mà mỗi sáng, mỗi chiều, ông cẩn thận lấy mấy cục bò viên, gói vào giấy ni lông, bỏ vào lò hâm cho ấm, để lên cái đĩa sành nhỏ, lễ mễ bưng ra cho cậu xơi. Cậu chó nằm dài trên tấm thảm chà chân mà thông thả nhai và thưởng thức vị béo, ngọt của thịt bò vò viên. Đôi

mắt cậu long lanh ướt át, đẹp hơn cả mắt các cô thiếu nữ đương thì. Những khi anh tôi nằm trên ghế dài đọc sách, thì cậu phóng lên, nằm kê mõn trên chân anh. Cả hai đều im lặng, anh tôi thì chăm chú đọc, cậu thì lim dim mắt, thỉnh thoảng nhúc nhích vành tai, như lắng nghe tiếng huyền diệu xa xôi nào đó trong không gian. Thường thường, khi thấy cảnh ấm cúng hạnh phúc đó, chồng tôi cười mà trêu anh tôi: "Cậu chó sướng quá nhỉ! Có khối cô mong được kê cái đầu lên chân đó để lim dim mắt mà không được . Phước phần nào tổ tiên để lại cho cậu thế ?". Người và chó, cả hai trông hạnh phúc phát tiết ra ngoài mặt .

Có những lúc cậu chó đang ăn, vội chống tai lên, rồi bỏ ăn mà chạy ra hướng cửa . Tôi ngạc nhiên không biết tại sao, thì chỉ liền mấy phút sau đó, thấy xe anh tôi về đậu trước cổng . Thì ra cậu nhận được tiếng máy xe từ rất xa, cách đến mấy ngã tư đường , biết anh tôi về, vội bỏ ăn, chạy ra chào mừng. Cái hành động này, được chồng tôi khôi hài ví với chuyện các bậc minh quân bên Tàu đời xưa, đang ăn mà nghe có người hiền đến, thì vội nhả thức ăn, chạy chân đất ra mà tiếp đón . Mỗi ngày, anh tôi ra vườn ngồi nhả khói thuốc lên trời cao, cậu đến bên cạnh, cạ mình vào anh tôi, đuôi ve vẩy, hình như cả hai đang mơ mộng, đang vui với trời đất, vui với một ngày bình an, thanh thản.

Cậu chó thường ngủ trong một cái chuồng nhỏ, đặt trong buồng anh tôi. Đã thành thói quen, mỗi đêm, khi anh tôi mở cửa buồng, thì cậu biết đã đến giờ đi ngủ, phóng vội vào chuồng và nằm yên lặng cho đến sáng. Khi anh tôi dậy, mở cửa thì cậu vội vã phóng ra vườn làm vệ sinh . Có khi đã vào trong chuồng mà cậu chó kêu ư ử nho nhỏ như mồn đòi hỏi chuyện gì đó, anh tôi tăng hắng một tiếng, cậu im rờ, nằm yên cho đến sáng .

Mỗi khi anh tôi đi về khuya, thấy cậu chó cứ dương mắt nhìn ra ngoài chờ đợi, tôi nhốt vào chuồng cho cậu ngủ, cậu chỉ nằm yên chừng năm phút, rồi

nhè nhẹ lén đi ra, ngồi trước cửa, buồn rầu chờ đợi anh tôi. Cậu nhất định không đi ngủ, nếu anh tôi chưa về. Anh tôi vốn là người rong chơi ngày tháng rộng, lang bạt giang hồ, đồ ai biết anh đêm nào ngủ ở đâu, ngày nào rong chơi miền thảo dã nào, thế mà vì cái đợi chờ của cậu chó, mỗi đêm phải ra về, về sớm, không thì sợ cậu đợi chờ tội nghiệp. Như là sợ con mọn lo, sợ người vợ hiền mơn mõi trông chồng, anh phải về. Về cho cậu chó đi ngủ. Anh tôi thương mến cậu chó, như cha thương con, chăm sóc từng bữa ăn giấc ngủ. Chồng tôi trêu rằng, anh tôi là nghiêm đường của cậu chó. Cậu chó rất lễ phép, khi nào cũng đi sau lưng anh, không bao giờ cậu dám đi trước mặt anh. Chồng tôi nói rằng, cậu chó „vừa kính, vừa thương“ ông anh tôi. Mỗi khi tôi đi làm về, cậu chó chồm lên, ôm lấy chân tôi, đuôi quẫy lia lịa và kêu ung ứng trong cổ họng. Không phải cậu nịnh tôi, để tôi cho ăn, cậu vui mừng, tỏ tình thương, tỏ cái lòng chân thật, cậu không cầu mong gì cả. Nếu tôi cúi xuống vuốt lên lưng cậu, thì cậu nằm dài ra, chống bốn chân lên, nhõng nhẽo, nũng nịu.

Chồng tôi thường hay cho cậu ăn chút chút, khi thì cục xương gà, khi thì tép bò khô, khi thì miếng thức ăn thừa trong tủ lạnh. Bởi vậy, mỗi khi thấy chồng tôi, thì cậu chó thè lưỡi ra, liếm láp quanh mồm lia lịa, rồi nhảy cẫng lên, như hân hoan sung sướng lắm. Chồng tôi nói rằng, chắc cậu cũng chẳng có tình nghĩa gì đâu, chỉ hy vọng được ăn thôi, cứ nhìn cái lưỡi cậu liếm láp lia lịa thì rõ lòng dạ cậu. Thỉnh thoảng, chồng tôi cũng bỏ thì giờ ngồi vuốt ve cậu, nói chuyện triết lý với cậu, như nói cho một người hiểu biết nghe. Tôi rình nghe mà cười.

Nhiều lần thấy tôi tắm cho cậu chó, chồng tôi nói lớn: „Thế mới biết em thương anh không bằng thương cậu chó. Lấy nhau mấy chục năm nay, mà có khi nào em tắm cho anh đâu?“. Lần tôi đem cậu chó đi chích ngừa bệnh, mua thuốc cho cậu uống, anh tôi vuốt ve cậu mà nói: „Cậu mày hơn ta rồi

đấy, mấy chục năm nay, ta đâu có chích choác gì , đâu có thuốc phòng bệnh chống bệnh gì. Cậu mày ngon quá mà.”

Cả nhà không ai nói ra, nhưng ai cũng dành cho cậu một khoảng ảm áp trong tim. Ngay cả việc tình duyên của cậu, cũng được lo lắng lưu ý đặc biệt. Cậu được mai mối cho một nàng chó của ông bà Mỹ già ở thành phố kế cận .

Nàng chó này, nhỏ thon, lông trắng như bông, môi mũi hồng hào, mắt tròn xoe, sáng đẹp đẽ . Nàng chó này xinh xắn như cô tiên, được chủ cưng chiều như một tiểu thư đài các . Về mặt ngoại hình, thì cậu chó nhà tôi, với nàng chó này như đôi đũa lệch, như thảng bán than mà đèo bông công chúa. Ông bà già Mỹ chưa thấy dung nhan cậu chó . Chồng tôi sợ cậu bị nhà vợ chê, nên đặt kế hoạch làm đẹp cho cậu, mua thuốc nhuộm tóc màu vàng và màu đen, định tô cho đậm hấn những vết vàng và vết đen có sẵn trên thân cậu, xóa những vết lem luốc không rõ vàng, không rõ đen. Nhưng tôi và anh tôi phản đối . Tôi bảo không muốn lừa dối ai bằng cách nhuộm chó. Chồng tôi hỏi tại sao đàn bà bôi xanh bôi đỏ được, nhuộm tóc được, sửa mắt sửa mũi, hút mỡ, độn ngực được, mà cậu chó nhà mình không có quyền trang điểm một chút cho ra vẻ hào hoa hơn ? Nếu nhà gái chê, lỡ duyên của cậu, thì ngàn năm một thuở, cậu đành ngậm ngùi làm kiếp trai già còn tân. Còn anh tôi thì vì „ thương con mà thành mù quáng“, anh thấy cậu chó đẹp lắm, cho là một loài hiếm, vì có lông vằn từng vết đen vàng xen kẽ, như bộ da ông cọp . Bởi thế, mà cậu chó còn có bí danh là Tiger (ông cọp). Khi ông bà Mỹ già nhần đem cậu chó đến làm rể, thì chồng tôi tiếc cho cậu, chưa được trau chuốt lại cái dung nhan lem luốc, cho đỡ mang vẻ bản hàn con nhà ruộng, con nhà núi . Tôi chỉ vội vã đem cậu đi tắm cho sạch sẽ, để đi cưới vợ, mà cậu sợ nước, bỏ chạy trốn . Tắm xong, tôi sấy khô lông , và bôi chút nước hoa thoang thoang lên đầu cậu.

Chồng tôi nằm nhà thờ dài chờ tin buồn, là cậu bị từ hôn . Tôi và anh tôi

cắm hai đóa hoa hồng bên cửa xe, dẫn cậu ra đi. Xem bộ cậu hí hửng lắm. Không biết cậu có linh tính chi không. Khi dẫn cậu vào nhà, hai ông bà Mỹ cười, và vì lịch sự, nói rằng : „Không đến nỗi tệ, không đến nỗi tệ“.

Vừa thấy cậu, thì nàng tiểu thư chó vẫy đuôi, mắt sáng rạng rỡ nhìn cậu đắm đuối và liếm mép . Cậu thì tỉnh bơ, như không thấy người đẹp trước mắt, cứ nhìn dáo dác và đứng khấp nép bên chân anh tôi . Cậu ngượng chăng ?

Tưởng cậu e thẹn với người lớn, anh tôi bèn giả vờ đi ra ngoài cho đôi trẻ tự do làm ăn. Thấy anh tôi bước ra, cậu vội vã cong đuôi chạy theo. Tôi ẵm cậu quay trở lại để gần nàng tiểu thư chó đang làm điệu bộ, muốn làm quen . Tôi vuốt ve trên lưng cậu chó, cậu lại nằm chổng cẳng ra nhõng nhẽo . Có ai đi hỏi vợ mà như thế này bao giờ ? Nàng chó thích thú đến gần và hôn nhẹ vào lưng cậu, rồi nàng liếm trên mặt cậu . Một lúc sau, hai bên làm quen, hôn hít nhau tự do trước mặt hai họ. Nàng chó nằm ép bụng xuống, hai chân cào lia lịa trên mặt thảm, kêu ư ử trong họng, thân mình uốn éo, mắt nhìn cậu đắm đuối, rồi đưa mõng về hướng cậu, như thúc dục , như gọi mời . Anh tôi thấy cậu tỉnh khô, chẳng làm ăn gì, bực mình mắng một câu: " Đúng là ngu như chó. Không biết cái chó gì cả". Nhưng rồi cuối cùng, mọi việc đều êm xuôi, cậu ban cho nàng tiểu thư chó hai lần ơn mưa móc. Nàng tiểu thư chó xoắn xít lấy cậu . Ông cụ Mỹ khen cậu là bé ngoan (good boy). Xong cuộc tình, cậu đứng thờ dốc, anh tôi xót con, muốn đem cậu về, sợ cậu ở đây thì còn hao mòn thân xác hơn nữa . Ông bà cụ Mỹ đề nghị cho cậu chó ở rể một tuần, anh tôi không chịu . Tiểu thư chó đến bên cậu thè lưỡi âu yếm chăm sóc chồng, liếm lên mặt, lên vai . Cậu thờ người đứng yên lặng nhìn anh tôi như dò hỏi . Khi anh tôi bước ra cửa, cậu vùng chạy theo, không thềm chia tay người đẹp chó, nàng chạy theo chàng ra đến tận cửa xe, cậu nhảy thốc lên ghế ngồi, không thềm ngó lại nàng đang vẫy đuôi cuồng quýt . Anh tôi mắng :“ Bạc tình đến thế kia à ? ". Sau đó, ông bà già vợ của cậu còn nhắn

nhe nhiều lần, nhưng anh tôi thương cậu, sợ cậu mất sức, hẹn qua năm sau cho chúng gặp lại. Chồng tôi thì khuyên anh tôi cho cậu đi ở rể vài tháng cho sướng thân cậu, mấy khi cậu được cái hạnh phúc yêu đương, đời mà không tình yêu, thì cũng xem như chết rồi mà chưa chôn vậy.

Về mặt tình, thì cậu chó nhà tôi quả thật tẻ, nhưng về phương diện thu phục lòng người, thu phục tình thương, thì cậu là thượng hạng. Cậu đã thu phục tình thương của ba anh em chúng tôi cấp kỳ, dễ dàng, tài tình. Tôi nghiệm ra, nếu mình chân thành thương yêu ai, thì tình thương được đáp lại ngay. Trong tình thương cũng phải bày tỏ ra bằng cử chỉ hàng ngày, chứ không phải thâm trầm che giấu bên trong. Che giấu tình thương, dễ bị hiểu lầm là lạnh nhạt. Những câu nói rất thường của những kẻ mới yêu nhau, nhưng không bao giờ chán tai người nghe, những cử chỉ lặp đi lặp lại, nhưng vẫn làm người nhận vui thích và cảm thấy lòng ấm áp.

Cậu chó không bao giờ tranh đua với ai, không ganh tị, không trách móc, không giận hờn ai trong gia đình. Ngay cả khi chồng tôi vô tình dẫm lên đuôi cậu, cậu kêu la, bỏ chạy, nhưng ngay tức thì sau đó, cậu vẫy đuôi, quên giận hờn, quên đau. Thế thì ai mà không thương cho được?

Ngày xưa, khi các cụ đồ đi thi bị rớt quay về nhà, thì chỉ có con chó ra vẫy đuôi chào mừng mà thôi. Cụ ông đem so sánh, cụ bà bảo rằng: „Con chó nó có thức khuya dậy sớm, tần tảo nuôi ông ăn học đậu mà nó thấy buồn“. À thì ra loài chó còn là thứ quân tử, không màng đến bã công danh.

Loài chó, như mọi người biết, chủ có nghèo khó đói khổ đến đâu, cũng không bao giờ bỏ chủ. Trong lúc đó, con người, ngay cả vợ chồng, khi sa cơ thất thế còn có kẻ bỏ nhau, khi giàu sang có thể thay chồng đổi vợ.

Cái tài chinh phục lòng người của cậu chó cho tôi bài học quý báu. Tôi bắt chước cậu, bày tỏ tình thương với chồng tôi. Thỉnh thoảng tôi dúi đầu vào ngực chồng thật lâu, hít thở cái mùi thân thiết, và đem hết cái âu yếm tỏa ra

trong mình, găng truyền qua tấm ngực ấm áp của chồng. Chồng tôi vuốt ve triu mến trên lưng, trên tóc tôi. Tôi có cảm giác như thời mới biết nhau, mới quen, mới thương nhau. Sung sướng hạnh phúc tràn đầy. Tôi cũng bắt chước cậu chó, cho tình thương đi mà không đòi hỏi, không trách móc, không giận hờn. Tôi bỗng thấy nhận lại được tình thương nhiều vô tận. Hạnh phúc trong gia đình tràn đầy như nước triều dâng. Chồng tôi cũng cảm nhận được những thay đổi trong gia đình, những vui sướng, những ấm êm, những an bình. Tôi thầm cảm ơn cậu chó, đã cho tôi bài học vun xới tình thương tuyệt vời, mà sách vở chỉ là thứ lý thuyết suông, như nước chảy qua cầu, như ảnh hình nhìn xuyên qua cửa sổ con tàu. Bài học của cậu chó thực tiễn, tận mắt, đơn sơ, nhưng hiệu quả vô cùng. Bây giờ tôi mới nghiệm ra, tại sao những cao thủ võ lâm thời xưa, nhìn động tác chiến đấu của loài vật mà bắt chước, sáng chế ra các chiêu thức như hầu quyền, hổ quyền, xà quyền v.v... Có lẽ cái khôn ngoan và sinh hoạt của giống thú cũng có rất nhiều điều đáng cho con người học hỏi.

Cậu chó nhà tôi, và cả họ hàng nhà chó gần khắp nơi trên thế giới, (trừ các nước tự xưng là xã hội chủ nghĩa) chẳng cần lao động mệt nhọc chi cả, mà lại có đời sống ấm no, cơm bụng nước rót, chẳng hề nghĩ đến sinh kế, không sợ thị trường chứng khoán trời sụt, không cần biết đến chỉ số Dow Jones, Nasdaq mỗi ngày, không cần biết đến chu kỳ kinh tế thăng trầm, suy thoái, cũng không cần lo, cần biết đến những chính sách đối ngoại đối nội của chính phủ, cứ phè cánh ra mà được thương yêu, cưng chiều, bảo bọc, an nhàn. Có những người giàu bạc tỉ, có kẻ quyền uy ngất trời, danh vọng ngút ngàn, cũng không mua, không có được cái an nhàn sung sướng hạnh phúc của cậu, trong lúc cậu không có một đồng xu lặn lưng, không có một chương mục ngân hàng, không một tư hữu nào cả. Cậu vốn thất học, mù chữ, chẳng hề biết đến một trang sách học làm người, một chữ trong sách thánh hiền,

mà cậu sành tâm lý, biết cách lung lạc lòng người hiệu quả. Toàn cả gia đình tôi đem hết tình thương ra mà hậu hĩ đãi cậu.

Ban đầu, chồng tôi gọi cậu chớ bằng nó, với thái độ miệt thị, xem thường. Nhưng khi bị cậu chinh phục, bắt đầu thương yêu, thì gọi là em no ù. Đến khi cảm cái tài, cái đức của cậu, thì gọi bằng cậu chớ. Sau đó, anh thấy học được của cậu nhiều điều hay, lạ, bổ ích, hiệu nghiệm, làm cho gia đình hạnh phúc hơn, làm cho mọi người chung quanh thương mến nhau hơn, thì bèn tôn sư, kêu cậu bằng ông thầy. Rồi anh nghiệm ra, những điều học hỏi từ cậu có thể còn đúng, còn có giá trị muôn đời, thì anh nâng cậu lên là „ ông thầy . Một hôm đi chợ về, tôi thấy sau vườn khói um mù, chồng tôi vừa đi vừa nhảy nhót quanh một cái thùng sắt lửa nghi ngút, như dáng múa của người da đỏ đang hành lễ. Theo sau là cậu chớ vẩy đuôi chạy loăng quăng. Thỉnh thoảng anh quay lại vái cậu chớ mấy cái và gọi cậu là ngài . Cậu thơ ngây vẩy đuôi gục gặc đầu chí thú, kêu ư ử trong cổ họng. Tôi nhìn vào thùng xem chồng tôi đốt gì, thì thấy cả mấy chục cuốn sách triết lý đang cháy . Nào là Khổng tử, Mạnh tử, Lão tử, Trang Tử, Platon, Descarte, Hegel, Jean Paul Sartre... và cả mấy chục cuốn sách thuộc loại nhức đầu khác nữa. Toàn là loại sách triết học đông tây kim cổ mà thường ngày anh quý như vàng ròng, trân trọng gìn giữ. Tôi vốn không lạ gì với hành động đôi khi gàn dở của chồng, vì anh bị nhiễm nặng các tư tưởng triết lý, đạo giáo . Nhưng hôm nay tôi ngạc nhiên, không hiểu tại sao anh đem những cuốn sách quý báu đó ra hỏa thiêu và tôn cậu chớ lên chức ngài . Tôi hỏi lý do. Anh đáp rằng :\" Mấy chục cuốn sách triết học đông tây kim cổ này, chẳng ích lợi thiết thực chi cho hạnh phúc gia đình, cho cuộc sống nhân sinh bằng cái triết lý tình thương chân thật của ngài chớ đây. Ngài là một bậc tuyệt khôn, đại trí. Loài người thường kiêu hãnh tưởng mình khôn ngoan nhất, nhưng biết đâu loài chớ nó cười cho thối đầu . Khôn hơn sao phải lao động cực khổ để cung

phụng, thương yêu, phục vụ kẻ ăn rồi nằm không? Loài chó chỉ ban cho loài người chút tình thương thôi, rồi phè ra mà sung sướng một đời. Thế thì ai khôn hơn ai ?"

Chồng tôi xá thêm cậu chó mấy cái cung kính lắm . Bao nhiêu sách triết lý đều thiêu thành tro bụi, tàn bay lả tả .

Tạo Nhân

Khi còn trẻ, ông Tư là một người lý tưởng, cầu toàn, bởi vậy, nên khi nào cũng tự dằn vặt khổ sở. Nhìn chung quanh, thấy toàn khuyết điểm, bực mình. Ngay cả đàn bà, con gái, ông chẳng thấy cô nào tạm gọi là đẹp. Cô nào cũng có cái khuyết điểm riêng. Cô thì dung nhan sáng sủa, nhưng dáng đi lúc lắc xiêu vẹo, cô khác giọng nói không được thanh tao, cô khác nữa thì hơi ngu. Ngoài xã hội, thì thấy bất công, tham nhũng, nhiều thiếu sót. Bởi vậy cho nên ông Tư thấy khổ tâm, nghĩ là mình "sinh lầm thế kỷ".

Đến khi ông Tư được sống chung với cộng sản tại miền Nam Việt Nam sau 1975, ông như người ngủ mê thức dậy, cảm thấy những dằn vặt nội tâm của mình trước đây là điều lỗi bịch, ngây thơ, tội nghiệp. Bởi sống trong chế độ mới chỉ mong cái xấu xa nó bớt phần xấu đi cũng đã quá mừng, đừng nói chi đến cầu toàn, lý tưởng. Như người tu nhìn thấy bên giác, ông Tư quay hẳn

đường lối suy tư, cho hợp lý, hợp tình, nhìn sự vật bằng con mắt thực tiễn hơn, chấp nhận sự vật có mặt trái, mặt phải, có tốt có xấu.

Khi thoát ra được xứ tự do, ông Tư đón nhận cuộc đời với một tinh thần lạc quan, cởi mở, cho nên ông dễ dàng tìm được hạnh phúc chân thực trong cuộc sống mới.

2.

Để được nhàn nhã, mỗi ngày ông Tư thức dậy sớm hơn một giờ trước khi rời nhà. Khi đồng hồ báo thức reo, ông cứ tự nhiên nằm nường trên giường thêm chừng năm mười phút, và để đầu óc thanh thoi, nghĩ đến một chuyện vui trong ngày hôm trước, hoặc một câu chuyện tiểu lâm, nằm cười một mình, đôi khi ông lay bà dậy, kể cho bà nghe, hai vợ chồng cùng cười. Mở đầu một ngày bằng một niềm vui, bằng nụ cười, ông Tư thấy khỏe khoắn hơn từ tinh thần đến thể xác. Trong lúc thông thả làm việc vệ sinh buổi sáng, ông Tư mở nhạc êm dịu nhẹ nhàng từ chiếc máy hát nhỏ để trên bàn trong phòng tắm. Không việc gì mà gấp gáp, còn nhiều thì giờ chán...

Sau khi vệ sinh xong, ông ngồi vào bàn điểm tâm nhẹ, vừa nghe tin tức buổi sáng, vừa uống trà, với tâm hồn thư thái, tự nhiên. Rồi ra xe đi đến sở. Cứ từ từ mà lái, không việc gì mà gấp gáp, nhanh được vài ba phút mà có thể trễ cả một đời nếu gặp tai nạn. Thói quen đi sớm hơn giờ làm việc chừng mười lăm phút, cho ông có cái nhàn nhã khỏe khoắn hơn những người khác. Cái nhàn và khỏe nó lan tỏa, làm tinh thần cũng như thể xác cảm được cái sáng khoái của trời đất trong một ngày mới chớm. Trong lúc các xe khác nôn nóng, lo lắng trễ giờ, lách qua, chuyển lại, bấm còi, thì ông thản nhiên như ngồi thiền.

Khí hậu thời tiết nào cũng làm ông vui vẻ, sung sướng. Hôm nay trời trong sáng, đẹp dễ, khí hậu mát mẻ, thì ông mở lòng ra vui đón cái ân huệ của đất trời, ngắm nắng hồng đang ẩn hiện sau đám mây, trên nóc phố, đầu ngọn

cây. Nếu trời mù mịt tối thui, mưa gió dầm dề, thì lòng ông cũng menh mang vui thú, thả cái lãng mạng ra mà hòa cùng mưa gió, ngâm một vài câu thơ, hát một đoạn nhạc. Thấy mưa giăng đẹp như kỷ niệm thơ ấu. Thấy tuyết trắng đẹp như niềm ước mơ. Nắng cũng hân hoan, mưa cũng thú, và bão tuyết cũng vui. Ông biết hòa mình với trời đất với cỏ cây, với hoàn cảnh, để tạo niềm vui cho mỗi ngày. Tiếng nhạc reo vui buổi sáng trong xe như đổ thêm sức sống, tăng niềm tin yêu đời....

3.

Đúng giờ làm việc, ông Tư nhất định rời tờ báo, bắt tay vào việc. Dù hôm nay công việc có chất chồng, có gấp gáp đến đâu, thì ông vẫn bình tĩnh, lập một bản kê khai thứ tự ưu tiên, việc nào cần làm trước, việc nào làm sau. Cứ từ từ theo đó mà làm, không việc gì phải hốt hoảng. Nếu có công việc khẩn cấp, thì liệu thì giờ mà làm, liệu phương pháp mà theo. Có thì giờ nhiều thì làm kỹ càng hơn, ít thì giờ thì làm sơ sài hơn, ngắn gọn hơn, hoặc yêu cầu gia hạn thời gian hoàn tất. Không phải lo lắng, quỳnh quáng. Cũng không chết chóc gì ai. Cũng không ai dám động đến sợi tóc mình. Nếu có ai hỏi tại sao thiếu chi tiết này, thiếu chi tiết kia, thì ông Tư cho biết thời gian giới hạn, chỉ cho phép chừng đó kết quả thôi, không ai có thể làm hơn được. Công việc làm thì cứ từ từ, bình tĩnh làm, hấp tấp thì có khi sai sót và càng mất nhiều thì giờ hơn.

Trong lúc làm việc, nếu thấy mệt nhọc, ông nghỉ ngơi năm ba phút, đi một vòng, thở sâu vài hơi, nói vài câu khôi hài cùng bạn làm việc ... Mỗi ngày có hai lần nghỉ xả hơi, mỗi lần mười lăm phút, ông Tư ra khỏi sở đi bộ vài vòng cho giãn gân giãn cốt, nhìn nắng lung linh trên đầu cây ngọn cỏ. Khi thì đi quanh đường phố, nhìn sinh hoạt thiên hạ; khi thì đi bộ quanh hồ, nhìn hoa nở muôn màu, nhìn nước xanh long lanh trong nắng, có những chiếc thuyền nhàn nhã bơi. Nhìn bầy chim trời ríu rít cả ngàn con chạy theo du khách xin

ăn. Nắng trong lành ấm áp, khí trời dịu dàng mát mẻ thông qua buồng phổi, làm cho tinh thần và thể xác thấy mạnh khỏe, khoan khoái. Không một ưu tư lo lắng. Tâm trí thanh thoi. Mỗi ngày hai lần, mỗi lần mười lăm phút như thân thể được nạp thêm điện, thêm sinh lực.

Khi đi bên hồ, đón nhận một luồng gió mát hây hây, làm sống lại trong ông Tư một miền quê hương yêu dấu, tưởng như mình đang sống tại bên nhà, một ngày đi qua sông Tiền, sông Hậu. Những khi đó, thì trong lòng vang vọng niềm vui, yêu đời hơn, yêu nhân loại hơn, yêu những bạn bè, đồng nghiệp nhiều hơn., nhất là thấy công việc đang làm dễ dàng hơn, thích thú hơn.

Cũng có khi, ông dùng mười lăm phút xả hơi để cùng uống cà phê, bàn chuyện phiếm với bạn bè, ngồi quanh bàn nói chuyện vui vẻ, cười đùa trêu ghẹo nhau. Sau đó, về lại ngồi vào bàn giấy, ông Tư thấy mình sáng suốt và tinh tấn, giải quyết công việc mau hơn, dễ dàng hơn. Nhất là tinh thần thấy thư giãn, khoan khoái...

4.

Ông không cần ai khen, cũng không buồn khi bị chê. Không phải ông thiếu tự ái, nhưng ông chấp nhận lời chê như một kinh nghiệm, để thấy mình, soi rọi mình. Mình dở thì người ta chê, cũng là sự thương, không thể dở mà mong được khen. Ông chấp nhận lời chê để thay đổi, để biết rõ mình hơn. Đối với bạn đồng nghiệp, ông không cần tranh đua hơn thua. Ai muốn tự coi là giỏi hơn ông, ông chấp nhận ngay, không việc gì phải tranh luận, giỏi hay dở là sự việc khá hiển nhiên, nhiều người thấy, không cần phải xác định. Theo ông, thì hơn cũng chẳng được cái gì, mà thua cũng chẳng thiệt hại chút gì. Việc chi mà tranh hơn thua, nếu có hơn người ta, thì chỉ bị thêm ganh ghét mà thôi. Thua thì không chừng người ta để yên, có ai muốn đá một con chó vô hại làm gì...

Mỗi buổi trưa, ông Tư hoặc đi bộ xuống phố, tìm một quán ăn mới, thường thức một món lạ miệng. Thường ông hỏi và yêu cầu dọn cho ông món đặc biệt nhất của quán... Trong khi ăn, ông để ý quan sát chung quanh, từ thực khách đến chủ quán, tìm những đặc điểm, những kỳ dị, và thường thấy tội nghiệp cho nhân sinh, quay quắt trong đời sống, cả đến khi ăn uống cũng không được thanh thoi, tận hưởng hương vị.

Khi chờ món ăn thì bồn chồn nhìn quanh, lâu lâu liếc mắt về phía bếp, hoặc thấy hầu bàn bung món ăn ra, nhìn chăm chú, hy vọng là món ăn của mình. Khi ăn thì cũng gấp gáp, có người như nuốt vội ra đi cho kịp thì giờ, làm cho xong cái bồn phận với bao tử.

Cũng có những buổi trưa, ông Tư ngồi quán có bàn kê bên hè phố, vừa ăn uống vừa nhìn thiên hạ đi qua, nhìn những bà đầm mông vĩ đại như lảng lảnh tự, những cô con gái kiêu ắt giữ gìn thân thể ốm o như ma đói lảng vảng, những ông Mỹ mông teo rí bụng thì thè lê trong lúc hai vai xuôi lợ, những bước chân lóc cóc vội vã, những khuôn mặt chảy xệ vì sức căng của đời sống. Ông Tư muốn hét to lên với mọi người rằng: "Hãy thông thả, buông lỏng tâm trí, tạm gác qua các lo lắng muộn phiền, không tội chi mà phí đi một buổi trưa nắng tươi đẹp dễ như thế này. Quên đi và vui lên". Ông chỉ nghĩ thầm, không dám hét to, vì sợ người ta cho rằng ông bị bệnh tâm thần. Ông ngồi thông dong nhìn mây bay trong đáy cốc, nhìn hơi cà phê uốn éo như khói sương, gỡ một cánh lá rụng trên bờ vai, nhìn vào xác lá mà như nghe được âm thanh huyền diệu của đất trời. Rồi lưng thưng ra về, nghe nhịp giầy nhàn nhã của mình vang vọng trên hè phố.

5.

Cũng có những hôm, ông Tư cùng bạn bè xuống phố ăn chung, gán chực người, kêu một bàn ăn chừng chục món. Đôi khi còn ngon hơn tiệc tùng, hoặc ăn cưới. Vừa ăn, vừa bàn chuyện trời đất, nắng mưa, toàn chuyện phù

phiếm, vui vẻ, mua được những phút thanh thản, quên đời. Có những buổi trưa, trời tốt, ông Tư mua một bao thức ăn, ra công viên, đi dạo cùng một vài bạn Việt Nam, bàn chuyện thời sự, chính trị, văn chương, có khi cao hứng ngâm sang sảng vài ba câu thơ đắc ý. Cứ ngâm to, mặc kệ thiên hạ qua lại, có ai hiểu gì đâu mà ngán. Cũng có khi bên bờ hồ nằm ngửa dưới bóng mát tàng cây, vừa ăn vừa nhìn mây bay, nhìn vòm lá xanh ngắt, nhìn những tàng hoa long lanh trong nắng, nhẹ rung gió vờn, tiếng chim ca líu lo, cảm thấy cái thảnh thơi như tắm nôi êm ngập tràn hạnh phúc, trong lòng sáng khoái thênh thang. Có khi gió hây hây mát, làm mắt nặng trĩu mơ màng, và thiếp đi trong một giấc ngủ ngắn, thật say, thật ngon. Khi tỉnh dậy giật mình biết mình đang nằm trên thảm cỏ, chỉ có năm mười phút chớp mắt mà tưởng như đã ngủ được một giấc dài mấy giờ liền. Nằm lơ mơ nhớ đến giấc mộng mà sáng khoái, rồi lững thững ra về. Thấy mình nhàn như tiên, thảnh thơi như thần thánh, nhẹ nhàng như có mọc cánh bay cao.

Đời sống sao mà dễ thương và quý hóa quá. Tại sao sẵn đây, mà có nhiều người không chịu đón nhận, thụ hưởng, mà lại để cho những mối lo âu, phiền não ám ảnh, làm băng hoại cả một ngày vui. Có chi đâu, hãy tạm gác lại những việc chưa tới và quên đi những bức bối khó khăn đã qua. Gác quá khứ về cho quá khứ, để dành tương lai cho tương lai. Hiện tại không giải quyết được chuyện quá khứ, cũng chưa đến thời điểm để thanh toán chuyện tương lai, thì tạm quên đi. Có được một giờ vui, thì vui đi kéo uống ...

Buổi chiều tan việc, ông Tư buông bút, để lại công việc sở tại sở. Quên hết việc sở, không chút vướng bận, không chút âu lo suy nghĩ.

Ông có thói quen không đem việc nhà đến sở, cũng không đem việc sở về nhà. Rõ ràng, phân minh. Đi làm để kiếm sống. Về nhà để sống, để vui thú gia đình, vui với vợ, với con, hướng dẫn cho con học hành trong tinh thần thoải mái, dễ dàng...

Ông đã có con đường tiến thoái rõ ràng, không việc gì phải lo lắng mất công. Tiến, thì cứ cuộc sống này, mà thoái thì thu hẹp cuộc sống lại, bớt chi tiêu, ở cái xứ này, thì không phải sợ đói, sợ lạnh. Cùng quần lắm thì ăn cơm thịt gà kho, dưa mắm thì không chừng lại được mạnh khỏe hơn, vệ sinh hơn. MẠch máu bớt nghẹt ứ chất mỡ. Cứ nhìn gương người Lào sống trên đất Mỹ, họ sống chung cả mười mấy người trong chung cư một phòng, cứ trải chiếu ra mà nằm ngủ trên thảm, rau thì trồng xanh tươi trong vùng đất trống của chung cư, nuôi gà làm thịt, đi câu cá chất đầy thùng lạnh. Chỉ tốn tiền mua nếp và muối mà thôi. Mỗi tháng họ chỉ tốn mấy chục đô la là phong lưu không thua ai. Nhưng họ có cái ham là đi xe hơi đắt tiền, xe hơi sang trọng. Và ông nghĩ rằng, ngày mới đến định cư, trên người chỉ có bộ áo quần sờn rách, nghề nghiệp chưa biết ra sao, ăn nói ảm ố tiếng được tiếng mất, thế mà còn chưa ngán, nay thì đã ăn nói khá thông thạo, nghề nghiệp kinh nghiệm vững vàng, thì sao lại sợ. Người Mỹ có câu rằng "cửa này đóng, thì cửa khác sẽ mở".

6.

Nhiều người lầm tưởng nhân nhã là sự biếng nhác, trây lười. Tưởng cứ ỳ xác ra, không làm chi cả là nhân. Nhân là một trạng thái tâm linh, cảm nhận được sự thanh thoát nhẹ nhàng trong ý nghĩ, trong hành động. Nhân là cởi được sức căng, sức ép của đời sống tốc độ. Nhân nhã muốn tìm là có, muốn có là được, nó tiềm tàng trong đời sống, sẵn đó, nhìn thì thấy, mà không để tâm nhìn, thì nó thành xa xôi. Như cụ Nguyễn Công Trứ viết, đại ý rằng, biết đủ thì thấy đủ, biết nhân thì thấy nhân.

Không cần phải về hưu mới tìm được nhân, có nhiều người về hưu rồi mà vẫn thấy bận rộn vô cùng, không có thì giờ để gặp bạn bè, họp mặt anh em, không rảnh rang để viết thư cho ai. Thế thì về hưu làm chi cho bận rộn, cho khổ thân? Không cần vào núi xa vắng về mới tìm được nhân. Sống ngay tại

phổ thị, và còn phải mưu sinh, nuôi vợ, nuôi con, bị vợ cần nần, bị con đòi hỏi, muốn nần thì vẫn tìm được nần. Không cần vào chùa tu, đọc kinh kệ, cứ ở ngay giữa thế gian. Cứ tạo cho mình cái thanh thoát trong ý nghĩ, trong cuộc sống, trong sinh hoạt hàng ngày, sao cho đừng bận rộn với những chuyện chưa tới, và quên đi những bất bình trong quá khứ, có được phút vui nào, có được thời gian ngưng nghỉ nào thì nắm chặt lấy mà khai thác, thì tự nhiên thấy được nần.

Đối với công việc làm ăn, nhiều người ví von rằng, đi làm là "trả nợ áo cơm" hoặc là "đi cày", chỉ mới có cái ý nghĩ đó thôi, dù là nói cho vắn vè hoặc pha chút khôi hài, thì cũng đã làm cho công việc trở nên nặng nhọc, khó chịu và mất vui. Phần ông Tư thì cảm thấy mỗi ngày còn có sức khỏe, còn có công việc làm thì đã là một nguồn vui lớn. Có khối người chạy vắt giò lên cổ để tìm cho ra một công việc làm mà không có.

Ngoại trừ những khi có hên, từ nhiều năm nay, ông Tư không đeo đồng hồ tay, để thấy mình thanh thoi hơn, nhẹ nhàng hơn. Cứ thấy nắng lên, là trời sáng; thấy tối sập xuống, là hết ngày. Thông dong, khi buồn ngủ thì đi ngủ, ngủ không được thì nằm đọc sách cho đến khi rớt sách thì thôi.

7.

Nếu ý nghĩa của đời sống là đi tìm hạnh phúc chân thực trong kiếp người, và nếu hạnh phúc là những niềm vui nho nhỏ gom góp lại cộng với những sáng khoái của ngày tháng, thời gian, thì có thể nói ông Tư đã đạt được phần nào cái hạnh phúc chân thực mà không phải tốn nhiều công sức, nhiều tiền bạc. Ai cũng có thể tìm được cái nần, cái hạnh phúc chân thực của kiếp sống như ông Tư, thế mà có khối người lãng phí thời gian, lãng phí cơ hội.

Tuổi Già Là Thời Sung Sướng Nhất

Ông cụ Lê đã tám mươi lăm tuổi, vẫn còn khỏe mạnh. Cụ bà cũng tám mươi ba tuổi. Họ sống trong một căn nhà tiền chế có ba phòng ngủ và hai nhà tắm, rộng rãi... Hai vợ chồng ngủ riêng, mỗi người một phòng, cái phòng còn trống dành cho con cháu, bạn bè ở xa về chơi. Cụ bà nhất định ngủ riêng. Cụ ông nói với bà con rằng, cụ hay thức khuya đọc sách, báo, và nghe nhạc, nên cụ bà không chịu được, phải ngủ riêng. Cụ bà thì nói thẳng "Ông già, nhưng phá lắm, làm tôi mất ngủ". Cụ bà lẳng tai, nên thường nói lớn tiếng như hét gào.

Tôi từ San Francisco về, ghé thăm hai ông bà cụ Lê. Thấy ông đang xem tờ báo Mỹ, trong đó nhiều trang quảng cáo in hình những thiếu nữ da thịt hồng hào, lồ lộ, ăn mặc ít vải, bụng ngực hở hang, chân tay dong ra hớ hênh...

Trong tình thân mật, tôi hỏi cụ:

- Bác cũng còn thích xem các thứ này nữa? Có còn "làm ăn" chi được nữa không? Bác "chay tịnh" đã bao nhiêu năm rồi?

Cụ Lê nhướng mắt, cười toét miệng, để lộ hai hàm răng giả trắng nuốt, đều đặn, nhưng hơi móm, trả lời:

- Có chứ! Làm ăn đều đều chứ! Gì chứ cái đó đâu có nhịn được!

- Thật không bác? Hay chỉ nói đùa cho vui thôi? Có cần thuốc Viagra trợ lực không?

- Thuốc với thang, đâu cần! Tôi cũng đã thử cái thuốc đó mấy lần mà thấy công hiệu của thuốc quá chậm. Mình đã xong rồi, chiến trường đã tan, thuốc mới công hiệu. Thêm bực mình, khi đó thì dù còn sức, bà ấy cũng gạt đi.

Phải hơn nửa giờ sau khi uống, thuốc mới công hiệu. Thế là quá chậm.

Chuyện đó, phải tức thì, cơm nóng canh sốt mới ngon. Đâu phải đi câu mà thả cần chờ cá đớp mồi. Còn khi không có hứng thì uống thuốc đó vô làm chi?

- Bác dám thử thuốc đó, không sợ đứng tim bất thần chẳng? Tôi cười và hỏi.

- Sợ gì! Tuổi này có đứng tim mà chết mau lẹ, thì cũng mừng, khỏi phải sợ bệnh hoạn lâu ngày.

- Thuốc đó có sinh ra phản ứng phụ gì không?

- Có! Uống vào, cái mặt mình nó căng căng làm sao ấy... Giống như khi mình nói láo, ngượng quá, mặt căng lên. Cứ thế cả giờ không hết. Tôi quăng vào thùng rác cả ống thuốc từ lâu.

Cụ Lê vốn vui tính, ưa nói đùa. Tôi nghĩ là cụ nói chuyện cho vui thôi. Đêm đó, vợ chồng tôi ngủ lại nhà cụ. Buổi khuya tôi thức dậy, đi xả nước thừa trong cơ thể, phải đi qua phòng ngủ của bà cụ Lê mới vào được phòng tắm. Tôi thấy tấm chăn bà đắp lệch ra, gần rơi xuống đất. Bà vẫn ngáy đều. Mùa đông lạnh, nếu chăn rơi ra, bà có thể cảm lạnh. Tôi nhẹ nhàng đến kéo tấm chăn lên, đắp lại cho bà. Bỗng bà nói thật lớn, hai tay chấp lại mà xá tôi lia lịa:

- Thôi, thôi ông ơi, tôi lạy ông, tôi lạy ông, nhà có khách, không được đâu!

Tôi khiếp hãi, lạnh cả người. Chưa kịp đi tiểu, mà tôi vội vã chạy về giường

mình nằm yên, tim đập thành thịch mãi chưa hết sợ. Tuy không ai dám hiểu lắm là nửa đêm tôi đi mò mẫm bà cụ già, nhưng cứ sợ. Tôi nhịn đi tiểu, mắt ngủ cho đến gần sáng. Bây giờ thì tôi tin những gì ông cụ Lê nói không phải là chuyện đùa chơi. Sáng hôm sau, tôi kể lại chuyện sửa mền cho vợ tôi nghe, vợ tôi ôm bụng cười mà không tin.

Buổi sáng, cụ Lê tập thể dục theo lối cử động chậm và phát tay cùng hít thở. Thấy tôi ngồi đọc báo, cụ nói:

- Anh thường không tập thể dục? Thể dục làm tan biến hết mệt mỏi của một đêm dài nằm trên giường. Không cần tập nhiều, tập cho khí huyết lưu thông, thấy mình sảng khoái hơn. Anh có tin rằng tuổi già là giai đoạn sung sướng nhất trong một đời người không? Nhiều người không tin đấy. Lạ quá!

Vợ tôi đang đứng trong bếp, chỉ tấm hình có đứa bé nằm trong nôi và nói vọng ra :

- Cháu nghĩ trẻ con nằm trong nôi, vô tư, ngây thơ sung sướng nhất. Bác có nghĩ vậy không?

Cụ Lê xì một tiếng và nói:

- Con nít trong nôi biết khi gì mà sung sướng? Ai dám bảo là chúng nó vô tư? Có chắc không? Có chắc là chúng nó không lo nghĩ, không có mỗi khổ tâm riêng khi không biết nói, không biết tự làm cho mình những việc tôi cần thiết. Được cho món gì thì ăn món đó, không có quyền lựa chọn. Dở ngon chi cũng phải nuốt, ưa hay không cũng phải ăn. Chỉ biết khóc, khóc và khóc . Đói cũng khóc, mà đau cũng khóc. Khi bị con kiến, con trùng tấn công, cũng không biết làm sao mà tự vệ, hất nó đi. Cha mẹ nghe khóc, cũng không biết là nó đói hay đau, hay ngứa.. Tiêu tiểu cũng nằm trên nôi, phóng uế ra cả chiếu giường, hôi hám, sung sướng cái nỗi gì. Nóng lạnh cũng không biết làm sao cho dễ chịu hơn. Người lớn không biết thì tưởng đâu nó vô tư sung

sướng. Thử cho anh chị nằm liệt ra đó, có người mớm cơm ăn uống, chăm sóc, và moi phân từ quần ra, thay tã cho khi tiểu tiện, thì thấy khổ hay sướng mà dám bảo là trẻ con vô tư sung sướng? Sướng và khổ là phải cảm nhận được mới có giá trị. Có ai còn nhớ và nghĩ là thời nằm trong nôi sướng đâu. Đây,nếu tôi có phép, cho chị lựa chọn, cứ bé bỏng và được nằm trong nôi mãi, chị có chịu hay không? Hay là trông mau lớn, để khỏi nằm nôi?

Vợ tôi tiếp:

- Thế thì, trẻ con lớn hơn chút nữa, biết đi biết chạy, biết chơi, ở nhà chưa đi học, vui vẻ với gia đình, không lo nghĩ, không bận rộn, không ưu tư gì cả, và chưa biết cái khổ của cuộc đời, thì có phải là sướng không?

Cụ Lê cười khà khà, và nói lớn, vọng vào bếp cho vợ tôi nghe rõ hơn:

- Trẻ con, sướng chứ, nhưng làm sao sướng bằng người già được. Trẻ con cũng có những nỗi khổ tâm riêng của chúng mà mình không chịu nghĩ đến. Khoảng này là tuổi chơi, mà bị cấm đoán nhiều nhất, cha mẹ anh chị chăm nom canh chừng từng phút một. Cấm chơi cấm nghịch, cấm thức khuya, bắt phải ăn món này, ăn món kia, dù thích hay không. Bị canh chừng, kèm kẹp ngày đêm. Câu chuyện khôi hài kể rằng, một em bé đi chơi với bố, thấy một vũng nước mưa bên đường, hỏi bố rằng "Có phải Bố có quyền muốn làm gì thì làm chẳng ai cấm đoán, la mắng bố cả, phải không ?" Ông bố trả lời là phải. Em bé mở tròn mắt hỏi: "Thế thì tại sao Bố không nhào xuống vũng nước mà lăn lộn cho sướng?" Đó, còn trẻ con, là không được làm điều gì mình muốn cả. Không có một xu dính túi, mà có tiền, cũng không có quyền mua những thứ mình thích."

Vợ tôi cười, và hỏi tiếp:

- Thế thì trẻ con lớn hơn chút nữa thì sao? Có sướng hơn người già không?

- Làm sao mà sướng bằng tuổi già được. Anh chị cứ nghĩ và nhớ lại mà xem. Tuổi đó thì làm biếng và ưa chơi hơn là học. Trẻ nào cũng vậy. Thế mà cha

mẹ, thầy giáo bắt học hành. Ban ngày thì học ở trường, ban đêm về nhà phải học bài, làm bài. Truyền hình và nhạc có chương trình hay đến mấy, cũng không được xem, nghe, phải học bài xong, làm bài xong đã. Mà học xong, thì đâu còn những chương trình đó cho chúng xem nữa. Khi đó thì khuya rồi, bố mẹ bắt đi ngủ để sáng hôm sau đi học. Chưa kể những đứa con nhà khá giả, cha mẹ thường bắt phải đi học đàn, học nhạc, học múa. Và có khi phải đi học thêm những lớp đêm, lớp ngày, cho giỏi hơn. Bị kềm chặt trong cái thời khóa biểu của cha mẹ. Em bé không thể tự quyết định riêng cho nó điều gì theo sở thích cả. Bởi vì nếu để cho em tự quyết định hành động từ tuổi thơ, thì mai sau lớn lên chỉ có nước đi ăn mày hay ngồi tù sớm mà thôi.

- Thế thì bác cho rằng tuổi trẻ khổ nhọc và tù túng lắm phải không? Vợ tôi cắt lời.

- Không hẳn như thế, nhưng cũng gần thế. Không phải lo cơm áo, tiền bạc, công việc làm ăn, là sướng, khỏe, nhưng trẻ con đâu ý thức được cái khỏe, cái sướng đó. Chỉ thấy cái khổ của việc học hành. Đôi khi đi học, còn mệt hơn đi làm nữa, đó là sự thực. Khi lớn hơn nữa, ý thức được là phải học hành, để mai sau có nghề nghiệp may ra đời sống khá hơn, tương lai vững chắc hơn, thì lại khổ hơn nữa. Phải lo âu, chăm chỉ, hy sinh các sở thích khác để mà trau dồi tương lai. Học hành đôi khi cũng có cái thú, nhưng chắc chắn ai cũng thích chơi, thích giải trí hơn là cắm cúi cần mẫn học hành.

Bằng chứng là có nhiều người phải đóng bạc trăm bạc ngàn đi học các khóa đặc biệt, mà khi giáo sư cho nghỉ sớm vài phút cũng mừng hóm, sung sướng thấy rõ ra mặt.. Đi học, mà học cho đảng hoàng thì không phải chuyện dễ, không phải nhẹ nhàng, mà học qua loa thì sợ thi rớt, sợ học xong mà không biết gì. Có kẻ hỏi một anh tuổi gần ba mươi rằng: "Anh có muốn trẻ lại như thời mười lăm mười sáu không?" Anh rùng mình mà trả lời: "Không bao giờ, phải đi học lại trung học, đại học, cực quá, thà chết còn hơn." Khi lớn

hơn nữa, thì thêm nỗi lo, nỗi khổ vì tình yêu. Không có người yêu thì cô đơn, buồn khổ. Có người yêu thì lo sợ cuộc tình tan vỡ, lo ghen bóng gió, lo người yêu không trung thành, và buồn khổ vu vơ, lãng nhách. Trong thời trẻ trung, thì tình yêu là đẹp đẽ nhất, vui thú nhất, nhưng cũng làm con tim đau đớn nhất và còn có nhiều kẻ đã chết vì tình yêu. Chết mà không hối tiếc chi cả. Không lấy được nhau thì đau khổ đến như trời sập núi tan, mà lấy nhau được thì cũng chiến tranh cãi vã triền miên không ngớt, và chán nản bực bội nhau.

Vợ tôi từ bếp ra ngồi trong phòng khách, để nghe cụ Lê luận về nỗi sướng khổ cuộc đời. Vợ tôi hỏi thêm :

- Vậy khi học xong, có gia đình, có nghề nghiệp, có sức khỏe, là giai đoạn sướng nhất trong đời chứ, thưa bác?
- Ủ, thì giai đoạn đó cũng có sướng, có khổ, chứ không phải sướng nhất như khi vào tuổi già. Anh chị thấy đó, sau khi có gia đình, thì phải làm lụng vất vả nuôi con cái, sống vì đàn con, không còn lý gì đến cái thân mình nữa. Lo dạy dỗ con cái, lo đưa đón, lo bệnh hoạn, lo cho nó ăn học, lo cho nó đừng hư hỏng. Có hạnh phúc, nhưng cũng có nhiều lo lắng. Chưa kể có người vì tình, tiền, danh vọng, mà khổ. Khi còn trẻ, hăng hái, thì ai cũng nuôi tham vọng, muốn giàu sang, muốn nổi tiếng, muốn xa hoa, nên cứ tự dìm mình vào những sinh hoạt khó khăn, làm mất đi những an bình của cuộc sống. Xưa nay đã có nhiều người vì tham vọng mà bỏ vợ, bỏ con, bỏ gia đình, dấn thân vào những nơi xương rơi máu đổ, có khi chết bên chân trời góc bể chẳng ai biết, có khi tù tội rục xương. Không tham vọng nhiều thì ít, ít nhất cũng làm tiền, cất tiền, lo cho bất trắc trong tương lai, lo cho tuổi già. Lo, lo đủ thứ. Có khi vì lo mà phát điên, có khi vì quá lo mà vợ chồng bỏ nhau. Lo nuôi nấng con cái, lo chạy theo danh vọng hão, mà khổ, mà mất đi cái sinh

thú ở đời.

- Thế thì theo bác giai đoạn nào trong đời cũng không sướng bằng tuổi già. Làm sao mà sướng được? Bác nói cho cháu nghe với. Tuổi già yếu đuối, bệnh hoạn cô đơn, sướng ở chỗ nào? Vợ tôi hỏi.

Cụ Lê thông thả tiếp:

- Khi đã lớn tuổi, thì con người được nhiều tự do hơn, được thông thả hơn để sống. Không còn phải như em bé bị cha mẹ ép buộc, bây giờ thì muốn làm chi thì làm, muốn thức khuya dậy sớm gì, cũng chẳng còn ai la mắng dọa nạt, rầy la. Nếu vợ vì thương, sợ mất sức khỏe, thì cũng cần nhàn chút chút thôi, mình không nghe thì cũng chẳng bị roi đòn gì. Không còn phải khổ công học tập, lo lắng cho tương lai mai sau, chẳng phải học thêm chi cho mệt trí, biết quá nhiều, biết quá đủ rồi. Nếu đã nghỉ hưu, thì học thêm làm chi. Nếu còn đi làm, thì cũng đã rành nghề, quen tay quen việc, làm việc dễ dàng. Khi già tình yêu cũng không còn là mối bận tâm, không quan trọng quá, chưa nghe báo đăng các cụ già trên dưới sáu mươi tự vẫn chết vì thất tình. Tội chi mà chết vì tình trong tuổi già, vì cũng sắp thấy Diêm Vương rồi, việc chi mà đi sớm hơn.. Khôn quá rồi, chết vì tình yêu là nông nổi. Đời sống tình cảm của tuổi già êm đềm hơn, ít đau đớn ít sôi động, và bình lặng. Tuổi già rồi, các ông không còn tính chuyện mèo mả lăng nhăng, khỏi phải lo lắng sợ vợ khám phá ra chuyện dẫu diêm mà nhà tan cửa nát. Đỡ tốn tiền quà cáp, đỡ tốn thì giờ lui tới các nơi bí mật. Hồi hộp, đau tim. Các bà khỏi phải lo chuyện đi đánh ghen, không còn cần phải chăm chút nhan sắc làm chi nữa, vì như chiếc xe cũ rệu, có sơn phết lại cũng xộc xệch, cũng méo mó. An tâm và chấp nhận, thì khỏi băn khoăn mà vui... Cũng có một số ít những cặp vợ chồng già đem nhau ra tòa chia tay, vì khi già cả hai đều trở thành khó tính. Hậu quả của li dị trong tuổi già không trầm trọng như khi còn trẻ, vì con cái đã lớn, đã tự lập, không còn ảnh hưởng nhiều đến tương lai chúng

và tương lai của chính mình. Vì còn sống bao lâu nữa mà lo lắng chi cho nhiều. Xa được ông chồng khó tính, độc tài là mừng. Dứt được bà vợ đánh đá, bạc ác là phải sung sướng.. Khỏe trí. Tuổi già, cố giữ cho còn có nhau, khi đã đến nước li dị, thì hai bên đều đúng, đều có lý. Đây là hành động tự cứu mình, và cứu người ra khỏi cảnh khổ lúc cuối đời, khi mà mộ bia đã thấp thoáng trước mắt, không còn bao nhiêu ngày nữa. Có điều ít ai nghĩ đến, là càng già, thì càng dễ tìm một người bạn đời để nói lại, để an ủi nhau trong tuổi xế chiều. Vì chung quanh họ, có thiếu chi người đứt gánh nửa đường. Chồng chết, vợ chết, li dị. Vấn đề là không sao tìm được một người có chung nhiều kỷ niệm, nhiều tình nghĩa, nhiều chia xẻ như người phối ngẫu cũ. Tình già cũng nhẹ nhàng, thông thả, ít khổ đau, ít sôi nổi hơn tình khi còn trẻ trung. Sức lực cũng có còn bao nhiêu mà ghen tương nhau chi, mà lo lắng chi cho thêm mệt, những người lớn tuổi kinh nghiệm và biết rõ như vậy. Nhiều người trẻ, sau khi gia đình tan vỡ thì xuống tinh thần, uống rượu đánh bài tìm quên, đôi khi không phải vì họ quá thương yêu người cũ mà tự hủy hoại đời mình, mà chính vì họ tự thương thân, tự ái bị xúc phạm, và rồi sa lầy vào rượu chè cờ bạc. Người lớn tuổi thì suy nghĩ khác. Họ nghĩ rằng ta cũng đã gần đất xa trời rồi, có sống thêm bao lâu nữa mà sầu khổ cho mệt. Mất củ khoai lang, thì kiếm củ khoai mì bù vào. Tuổi già biết giá trị tương đối của tình yêu nên không tìm tuyệt hảo, không tìm lý tưởng, và nhờ vậy không bị thực tế phũ phàng làm vỡ mộng, đau khổ. Khi già rồi, có ai hỏi tuổi, thì cũng không cần dấu diếm, không cần sụt đi năm bảy tuổi làm chi. Sướng lắm. Vì có sụt tuổi, cũng không dấu được những nếp nhăn, mà chẳng có ích lợi gì. Nếu tự cộng thêm cho mình chừng chục tuổi, thì không chừng được thiên hạ nức nở khen là còn trẻ, trẻ quá, và họ mơ ước được như mình. Các ông có vợ đẹp, khi lớn tuổi cũng đỡ lo bọn dê xồm dòm ngó, lắm le dụ dỗ vợ mình. Con người, ai mà không nhẹ dạ, ai mà không ưa lời nói

ngon ngọt êm tai, ai mà không có khi thiếu sáng suốt. Vợ chồng cũng có khi bất hòa, buồn giận nhau, và những khi này, lòng người dễ chao đảo lắm. Bởi vậy, các ông đỡ nghe các bà hăm he li dị, hăm he bỏ nhau. Tuổi này các bà cũng thừa khôn ngoan để biết những tên ngon ngọt, hứa hẹn nhiều, thường chỉ là những tên phá đám, chứ không thể tin tưởng được. Đàn bà có chồng hào hoa, đẹp trai, khi lớn tuổi cũng bớt lo, vì các ông cũng bớt máu nóng, bớt chộn rộn và khôn ngoan hơn thời trẻ trung. Biết kèm chế hơn, và biết rõ giá trị hạnh phúc gia đình cần gìn giữ hơn là chơi ngông. Tuổi già, vợ chồng sống chung với nhau lâu rồi, chịu đựng nhau giỏi hơn, quen với cái thói hư tật xấu của nhau. Không còn thấy khó chịu nhiều nữa. Dễ dung thứ cho nhau, chấp nhận nhau, vì họ biết rõ bên cạnh cái chưa tốt của người bạn đời, còn có rất nhiều cái tốt khác. Vợ chồng, khi đó biết bao nhiêu là tình nghĩa, bao nhiêu kỷ niệm, bao nhiêu thân thiết, cho nên hạnh phúc hơn, vui hơn. Tình yêu trong tuổi già thâm trầm, có thì giờ bên nhau nhiều hơn, chia sẻ nhiều hơn. Cũng có nhiều ông bà già ưa cãi vã nhau, cũng dễ hiểu, khi đó tai của cả hai ông bà đều lảng, người này nói một đường, người kia hiểu nẻo khác, cho nên buồn nhau giận nhau, không gây gổ sao được?

Nói đến đây, cụ Lê xuống giọng nhỏ nhỏ, chỉ đủ cho tôi nghe thôi, và cụ nói với nụ cười trên môi:

- Tôi biết chắc nhiều phần, những vợ chồng già hay gây gổ nhau, vì thiếu ăn nằm với nhau, thiếu tình dục. Không phải tôi nói đùa đâu. Có tình dục đều đặn, cơ thể sinh sản ra kích thích tố, làm cân bằng tình cảm. Làm con người thấy dễ tính, cởi mở hơn, và ít bực bội hơn. Những vợ chồng trẻ dễ tha thứ dễ bỏ qua cho nhau, vì họ có chuyện đó đều đều. Anh cứ nghiệm mà xem, sau khi ra khỏi giường, các bà vợ thường dịu dàng hơn, tử tế hơn, cho mình ăn ngon hơn. Đừng bao khi về già các bà hết ham muốn. Sai toét. Các bà sợ

chuyện đó, sợ chứ không phải hết ham muốn đâu. Sợ là phải, đau quá mà. Xe chạy lâu ngày khô nhớt máy, làm sao mà chạy được. Mấy ông già thiếu hiểu biết, phải hỏi bác sĩ, có gì mà xấu hổ, ngượng ngùng. Ai mà chẳng làm chuyện đó, che dấu làm chi. Một ống thuốc nước trơn, chỉ có mấy đồng bạc mà mua được vạn cái hạnh phúc gia đình. Chuyện này mà nói ra, có người cho là thiếu thanh lịch. Tôi ghét bọn đạo đức giả, vừa ngu xuẩn, vừa ích kỷ. Đừng quá lộ liễu, đừng quá lớ lằng thì thôi. Tại sao chuyện tốt, hiểu biết ích lợi cho cuộc sống con người, mà phải dấu diếm? Tôi tin rằng, người Mỹ thì mười người, có đến tám, biết chuyện thuốc thang này, còn người mình, thì mười người, may ra chỉ có hai ba người biết mà thôi.

Vợ tôi không nghe được lời cụ Lê, quay qua hỏi:

- Bác nói gì lắm thắm nhỏ quá, cháu không nghe được.

Cụ Lê cười khà khà đáp:

- Chuyện tào lao ấy mà. Đàn ông nói riêng cho nhau nghe thôi.

Cụ cười, nháy mắt với tôi, rồi đổi giọng lớn hơn, nói tiếp:

- Tuổi già, thì tất cả mộng ước điên cuồng của thời trẻ trung đã tan vỡ, đã lắng xuống, không còn kích động trong lòng, không còn thao thức nhức nhối. Họ biết sức mình đến đâu, và không tội chi mà ôm cao vọng cho khổ thân. Họ còn biết thêm rằng, nếu những cao vọng điên cuồng ngày xưa mà có thành đi nữa, thì e cũng chỉ là hư không, chẳng đáng gì.. Khi tuổi già, thì biết khôn ngoan mà an phận, biết vui với bình thường.. Biết đâu là hạnh phúc chân chính. Nhiều người già rồi mới tiếc suốt một thời son trẻ không biết sống, phí phạm thời gian theo đuổi những huyễn mộng, làm đau khổ mình, làm điều đứng người khác. Tuổi già, vui khi thấy mình hết nông nổi, nhìn đời bằng cái tâm tĩnh lặng hơn. Ai khen không hớn hờ mừng, ai chê không vội vã hờn giận. Vì biết rõ mình không có gì xuất chúng để thiên hạ khen nịnh. Và biết mình cũng có nhiều cố tật không chữa được, đáng chê.

Chê thì chê,khen thì khen. Khen cũng thế, mà chê cũng thế, thì ta vẫn là ta, là một kẻ già, đáng được khoan thứ hơn là trách móc.Lúc này, không còn muốn làm giàu, không bị con ma tham lam thúc bách để kiếm và tích trữ cho nhiều tiền nhiều bạc. Con cái cũng đã lớn,không phải chi tiêu nhiều thứ , thì tiền bạc, chỉ cần đủ sống thôi,cũng là thỏa nguyện. Họ cũng không cần se sua, tranh hơn thua với ai,tinh thần họ vui vẻ, dễ chịu và khỏe khoắn hơn.. Mỗi lo âu về tài chánh cũng nghe gánh. Bởi khi đó, nhiều người đã tích trữ được một số tiền nhỏ. Nhà cửa cũng đã có.. Nợ nhà, nợ xe cũng ít đi, hoặc không còn nữa. Con cái cũng đã lớn, không còn là gánh nặng cho mình. Chúng nó đã có nghề nghiệp, đã làm ăn được. Chắc chắn tương lai chúng khá hơn mình nhiều. Người già không chi tiêu nhiều, ăn cũng ít đi rồi,chơi cũng không còn phung phí đại dột như tuổi trẻ.Khi già, thời gian mới là thực sự của mình, vì không còn phải chạy ngược chạy xuôi kiếm sống nữa. Không còn bị bó buộc bởi trách nhiệm bốn phận. Có thể ngồi mơ mộng hàng giờ trên ghế đá công viên, thưởng thức thiên nhiên tuyệt thú, có thể tìm được an bình tuyệt đối, không như thời còn trẻ, đi nghỉ mát, mà thỉnh thoảng cũng bị công việc nhà ám ảnh, nhắc nhở.Tuổi già về hưu, là một mong ước của gần như của tất cả mọi người.Nhiều người gắng làm sao kiếm cho nhiều tiền để được về hưu sớm hơn.Nhiều thanh niên, ngày về hưu còn xa lắc, xa lơ mà vẫn mơ ước. Người Mỹ, trẻ già chi cũng nghĩ đến hưu trí. Hưu trí trong tuổi già là một phần thưởng của tạo hóa, của xã hội. Cho sung sướng, nghỉ ngơi. Già là nghỉ ngơi, là khỏe khoắn. Mỗi buổi sáng nằm dài trên giường, sáng nào cũng là chủ nhật trong tuần, muốn dậy lúc mấy giờ cũng được, muốn nằm cho đến trưa đến chiều cũng không sao. Nằm thoải mái, không ai chờ, ai đợi, không có việc gì gấp gáp phải làm, ngoại trừ cái bụng tiêu nó thúc dục, không cho mình nhìn lâu thêm được nữa. Thế thì sao mà không sung sướng. Nếu chưa về hưu, còn đi làm việc, thì cái tâm của người lớn tuổi

cũng nhẹ nhàng, ít bị những sức căng, bị áp lực đè nén. Vì tài chánh cũng quan trọng, nhưng không quá quan trọng đến nỗi khi thất nghiệp thì mất xe, mất nhà, mất vợ mất con như những người còn trẻ. Khi này, nhiều thứ trong cuộc sống đã ổn định, nhu cầu tiền bạc cũng không quá nhiều. Vả lại, già rồi, kinh nghiệm công việc nhiều, cho nên giải quyết mọi sự trong dễ dàng, thông thả. Bạn đồng sự cũng có chút nể nang, phần vì tuổi tác, phần vì kinh nghiệm. Có trường hợp, còn có việc thì tốt, mất việc thì mừng hơn, vì có lý do chính đáng để về hưu cho khỏe. Vì nếu việc có hoài, việc lại dễ dàng, thì tiếc, không muốn về hưu. Tuổi lớn, không cần thăng tiến, không cần đua chen với ai, cho nên tinh thần thoải mái, được bạn bè chung quanh thương mến hơn. Những người về hưu rồi, trở lại làm việc, thì đi làm, như đi chơi, chứ không phải "đi cày" như nhiều người khác quan niệm. Vui thì làm tiếp, chán thì về nhà nghỉ ngơi. Người lớn tuổi, thì sức khỏe xuống, bệnh hoạn ồ ạt đến tấn công, không ai thoát khỏi bệnh hoạn. Nhưng họ lại cảm được cái sung sướng của một ngày khi bệnh thuyên giảm. Một ngày khi cảm thấy gân cốt ít nhức mỏi hơn, dễ chịu trong từng khớp xương hơn. Người trẻ đâu có thấy được những nỗi sung sướng này? Vì họ chưa kinh nghiệm, chưa trải qua, nên chưa biết. Họ có sức khỏe, nhưng họ không biết đó là sung sướng, cho nên, xem như chẳng có giá trị gì. Anh chị xem, nếu anh chị có một tảng ngọc to bằng cái bàn nằm trong vườn, mà anh chị không biết đó là chất ngọc, thì không biết quý, không biết mình sung sướng có tảng ngọc, mà chỉ quý và sướng vì viên ngọc nhỏ xíu nằm trên chiếc nhẫn mà thôi. Có người viết sách rằng, tuổi già, buổi sáng ngủ dậy, nghe xương cốt đau nhức mà mừng, vì biết mình chưa chết. Tôi thêm rằng, biết mình còn sống là mừng, biết mình đã chết nhẹ nhàng, càng mừng hơn.... Nay anh chị có nhớ câu chuyện Thượng Đế khi đuổi tổ phụ loài người là ông Adam và bà Eva xuống trần gian, có chỉ mặt mà phán : "Từ nay chúng mi phải đổ mồ hôi trán

mới có hạt com vào mồm". Đó là câu nguyên rửa độc địa nhất, là lời phán ý nghĩa nhất, là con người phải sống trong nhọc nhằn. Sách Phật cũng có viết đời là đau khổ, và tu để tránh khổ. Đó, đời này đáng sống lắm, nhưng cũng nhiều khổ đau lắm. Bởi vậy nên tôi nói, được sống là mừng, mà được chết, cũng mừng. Tôi đi đám ma ông bạn già, thấy gia đình khóc lóc, rên rỉ thảm thương, con cháu mếu máo kể lể. Tôi cười trong bụng, nghĩ rằng bọn này không biết luật của tạo hóa. Có sinh thì có diệt. Chúng nó muốn thân nhân của chúng sống đời đời sao? Biết đâu chịu là khởi điểm của một cuộc rong chơi. Này, tôi đọc cho anh chị nghe một đoạn thơ của anh bạn tôi:

Tôi đi trước, hẹn gặp nhau ở đó
Ai thay da mãi mãi sống muôn đời ?
Kẻ trước, người sau xếp hàng xuống mộ,
Biết đâu là khởi điểm cuộc rong chơi

Khi tuổi già, thì xem cái chết như về. Ai không phải chết mà sợ. Sống qua khỏi tuổi năm mươi, là đã lời lắm. Tuổi trung bình của con người trên thế giới này chưa được con số năm mươi. Thì mình nên tự xem như được sống thêm đời thứ hai. Đời trước đã hoàn tất, có cả khổ đau lẫn hạnh phúc. Đời sau này, thì chắc chắn là sung sướng hơn hạnh phúc hơn đời trước. Vì đã từng trải, đã gom được kinh nghiệm của đời trước, để thấy đâu là hạnh phúc chân thật, đâu là phù du huyễn ảo. Chết là về..Nhưng chỉ sợ không về được đến nơi đến chốn, mà như chiếc xe hư máy dọc đường. Làm khổ chủ xe, bắt nằm liệt mê man, không sống mà cũng không chết, đó mới là cái đáng sợ. Tôi biết vậy, nên đã làm di chúc,khi nào tôi bị mê ba ngày, thì xin rút ống cho tôi đi. Đi về bình an.Này, anh chị nghĩ sao về ông bác sĩ mà người ta đặt cho tên là bác sĩ tử thần? Già rồi tôi không nhớ rõ tên, hình như ông ta tên là "Ki-Vô-kiên" phải không? Cái tên gàn gàn như vậy. Theo tôi, thì ông này là một vị Bồ Tát, cứu độ cho chúng sinh mau qua khỏi khổ đau, để bị ra tòa, bị

tù tội. Chỉ có cái tâm Bồ Tát thật lớn mới làm được việc đó. Tôi cố tìm một cái ảnh ông ta để thờ sống, mà không có. Tôi nghĩ, trong tương lai, luật pháp sẽ không ngăn cấm việc cho người đau đón ra đi sớm hơn, vì đảng nào cũng chết, tại sao phải kéo cái đau đón ra dài hơn mới được chết. Trùng phạt người ta hay sao? Trong tuổi già, người ta biết ơn sự nhiệm màu của tạo hóa. Có bộ máy nào, không phải là gang thép, bạch kim, mà chạy một mạch sáu bảy chục năm không ngưng nghỉ, mà vẫn còn hoạt động như quả tim, buồng phổi, trái thận, cái bao tử, não bộ. Có hệ thống ống dẫn nào hoạt động sáu bảy chục năm mà chưa thay thế như các mạch máu của hệ thống tuần hoàn. Thì dù có rò rỉ van tim, chất mỡ đọng nghẹt trong vài ba mạch máu, thì cũng là sự thường tình, và mừng là còn sống, còn sinh hoạt được. Dù có phải liên liên đi vào cầu tiểu mỗi ngày nhiều lần, thì họ vẫn sung sướng là cái vòi xài mấy chục năm mà vẫn chỉ mới rò rỉ sơ sơ. Mấy cái vòi nước trong nhà, bằng kim khí cứng, không rỉ sét, thế mà năm bảy năm đã phải thay rồi.

Buổi trưa, tôi lái xe mời ông bà cụ Lê đi ăn tiệm. Đi qua khu phố có nhiều tiệm Việt Nam, khách bộ hành đông đúc tấp nập. Tôi để ý thấy cụ cứ ngấm nhìn những người đàn bà con gái trên đường. Tôi hỏi nhỏ cụ:

- Bác cũng còn thích nhìn đàn bà đẹp? Thế là trái tim bác còn trẻ lắm đó.

Bác nhìn họ, với tâm trạng nào?

Cụ Lê cười và nói tự nhiên:

- Mình nhìn họ, như ngắm một bức tranh nghệ thuật. Thường thức một vẻ đẹp thiên nhiên của trời ban cho thế gian. Ngắm nhìn cái đẹp, không có gì là sai trái cả. Chỉ khi nào nhìn, rồi trong lòng mình nảy sinh ra tư tưởng gian tà, đen tối, ham muốn, thì khi đó mới đáng trách. Có ai kết án một người thường thức bức tranh Vệ Nữ không? Chắc là không.

Tôi nói nhỏ :

- Nhưng nếu có điều kiện cho phép, bác có muốn "gần gũi" với những người

đẹp đó hay không? Có còn đủ sức không?

- Này, tôi nói cho anh biết, có ai cho tôi lái chiếc xe đời mới, tân tiến, tôi cũng không khoái bằng khi lái chiếc xe cũ, cổ lỗ sĩ của tôi. Vì đã quen tay lái, quen nhịp máy, quen tốc độ, quen sử dụng, thì mình thấy thoải mái và dễ dàng hơn chứ. Lái chiếc xe lạ đâu thích bằng lái chiếc xe quen thuộc của mình. Anh có đồng ý không? Tắm ao ta vẫn khoái hơn tắm ao người chứ !

Cụ Lê cười, tôi cười theo. Cụ bắt lại câu chuyện cũ:

- Bây giờ anh đã đồng ý với tôi rằng tuổi già là thời gian sung sướng nhất chưa? Nếu ai già, mà không biết tuổi già là sung sướng, thì lỗi tại họ. Họ có cái sướng, cái quý, mà họ không biết hưởng.

Vợ Hiền

1.

Vợ tôi không phải là một người đàn bà có nhan sắc khuynh nước đổ thành. Bởi tôi, vốn tài mạo tầm thường và cũng không có nhiều may mắn bất ngờ để lọt mắt xanh những cô có nhan sắc chim sa cá lặn. Và lại tôi cũng thường nghe bố tôi tuyên truyền nhồi nhét trong cái đầu từ nhỏ rằng, đẹp đến mấy rồi cũng trở thành méo mó xấu xí, và vợ đẹp là vợ người ta. Vợ tôi cũng không có tài ba xuất chúng, bởi tôi vốn nể sợ và có thành kiến với những người đàn bà tài giỏi, vì họ thường kiêu ngạo và hay thành độc tài vợ trị.

Độc tài đảng trị thì có thể bỏ nước chạy ra biển chết, chứ độc tài vợ trị thì không chạy đâu cho thoát cả!

Vợ tôi chỉ là một người đàn bà trung bình trên tất cả mọi mặt. Với một vóc dáng tầm thường bên ngoài, không vêu vao xấu xí khó nhìn. Bên trong nàng mang một tấm lòng hiền hậu, bao dung, biết hành xử khôn ngoan khéo léo, để đem lại cho gia đình hạnh phúc êm ấm lâu bền mà tôi vô cùng biết ơn mỗi khi nghĩ đến.

Trong nhiều năm chung sống, chưa bao giờ nàng nặng lời với tôi, chưa bao giờ có cử chỉ hay ngôn ngữ thiếu lịch sự, cũng chưa lần khóc lóc giận hờn đòi hỏi điều này điều kia, hoặc đặt điều kiện làm khó, hay so đo chuyện nhà với gia đình người khác.

Ngoài tình cảm thấm thiết chia sẻ của vợ chồng, nàng âu yếm như một người tình, khoan dung rộng lượng như một người mẹ và hiểu biết như một người tri kỷ.

2.

Năm tôi hai mươi tám tuổi, mẹ tôi nóng ruột thúc hối ép tôi lập gia đình. Bà đưa cái công thức cổ xưa của mấy ông Tàu bày ra là "tam thập nhi lập". Tôi cũng chưa đến ba mươi, mẹ tôi cứ gán đại thêm cho hai tuổi để dễ bề ép uống. Tuổi đó, thích được quen nhiều bạn gái, bạn thôi thì được, nhưng nghe đến chuyện hôn nhân là xanh mặt. Vì qua kinh nghiệm bạn bè, kinh nghiệm giao tiếp trong sở, tôi thấy đa số mấy anh có vợ rồi thì dường như bị khép chặt trong cái vòng "chuyên chính" của bà vợ nhà! Cái vòng tuy lỏng lẻo và êm ái, nhưng bằng sắt, rất chặt và siết cứng. Một anh bạn thân, lâu lâu giận vợ, đến nhà tôi ở lại, nằm rũ ra trên giường như đồng mền rách rầu rồi nói với tôi:

- Tao chỉ mong có được một ngày an bình, sung sướng như mây, một ngày thôi cũng đủ.

Nghe thế thì không sợ sao được? Trong sở tôi có mấy anh bạn bị vợ cào rách mặt và phải lấy có là dao cạo râu cắt. Ai cũng biết chuyện gì đã xảy ra, vì mặt mày các anh lúng lẫm, trơn tru, có sợi râu nào đâu mà phải cạo cho dao cắt! Một ông lớn tuổi khác, vợ vào tận sở xé áo và kêu bằng mày tao, còn tố cáo ông mang bằng kỹ sư giả bên Pháp về. Nhan nhản những tấm gương gia đình u ám trước mắt như vậy, thì chỉ có ngu quá hoặc liều mạng mới không sợ mà thôi.

Tôi khát lần mãi không được, phải bèn lên theo mẹ, đi ra mắt, và xem mặt nhiều cô con gái các gia đình mà bà quen biết. Tôi theo lời dạy của một anh quân sư quạt mo, cứ mang bộ mặt đưa ma đến nhà người ta và ăn nói nhát gừng cộc lốc, thì không ai muốn gả con gái cho, và các cô thấy vậy thì cũng ớn lạnh mà dạt ra. Thế mà cũng có nhiều nhà khen tôi hiền lành, muốn gả con gái cho. Tôi tìm đủ lý do nói riêng với mẹ để chê bai từ khước. Cô thì chê mặt dài, cô thì chê mũi lớn, cô khác chê mắt có đuôi, cô thì mồm như có râu. Toàn cả những lý do vu vơ. Mẹ tôi phiền muộn thở dài, vì biết con trai bà cũng chẳng có sự nghiệp gì sáng giá, chẳng có một phong cách đặc biệt nào, mà đòi hỏi quá đáng chẳng?

3.

Không nỡ để mẹ buồn, tôi đem Lam, người bạn gái thân thiết nhất về giới thiệu với mẹ, bà vui vẻ chịu ngay. Bà khen Lam láu lỉnh, bất thiệp và xinh đẹp.

Mẹ tôi đến thăm xả giao nhà Lam hai lần để dò xét gia thế, và quyết liệt chống đối cuộc hôn nhân, lấy lý do là mẹ Lam dữ dằn và có cách cư xử thiếu lễ độ với chồng. Tôi nói:

- Con cưới Lam chứ cưới bà ấy đâu mà mẹ sợ?

Mẹ tôi nhất quyết tin rằng, mẹ hồ thì khó sinh được con cừ. Vì cách đối xử của cha mẹ, ảnh hưởng đến tính tình con cái. Cha mẹ dữ dằn, con cái khó mà

hiền lành được, vì ngày ngày học cách ăn nói, cách đối xử, tiêm nhiễm những thói quen của cha mẹ, và đem ra xử sự với đời, mà không biết đó là xấu. Tôi cố bào chữa cho Lam, nhưng mẹ tôi đã nhất quyết, không lay chuyển được. Bà nói:

- Mẹ thương con, mẹ không muốn sau này con khổ vì đời sống gia đình thiếu hạnh phúc. Vì không có gì khổ bằng có vợ dữ dằn, hỗn láo, có thể làm người chồng buồn phiền sinh ra rượu chè, cờ bạc, trai gái hư hỏng. Mẹ thương con, lo cho tương lai con nên mẹ không chịu.

Tôi định nói với mẹ rằng, con trai của mẹ cũng chẳng hiền lành chi, mà chê thiên hạ. Nhưng sợ mẹ buồn nên im lặng. Mẹ của Lam biết được ý kiến của mẹ tôi, nổi tự ái, nói nhiều lời tàn nhẫn, tổn thương đến gia đình tôi, và tuyên bố không bao giờ gả Lam cho tôi.

Khi bị trắc trở, ngăn cản thì tình yêu càng thêm tha thiết bốc lửa, và hai đứa tôi càng quyết vượt qua hàng rào ngăn cản của gia đình. Muốn sống cho nhau, và sống chết vì tình yêu.

Một lần chịu ý mẹ, tôi miễn cưỡng đi xem mặt một cô mà mẹ tôi gọi là gia đình phúc hậu đang hoàng. Tôi chẳng tha thiết gì, chỉ giữ đủ lịch sự tôi thiếu để cho mẹ khỏi mất mặt.

Lần đó Lam biết được, nàng giận dữ xỉ vả tôi:

- Anh là một thằng đê cáng, xấu xa đê tiện, một kẻ hèn nhát núp váy mẹ, không dám làm gì cả. Anh không xứng đáng với tình yêu của tôi.

Tôi nghe mà bàng hoàng, như bị sét đánh. Hai đứa giận nhau. Tôi chợt nhớ tới lời nhận xét của mẹ, và thấy bà cũng có lý phần nào. Nhưng tim tôi vẫn nát tan xót xa vì chuyện tình đổ vỡ. Ngay sau đó, Lam có người yêu mới là Tuấn. Tuấn cũng là trong đám bạn bè quen biết lâu dài với tôi, tính tình Tuấn hiền lành, chịu đựng, và Tuấn đã bền bỉ theo đuổi Lam từ lâu. Năm sau, tôi đi dự đám cưới Tuấn, Lam với trái tim vỡ nát, nhưng cũng vui

mừng vì Lam lấy được chồng hiền lành và đàng hoàng, có thể bảo đảm đời sống tinh thần vật chất cho gia đình sau này. Tôi thật tình nghĩ rằng, tôi không bằng được Tuân về nhiều mặt. Lam bỏ tôi là phải.

4.

Mẹ tôi làm như lấy vợ cho bà, cứ khóc lóc thúc giục mãi. Tôi tâm sự với một người bạn cũ. Anh cười và nói:

- Hay là cậu thử tìm hiểu Mai, em gái tôi xem sao. Nó cũng sẵn có cảm tình với cậu đó. Mai hiền lành lắm.

Được bạn khuyến khích, tôi bắt đầu tìm hiểu Mai. Nàng không đẹp, không xấu, chăm chỉ, hiền lành. Trước đây, đến nhà bạn chơi, tôi chỉ thấy Mai thấp thoáng đâu đó sau bàn học, hoặc lảng lảng rút lui sau khi cúi đầu chào lễ phép. Dẫn Mai đi chơi, tôi không tìm hiểu được chi nhiều về Mai, vì nàng quá thụ động, khi nào cũng nhẹ nhàng chịu đựng, ít đưa ý kiến riêng. Khi hỏi ý, nàng thường bảo:

- Dạ, anh cho em đi đâu cũng thích cả, anh vui thì em cũng vui.

Tôi đem nhận xét về cái hiền lành của Mai nói với một người bạn. Anh cười hô hô và nói:

- Trời ơi, khi mới quen thì em nào mà không hiền lành như thánh mẫu, dịu dàng như tiên cô. Khi cưới về thì cái đuôi dài thòng mới lòi ra, và dữ như chẳng tinh. Em nào cũng vậy cả.

Tôi hỏi thẳng anh của Mai, anh trả lời:

- Con nhỏ hiền lành, biết nhường nhịn và rất dịu dàng. Cậu có phước lắm mới gặp nó. Không phải vì nó là em gái mà tôi khen đâu.

Mẹ tôi đến thăm gia đình Mai nhiều lần, khen mẹ của Mai phúc hậu, hiền lành, cư xử lịch sự, phải phép với chồng. Bà nghĩ rằng, nhất định Mai cũng học được nề nếp gia đình của mẹ, không nhiều thì ít. Bà thúc tôi làm đám cưới ngay. Tôi xin hoãn một thời gian để tìm hiểu thêm, mẹ không chịu và

bảo:

- Lấy vợ thì lấy liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ dèm pha.

Tôi nói rằng, nếu nghe được lời dèm pha đúng, thì cũng là điều tốt, mình khỏi phải xét đoán lắm người. Mẹ tôi lại giảng cho tôi rằng, chín mươi phần trăm cách cư xử của con cái là do ảnh hưởng sinh hoạt tốt xấu của cha mẹ. Cha mẹ gieo vào đầu con cái thứ tư tưởng nào, thì nó sẽ hành động theo lối đó. Thương mẹ, tôi tạm quên kinh nghiệm ghê gớm trong đời sống gia đình của bạn bè và đồng sự, liều thân lấy vợ cho mẹ vui lòng. Có một ông bạn bảo rằng, lại thêm một thằng đàn ông ngu muội đi vào vết xe đổ nghìn năm của nhân loại.

5.

Tôi cưới Mai, nàng như cái bóng dịu hiền bên tôi. Tôi thấy mình tan loãng vào tình yêu êm đềm, và chợt nhận ra đời sống gia đình êm ái, thoải mái và hạnh phúc hơn nhiều lần đời sống độc thân. Không thấy gò bó tù túng trong dây ràng buộc của gia đình như nhiều người thường bảo. Mai lo lắng cho tôi những thứ cần thiết lặt vặt trong cuộc sống bình thường, bổ khuyết cho tôi những thiếu sót, dịu dàng an ủi tôi những khi lo buồn. Tôi nói với vợ:

- Anh ngu quá, biết lấy vợ mà sung sướng hạnh phúc như thế này, thì đâu để độc thân đến gần ba mươi tuổi. Uống thật.

Những khi chúng tôi có ý kiến trái ngược, Mai dịu dàng phân tích thiệt hơn cho tôi nghe, rồi để cho tôi quyết định. Sau khi quyết định xong, dù có trái ý nàng, Mai cũng vui vẻ cố gắng giúp tôi hoàn thành công việc. Không như các bà khác, những lúc chồng làm trái ý, thì các bà mong cho ông chồng thất bại để chứng tỏ ý kiến của bà là đúng, là hay. Mai thường nói:

- Thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn. Nếu ai cũng khăng khăng giữ ý của mình, thì chẳng làm nên được việc gì cả.

Cũng có khi quyết định của tôi sai lầm, đưa đến kết quả không tốt. Những

lúc này, Mai thường hết lời dịu dàng an ủi tôi, và cho rằng tôi không có lỗi gì cả, ví ai cũng có thể sai lầm, và Mai cho rằng nàng cũng có phần lỗi, vì chưa tận tình giúp tôi đầy đủ ý kiến để làm quyết định. Từ đó, tôi cảm thấy mình phải lắng nghe ý kiến của vợ nhiều hơn.

Tôi nghĩ, nếu những lúc này mà Mai dằn vặt, nặng nề buộc tội tôi, thì chưa chắc tôi đã thấy mình làm lỗi. Mai không như một số đàn bà khác, đúng hay sai cũng đổ lỗi cho chồng, và những khi chồng thất bại trong đời, là cái dịp cho các bà chê bai, mai mỉa, nói những lời tàn nhẫn.

Ngoài xã hội, có những lúc tôi vô tình hoặc thiếu may mắn, gây nên những sai lầm với người khác, Mai tự đứng ra, gánh vác hết trách nhiệm thay tôi. Tự ái đàn ông, đâu cho phép tôi để vợ gánh vác trách nhiệm thay mình. Tôi thấy thương và quý vợ nhiều hơn. Mai bảo:

- Chuyện nhỏ, để em gánh vác giúp, anh để tâm trí làm những việc khác ích lợi hơn.

Tôi thầm nghĩ, tôi thì làm chi có việc lớn mà gánh vác.

6.

Những năm mới lấy nhau, tài chánh gia đình khó khăn, đắp trước bù sau hàng tháng. Áo quần đơn sơ, ăn uống dè xén. Thế mà Mai bao giờ cũng vui vẻ, chưa bao giờ nghe Mai than thở hoặc so sánh với các bạn bè khác. Nàng thường nói:

- Chúng ta nghèo vật chất, nhưng giàu hạnh phúc, tinh thần thanh sạch, thế là đủ. Đời sống biết đủ là đủ.

Chính vì Mai không than thở, nên tôi thấy mình có trách nhiệm nhiều hơn về tài chánh gia đình. Buổi chiều về, tôi đi dạy thêm cho các lớp đêm. Ngày nghỉ, tôi mở lớp dạy kèm luyện thi cho từng nhóm nhỏ. Tài chánh gia đình nhờ đó mà dồi dào hơn, có thêm tiền, nhưng Mai không vui, mà chỉ lo cho tôi thiếu sức khỏe sinh bệnh hoạn.

Năm đó, tôi không chịu theo bè cánh với nhóm tham nhũng, chúng đày tôi về một tỉnh nhỏ xa xôi. Tôi buồn phiền lắm. Không đi thì không được, đi thì bỏ hết công chuyện làm ăn riêng tư. Mai khuyên tôi nhẫn nhịn, và gắng tìm vui trong hoàn cảnh mới. Khi chúng tôi về tỉnh nhỏ, Mai thường an ủi và nâng đỡ tinh thần tôi, đặt mua các thứ sách báo tôi thích, để giải trí và quên đi phần nào nỗi buồn nơi tỉnh nhỏ. Mai xin được việc ở một nhà dạy trẻ, để phụ thêm kinh tế gia đình....

Khi chạy vội về Sài Gòn vào năm 1975, chúng tôi mất tất cả, trở thành trắng tay. Tôi lo lắng và muộn phiền lắm, nhưng nhờ thái độ trầm tĩnh và chịu đựng của Mai mà tôi bớt bối rối. Trước ngày miền Nam sụp đổ, chúng tôi bàn nhau là nên ở hay đi. Ý Mai thì nên đi để bảo toàn tính mạng cho gia đình, khi yên ổn thì quay trở về cũng chẳng mất mát gì. Phần tôi thì vì yêu mến quê hương một cách lãng mạn, quyết ở lại, muốn cùng chia sẻ khổ đau, sống chết cùng quê hương. Chủ nghĩa đối với tôi không quan trọng, tôi nghĩ chính thể nào cũng thể thôi, cũng cùng là người Việt, cùng giòng giống tổ tiên, thì việc gì mà phải bỏ chạy? Tôi đã lầm to. Thảm họa trùm xuống khắp miền Nam. Đau khổ, lao tù, đói lạnh, đè nén, áp bức. Tôi cũng ôm gói đi tù như mọi bạn bè, Trong tù, tôi vô cùng ân hận về quyết định sai lầm, để thân xác mình bị tù đày, để vợ con bơ vơ, đau khổ, đói rách, không vốn liếng, không tài sản. Ba tháng sau khi tôi đi tù, Mai thấy chồng chưa được thả về, đã xoay xở rất mau. Nàng mua áo quần cũ, cắt ra may thành áo quần trẻ em đem bỏ mỗi tại các chợ trời hè phố. Đêm nào cũng may đến mười hai giờ khuya. Một mình nuôi chồng tù tội, nuôi con thơ dại, ngược xuôi trong cuộc đời. Những năm tháng nằm tù, có nhiều thì giờ suy nghĩ, tôi mới sâu sắc nhận ra mình mang ơn vợ quá nhiều. Tình cảm nàng dành cho tôi tràn đầy dịu dàng, bao dung, âu yếm và hy sinh. Tôi biết mình là kẻ có phước được vợ hiền....

7.

Khi tôi được ra tù, thể xác tiều tụy, tinh thần suy nhược, đời sống bất ổn, bị đe dọa thường trực. Hàng tuần bị tên công an khu vực đến thúc giục đuổi đi về vùng kinh tế mới, và nói lời hăm dọa. Tôi nản lòng bàn với Mai để dọn về vùng kinh tế mới cho yên thân. Nàng đã khôn ngoan giải thích rằng, bằng mọi giá phải bám vào thành phố, để sống còn và để bớt bị độc tài áp bức, bớt khốn khổ vì cái u mê của chế độ hành hạ. Nàng thường khuyên tôi:

- Minh hãy xem cuộc đời này như một trò chơi không vui, đừng quá quan tâm đến những gì xảy ra cho mình, cho thiên hạ chung quanh. Những đau khổ mà mình đang chịu đựng cũng là một thứ thử thách, làm cho mình lớn thêm lên, trưởng thành hơn, và cứ vui với những gì nhỏ nhoi nhất có thể có trong thời gian này. Không xấu xa nào có thể tồn tại mãi mãi được, ánh sáng tương lai sẽ có ngày chiếu rọi trên quê hương.

Mai đã an ủi, khuyên nhủ và dịu dàng dắt tôi đi qua quãng đời đau khổ trong chế độ lạ lùng vô nhân kỳ quái này. Chúng tôi bữa đói bữa no dắt nhau đi trong đời sống mịt mù của xã hội chủ nghĩa trá hình.

Khi tôi nghĩ ý tham gia một tổ chức phục quốc chống lại chính quyền cộng sản trong thành phố, thì Mai đồng ý ngay. Nàng nói:

- Chúng ta đã vất vả đầu hàng, chỉ mong được bình yên sống và góp phần xây dựng lại quê hương.

Nhưng kẻ chiến thắng đọa đầy nhân dân xuống vực thẳm. Không cho ai yên sống. Chính họ đã buộc chúng ta đứng dậy, cầm lại súng. Việc đáng làm thì phải làm. Nếu ai cũng trốn tránh cả, thì đau khổ này biết bao giờ dứt được? Nhưng phải thận trọng để khỏi phí thân làm việc dã tràng.

Cùng với bạn bè cũ mới, chúng tôi tổ chức mua súng, liên lạc với các nhóm kháng chiến khác. Ra một tờ báo bí mật chuyển tay. Mai đã ngược xuôi giúp đỡ chúng tôi, mang tin tức, chuyển vận hàng hóa. Chúng tôi mơ mộng một

ngày ánh sáng tự do chiếu rọi trên quê hương, trở lại đời sống không áp bức kẹp kèm.

Một vài người trong nhóm bất cẩn, tổ chức bị đổ bể, đa số anh em bị bắt. Tôi chạy thoát được với cái áo có nhiều lỗ đạn bắn thủng bên hông. Mai nhờ người nhả tôi bình tĩnh chờ nàng sắp đặt.

Nàng vay mượn và bán hết đồ đạc trong nhà, đóng tiền cho tôi bí mật vượt biên...Phút cuối chủ thuyền cho vợ con tôi cùng đi với lời hứa trả tiền sau.

Tôi cảm ơn Trời Phật đã xui khiến cho chúng tôi còn có bên nhau trong đời. Trên biển đói khát Mai nhường phần ăn uống cho con, cho chồng, với lý do là tôi cần sống hơn nàng, tôi có thể làm được nhiều việc ích lợi hơn. Nhưng theo ý tôi, thì chính Mai mới xứng đáng để sống sót vì đời sống nàng có nhiều ý nghĩa, tốt đẹp hơn.

Những ngày khó khăn nắng cháy cực khổ tại trại tỵ nạn, nàng dành lấy hết tất cả việc vặt vãnh như lãnh thức ăn, xách nước, nấu nướng, chăm sóc con cái, để cho tôi có thì giờ tham gia tiếp tay phụ giúp các công tác chung trong trại. Mai dặn tôi tránh xa những nơi có tranh giành, có chút quyền lợi, chỉ kê vai gánh vác những việc có ích chung mà không ai làm. Với khuyến khích và an ủi của vợ, tôi làm được nhiều việc hữu ích cho cộng đồng. Trong lúc đó, một vài anh bạn tôi, tham gia việc cộng đồng mà như làm việc quốc cấm, bị vợ cản nhần, ngăn cản, mĩa mai rằng việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng. Nhiều người than vãn về những thiếu thốn, khó khăn, cực khổ trong trại tỵ nạn. Mai thì khi nào cũng vui vẻ, lạc quan, và cho rằng tương lai được sống đời tự do đang rõ ràng trước mắt. Những thiếu thốn khó khăn trong trại tỵ nạn là đương nhiên. Ở đây cũng còn sung sướng hơn những ngày tháng sống với chế độ công sản u ám, bất trắc, chèn ép, sợ hãi. Những khi con tôi chê cơm, Mai nhắc nhở cho chúng những ngày khoai sắn qua bữa, những ngày đói khát trên biển khơi, thì chúng vội vàng ăn ngon lành những chén

com trong trại tỵ nạn.

8.

Chúng tôi đến Mỹ vào mùa Đông, tuyết phủ ngút ngàn, trắng xóa cả đất trời. Chưa biết có thể làm gì để nuôi sống gia đình trong miền đất mới, nhưng nhờ trợ cấp xã hội trong thời gian đầu, đắp đổi tạm sống qua ngày. Dù không dư giả, tiền trợ cấp xã hội được Mai chia ra làm ba phần: hai phần ba nuôi sống gia đình với chi tiêu dè xẻn tiện tặn, một phần ba gửi về giúp những bạn bè đang đói khổ khắc khoải trong lao tù, trong các vùng kinh tế mới....

Hai vợ chồng dắt nhau đi tìm việc, và không nản lòng. Tôi tìm được một chân rửa chén bát tại khách sạn Holiday Inn. Mai tìm được một chân làm bánh ngọt Donut. Chúng tôi tự túc được rồi, và từ đó mà tiến lên, tôi tìm được công việc khác trong hãng tiện có đồng lương khá hơn.

Chúng tôi bắt liên lạc với bạn bè xa gần, và ao ước được đóng góp phần nào vào nỗ lực làm vơi khổ trên quê nhà. Thư của bạn bè hồi âm với lời lẽ bi quan, nhiều người khuyên tạm quên chuyện quê hương đi, mà lo cho đời sống bản thân và gia đình trước đã...

Nhiều đêm Mai thì thầm:

- Chúng ta có yên lòng hưởng hạnh phúc, tự do khi cả quê hương đang chìm đắm trong khổ đau? Chúng ta có quên được bao nhiêu người đang kỳ vọng chúng ta nơi quê nhà? Liệu chúng ta có làm được gì không hay chỉ mãi mê lo cho đời sống riêng tư? ...

Chưa bao giờ tôi nghe Mai phàn nàn, sanh nạnh với tôi về công việc trong nhà.

Chưa bao giờ nàng lên giọng sai bảo tôi hút bụi, quét nhà, rửa chén bát. Nếu rảnh, thì tôi làm, nếu tôi bận xem những trận thể thao hấp dẫn, thì thôi.

Nhiều lúc Mai không cho tôi rửa chén bát, giành lấy mà làm, vì những lúc

đó nàng rảnh rang.

Chúng tôi cùng làm việc nhà trong tinh thần chia sẻ, không phải trong trách nhiệm phân chia việc nào chồng làm, việc nào vợ làm. Mai chưa bao giờ tranh hơn thua với chồng. Nàng quan niệm rằng, vợ chồng không cần tranh hơn thua nhau, hơn chồng cũng không được gì mà chỉ tổ tình yêu bị tổn thương.. Chưa bao giờ Mai lớn tiếng hay khăng khăng quyết đoán việc gì. Khi nào cũng dịu dàng thảo luận và sẵn sàng chờ lúc thuận tiện để thuyết phục thêm. Tôi đã nghe thấy vợ nhiều người bạn, sẵn sàng xẵng tiếng với chồng, mở miệng ra là nói nặng lời, nói điều chua chát khó nghe, và tôi biết mình may mắn có vợ hiền ...

Những lúc tôi gặp khó khăn ngoài xã hội, mang bực bội và cái không vui về nhà, Mai thường khuyên tôi rằng:

- Mục tiêu tối thượng của đời người là đi tìm hạnh phúc. Đi làm kiếm tiền cũng chỉ để mua hạnh phúc. Hạnh phúc đích thực của cuộc sống là gia đình vui vẻ, ấm êm và dễ chịu. Không tội chi đem cái khó khăn bực bội của bên ngoài về nhà cho mất vui, mà phí phạm ngày tháng yên ấm của gia đình. Dù giàu sang danh vọng đến mấy, mà gia đình thiếu hạnh phúc thì đời không còn ý nghĩa gì.

Thế là tôi tìm được nguồn vui và yên tĩnh tâm hồn...

9.

Nhiều khi nằm bên nhau, tôi hỏi Mai:

- Sao hơn mười mấy năm sống bên nhau, chưa bao giờ em làm cho anh buồn lòng, chưa bao giờ em làm cho anh phải nổi giận. Em có khi nào buồn giận anh không?

Nàng nói:

- Sách dạy cho em biết rằng, người cho thì được nhiều hạnh phúc hơn người nhận. Không cầu thì sẽ được, không đòi thì sẽ có. Biết vui với cái tương đối

mà mình đang có, thì trở thành kẻ sung sướng nhất trong đời. Cho đi tình thương chân thành, thì được nhận lại bằng tình thương. Nhiều người đàn bà đòi hỏi ở chồng quá đáng, ngoài khả năng của chồng. Bao nhiêu cũng không thỏa mãn cả. Họ không nhìn thấy sự hy sinh của người khác, mà chỉ cố bươi móc lỗi lầm con con của chồng để mà trách móc, giận hờn. Làm thế không có lợi gì cả, mà chỉ là cách phá hoại hạnh phúc gia đình hữu hiệu nhất.

Tôi thành thực mà nói rằng đã học được rất nhiều điều tốt của vợ tôi. Nàng càng dịu dàng, càng thu mình nhỏ lại, thì tôi càng thương yêu trang trải bù đắp cho vợ nhiều hơn. Mỗi khi đi làm về, thấy nét mặt tươi vui hân hoan của vợ, thì bao nhiêu mệt nhọc bực bội trong ngày đều tiêu tan.

Khi tôi phạm phải lỗi lầm, hành động sai quấy, vợ tôi thường an ủi rằng, mình là con người chứ đâu phải là thần thánh chi, mà không có sai lầm. Đừng buồn, cái thiệt hại này cũng là bài học tốt về sau. Những an ủi, khuyến khích tinh thần của vợ, làm cho đời sống tôi nhẹ nhàng, êm ái, thư giãn, không bị dồn ép, không bị áp lực cuộc sống, không có căng thẳng gia đình như nhiều bạn bè khác.

Trên bước đường tha hương, một lần vợ chồng Tuấn-Lam ghé thăm chúng tôi. Tuấn là bạn cũ, Lam là người xưa. Vợ tôi biết rõ mối tình cũ giữa tôi và Lam, nhưng nàng tin chồng, và rất lịch sự, vồn vã đón tiếp họ hết lòng. Có lẽ Mai cũng biết chuyện xưa của chúng tôi đã nguội lạnh từ lâu, chẳng ai còn tiếc thương chi. Tuấn vẫn hiền lành phúc hậu như xưa, nét mặt chịu đựng. Đêm khuya tôi vắng nghe tiếng Lam đay nghiến dần vật chồng ở phòng bên cạnh, nói những lời thiếu lễ độ. Về sau, mỗi lần nghĩ đến Lam, lòng tôi phơi phới, vì may mắn, cuộc đời không phải gắn liền với một người đàn bà như Lam. Tôi biết ơn mẹ nhiều hơn. Kinh nghiệm sống của mẹ đã giúp cho cuộc đời tôi có hạnh phúc hơn. Và tôi biết thương yêu, nể trọng vợ hơn nhiều.

10.

Một chị bạn gia đình không được hạnh phúc, hỏi vợ tôi bí quyết để được chồng thương yêu nể nang. Mai cười mà nói:

- Không có bí quyết nào cả. Chỉ có câu chuyện sau đây, tôi thuộc nằm lòng từ thời còn đi học. Chuyện ở trong sách tập đọc của Pháp. Rằng:

- Có một anh nông dân đem bò ra chợ tỉnh bán. Suốt ngày không bán được phải dẫn bò về. Đường xa mệt nhọc, con bò trở chứng không chịu đi. Có người ga đổi con bò lấy con ngựa hồng tung tăng. Anh tưởng được ngựa sẽ thông thả dong cương ra về, nhưng con ngựa lạ chủ không chịu cho anh cưỡi và cũng trì kéo dằng dai. Một người khác dẫn con heo nái ngoan ngoãn đi qua, ga đổi heo lấy ngựa, anh đổi liền.

Đường xa mệt nhọc, con heo cũng nằm ì không chịu đi, bí quá, anh đổi heo lấy một con dê nái. Con dê càng cứng đầu khủng khiếp, anh vật lộn với dê phờ phạc.

Đêm đã tối mịt mù, một hành khách đề nghị đổi dê lấy một con gà trống lớn. Vừa đói, vừa khát, vừa mệt, anh ôm con gà vào quán đổi lấy bữa cơm. Thế là một bữa ăn trả giá bằng một con bò. Ăn xong, anh nông phu thông thả ra về, vừa đi vừa ca hát khỏe khoắn.

Khi về đầu làng, có bạn quen hỏi đi đâu mà về khuya thế. Anh kể chuyện đi bán bò, và đổi con gà lấy bữa cơm. Người bạn hết hồn, khuyên anh khoan về nhà, mà bà vợ nổi cơn tam bành lên, không khéo vợ chồng xô xát gây ra án mạng. Anh nông dân bảo rằng, chắc vợ anh cũng thấy việc làm của anh là có lý. Người bạn ức quá, đánh cá một con bò, nếu chị vợ mà không gây gỗ, thì anh nông dân sẽ được một con bò, còn ngược lại, phải mất lại một con bò khác. Người bạn đi theo núp bên ngoài nghe cuộc đối thoại của vợ chồng anh nông dân. Chị vợ hỏi anh, đã ăn gì chưa, đi đường có mệt lắm không, bò bán có được giá không? Anh đáp rằng đã ăn rồi, con bò không bán được mà trên đường về nó không chịu đi nên đã đổi con bò lấy con ngựa rồi. Chị vợ

nói rằng, có con ngựa cũng tốt, nó sẽ kéo xe, giúp mình di chuyển mau chóng hơn. Anh chồng cho biết con ngựa không chịu cho anh cưỡi nên đã đổi lấy con heo nái. Chị vợ cũng tán thành ngay và còn dự trù con heo mùa sau sẽ sinh ra một bầy heo khác, rất có lợi. Anh chồng cho biết thêm, con heo cũng trở chứng không chịu đi nên đổi lấy một con dê cái. Chị vợ tiếp liền, là con dê cũng rất có lợi, từ nay mỗi sáng gia đình sẽ có sữa dê mà uống. Anh chồng lắc đầu và cho biết đã đổi con dê ương ngạnh lấy con gà trống lớn. Chị vợ anh nông phu tiếp rằng, có con gà cũng tốt, mỗi sáng nghe nó gáy cũng vui tai. Anh chồng bảo là buổi sáng ra đi không đem tiền theo, đói quá, đã vào quán đổi con gà lấy bữa cơm.

Nghe xong, chị vợ anh nông phu đến quàng hai tay, ôm vai chồng và nói rằng, anh làm như thế là phải. Lấy của che thân, chứ đừng lấy thân che của. Đi cả ngày mệt nhọc đói khát, không ăn chịu sao nổi. Em đã để sẵn khăn, múc sẵn nước, anh đi tắm cho khỏe."

Mai kết luận rằng: "Muốn được chồng thương cũng rất dễ, đừng bao giờ tranh hơn thua với chồng, việc gì đã lỡ, thì cho qua luôn, vui vẻ chấp nhận, và dịu dàng, nhường nhịn chồng là yếu tố căn bản để được chồng thương".

11.

Ngoài song thân ra, người tôi biết ơn nhiều nhất là vợ tôi. Đời sống tôi có ý nghĩa hơn, sung sướng hơn, hạnh phúc hơn nhờ vợ khôn ngoan dịu dàng. Nhiều đêm thức giấc tôi nhẹ hôn lên mắt vợ, thầm so sánh tấm lòng hiền chân của vợ với trái tim của một vị nữ thánh. Phần nàng, thì luôn luôn: "Em chỉ muốn làm cái bóng nhỏ và âm thầm bên đời anh thôi". Mai chưa hề đọc thánh kinh, nhưng nàng đã biết chọn chỗ ngồi thấp nhất để được nâng lên cao nhất trong lòng chồng con.

Nguồn: VVN
Được bạn: Ct.Ly đưa lên
vào ngày: 2 tháng 7 năm 2005